

NAM PHONG

VĂN-HỌC KHOA-HỌC TẬP-CHÍ

HÁN - VIỆT VĂN - TỰ (1)

II

Xét về cổ-riêng tiếng Việt-Nam

Muốn nghiên-cứu về tiếng Việt-Nam thời điều thứ nhất phải xét là xét về cổ-riêng tiếng Việt-Nam thế nào. Vấn-đề này cũng phân-vấn lắm, phạm xét về nguồn gốc cổ-riêng một thứ tiếng, không phải là dễ. Đối với tiếng Việt-Nam ta, lại càng khó hơn nữa, vì các sách vở cũ bằng tiếng ta, tuyệt-nhiên không có. Các cụ ta ngày xưa viết bằng chữ Hán thì nhiều mà dùng tiếng nôm ta thật ít; và những thơ-văn nôm đó đã ít, thường lại là truyền miệng mà còn lại, hay là viết thời viết bằng « chữ nôm » là một thứ chữ còn khuyết-diêm nhiều lắm, không hình-dung được hết như tiếng nói. Chắc tiếng Việt-Nam ta là thâu-thái của nhiều các thứ tiếng về Nam-phương châu Á mà thành ra; nhưng phần nào là phần mượn nhất của ngoài, phần nào là phần tiếng lõi tiếng gốc, lại phần gốc-lõi đó thuộc vào loại nào, ấy cả cái vấn-đề là ở đó, mà vấn-đề ấy còn chưa giải-quyết được.

Tôi không phải là một tay chuyên-môn về ngữ-học, không thể đem cả các thứ tiếng thuộc về phương Nam châu Á, hay là các thứ tiếng ở ngay trong bán-đảo Ấn-độ-Chi-na này, mà so-sánh cho tương-tận, đủ lập được một cái thuyết riêng về nguồn-gốc xa-xôi của tiếng Việt-Nam ta. Tôi

chỉ xin đem lý-thuyết của các nhà lược-thuật ra đây và tỏ ý riêng tôi xét về mỗi thuyết thế nào.

Mới xét thời tưởng đã biết đại-khái chủng-loại và phạm-vi của tiếng Việt-Nam rồi, cứ đem so-sánh với tiếng các dân-tộc lân-cận khác, sẽ biết tiếng ta quan-hệ với các tiếng ấy thế nào. Cách so-sánh tưởng không khó gì: các thứ tiếng thuộc về loại Ấn-độ-Chi-na hay là Mã-lai-quần-đảo, tiếng nào cũng đã có tự-diễn cả, nay đem các tự-diễn ấy ra, đọc qua một lượt, nhặt lấy những chữ âm-vận và ý-nghĩa giống với tiếng ta, so-sánh xem, đâu không định được hẳn cái quan-hệ tộc-loại của tiếng ta với các thứ tiếng ấy, song đối-chiếu cũng biết được bấy nhiêu thứ tiếng đều có trao đổi mượn nhất của nhau cả. Phương-pháp ấy coi ra giản-dị thật, nhưng mà dùng phải cẩn-thận lắm. Vì theo như lời một nhà ngữ-học đã nói, « thấy hai chữ ngẫu-nhiên đồng-nghĩa nhau, không đủ chứng gì cả, những sự giống nhau bề ngoài đó, hay làm cho người ta lầm lẫn » (*l'étymologie a priori ne saurait rien prouver et les ressemblances extérieures sont essentiellement trompeuses*).

Trước kia có một ông quan võ Tây có tinh hiếu-ky, cũng muốn tự-phụ làm một nhà ngữ-học, xướng lên cái thuyế

(1) Xem N. P. số 107. — Bài dạy ở trường Cao-học Đông-Pháp.

rằng gốc các thứ tiếng là gồm cả ở tiếng An-Nam ; tiếng Việt-Nam thật là « mẹ các thứ tiếng » (*l'annamite mère des langues*). Ông làm hẳn ra một quyển sách đề tên là thể đề chứng-minh cái thuyết của ông. Xem sách đó thì rõ cái phép so-sánh như tôi nói trên kia có điều nguy-hiểm.

Nói rằng chữ Pháp *convoi* (đoàn-tải) là ở tiếng An-Nam « con voi » mà ra, vì các đoàn-tải ở nước Nam ngày xưa thường chở bằng voi, hay là chữ Pháp *mignon* (xinh đẹp), là ở tiếng An-Nam « mĩ-nhân » mà ra, là nói chuyện khôi-hài, chữ không phải là chuyện kháo-cứu nữa. Tác-giả là nhà hoạt-kê, chữ không phải là nhà ngữ-học vậy.

Hai thứ tiếng đem ra so-sánh đối-chiếu rất kỹ mà thấy được nhiều chữ âm-nghĩa giống nhau, thời đó cũng là những tài-liệu có thể chứng rằng hai thứ tiếng ấy có lẽ có cái quan-hệ thân-tộc với nhau. Nhưng mà thế cũng chưa đủ ; muốn cho đích-xác thì phải có chứng-cớ về lịch-sử nữa mới được. Như hai dân-tộc cách xa nhau hàng ngàn dặm, xưa nay chưa từng đi lại với nhau bao giờ, thời tiếng nói đâu có nhiều chữ giống nhau mặc lòng, quyết không thể cho là có cái quan-hệ thân-tộc gì với nhau được.

Hãy lấy thí-dụ như tiếng Pháp. Cõi-rê tiếng Pháp ngày nay sở-dĩ khâm-phá được rõ-ràng là vừa nhờ về sử-học, vừa nhờ về ngữ-học.

Hồi La-mã đến chinh-phục đất *Gaule* thời người dân nói tiếng *celtique*. Tiếng La-mã (*latin*) hồi đầu mới có bọn trí-thức học mà thôi, sau dần dần phổ-cập trong dân-gian, biến ra một thứ tiếng tục gọi là « thông-tục la-tinh » (*bas-latin*), chữ thì phần nhiều thuộc la - tinh mà cách đặt câu vẫn thuần theo lối *celtique*. Sự biến-hóa đó chưa thành hẳn thời đất *Gaule* bị các rợ Nhật-nhĩ - man (*Germanis*) tràn vào, tiếng

nói trong nước lại phải chịu ảnh-hưởng tiếng *tudesque*, là tiếng của các rợ ấy. Tiếng *tudesque* vốn chia ra nhiều thứ thô-âm khác nhau, như tiếng *francique* của rợ *Francs*, tiếng *alémanique* của rợ *Alémanis*, là hai thứ thông-dụng nhất. Mấy thứ tiếng mới đó dần dần lẫn hẳn tiếng la-tinh đi, hay là nói cho đúng hơn là tiêu-hóa tiếng la-tinh chân-chính đi mà hỗn-hợp với tiếng la-tinh thông-tục đương biến-hóa như trên kia, tạo-thành ra một thứ tiếng bác-tạp thô-bỉ, học-giả bấy giờ đặt tên cho là « tiếng quê » (*langue rustique*). Thứ tiếng quê đó dần dần độc-lập, rồi cũng biến đi, thành ra thuần-nhất, sau trở nên một thứ tiếng mới, gọi là tiếng *roman*, tức là tiếng Pháp vậy. Sự tiến-hóa đó trước sau phải đến ngót tám trăm năm, tự khi quân *César* sang chinh-phục đất *Gaule* cho đến đời Xá-lị-dại-đế (*Charlemagne*). Nhưng thuộc về Nam-phương nước Pháp thời tiến có mau hơn là ở Bắc-phương. Tiếng Bắc-phương gọi là *langue d'oïl*, tuy sau được phần hơn, nhưng tiếng Nam-phương là *langue d'oc* (là nguồn gốc của tiếng *provençal* ngày nay) thời hồi đầu lại có ý mềm-mại và phong-phú hơn. Tiếng Bắc-phương *langue d'oïl*, và thứ nhất là tiếng thông-dụng trong miền *Ile de France* (vùng *Paris* ngày nay), sở-dĩ dắc-thắng hơn tiếng Nam-phương là bởi lẽ chính-trị : các nhà công-hầu quý-tộc sau này kế-thế làm vua nước Pháp là người Bắc-phương, thế-lực các họ ấy càng mạnh thì tiếng Bắc-phương cũng nhờ đó phát - đạt lên. — Nói tóm lại tiếng Pháp ngày nay là một thứ tiếng từ-nguyên phần nhiều thuộc la-tinh mà cú-pháp phần nhiều theo *celtique*.

Xem gương tiếng Pháp như trên đó thì biết cái lịch-sử thành-lập một thứ tiếng phiến-phức là dường nào, phải nhờ biết bao nhiêu nguyên-chất hợp lại, biết bao nhiêu cơ-hội giúp cho mới

thành được. Các nguyên-chất ấy không phân-tích ra được rõ-ràng, các cơ-hội ấy không khám-phá ra được tường-tận, thời cái vấn-đề cổ-rễ tiếng còn phải chịu mập-mờ mãi, dù có suy-loại mà ưc-doán thế nào nữa, chẳng qua cũng là giả-thuyết không đủ chứng-cứ vậy.

Ấy tiếng An-Nam ta chính là ở vào trường-hợp đó. Các nhà bác-học còn phải nghiên-cứu khó-nhọc trong lâu năm nữa, họa may mới có ngày ông giáo giảng cho học trò về cổ-rễ tiếng Việt-Nam có thể tự-thuật được rõ-ràng và tường-tất như vừa thuật về cổ-rễ tiếng Pháp trên kia.

Ta vừa nói tiếng Pháp là từ-nguyên phần nhiều thuộc la-tinh mà cú-pháp phần nhiều thuộc *celtique*. Nay tiếng Việt-Nam cũng có thể cho là từ-nguyên phần nhiều thuộc hán-tự, mà cú-pháp thời có người cho là gốc tự tiếng « thái », có người cho là gốc tự « mã-lai ». Đó là hai cái thuyết của hai nhà bác-học đương tranh-trì nhau thuộc về vấn-đề cổ-rễ tiếng Việt-Nam. Lại còn một cái thuyết thứ ba nữa, mới xét hình như tự-nhiên ai cũng cho là phải, nhưng thực ra không có nhà bác-học nào chủ-trì một cách đích-đáng: là cái thuyết cho tiếng Việt-Nam là sản-xuất tự tiếng Tàu. Tiếng Nam cũng như tiếng Tàu vẫn là thuộc về cái loại lớn các tiếng độc-vận mà có thanh-âm cao-hạ, lại từng mượn của tiếng Tàu vô-số chữ, nhưng mà hình-thể cú-pháp thì khác hẳn tiếng Tàu. Như trong bài trước đã giảng kỹ, cái đặc-tính nó làm cho một thứ tiếng khác hẳn các thứ tiếng khác không phải là ở chữ, vì chữ có thể mượn lẫn nhau được, chính là ở hình-thể và cú-pháp. Nay chữ trong tiếng ta tuy có phần nhiều mượn của Tàu thật, nhưng cú-pháp của tiếng ta là đặt xuôi mà cú-pháp của tiếng Tàu là đặt ngược, một điều đó đủ đặc-biệt tiếng Tàu với tiếng ta, khiến cho không cho tiếng ta là trực-

tiếp chuyển-lai tự tiếng tàu được. Hình-thể hai thứ tiếng đã khác nhau hẳn như thế, nên thực ra cũng không ai đoán-đích chủ-trương cái thuyết đó.

Ông LÉONARD AUROUSSEAU làm viện-trưởng trường Viễn-Đông Bác-cổ, năm trước có xuất-bản một bài chuyên-khảo về cổ-rễ dân Việt-Nam, trong bài đó ông chứng-cứ theo những sách-vở tàu về trước thế-kỷ thứ 1 mà chủ-trương cái thuyết rằng: dân Việt-Nam nguyên-thủy chính là một rợ trong các rợ « Bách-Việt 百粵 » ngụm ở mấy tỉnh Chiết - giang Phúc - kiến (Mãn-Chiết) vào khoảng năm sáu trăm năm trước kỷ-nguyên, dần dần thiên-cư xuống phía Nam, sau nhờ cuộc nam-chinh của Tần Thủy-hoàng, tràn xuống chiếm-cứ hẳn đất Bắc-kỳ ngày nay và một phần to đất Trung-kỳ về đầu kỷ-nguyên tây-lịch. Nếu cái thuyết đó là đúng thời người Việt - Nam chính là miêu-duệ của người Tàu, không phải người Tàu « chân-chủng » hồi bấy giờ chỉ ở trong khoảng lưu-vực hai sông Giang Hà mà thôi, nhưng người Tàu ở các nơi biên - thù phía Nam, dần trung-nguyên thường gọi là các rợ « Nam-man », mà kỳ-thực cũng hãy còn mọi rợ lắm. Bài chuyên-khảo của ông AUROUSSEAU là chỉ xét về phương-diện lịch - sử, không xét về phương-diện ngữ-ngôn; tuy vậy, cũng có thể tự hỏi rằng: bọn dân An-Nam hồi đầu đó, rợ Bách-Việt làm thủy-tổ cho dân Việt-Nam đó, nói tiếng gì? Nếu là tiếng Tàu, thời không hiểu làm sao lại biến mất hẳn đi mà xuất-hiện ra một thứ tiếng hình-thể khác hẳn tiếng Tàu. Nếu không phải là tiếng Tàu thời các rợ Bách-Việt ấy tất phải có một hay nhiều thứ tiếng thổ-ân riêng. Nhưng vậy thì làm sao trong suốt các rợ Bách-Việt duy có người Việt-Nam, tuy sau này còn phải nội-thuộc Tàu đến nghìn năm nữa, mà vẫn giữ được tiếng nguyên-âm, còn thời

các rợ khác ở Nam-phương nước Tàu bỏ mất đi hết đề nói tiếng Tàu cả? — Nếu ta thừa-nhận cái thuyết của ông AUROUSSEAU, thời cái vấn-lề tiếng nói đó tưởng cũng khó giải-quyết vậy.

Ông cố SOUVIGNET trong bài « Khảo về cổ-rễ tiếng An-Nam » — sẽ bàn sau này, — cũng chủ-trương rằng người An-Nam một phần là người Bách-Việt cũ, ông tạm giải-quyết vấn-đề đó như sau này: « Phần dân An-Nam thuộc Tàu có lẽ là người Việt lai Tàu, nhưng không hóa theo Tàu được sâu bằng người Việt ở Nam-phương nước Tàu; cứ xét địa-thể hai bên thì cũng đủ hiểu; nhân đó tiếng nói hai bên thành ra khác nhau: tiếng nói của người Việt ở Tàu thời hỗn-hợp với Tàu, thành ra tiếng nói ngược, còn tiếng nói của người Việt ở An-Nam thì vì địa-thể cách-biệt nên vẫn giữ được cái hình-thể xuôi, ấy là đồ-chứng mà cho rằng tiếng nguyên-âm của người Việt là tiếng nói xuôi vậy. »

Vấn-đề cổ-rễ tiếng An-Nam xưa nay thật chưa ai nghiên-cứu được tường-tận. Sau đây lược-thuật lại các thuyết, chẳng qua cũng còn là ước-thuyết cả, chưa lấy gì làm chắc-băng, còn cần phải khảo-sát lại kỹ.

Tự năm 1886, một nhà bác-học nước Đức, ông HIMLY, soạn một bài khảo về « Các thứ tiếng độc-vận ở phía Nam châu Á », tuy không xét kỹ về cổ-rễ tiếng An-Nam, nhưng cũng đã so-sánh hình-thể và cú-pháp của các thứ tiếng Tây-tàng, Diến-diện, Xiêm-la, Tàu, An-Nam, Mon, mà kết-luận rằng tiếng An-Nam có cái quan-hệ tộc-loại với tiếng Mon (là tiếng xứ Pégou, ở về Tây-bắc nước Xiêm, cho nên còn gọi là tiếng pégouan).

Ông so-sánh cách đặt câu của các thứ tiếng ấy như sau này.

Trước lấy A, B, C, đánh dấu các từ-loại:

A, là chữ danh-từ làm chủ câu (*substantif sujet de l'affirmation*).

A¹, là chữ danh-từ chủ (*substantif déterminant*)

A², là chữ danh-từ thuộc (*substantif déterminé*)

B, là chữ phẩm-từ (*adjectif*)

C, là chữ đại-từ (*pronom*), hay là chỉ-từ (*adjectif démonstratif*).

D, là chữ động-từ đưa-đầy (*verbe être*).

E, là chữ động-từ có định-nghĩa (*verbe à signification transitive*)

F, là chữ định-từ trực-tiếp (*comolément direct*)

G, là chữ trợ-từ chỉ về thể-cách hay là cách chuyển-biến ở đuôi chữ (*cas ou désinence*)

TIẾNG TÂY-TÀNG. — °1. A¹ A²: *sing* = cây, *lo* = lá: *sing lo* = cây, lá (lá cây); — (Tibétain)

A¹ G A²: *sing gi lo* = cây, thuộc về, lá (lá thuộc về cây, lá của cây, lá cây).

x2. A B: *mi* = người, *ngan* = dữ: *mi ngan* = người dữ.

x3. A B C: *mi* = người, *tshen* = lớn, *de* = này: *mi tshen de* = người lớn này.

°4. A B D: *mi* = người, *tshen* = lớn, *poyin* = thì: *mi tshen poyin* = người, lớn, thì (người thì lớn [thì là tiếng động-từ đưa-đầy như *être* ở tiếng Pháp]).

°5. A F E: *nga* = tôi, *ni de* = cái ấy, *ses os* = biết: *nga ni de ses os* = tôi, cái ấy, biết (tôi biết cái ấy).

TIẾNG DIỄN-ĐIỆN. — °1. A¹ A²: *migit* = sông, *ye* = nước; *migit ye* = sông nước (nước sông).

x2. A B: *lu* = người, *kaung* = tốt; *lu kaung* = người tốt.

°3. C A: *hto* = này, *lu* = người; *hto lu* = này, người (người này).

°4. A B D: *lu* = người, *kaung* = tốt, *thi* = thì; *lu kaung thi* = người, tốt, thì (người thì tốt).

°5. A F E: *gna* = tôi, *go* = cá, *htaung* = bắt; *gna go htaung* = tôi, cá, bắt (tôi bắt cá).

TIẾNG TÀU.
(Chinois)

°1. A¹ A²: 河 = sông, 水 = nước; 河水 = sông, nước (nước sông); — A¹ G A²: 河之水 = sông, chung (là trợ-từ chỉ ý thuộc về) nước (nước thuộc về sông, nước của sông, nước sông). [Tiếng bạch-hoại Tàu thời chữ 之 thường thay bằng chữ 的 = 河的水].

°2. B A: 好 = tốt, 人 = người; 好人 = tốt, người (người tốt),

°3. C B A: 此 = này, 好 = tốt, 人 = người; 此好人 = này, tốt, người (người tốt này).

x4. A(D)B: 人 = người, (是 = ấy, là), 好 = tốt; 人是好 = người thì tốt.

x5. A E F: 人 = người, 打 = đánh, 馬 = ngựa; 人打馬 = người đánh ngựa

TIẾNG XIÊM-LA.
(Siamois)

x1. A² A¹: *me* = mẹ, *nam* = nước; *me nam* = mẹ nước (tên con sông lớn ở Xiêm-la)

x2. A B: *kon* = người, *di* = tốt; *kon di* = người tốt.

x3. A C: *kon* = người, *ni* = này; *kon ni* = người này.

x4. A B: *kon* = người, *di* = tốt; *kon di* = người tốt [câu này chính phép phải có tiếng động-từ « thì, là » đưa-dây, nhưng thường là đặt ngầm cũng như tiếng An-Nam].

x5. A E F: *kon* = người, *tam* = theo, *nai* = người đưa đường; *kon tam nai* = người theo người đưa đường.

TIẾNG MON.
(Mon ou pégonau)

x1. A² A¹: *lik* = sách, *mnik* = người; *lik mnik* = sách người.

x2. A B: *mnik* = người, *pro* = tốt; *mnik pro* = người tốt.

x3. A C: *mnik* = người, *ka* = ấy; *mnik ka* = người ấy.

x4. A B: *mnik* = người, *pro* = tốt; *mnik pro* người tốt [đây cũng đặt ngầm tiếng động-từ đưa-dây].

x5. A E F: *mnik* = người, *pan* = đọc, *lik* = sách; *mnik pan lik* = người đọc sách.

Mỗi thứ tiếng lấy năm câu rất giản-dơn làm thí-dụ, để biểu cái thể-cách và cú-pháp của mỗi tiếng. Câu nào khuyển tròn ở trên là thể-cách và cú-pháp khác tiếng An-Nam; câu nào ở trên đánh dấu chữ thập chéo \times là giống với tiếng An-Nam. Nay tính ra trong năm câu thí-dụ, thì tiếng Tây-tạng giống tiếng An-Nam có hai câu, tiếng Tàu cũng hai câu, tiếng Diến-diện có một câu, còn tiếng Xiêm và Mon thì năm câu giống cả năm.

Nếu đem so-sánh các thứ tiếng ấy với nhau thì thấy tiếng Tây-tạng giống tiếng Diến-diện nhiều, thế là hợp với cái thuyết phổ-thông vẫn cho hai thứ tiếng ấy là « có họ » thân với nhau; tiếng Tàu thì giống với Tây-tạng một câu, còn giống với các thứ tiếng kia hai câu; duy có tiếng Xiêm và tiếng Mon thì thể-cách và cú-pháp thật là hết như tiếng An-Nam.

Nay kết-luận về sự so-sánh như trên đó, có thể nói rằng trong cái « họ » lớn các tiếng độc-vận ở phía Nam châu Á, tiếng An-Nam, cùng với tiếng Xiêm, tiếng Mon, và cả tiếng Cao-mên nữa (vì tiếng Mên là ở tiếng Mon mà ra), biệt-thành một « chi » riêng. Trong mấy thứ tiếng đó, tiếng nào chuyển-lai tự tiếng nào, thì chưa thể quyết-định được, nhưng chắc là bấy nhiêu tiếng đều có « họ-hàng » thân với nhau cả.

Bài khảo của ông HIMLY thời sơ-lược lắm, tuy kết-luận như thế, nhưng chưa dám nói quyết hẳn. Ông HENRI MASPÉRO, ở trường Viễn-Đông Bác-cổ trước, nay dạy khoa Hán-văn ở « Đại-Pháp-Học-viện » (*Collège de France*) tại Paris, thời cũng khuynh-hướng theo cái thuyết cho tiếng An-Nam và tiếng Thái (tức là Xiêm), có quan-hệ thân-tộc với nhau, nhưng không thừa-nhận cho tiếng An-Nam là có liên-thuộc gì với chi Mon-Mên (*mon-khmer*). Song đó là ông mới bàn qua

một cách gián-tiếp trong bài khảo của ông về « Lịch-sử âm-vận tiếng An-Nam » (*Phonétique historique de la langue annamite*), chứ ông chưa thực chuyên-chủ nghiên-cứu về vấn-đề cổ-rễ tiếng An-Nam, thật cũng đáng tiếc vậy. Tuy còn mới là khái-luận sơ-lược mà thôi, nhưng ý-kiến của ông, ta cũng nên biết, vì là tiêu-biểu cho cái thuyết tiếng An-Nam có thân-thuộc với tiếng Thái, kể cũng là ý-kiến có giá-trị vậy.

Tiếng Thái hay là Tày là một tộc-loại các thứ tiếng ở bán-đảo An-độ-China, gồm tiếng Xiêm-la, tiếng Ai-lao, tiếng shan (là tiếng của các rợ Shans ở phía Bắc Diến-diện và phía Nam Vân-nam), tiếng Tày đen (thượng-lưu sông Bờ, Bắc-kỳ), tiếng Tày trắng (sông Thao, Bắc-kỳ), tiếng Thổ (Cao-bằng), tiếng Dìoi (Quảng-tây bên Tàu), tiếng Ahom (xưa nói ở đất Assam, Diến-diện, nay mất rồi).

« Tên Thái có khi đọc là Tai, hay là Tày, viết mỗi lúc một khác, nhiều người bàn đi bàn lại về cách đọc cách viết khác nhau đó. Nhưng điều đó không phải là không có lẽ, và lẽ ấy cũng dễ giải. Nguyên chữ này là một chữ vần đầu thuộc về âm cao (*sonore initiale*), tiếng Xiêm, tiếng Lào, tiếng Tày đen ngày nay còn có khi đọc là dai. Sau các thổ-âm về phía Nam (Xiêm và Lào) mới đổi những vần đầu âm cao ra âm trầm mà có hơi (*sourdes aspirées*); còn các thổ-âm về phía Bắc (shan, Tày đen, Tày trắng, thổ, dìoi) thì đổi ra âm trầm mà không có hơi (*sourdes non aspirées*). Thành ra tiếng dai cũ ở Xiêm và Lào thời đọc là t'ai = thai, mà ở các thổ-âm đồng-loại ở Diến-diện và ở Thượng-du Bắc-kỳ thời đọc là tai = tày. Vậy thời tùy đọc theo giọng miền Bắc hay giọng miền Nam, đọc hai cách thai và tay cũng là đúng cả. » (H. MASPÉRO).

Các tiếng Thai ngày nay sai-biệt nhau nhiều lắm, nhưng mà chắc là do một nguồn chung mà ra, một thứ « tiếng mẹ » ngày nay đã mất đi rồi, có thể gọi là tiếng « Thái gốc ».

Nay ông MASPERO giải về cái thuyết của ông cho tiếng An-Nam là có thân-thuộc với tiếng Thái như sau này, (đây là đoạn kết-luận bài « Khảo về lịch-sử âm-vận tiếng An-Nam » của ông, chỉ tiếc là mới nói một cách gián-tiếp, còn sơ-lược, chứ chưa chuyên-chú nghiên-cứu kỹ), ông nói rằng :

« Sau cùng tưởng cũng nên nói một vài câu về địa-vị tiếng An-Nam trong các thứ tiếng trong cõi Đông-Á. Phạm-vi các tiếng Đông-Á thì to rộng lắm ; trong đó có ba loại lớn đã giúp cho tạo-thành ra tiếng Việt-Nam : Thái, Mon-Mên và Tàu. Nhưng mà hai loại Thái và Mon-Mên là đặc-biệt hẳn nhau, không có thân-thuộc gì ; còn Thái với Tàu thời hoặc có người ngờ là đồng-loại với nhau, nhưng tới nay cũng chưa có chứng-cớ đích-xác.

« Trong ba loại ấy, tiếng An-Nam thuộc hẳn về loại nào, thì không dám quyết-đoán, nhưng không thuộc về loại nào thì có thể biết được. Cái thuyết cho tiếng An-Nam là có quan-hệ thân-tộc với Tàu, kỳ-thực cũng không ai công-nhiên chủ-trương, hoặc có người nghĩ tới, là chỉ vì thấy trong tiếng An-Nam ngày nay có nhiều chữ mượn của Tàu, không những trong tiếng văn-chương mà cả trong tiếng thông-tục nữa. Nhưng chẳng qua là chữ mượn mà thôi, mà cũng là mượn về sau này, chứ không phải xưa gì cho lắm. Còn nói rằng trong tiếng An-Nam có chữ thật là đồng-tóng đồng-loại với tiếng Tàu, chứ không phải chuyển-lai từ tiếng Tàu mà biến-hóa đi ít nhiều, thì thật tôi không thấy một chữ nào ; không những thế, những chữ chung của tiếng Thái và tiếng Tàu mà truyền sang tiếng An-Nam thời bao giờ cũng lộ ra hình-dạng tiếng Thái cả.

Nay muốn cho tiếng An-Nam là có « họ » với tiếng Tàu (mà cũng là họ xa mà thôi), thời trước phải cho tiếng Tàu với tiếng Thái là thân-thuộc với nhau và phải cho tiếng An-Nam là thuộc vào loại tiếng Thái.

« Còn có một thuyết nữa nghiên-cứu kỹ hơn, là thuyết cho tiếng An-Nam là thuộc về loại tiếng Mon-Mên. Chắc là trong tiếng An-Nam có nhiều chữ gốc ở tiếng Mon-Mên, mà những chữ ấy lại là vào hạng chữ rất thường dùng ; như các số đếm của An-Nam hầu hết là gốc từ tiếng Mon-Mên cả ; các chữ thuộc về thiên-văn địa-lý, thuộc về người ta, về nhà cửa, về bách-nghệ, các tên giống vật, tên cây cỏ, cũng nhiều chữ gốc ở tiếng Mon-Mên. Nhưng không có bộ nào là đủ cả, bộ nào cũng có pha ít nhiều chữ gốc ở tiếng Thái.

« Đó là so-sánh bề ngoài thì thấy như thế, nhưng xét kỹ mới biết tiếng An-Nam không có gì là giống với các tiếng Mon-Mên. Âm-vận đã khác hẳn, mà cú-pháp lại không giống nữa. Các tiếng Mon-Mên đã khởi-diêm có mẹo về động-từ, dùng những đầu-ngữ vĩ-ngữ để chỉ các thể-cách hành-dộng. Tiếng An-Nam tuyệt-nhiên không có gì giống như thế.

« Nói tóm lại thời sự quan-hệ tiếng An-Nam với tiếng Mon-Mên chỉ ở tượng-nghĩa đối-chiếu nhau mà thôi ; còn về khắp các phương-diện khác thời cách nhau xa lắm. Không những thế mà thôi, lại còn có một cái hiểm-trở như sau này, thật là tuyệt-đối, khiến cho hai thứ tiếng không thể nào thông-dồng nhau được : là tiếng An-Nam thời có các dấu để biểu thanh-âm cao hạ, mà tiếng Mon-Mên thời tuyệt không.

« Như thế thì rõ tiếng An - Nam không phải thuộc về loại Mon-Mên. Nay đối với tiếng Thái thì lại thấy giống lắm. Cung-bậc tiếng An-Nam hết như cung-bậc tiếng Thái, không những giống cái đại-cương mà thôi, giống cả từng

li từng tí. Thanh-âm tiếng An-Nam và tiếng Thái cũng như nhau; còn chữ An-Nam mượn của Thái cũng nhiều nữa.

« Nay có thể kết-luận rằng tiếng An-Nam là đồng-tông đồng-loại với tiếng Thái không? Hiện các tiếng ở Ấn-độ-Chi-na và ở Tàu chưa nghiên-cứu được tường và được hết, thời cũng khó lòng quyết-đoán được. Như có hẳn một chi, là chi tiếng « miêu-tử » (*miotseu*), nay ta chưa biết tí gì cả; còn các thứ tiếng Thái, tiếng Mon-Mên, tiếng Tàu, tuy đã nhiều sách khảo-cứu, nhưng cũng còn là mới bắt đầu khám-phá được ít nhiều mà thôi. Trong tiếng An-Nam có nhiều chữ xem ra không phải là Mon, không phải là Thái, cũng không phải là Tàu. Có phải là vì ta còn chưa biết rõ các thứ tiếng ấy nên không biết đích những chữ đó thuộc về tiếng nào, hay là chính những chữ đó là tiêu-biểu cho một thứ tiếng riêng xưa nay chưa biết mà là gốc tiếng An-Nam chăng? Điều đó hiện chưa thể đoán-định được.

« Nhưng dù sau này nghiên-cứu mà phát-mình ra thể nào mặc lòng, có một điều có thể chắc được, là tiếng An-Nam là hỗn-hợp nhiều thứ tiếng mà thành ra. Qua các thời-kỳ trong lịch-sử, tiếng An-Nam đã từng làm giới-hạn về phía Bắc cho các tiếng Mon-Mên, làm giới-hạn về phía Đông cho các tiếng Thái, làm giới-hạn về phía Nam cho tiếng Tàu, nên đã chịu ảnh-hưởng của cả ba thứ tiếng đó. Tiếng An-Nam về đời tiền-cổ (*le préannamite*) là do một thứ tiếng Mon-Mên, một thứ tiếng Thái và có lẽ một thứ tiếng thứ ba nữa hiện nay chưa biết, hỗn-hợp lại mà thành ra; rồi sau thì mượn chữ của Tàu không biết bao nhiêu mà kể. Nhưng mà theo ý tôi thời ảnh-hưởng tiếng Thái đối với tiếng An-Nam có ý sâu-xa hơn, hình-thể tiếng An-Nam như ngày nay là do-lai tự tiếng Thái; tiếng An-Nam tưởng cho là thuộc về loại Thái thì phải hơn. »

Ấy lời kết-luận của ông MASPERO như thế, kết-luận một cách rất cẩn-thận, tỏ ra tư-cách một nhà ngữ-học có lịch-duyet, nhưng không phải là không rõ-ràng: tiếng An-Nam tuy là chuyên-lai tự ba thứ tiếng Thái, Mon-Mên và Tàu, nhưng có thân-thuộc với chi tiếng Thái hơn là hai chi kia.

Đến ý-kiến của ông CỐ SOUVIGNET thì lại khác. Ông có soạn một bộ sách dày dề là « Việt-ngữ khảo-nguyên » (*Origines de la langue Annamite*), sách này chứng-giải rằng tiếng An-Nam chính là ở tiếng Mã-lai mà ra, do người Chiêm-thành đem lại.

Sách bề-bộn lắm, không thể tóm-lắt lại được, cả quyền toàn là những biểu-đối-chiếu các chữ các nghĩa đến mười hai thứ tiếng với nhau. Nhiều chữ đối-chiếu cũng đúng lắm, nhiều chữ thì so-sánh khi miên-cưỡng nhưng cũng khéo, còn nhiều chữ thì tưởng không khỏi viển-vông quá. Tôi không phải là nhà chuyên-môn, không dám phê-bình, vì không biết tiếng mã-lai, không biết tiếng mên, tiếng *nikobarais* cùng tiếng *sanscrit*. Nhưng cứ như cái quản-kiến của tôi thời sách này bề-bộn quá và cách khảo-cứu chưa được đúng như phương-pháp khoa-học. Song thật là một cái kho tài-liệu quý có thể giúp đề-giải cái vấn-đề côi-rẽ tiếng An-Nam.

Ông SOUVIGNET chia các thứ tiếng Nam-phương châu Á ra làm bốn loại:

1^o Loại các thứ tiếng Ấn-độ-Mã-lai. Loại này nhà bác-ngữ-học nước Áo là ông cố SCHMIDT đã đặt tên là « Nam-dương ngữ-loại » (*austrien*), phạm-vi rộng lắm, đại-khái chia ra hai loại: « Nam-Á loại » (*austrasiatique*), gồm các thứ tiếng Ấn-độ và Ấn-độ-Chi-na, và « Nam-dương loại » (*austronésien*, tức bác-sĩ G. DE HUMBOLDT khi xưa gọi là *Malayopolynésien*) gồm các thứ tiếng thổ-âm ở Nam-dương quần-đảo (*indonésien, mélanésien, polynésien*). Các thứ tiếng trong loại này đều có quan-hệ thân-tộc với nhau cả: như tiếng Mon (hay là *pégou-*

an), tiếng Mèn (Khmer), tiếng Khasi (đông-bộ Ấn-độ), tiếng munda và một thứ thổ-âm *santalí* thuộc về tiếng ấy (trung-bộ Ấn-độ), tiếng *nikobarais* (ở quần-đảo Nikobar, trong Ấn-độ-dương), tiếng Mã-lai và các thứ tiếng chuyển-lai từ tiếng Mã-lai, tiếng Chiêm-thành, các thứ tiếng mọi ở giải Trường-sơn đất Trung-kỳ,... và vô-số những tiếng trong Nam-dương quần-đảo. — Bấy nhiêu thứ tiếng toàn là tiếng liên-vận và âm-vận không có cung-bậc cao-hạ.

20 Loại tiếng Thái. — Tiếng Thái (nhất-danh là Tày, xem trên kia) là gồm tiếng Xiêm-la, tiếng Ai-lao, tiếng Nùng, tiếng Shan, tiếng Tày trắng, Tày đen, tiếng Thổ, tiếng Diol, v.v., — Loại này là gồm những tiếng độc-vận mà âm-vận có cung-bậc cao-hạ.

30 Loại tiếng Tàu, cũng là tiếng độc-vận mà có cung-bậc cao hạ, chia ra hai thứ tiếng: tiếng Bắc-phương (quan-hoại) và tiếng Nam-phương (Quảng-đông).

40 Loại Việt - Nam, chỉ có tiếng Mường, tiếng An-Nam, tiếng Hán-Việt, và mấy thứ thổ-âm của các dân còn mọi-rợ, như tiếng Sắc, tiếng Nguồn, v. v.. Loại này cũng độc-vận và có cung-bậc cao-hạ.

Ông SOUVIGNET đem so-sánh các thứ tiếng về bốn loại ấy với nhau thấy tiếng An-Nam với tiếng Mã-lai có 1088 chữ đối-chiếu giống nhau, ông kết-luận rằng tiếng An-Nam không thân-thuộc với hai loại tiếng Tàu và tiếng Thái mà chính là thân-thuộc với loại tiếng Ấn-độ-Mã-lai vậy. Thuyết ấy không phải là không thể chủ-trì được, nhưng xem ra cũng có một vài điều khó như sau này.

Tiếng Mã-lai vốn là một thứ tiếng song-vận, nghĩa là chữ thường có hai vần; vả lại thanh-âm không có cung-

bậc. Tiếng An-Nam thời lại là tiếng độc-vận mà có cung-bậc. Hai thứ tiếng khác hẳn nhau như thế, thế nào mà có thân-thuộc với nhau được? Ông SOUVIGNET giải một cách rất giản - dị như sau này: Theo ý ông, tiếng An-Nam xưa là tiếng liên-vận, không thời cũng là tiếng song-vận. Hồi trước các chữ có nhiều vần, có vần chính, có vần phụ (là những vần đầu, vần cuối, vần giữa: *préfixes, suffixes, infixes*), nhưng vì bị tiếng Tàu là tiếng độc-vận tràn vào nhiều quá, nên dần dần biến mất cả các vần phụ đi mà chỉ còn lại có vần chính mà thôi. Thành ra vì ảnh-hưởng tiếng Tàu mà tiếng An-Nam tự liên-vận biến ra độc-vận. — Cách giải đó cũng khéo thật, nhưng vị-tất đã xác-đáng. Nếu so-sánh hai thứ tiếng An-Nam và Mã - lai quả thấy nhiều chữ giống nhau thật, thời tưởng hững cứ nên nhận biết như thế, chưa nên vội khái-luận mà cho tiếng An-Nam là gốc từ Mã-lai mà ra, vì những chữ giống nhau đó biết đâu không phải là hai bên mượn lẫn của nhau vậy.

Nay thí-dụ như thế này thì biết một cái thuyết như thế chữa lấy gì làm chắc-bằng vậy. Ai cũng biết rằng tiếng An-Nam ta ngày nay đã bắt đầu mượn của tiếng Pháp nhiều. Tiếng Pháp là tiếng liên-vận mà mượn sang tiếng ta là tiếng độc-vận, thời bao nhiêu những chữ Pháp mượn đó tất phải biến thành độc-vận mà đánh dấu theo tiếng ta cho đọc lên cũng có cung - bậc như tiếng ta. Như chữ *gare* sang tiếng ta thành « nhà ga », chữ *casserole* thành « cái song », *commissaire* thành « ông cầm » hay « ông có », *soldat* thành « sơn-dá », *gendarme* thành « xen-dầm », *champagne* thành « xam-banh », v. v.. Cách một trăm năm, hai trăm năm nữa, chắc những chữ mượn đó sẽ nhiều lắm, và sẽ hỗn-hợp vào hẳn tiếng An-Nam. Có ngày nhiều đến hàng ngàn chữ, không sao tính cho hết

được. Đến ngày ấy thời thấy tiếng An-Nam có nhiều chữ chuyển-lai tự tiếng Pháp như thế, có thể quyết-đoán rằng tiếng An-Nam là gốc ở tiếng Pháp không? Có thể cho rằng tiếng An-Nam vốn là liên-vận mà chuyển-biến ra độc-vận không? Không cần phải nói ai cũng biết rằng kết-luận như thế là vô-lý. Tôi tưởng tiếng An-Nam đối với tiếng Mã-lai cũng vậy. Tiếng An-Nam chắc có mượn nhiều của tiếng Mã-lai, mà tiếng Mã-lai dễ cũng có mượn của tiếng An-Nam. Những chữ mượn lẫn nhau đó, nhập-tích vào thứ tiếng nào tất phải trị theo âm-vận và cung-bậc của thứ tiếng ấy, như chữ Mã-lai vào tiếng An-Nam thời phải biến thành độc-vận và đánh dấu theo tiếng An-Nam, chữ An-Nam vào tiếng Mã-lai thời bị ghép thêm vần phụ vào vần chính cho thành song-vận hay liên-vận như tiếng Mã-lai. Chỉ có thể mà thôi. Còn nhân đó mà nói rằng tiếng nọ là gốc của tiếng kia, thời thật cũng còn xa vậy.

Đó là ý-kiến riêng của tôi đối với cái thuyết của ông SOUVIGNET; tôi không có ý bài-bác, cũng không có ý bình-phẩm gì, vì không thuộc các thứ tiếng Ấn-độ-Mã-lai, nên không đủ tư-cách phán-đoán cho đích-đáng được.

Dù thế nào mặc lòng, cũng nên biết lời ông kết-luận thế nào. Ông nói rằng :

« Vậy thời cái tiếng An-Nam độc-vận kia, đọc lên êm tai vui miệng như thế, nó ở đâu mà ra ?

« Trong các thứ tiếng đã giúp gây thành ra tiếng An-Nam, duy có phần tiếng Tàu là hướng-lai dễ nhận hơn cả; còn thời không biết cội-rễ ở đâu, vẫn cứ cho là tiếng An-Nam gốc, tiếng An-Nam lỗi cả.

« Nay so-sánh các thứ tiếng lân-cận, có thể suy-nguyên mà biết được cội-rễ. Ta đã kê ra nhiều cái biểu, đối-

chiếu chữ nghĩa các tiếng với nhau, thời thấy rằng tiếng An-Nam tuy bề ngoài coi ra có cái vẻ xưa và có bộ thuần-nhất, nhưng kỳ-thực là một thứ tiếng phiên-tạp, phần nhiều là chuyển-lai tự tiếng ngoài.

« Hầu hết các thứ tiếng ở Đông-Á, Ấn-độ và Nam-dương-quần-đảo là có phần trong tiếng An-Nam cả: tiếng Tàu, tiếng Thái, tiếng Mon, tiếng Mên, tiếng *khasi*, tiếng *santali*, tiếng *munda*, tiếng Mã-lai, tiếng *Tagal*, cùng các thứ tiếng về Nam-Á-quần-đảo (*dialeetes indonésiens*). Lại có cả tiếng *Nikobarais* quần-đảo *Nikobar* (Ấn-độ-dương), như : *cia* (người cha), *koan* (con), *dít* (đít), v.v., tiếng *Fidjien* (quần-đảo *Fidji*, Thái-bình-dương), như : *bu* (mẹ, tiếng An-Nam có vùng gọi mẹ là *bu*), *vu* (vua), v. v. , tiếng *sanskrit* và *páli* (phạn-ngữ của Bắc-phương và Nam-phương Ấn-độ) cũng có vài ba trăm chữ. Nói thế không phải là nói rằng tiếng An-Nam có mượn gì của các thứ tiếng phương xa đó, như tiếng *Nikobarais* hay tiếng *Fidjien* đâu : những chữ giống nhau ấy chẳng qua là do một cái « ngữ-ngôn thanh - khí » (*affinité linguistique*) tự-nhiên mà thôi; nhưng xem đây cũng đủ biết rằng cái tộc-loại của tiếng An-Nam phạm-vi to rộng là dường nào.

« Trong các thứ tiếng đã giúp gây thành ra tiếng An-Nam, có hai thứ tiếng là có công tác - thành hơn cả: tiếng Ấn-độ-Mã-lai và tiếng Tàu; tiếng Ấn-độ-Mã-lai thì định hình - thể và cú-pháp cho tiếng An-Nam, tiếng Tàu thì định thanh-âm và cung-bậc, và hai thứ tiếng đều giúp chữ cho tiếng An-Nam nhiều lắm. Đó là ý-kiến riêng của tác-giả sách này, có thể tóm lại một câu rằng : *tiếng An-Nam là một thứ tiếng gốc thuộc Ấn-độ-Mã-lai mà có ghép thêm tiếng Tàu vào,*

« Trong khi kê ra những cái biểu sau này, so-sánh các chữ các nghĩa,

thấy nhiều chữ Tàu quá, đã nhiều lần chúng tôi muốn đảo ngược lại cái câu kết-luận như trên đó mà nói rằng : tiếng An-Nam là gốc Tàu mà có ghép thêm tiếng Ấn-độ-Mã - lai ; tưởng cái thuyết đó cũng không phải là không tiện vậy.

« Tuy-nhiên có nhiều điều khó, khiến cho cái thuyết đó không thể thừa-nhận được, điều thứ nhất là thuộc về cú-pháp, tiếng Tàu thì đặt ngược mà tiếng An-Nam thì đặt xuôi, một điều đó cũng đủ ngăn-trở vậy. Bởi vậy chúng tôi không dỗi ý - kiến và không dám cho tiếng An-nam là gốc ở tiếng Tàu.

« Nay nói tiếng An-Nam là hỗn-hợp nhiều thứ tiếng mà thành ra, phiền-phức tạp-đạp như thế, mới nghe không khỏi lấy làm lạ. Ai cũng tưởng tiếng An-Nam có cái vẻ thuần-túy nhất-trí hơn. Phạm tiếng nói, bao nhiêu chữ đều như đúc theo một cái khuôn tự-nhiên, cũng có một cái cỗi - rễ chung ; ấy ý-kiến thông - thường của người ta như thế. Nay tiếng An-Nam lại khác hẳn : như món đồ thập-cảm, thứ gì cũng có.

« Song, nói cho cùng, sự phức-tạp đó không phải là không hay cho tiếng An-Nam ; nhờ đó mà tiếng An-Nam được phong-phú. Các tiếng lân-cận không có tiếng nước nào hình - thể sán - lạn mà âm-diệu véo-von bằng tiếng An-Nam... Tiếng An-Nam vừa mượn tiếng Tàu, vừa mượn tiếng An-độ-Mã-lai, — lại nhân đó tự chế-tác thêm ra nữa, — kể còn giàu hơn tiếng Hán-Việt nhiều. Xem như thế thì tiếng An-Nam hình-thể âm-vận hay hơn tiếng Tàu biết bao nhiêu : tiếng Tàu quanh đi quẩn lại chỉ có 400 vần...

« Tiếng An-Nam tuy vốn không được nhất-trí như thế, nhưng vẫn có cái vẻ thuần-nhất. Nào Mon, nào Mên, nào Mã-lai, nào tiếng Thái, bấy nhiêu chất hình như hóa-hợp cả là một, là nhờ cái ảnh-hưởng của tiếng Tàu điều-hòa

dung-hợp hết cả. Sự hóa-hợp ấy mật-thiết cho đến nỗi nhiều khi Tàu và Mã-lai ghép liền nhau lại mà làm thành ra tiếng dỗi vậy.

« Nay tiếng An-Nam có phải là tiếng cổ không ? Hay là vì bác-tạp, mượn của nhiều thứ tiếng khác, mà là mới thành-lập sau này ? Phần tiếng Tàu ở trong tiếng An-Nam thì chắc là cổ lắm, vì có nhiều chữ ngày nay ở Tàu không còn dùng nữa và chính là thuộc về một thứ tiếng cổ-thời ở nước Tàu. Còn về phần Ấn-độ-Mã-lai, nghĩa là hơn nghìn chữ chuyển-lai tự tiếng Mã-lai, tiếng Mon, tiếng Mên, v. v. ; cùng những chữ chính là ở tiếng Tàu mà ra, nhưng qua Mã-lai rồi mới sang An-Nam, thời thâm-nhập vào tiếng An-Nam tự bao giờ, thời-đại xa-xôi, ai là người dò cho ra tung-tích được ? ... »

Nay tổng-luận bài này thời nói rằng tiếng An-Nam chính là dung-hợp nhiều thứ tiếng về An-độ - Chi-na và Nam-Á quần-đảo mà thành ra. Trong bấy nhiêu thứ tiếng, thứ nào là tiếng gốc ? Tuy tiếng Tàu có cung-cấp cho tiếng An-Nam một số chữ rất nhiều, nhưng các nhà bác-học đều không thừa-nhận cho tiếng Tàu là phần gốc của tiếng An-Nam. Mấy nhà bác-ngữ nước Đức, như ông HIMLY, ông KUNT, thời có ý thiên hoặc về tiếng *pégouan* và tiếng Thái, hoặc về tiếng Mon-Mên. Ông giáo MASPERO thời cho tiếng An-Nam là thuộc về loại tiếng Thái, mà ông cố SOUVIGNET thời lại cho là về loại Ấn-độ-Mã-lai. Bấy nhiêu thuyết khác nhau, hiện nay chưa thể quyết-định được. Mong rằng sau này, khoa bác-ngữ mỗi ngày một tấn-tối, sẽ có thể giải-quyết được cái vấn-đề cỗi-rễ tiếng Việt-Nam một cách đích-dáng hơn vậy.

LE DRAME DU XX^E SIÈCLE

... Il était fatal que les choses vinssent à ce point. En même temps qu'il exerçait une politique de domination, l'homme blanc répandait des idées d'égalité: il fallait qu'un jour ses doctrines vinssent s'opposer à ses actes. Sans doute les théories et les principes nouveaux restent longtemps vains, comme suspendus en l'air, et il est vraiment trop commode, pendant certaines époques, de se donner le prestige des opinions les plus libérales, tout en profitant de la solidité d'un monde que le libéralisme n'a point fait. Mais ces temps-là sont finis. Nous vivons dans une époque de sanctions et de conséquences, dans une de ces périodes dramatiques où les mots s'incarnent et veulent se vérifier dans les choses... Or, par une conjoncture qui rend le drame plus pressant encore, c'est au moment même où l'homme blanc était sur le point, sinon de revenir des idées auxquelles il a cru, du moins de les soumettre à un examen plus sévère, qu'il voit ces idées lui échapper, et l'avantage en être revendiqué par d'autres hommes. C'est quand on s'apercevait qu'il n'est pas si aisé ni si simple qu'on l'avait rêvé de répandre ce qu'on appelle l'instruction, que des multitudes d'étrangers demandent de boire à la fontaine magique. C'est quand on pouvait douter que l'égalité entre les individus eut relevé la valeur de l'homme, qu'on voit tous les peuples vouloir être égaux. Ainsi notre temps devient une sorte de répétition agrandie, d'amplification immense de ce qui l'a précédé... Ainsi surpris, que fera l'homme blanc? Lui qui commençait à mettre en doute la valeur des mots qu'il a lancés dans le monde, cédera-t-il à leur prestige quand on les invoque contre lui? Osera-t-il au contraire se donner d'autres principes où il puisse retremper sa prétention à la primauté? Quand l'ordre du monde doit être de nouveau défini, l'esprit pratique ne peut lui suffire. L'action indécise se retourne vers le conseil... Ce n'est point par des mots qu'on ôtera leur grandeur tragique à ces circonstances. L'homme blanc ne pourra leur répondre que par un nouvel éclair de lui-même, par une exaltation de son audace et de sa valeur. L'embarras où il se trouve est bien loin de tenir uniquement aux circonstances dont il est pressé. Son mal a des causes plus profondes. Sa faiblesse intime, essentielle, est dans son esprit: il manque d'une source où puiser l'âme de ses actes. C'est seulement quand il se sera refait une doctrine qu'il sera à la fois plus noble et plus fort... Soit qu'il prétende garder la direction de l'histoire, soit qu'il accepte de se confondre dans une humanité mélangée, il sera forcé de se définir de nouveau, et c'est là le drame du XX^e siècle.

ABEL BONNARD

(En Chine)

CHỦ-NGHĨA XÃ-HỘI (1)

II

40 *Chủ-nghĩa xã-hội cốt để chủ-trương như thế nào ?*

Xét cái phương-pháp trao đổi các đồ sinh-sản hiện-thời bây giờ, thì biết cái chế-độ tư-bản đã tấn-tới phát-đạt lên đến cực-điểm. Nhưng việc đời mỗi lúc một biến-đổi khác đi, cũng như là cánh hoa thể nào cũng có lúc rụng đi, vô trùng thể nào cũng có lúc toác ra. Vì nó rụng đi nên mới sinh ra quả mới; vì nó toác ra nên mới nở ra chim con. Cái cách tổ-chức sản-nghiệp của xã-hội lẽ nào lại không như thế ?

Cái khoa-học về xã-hội chủ-nghĩa chỉ cốt thuyết-minh cái công-lý liên-hóa và trở bảo cái qui-thứ tất-nhiên, để thúc-giục cho xã-hội loài người tấn-tới lên. Thế thì chủ-nghĩa xã-hội chẳng phải là cái quả xanh cái chim non nó sắp nảy-nở ra sau này đấy ư ? mà trở bảo theo về con đường tân-thời-dại, chẳng phải là trở bảo đòi bỏ cái cách chiếm lấy tư-bản làm của riêng là cái chế-độ cũ đi ư ?

Ông giáo Y-lê-thị đã từng nói tách-bach cái chủ-nghĩa xã-hội có bốn điều cốt-tử như sau này :

10 *Cái cơ-quan sinh-sản về vật-chất tức là ruộng đất và tư-bản đều lấy làm của công.* — Xã-hội đời nay trăm điều tệ-hại, đều bởi tại cái cơ-quan sinh-sản của xã-hội, đều bị phải cá-nhân họ chiếm làm của riêng mất cả, cái tệ ấy chương trên đã nói rõ cả rồi. Chỉ vì

cá-nhân họ chiếm giữ tài-sản làm của riêng, cho nên cá-nhân được sung-sướng, còn đa-số nhân-loại thì phải chịu túng thiếu. Muốn tìm cái phép cứu chữa, thì những điều kế-hoạch nhỏ-nhen quyết không thể chữa được. Tất phải bài-trừ hết những điều mâu-thuẫn tự trên cõi-rễ nó mà điều-hòa tổ-chức lại cả toàn-thể sản-nghiệp và cốt là đem các cơ-quan sinh-sản làm của công.

Ôi ! Đất ruộng ấy trước khi loài người chưa sinh ra đã có cả rồi, có phải tự nhà địa-chủ mới chế-tạo ra đâu. Tư-bản ấy là cái kết-quả của bọn lao - động xã-hội hiệp-đồng mà làm thành ra, có phải tự các nhà tư-bản mới sinh-sản ra đâu, sở-dĩ mà phải bảo-tồn lấy ruộng đất tư-bản là vì cả toàn-thể xã-hội loài người mà giữ, chứ không phải vì gì cá-nhân và một hạng giai-cấp thiểu-số mà giữ đâu. Cho nên các nhà địa-chủ nhà tư-bản giữ lấy cái quyền độc-hưởng một mình, thì công-luận vẫn không dung, nhưng nếu hay sử-dụng ra để làm ơn giúp cho xã-hội, thì còn khá tha-thứ được. Nếu chỉ dùng ruộng đất tư-bản để thu lấy tài-sản của cả toàn-thể xã-hội mà hưởng một mình, có khi trở-ngại đường tiến-bộ trong xã-hội, thì xã-hội nên tìm cách mà thu lấy của riêng ấy làm của công, để lợi-ích cho cả toàn-thể xã-hội.

Bởi vậy cái chủ-nghĩa xã-hội chỉ cốt là đem ruộng đất tư-bản làm của công

(1) Nguyên của Hạnh-đức Thu-thủy người Nhật-bản làm ra, Cao Lao đã dịch ra hán-văn in trong bộ *Đông-phương văn-khố*. — Xem N.-P. số 109.

cả toàn-thể nhân-dân xã-hội, khiến cho toàn-thể nhân-dân xã-hội, đều được hưởng cái lợi-ích của ruộng đất tư-bản sinh ra, và lại chủ-trường trừ bỏ cái ý-nghĩa kinh-tế xưa nay chỉ ăn nhờ về tiền lời lãi và các thuế ruộng đất.

Người đời không nên thấy chủ-trương như thế làm lạ, thử xem như các sự-nghiệp hiện-thời nay, đã có nhiều cái cho làm phần sở-hữu công-cộng cả rồi, như là sở bưu-chính điện-báo, trừ nước Mĩ ra còn các nước văn-minh đều cho những sở ấy làm quốc-hữu cả. Các con đường thiết-lộ thì nước Nhật-nhĩ-mạn, Úc-địa-lì, Đan-mạch đều cho làm của quốc-hữu cả. Còn như những phần xâm-lâm khoáng-sản và các đồn-diền, cùng là công việc buôn bán thuốc lá, tinh rượu, trong các nước phần nhiều cho là của quốc-hữu cả. Song-le nay gọi là của quốc-hữu, vẫn còn hàm có cái ý-nghĩa chuyên làm phần sở-hữu của trung-ương Chính-phủ, tuy chữa hoàn-toàn hẳn là làm phần công-hữu của xã hội, nhưng cũng đã thoát-ly cái vòng cá-nhân hoặc bọn thiếu-số giai-cấp họ lưỡng-đoạn mất cả.

Song chủ-nghĩa xã-hội sở dĩ chủ-trương quyết không phải là cái nghĩa để cho trung-ương tập-quyền, phải nên tùy cái cơ-quan và cái tính-chất nó thế nào, mà định cái này là phần quốc-hữu, cái này là phần sở-hữu của quận-huyện hoặc của hương-thôn, như các sản-nghiệp công-hữu hiện bây giờ như là máy nước, đèn điện, các đường sắt trong thành-phố thì nên thuộc về phần sở-hữu của thành-phố. Cốt là đừng để vào trong tay cá-nhân, phải lấy ra mà làm lợi-ích chung cả xã-hội.

Cái thuyết kinh-tế-học hiện-thời bảo rằng: « Phạm những sự-nghiệp nào xưa nay vốn có cái tính - chất độc-chiếm thì nên qui làm quốc-hữu hoặc làm phần

sở-hữu của thành-phố. Còn những cái nào không phải độc-chiếm thì cứ để mặc cho cá-nhân cạnh-tranh, để cho được hết sức làm cho tiến-bộ. » Tuy rằng thế, cái chế-độ sản-nghiệp mà tiến-bộ, thì phạm những sự-nghiệp nào tuy không có cái tính-chất độc chiếm, mà rồi cũng hóa làm độc-chiếm cả. Xem như nước Mĩ, nghề chế sắt đã độc-chiếm rồi, dầu hỏa đã độc-chiếm rồi, than đá và nghề dệt sợi cũng đều vào tay một hội - xã lớn Thác-lạt-ty nó độc-chiếm hết, không để cho người nào cạnh-tranh được nữa, Vì là cá - nhân cạnh-tranh đến cùng-cực, thì tư-bản tất đến thu hẹp lại cả làm một; tư-bản đã thu hẹp lại cả một chỗ, thì cái thế nó phải đem hết các nghề nghiệp làm thành ra sự-nghiệp độc-chiếm hết cả. Ôi! Đường kinh-tế cứ để cho tự-do cạnh-tranh mà tiến-bộ lên được, là cái việc đã qua rồi. Còn cái vấn-đề ngày nay chỉ cốt hỏi rằng cứ để cho cái sự-nghiệp độc-chiếm ấy làm của riêng cho một bọn thiếu-số giai-cấp hay sao? Hay là đem làm của sở-hữu công-cộng chung cho cả xã-hội để mong cho thống-nhất cả lại nên chăng? Hai vấn-đề ấy phải quyết-định ra thế nào mới được. Cái đại-thế xã-hội tiến-bộ mãi lên, thế nào rồi cũng phải có kết-quả, thế thì chủ-nghĩa xã-hội chỉ đoán-định rằng cái kết-quả nó thế nào cũng phải qui về công-hữu cả mới xong.

20 Các đồ sinh-sản kinh-doanh phải để làm công-cộng cả. — Phạm ruộng đất và tư-bản là cái cơ-quan sinh-sản, tuy đã qui làm của công-hữu cả xã-hội, nhưng kinh-doanh các sự-nghiệp ấy vẫn phần nhiều còn ở trong tay các cá-nhân, như là xe hơi đường sắt, các đường quĩ-đạo trong thành-phố, tuy là của chung cả xã-hội, nhưng vẫn phải nhờ một hội-xã tư nào họ kinh-doanh hộ cho, Lại như rượu, muối, thuốc lá, tuy vẫn thuộc về chính-phủ, nhưng cái phần sinh-sản và bán-chác vẫn y-nhiên

thuộc về cá-nhân. Lại như công-diền công-thổ vẫn là ủy cho tư-nhân cày cấy. Ấy những kẻ tư-nhân và những hội-xã tư-lập ấy, cái mục-đích họ kinh-doanh chỉ cốt làm lợi-ích cho tự-thân bọn họ, nếu cái lợi ích ấy mà thiệt hại di, thì sản-nghiệp phải đến đổ nát, cũng không khác gì cái trạng-thái còn là chế-độ các nhà tư-bản. Cho nên cái sản nghiệp chân-chính của xã-hội, không phải chỉ là lợi-ích cho cá-nhân, cốt để cung tiêu-phí cho cả toàn-thể xã-hội; không phải là chỉ làm đồ buôn bán ở chốn thị-trường, chỉ cốt để sung làm đồ nhu-dụng cho cả toàn-thể xã-hội. Vậy nên kinh doanh các sản nghiệp, quyết không nên để vào tay các cá-nhân, mà phải để cho cả toàn-thể công-cộng quản-lý. Không những là cái cơ-quan sinh-sản, nên để làm của công, còn đến như các đại-biểu trông nom cũng phải nên công tuyển để ủy-nhiệm cho việc quản-lý; những việc kinh-đoanh ấy là chịu trách-nhiệm với cả toàn-thể xã-hội đó.

Hoặc người bảo rằng: « Phàm kinh-doanh các sự-nghiệp cứ để về phần riêng thì người ta mới chịu cố gắng làm việc. Nếu không phải của riêng thì ai còn chịu hết bụng trung-thành về chức-sự mình nữa? » Tuy rằng thế, hãy xem như người chủ quản-lý nghiệp nhà Tam-tỉnh, công việc kinh-doanh phục-dịch cần-lao biết là chừng nào? Lại xem như người chủ quản-lý nghiệp nhà Nham-y, trông nom công việc hao-tốn tinh-lực biết là chừng nào? Bởi vì các cơ-quan sinh-sản càng to lớn, sự-nghiệp càng phát-đạt, các đồ sinh-sản càng thêm nhiều lên, thế thì trông nom kinh-doanh các công việc không phải sức một người kham hết cả được, thế tất phải nhờ đến sức hiệp-đồng của nhiều người mới xong. Ấy các nhà nghệ nghiệp như Tam-tỉnh, Nham-y còn phải thế, huống chi là những nhà tư-bản lười biếng ấy ư? Hiện bây giờ

những nhà sản-nghiệp dựng ra quy-mô làm ăn to-tát, mà hay thành được cái công-quả kinh-doanh quản-lý tốt đẹp, cái công ấy không phải là tại cái ông chủ nhà tư-bản có cái sản-nghiệp ấy đâu, mà thực nhờ về cái tài giỏi của các người xã-viên quản-lý và những người làm thuê đấy. Chủ-nghĩa xã-hội cũng cốt chỉ chọn lấy người đại-biểu bởi xã-hội công-tuyển ra, thay vào trông nom lấy những sản-nghiệp của các nhà thế-tập, nghĩa là lấy cái kẻ công-lai có trách-nhiệm, mà thay vào cái ông chủ nhà tư-bản lười biếng; lấy các kẻ chức-viên công-cộng nhiệm mệnh, mà thay cho những người tài-phú và các kẻ làm thuê của các chủ riêng họ sai khiến. Thế thì sản-nghiệp mà được phát-đạt lên không phải chỉ chuyên lợi-ích cho kẻ có của, mà cả toàn-thể xã-hội đều được nhờ ơn-huệ ấy cả. Lẽ nào những người kinh-doanh quản-lý, lại không hết lòng trung-thành về chức-sự như ngày nay sao?

Cái cơ-quan sinh-sản và tất cả các việc quản-lý các sản-nghiệp đã đều là chung cả của xã-hội, thì tất cả nhân-dân trong xã-hội đều là người cổ-động và cũng đều là kẻ lao-động cả. Xã-hội đã giao cho mọi người lấy các chức-nghiệp xứng-đáng, thì mọi người phải đều lấy cái sức lao-động tương-đương làm cho xã-hội. Các đồ sinh-sản ra không phải để làm đồ buôn bán ở chốn thị-trường, mà cốt để làm đồ tiêu-phí cho cả toàn-thể xã-hội. Sinh-sản ra càng nhiều thì xã-hội nhu dùng càng được thừa đủ. Và lại vật giá không lo gì kém sút, sinh-sản không lo gì quá nhiều, mà cái vấn-đề những kẻ lao-động thất-nghiệp, cũng giải-quyết được xong xuôi cả. Nếu một ngày kia mà quả có đồ sinh-sản nhiều hơn tiêu-phí, thì làm ít bớt đi, chỉ rút bớt cái thì giờ cho những kẻ lao-động là xan xẻ đều ngay, không khi nào có một kẻ khốn-cùng thất-sở cả.

Không những là không có kẻ thất-nghiệp mà cả nhân-dân trong xã-hội đều phải phục-dịch về việc lao-động cả. Vì là cùng ở vào một cuộc đời công-cộng sản-nghiệp, không có tiền-lờ-lãi, không có thuế đất ruộng, thì tự-khắc là không có kẻ ăn không ngồi rồi, chỉ chực thu lấy những phần kết-quả của kẻ lao-động. Phi-phất-dịch bảo rằng: « Hễ ai không lao-động thì tức là không có cái quyền-lợi cơm ăn áo mặc. » Ấy là cái chân-lý đấy, cái chính-nghĩa đấy, chủ-nghĩa xã-hội cũng chỉ cốt mong cái chân-lý cái chính-nghĩa ấy phát-hiện ra mà thôi,

30 *Những tài-sản thu vào của xã-hội.* — Những đồ sinh-sản của xã-hội đã công-cộng làm ra thì đều là của sở-bữ chung cả của xã-hội, không cho một cá-nhân nào độc-chiếm được đã đành rồi. Còn đến như những người đại-biêu và các viên-chức do xã-hội công-tuyển ra làm việc thì phải trông nom thu lấy một phần sinh-sản để làm tiền chi-phi về việc giữ gìn hoặc mở-mang sửa-sang cái phần co-quan sinh-sản, và để làm một ít tiền trừ-bị cứu-hoang, còn thừa ra thì phân-phối khắp cả cho toàn-thể xã-hội cùng làm tiền tiêu phi. Cái cách phân-phối ấy không những cái người làm việc sinh-sản được lợi, mà đến cả kẻ già người trẻ và những người không có cái năng-lực lao-động, cũng đều được có cái quyền-lợi yêu-cầu lấy một phần lợi, vì là tài-sản đã là của chung cả xã-hội thì người nào cũng là một phần người tổ-chức ra xã-hội, cứ lẽ thì đều được hưởng quyền-lợi cả. Ấy thực là cái điều cốt-tử của chủ-nghĩa xã-hội, cốt là hoàn-toàn giúp đỡ lẫn nhau, phàm người dân ở dưới cái chế-độ chủ-nghĩa xã-hội, từ khi sống đến khi chết, suốt đời không những lúc ốm đau già yếu hoạn-nạn phải giúp-đỡ nhau, mà đến những việc giáo-dục vui chơi hoan-lạc và những điều cần-dùng khác, đều

phải nên hộ-vệ cho được ai nấy cùng thỏa-mãn cả. Nếu khi nào người lao-động mà không chịu tuân theo làm nghĩa-vụ thì mới phải nghiêm-trị thì thực đáng. Nhưng sau này bởi cái cách xã-hội tổ-chức sửa đổi lại, đường sinh-hoạt thống-khổ giảm bớt đi, thì những kẻ hư-hỏng chơi-bời, cũng phải tuyệt-tích đi hết, ta dám chắc như thế.

Người ta sau này lại phát-sinh ra một cái vấn-đề trọng-đại hơn nữa, tức là cái vấn-đề phân-phối làm sao cho công-chinh. Phân-phối công-chinh thực là một điều yếu-kiện trong chủ-nghĩa xã-hội, mà là một cái động-cơ rất lớn trong chủ-nghĩa xã-hội, sản-nghiệp tổ-chức sở-dĩ tiến-hóa phát-đạt cũng là cốt ở đấy. Thế thời nên dùng cái tiêu-chuẩn thế nào để cho giữ được công bằng?

Về cái cách phân-phối thì mỗi thuyết một khác, kể ra có bốn thuyết: 1) Phàm phân-phối các đồ vật, cứ kể cái lượng với cái chất phải đều nhau, ấy là cái thuyết của Bá-ba-thị. 2) Cứ theo như cái tài giỏi thành-tích của từng người hơn kém làm tỉ-lệ, để định cái thứ bậc báo đền, ấy là cái thuyết của Thánh tây môn-thị. 3) Cứ theo cái sự cần-dùng của mọi người mà chia cấp cho, ấy là cái thuyết của Bốt-lăng-thị. 4) Phàm các ngạch phân-phối cho mọi người, không cứ theo cái bất-bình-đẳng, phải tùy cái giá-cách bình-đẳng mới được, cái thuyết ấy chủ-nghĩa xã-hội bây giờ phân nhiều theo cả.

Ồi! Tâm-thân mỗi người một khác, thì cái cách sinh-hoạt cần-nhu mỗi người tất cũng không giống nhau, những điều thị-hiểu cũng theo đó mà mỗi người một khác. Nay bắt ép bình-đẳng cả thì thực là không được công-bình, cho nên cái thuyết lấy lượng với chất so đều nhau làm cách phân-phối, thì không thể làm được, không cần phải bàn nữa.

Còn như cái thuyết chỉ so tài giỏi hơn kém để làm cái thứ bậc báo đền, thì cũng hơi có lẽ công-bằng. Nhưng cứ cái thuyết ấy thì những kẻ không có cái sức khỏe lao-động được, lại không khỏi đói rét, thế có hợp với cái lẽ đạo-đức của xã-hội không? Huống-chi tài giỏi tuy có hơn kém, nhưng mà sự tiêu-phí lại không có phân kể ít người nhiều, ví như thành-tích của tên Giáp gấp hai tên Ất, nhưng cái lượng ăn của tên Giáp vị-tất đã gấp hai tên Ất. Không những thế mà thôi, đã theo về cái chế-độ chủ-nghĩa xã-hội, thì phần đồ sinh-sản đều là của sinh-sản chung cả xã-hội, đều là của sinh-sản bởi hiệp sức nhau mà làm chung, chứ không phải tài giỏi riêng của từng cá-nhân. Cũng có lúc chợt phải nhớ đến tài giỏi của cá-nhân, nhưng các cái tài nghệ ấy cũng là nhờ về toàn-thể xã-hội nó cảm-hóa giáo-dục mà hun-đúc mở-mang ra cho, thế thì đi làm hiệu-lực cho xã-hội, cũng là một cái nghĩa-vụ đương-nhiên mà thôi, lẽ nào lại tham lấy của báo đền đặc-biệt cho giàu có ư?

Cái mục-dịch phân-phối sinh-sản trong xã-hội, cốt là làm cho thỏa-mãn những sự cần dùng sinh-hoạt khắp cả cho loài người trong xã-hội, mà mong cho tiến-bộ mãi lên, thế thì người ta cần những gì phải phân-phối cho đều, thực là cái lẽ rất phải. Ví như trong một gia-đình, cha mẹ xử với các con, nếu con nào tài giỏi thì cho ăn của ngon mặc của tốt; còn đứa con nào bất-tài thì phó mặc cho nó phải ăn đói mặc rách, cha mẹ có nở lòng thế không? Ôi! Chủ-nghĩa xã-hội cốt là coi cả toàn-thể xã-hội như một cái gia-đình lớn, xã-hội chính là cha mẹ, mà các người ở trong xã-hội đều là đồng-bào cả. Cha mẹ đối với các con trai gái tất phải phân-phối cho đều, trước cấp cho cơm áo, nhà ở, và giáo-dục là những điều cần-cấp, còn những cái gì chữa

cần lắm thì dần dần cấp cho đủ cả, cái lượng với cái chất vẫn là có khác nhau thật, nhưng mà muốn cho đều thỏa đường sinh-hoạt thì đều giống như nhau cả.

Còn như cái thuyết phân-phối theo một giá-cách bình-đẳng hết cả, cũng giống như cái cách phân-phối theo sự cần-nhu. Cái cách phân-phối ấy là trả theo một giá-cách bằng nhau, chứ không tùy theo phẩm-vật. Bởi vậy các người cứ theo trong phạm-vi giá-cách, mà có đủ cả những vật cần dùng và những đồ thị-hiểu của mình, nhưng chỉ nghĩ-định cái giá-cách ấy rất là khó khăn lắm.

40 *Cái điều cốt-tử thứ tư là lấy già nửa một phần của xã-hội thu vào, đem làm của cho cá-nhân tư-hữu.* — Người ta nói rằng: «Tài-sản là một sự rất cần để giữ-gìn tự-do và tấn-tới tri-đức cho cá-nhân, thế mà xã-hội chủ-nghĩa lại cấm-tuyệt cả đi không cho cá-nhân được giữ của riêng là tại có sao?» Tài-sản cốt là phải cần để làm của tư-hữu cho mọi người là lẽ cố-nhiên rồi, chủ-nghĩa xã-hội nào lại có cấm tuyệt đi bao giờ.

Hiện-thời nay, thì bao nhiêu tài-sản đều vào trong tay một hạng người thiểu-số, còn toàn-thể xã-hội thì mỗi ngày lại càng nghèo khổn mãi đi, chỉ đi làm thuê lấy tiền mà thôi.

Cái chế-độ của chủ-nghĩa xã-hội thì làm trái lại mà lấy già nửa một phần của-cái trong một năm thu vào, phân-phối cho đều để làm phần của riêng. Hễ phần sinh-sản chung mà phát-đạt lên, phần thu vào của xã-hội mà tăng thêm lên, thì cái phần của riêng từng cá-nhân cũng càng giàu thêm, ai ai cũng được tùy cái sở-thích của mình mà để làm tiền tiêu-phí hoặc làm của trữ-tích. Nếu lỡ ra có khi túng thiếu, cũng không đến nỗi phải ỷ-lại người khác mà phải chịu người ta bắt buộc. Xem thế thì cái chủ-nghĩa

xã-hội thực là mở-mang cho rộng thêm cái chế-độ cho tài-sản làm của tư-hữu, cốt để giữ-gìn cái tự-do cho muôn người, mà thúc-giục cho trí-dức tấn-tới lên vậy.

Nhưng lại phải biết rằng chủ-nghĩa xã-hội thì phạm những tài-sản tư-hữu mà tăng thêm lên, đều để sung đủ cho mọi người tiêu-phí, chứ không được để làm ruộng đất và tư-bản riêng. Nghĩa là ruộng đất và tư-bản tức là cá cơ-quan sinh-sản, cái cơ-quan sinh-sản ấy phải để làm của công-hữu, và những đồ sinh-sản kết-quả ra được bao nhiêu, thì đều thu vào làm của chung cả xã-hội, bài trước kia đã nói tường cả rồi.

Hoặc kể nói rằng : « Phần tài-sản tư-hữu mà đến lúc giàu thịnh mãi lên, thì những người tiết-kiệm tất là để dành trừ-súc làm tư-bản. Nếu như thế thì vẫn còn có cái giai-cấp nhà tư-bản, rồi lại tỏ ra cái trạng-thái kẻ giàu người nghèo xa cách nhau ». Nhưng khi nào lại thế được, cái phương-pháp tổ-chức tài-sản nếu qui-mô càng bành-trướng, thì tất phải xoay ra làm cái cuộc kinh-doanh cộng-đồng, chứ không phải cái tài-sức một cá-nhân mà kham nổi được. Xem như cái trạng-thái hiện-thời bây giờ thì biết. Vả lại cái cơ-quan sinh-sản nhất-thiết đã thuộc về của công cả rồi, phạm những phần sản-nghiệp trọng-yếu đều cầm ở trong tay xã-hội công-cộng, thì không còn có cá-nhân nào có tài-sản riêng nhân dịp tốt mà vơ-vét làm giàu lên được. Dầu rằng có một vài kẻ kinh-doanh cái nghề-nghiệp nhỏ mọn riêng, nhưng sao hay tranh với cái sản-nghiệp lớn-lao công-cộng được.

Lại phải biết rằng cái phần tài-sản mà cho cá-nhân tư-hữu, là già nửa phần của xã-hội thu vào mà thôi, chứ không phải cả toàn-bộ đâu. Ồi, cái mục-dịch về cái đồ sinh-sản của xã-hội tuy cốt là để đủ cho người ta nhu-dụng, người ta

nhu-dụng mà đã thừa đủ rồi, nhưng vẫn không cho toàn thuộc làm của riêng, mà cho thuộc về phần của công ấy rất nhiều. Như là hiện bây giờ nào là nhà học-hiệu, chốn công-viên, quán bác-vật, quán đồ-thu, hội âm-nhạc và các nơi đường-sá chung, đều là lấy tài-sản công-cộng mà làm, để mong cho thỏa cái thị-hiểu cần-nhu của mọi người, khiến cho được tự-do sử-dụng. Sau này việc kinh-tế càng làm được thống-nhất, cái đường-đạo-đức của xã-hội lại càng phát-đạt, thì những của chung của xã-hội thu vào, đều đem sử-dụng để lo toan những việc lợi-ích tấn-tới vui-vẻ chung cho cả xã-hội. Vậy nên những các món tài-sản thu vào thuộc về của công, cũng lại càng tăng thêm hơn ngày nay nhiều lắm.

Y-lê-thị nói cái chủ-nghĩa xã-hội cốt-tử có bốn điều đã thuật ra như trên rồi. Ta nhân thế lại xét biết cái chủ-nghĩa xã-hội thực là cốt làm cho những điều cốt-tử ấy thực-hiện thi-hành ra, chính là cái lẽ tất-nhiên xã-hội sản-nghiệp tiến-hóa mãi lên phải đến như thế.

Mục-lặc-thị cắt rõ nghĩa rằng : Cái đặc-chất chủ-nghĩa xã-hội là cốt lấy cái cơ-quan sinh-sản và các phương-pháp, làm của chung giao cho cả toàn-thể nhân-viên trong xã-hội trông nom, phân-phối các vật sinh-sản cũng là công việc chung cả, phải theo cái qui-tắc của xã-hội định ra mà thi hành.

Trong sách *Bách khoa toàn-thư* của nước Anh có dẫn cái thuyết của Gia-khách-phổ-thị nói rằng : Hiện nay các nhà tư-bản sai khiến riêng những kẻ lao-động làm thuê để kinh-doanh công-nghiệp cho mình, sau này tất chuyên làm cái cơ-quan sinh-sản chung cả của muôn người, ấy thực là cái chân-lý của chủ-nghĩa xã-hội, chứng về lý-luận lịch-sử không có sai khác gì cả.

Ba-nhĩ-lạp-phất-hoa-cực là con rề Mã-khắc ty, mà là tay thủ-lĩnh về phái Mã-khắc-ty ở nước Pháp có nói rằng

Chủ-nghĩa xã-hội không biết sau này trừ-tính cải-lương ra thế nào, nhưng cứ như cái cách tổ-chức bây giờ thì đã bực về cái đường kinh-tế nặng-nề nó tấn-tới lên mãi, thì tất thế nào nó cũng biến đổi cái cách lấy tư-bản làm của riêng di, mà làm của chung cho cả toàn-thể bọn lao-động. Cái đặc-chất của chủ-nghĩa xã-hội thực là phải theo cái đại-thế trên lịch-sử nó chuyển-biến ra như thế nào rồi mới phát hiện ra.

Vạn-cách-nhĩ nói rằng: Cái cơ-quan sinh-sản đã về tay xã-hội cầm giữ, thì những đồ hàng-hóa không cần phải sinh-sản ra để làm đồ buôn-bán nữa, nên lại được hạn-chế các đồ sinh-sản, chỉ sinh-sản ra cho xã-hội đủ dùng mà thôi, không còn có cái trạng-thái vô-chính-phủ nữa, bây giờ tổ-chức ra một cái xã-hội có qui-luật thống-nhất để thay vào, những cái cách sinh-tồn tranh cướp nhau của từng cá-chân cũng phải bớt đi hết cả. Như thế thì loài người được thoát khỏi cái vòng cầm-thú, mà cái cách người sở-dĩ làm người, và cái nghĩa-vụ cái quyền-lợi của từng người nên có, đều được hoàn-toàn không thiếu gì cả.

Nếu quả được như thế, thì nhà tư-bản có thể bớt bỏ đi được, mà bọn lao-động cũng có thể bớt được cái thì-giờ đi làm thuê kiếm tiền. Mọi người đều lấy cái sức lao-động tương-dương cung cho xã-hội, thì xã-hội lập-tức đem những đồ cần-nhu thiết-dụng cung cho cá-nhân, thế là chỉ có cách phân phối các đồ dùng, chứ không có cái nghề buôn bán các đồ hàng, có cái phép tính thống-kế đồ sinh-sản, chứ không có cái lối buôn nhân dịp cầu may, có cái sức hiệp-đồng cùng làm, chứ không có cái thói xấu ganh-dua tranh cướp, khi nào lại còn phải lo đến nỗi sinh-sản quá-đa, chột gặp phải khủng-hoảng nữa. Và lại chi-phối hết cả loài người, không phải cốt ở tiền của mà

cốt so-sánh cái năng-lực làm nên giàu, bởi thế nên cái mâu-thuẫn về cách tổ-chức sản-nghệp hiện-thời nay sau này cũng không phát sinh ra nữa, phạm nhất-thiết những điều tệ hại đều trừ bỏ đi được hết, thế chẳng phải là tự-nhiên điều hòa mà hoàn-toàn được cả đấy ư?

5° *Cái hiệu-quả của chủ-nghĩa xã-hội.*

Ai nghe nói đến cái chủ-nghĩa xã-hội như trên thì đều sinh lòng ngờ-vực cả,

Kẻ ngờ nói rằng: Từ xưa đến nay sở-dĩ hay cò-dộng được khí-lực loài người, hay rèn-tập được tài trí loài người, khiến cho nhân-cách càng tấn-tới lên là thực nhờ về cái sự sinh-tồn cạnh-tranh mới tấn-tới lên được, nếu nghìn muôn người không còn phải lo gì về cơm ăn áo mặc, không có cái chi gì tiến thủ về đường giàu-sang, không kỳ kể hiền người ngu, kẻ mạnh người yếu, đều được êm-dềm một cách sinh-hoạt bình-dẳng cả, thì còn có cái gì để mà cò-vũ cho người ta ganh-đua được nữa? Các xã-hội đã không có ganh-dua thì tức là không có ai chịu cố gắng; cái xã-hội mà không có ai chịu cố gắng thì tức là không có hoạt-dộng, không có tiến-bộ nữa; cái xã-hội mà đã không có hoạt-dộng không có tiến-bộ, thì tức là đình-trệ hết cả, đọa-lạc hết cả, mà hủ-bại hết cả. Nếu mà thực-hành cái chủ-nghĩa xã-hội ấy thì chẳng là mắc vào cái trạng-thái ấy ư?

Không những kẻ dung-chúng lo hãi lo huyền như thế mà thôi, đến những người học giỏi như Ti-tân-tắc cũng nói rằng: « Cái chế-độ của chủ-nghĩa xã-hội, thực là cái chế-độ nô-lệ. » Cơ-đa-đức-thị trong tập trước-tác cũng bàn rằng: « Cái lẽ sinh-tồn cạnh-tranh của từng cá-nhân, không phải mới có từ khi có xã-hội đến nay, thực là cái nguồn gốc tiến-bộ từ khi mới có loài sinh-vật đã có cạnh-tranh rồi, thế mà

cái mục-dịch chủ-nghĩa xã-hội đem cấm tuyệt đi hết cả.» Bởi thế những kẻ đua nịnh các nhà địa-chủ nhà tư-bản để mưu lấy lợi riêng, nó cêu phò-trương cái thuyết ấy ra để làm cái đồ vô-khí chống lại với chủ-nghĩa xã-hội.

Ồ! chủ-nghĩa xã-hội có phải là cướp mất quyền tự-do của cá-nhân đâu, có phải tuyệt mất đường tiến-bộ của xã-hội đâu, những kẻ bài-bác như trên kia, đáng nên gác bỏ ngoài tai, mà thực là những kẻ ấy nhận lầm, không phải nhận lầm thì tức là gièm-pha mà nói vu ra đó.

Cái lẽ sinh-tồn cạnh-tranh là cái động-cơ lớn về đường tiến-hóa cho xã-hội, có phải đợi những kẻ ấy nói mà mới biết đâu. Từ xưa đến nay tổ-chức xã-hội cứ dần dần biến-đổi cái trạng-thái đi mãi, là vì có cái nó kích thích khiến cho phải cạnh-tranh hoạt-động, nếu không theo đó mà biến-đổi cái tính-chất phương-pháp đi thì không được. Trước còn dùng sức mạnh, sau tiến đến trí-thuật, trước còn là cá-nhân, sau tiến đến đoàn-thể, trước còn dùng võ-khí, sau phải dùng biện-thuyết. Còn như những lối cạnh-tranh bằng cướp giết, cạnh-tranh bằng xâm-lấn, cũng tiến lên biến làm cách cạnh-tranh bằng buôn-bán, cạnh-tranh bằng ngoại-giao. Thế thì cái phương-pháp cái tính-chất để cạnh-tranh sinh-lồn, cũng phải tùy theo xã-hội mà tiến-hóa, cái sự tích chẳng đã rõ ra đấy ư?

Ta vẫn biết rằng cái cách tự-do cạnh-tranh về đường kinh-tế, đương vào cái lúc trước hay sau khi tài-sản cải-cách, làm cho các nghề công thương trong thế-giới phát-đạt lên rất là có công-hiệu. Nhưng cái thời buổi cần phải cạnh-tranh như thế nay đã qua đi rồi, hãy xem như trước mắt những cách cạnh-tranh như thế còn có ý-vị gì không? Không những là vô-ích về đường xã-hội tiến-hóa, có khi lại dần dần thoái hóa, thế thì người ta còn nên

mong bảo-lồn lấy cái cách tự-do cạnh-tranh ấy nữa không?

Đương cái thời-đại cổ-sơ còn dã-man, cái cách cạnh-tranh bằng bạo-lực, thực là một cái động-cơ làm cho xã-hội tiến-hóa. Nhưng đến ngày nay thì cái cách cạnh-tranh bằng bạo-lực lại là tội ác trong cõi đời. Vì phỏng có người bảo rằng cạnh-tranh là sự cần cho tiến-bộ, cái cách dùng bạo-lực cạnh-tranh khi xưa không nên ngăn-cấm, nói thế hẳn ai cũng cười là nói bậy, Thế thì ngày nay mà cứ bảo cái cách tự-do cạnh-tranh là tất phải cần, có khác gì thế không?

Vả lại cái cách cạnh-tranh chân-chính, thì phải để cho hai đảng cạnh-tranh đứng vào cái địa-vị bằng nhau, mà đua tài thi sức, hai đảng cũng không kém gì nhau, thế mới là cạnh-tranh chân-chính. Chứ như cái cách cạnh-tranh ngày nay thì thế nào? Một đảng thì sinh-trưởng phú-quí, ăn mặc rất là phong-hậu, hưởng-thụ giáo-dục một cách hoàn-toàn, lại được thừa thụ cái tài-sản cái địa-vị cái tín-dụng của tổ-tiên khi trước. Một đảng thì sinh-trưởng bần-tiền, suốt ngày ở vào trong cái cõi đói-rét khốn cùng, không có giáo-dục, không có tài-sản, không có địa-vị, không có tín-dụng gì cả, chỉ có tội một cái thân năm thước mà thôi. Nay cứ phó mặc cho hai đảng đánh lộn nhau ở trong trường cạnh-tranh, so hơn kém, quyết được thua, đến lúc ngã-ngũ ra một đảng được một đảng thua, một đoán định một lời rằng: Ấy là hơn đượ kém thua đấy! Than ôi! Đó có phải là cạnh-tranh chân chính đâu.

Thế thì ngày nay mà bảo là tự-do cạnh-tranh, quyết không phải là cái cách cạnh-tranh chân-chính công-bình. Cái phúc cái họa ngày nay quyết không phải để bảo đền cho kẻ cần kẻ nọ. Sự thành sự bại ngày nay quyết không phải là cái kết-quả của kẻ khôn người

hèn, chẳng qua là vận-mệnh mà thôi, ngẫu-nhiên gặp may hoặc không may mà thôi.

Từ ngày nay xét ra thì tự-do cạnh-tranh không những là bất-công mà thôi, cứ thực-tế mà xem ra thì không còn có chỗ nào mà giở trò cạnh-tranh được nữa. Cái bộ-phận sản-nghiệp lớn trong thế-giới, bọn tư-bản đã gặp may mà chiếm hết cả rồi, cái phần đất ruộng lớn trong thế-giới các nhà địa-chủ đã nhờ vận-mệnh mà kiếm-tính hết cả rồi, còn những kẻ không tư-bản không ruộng-đất, thì chỉ có một cách đi làm mướn mà thôi. Thế thì nói là tự-do cạnh-tranh, chẳng qua là nói cho đẹp đấy mà thôi, chứ xét đến sự thực thì tuyệt-tích không còn có cạnh-tranh gì cả, có phải đợi đến khi xướng lên cái chủ-nghĩa xã-hội mới là cấm-tuyệt cạnh-tranh đâu ?

Vì thế cái tính-chất và cái phương-pháp sinh-tồn cạnh-tranh, không kinh-quá một đoạn tiến-hóa lên không được. Chủ-nghĩa xã-hội chính là theo cái lẽ tiến-hóa ấy, muốn khiến cả toàn-thể xã-hội biến bỏ cái cách cạnh-tranh hèn-hạ đi, mà làm cái cách cạnh-tranh cao-thượng, biến bỏ cái cách cạnh-tranh bất-công đi, mà làm cái cách cạnh-tranh chính-đáng. Nói cho đúng ra thì tức là bỏ cái lối cạnh-tranh cơm áo đi, mà làm cái cách cạnh-tranh về tri-đức.

Thử nghĩ mà xem loài người ta mà tiến-bộ mãi lên, có phải là bởi tại cái kết-quả cạnh-tranh cơm áo kịch-liệt không ? Nếu thế thì xưa nay những người tài giỏi tất nẩy ra tự trong bọn cùng-dân ở về bậc rất đê-hạ trong xã-hội. Nhưng xét sự thực thì không thế. Những bậc đại-vĩ-nhân không mấy khi nẩy ra ở trong các nhà phú-quí, mà trong các nhà cực bần-tiện cũng ít có những hạng nhân-vật ấy. Vì là trong bọn phú-quí thì nhiều người đua-nịnh, dễ sinh ra chí-kieu khí-nổi, còn người

nghèo-cùng thì đói rét thiết-thân, suốt đời phải chạy ngược chạy xuôi về cơm ăn áo mặc, cho nên cũng không hay nẩy ra được người tài-giỏi xuất-chúng.

Vì thế cho nên những phẩm-tính cao-thượng, những sự-nghiệp vĩ-dại, quyết không phải ở vào những bọn cực nghèo cực giàu trong xã-hội, mà thường sinh ra ở trong những bọn vừa-vừa không nghèo không giàu. Vì là bọn ấy cũng có chút tài-sản, không đến nỗi hủ-bại cái tâm-tính ; tuy rằng không khỏi cần-lao khó-nhọc, mà không đến nỗi khổn-khổ cái hình-hài, còn có thì giờ rỗi để rèn-tập tài-trí, phấn-phát chí-khí. Xem như về thời-đại phong-kiến bọn võ-sĩ sở-dĩ giữ được phẩm-tính cao-thượng, khi-lực thịnh-vượng, mà hay duy-tri được đạo-nghĩa ấy, là bởi không phải lụy về cơm áo, được chuyên-tâm giữ lấy danh-dự đạo-đức, xét lấy chân-lý kỹ-năng, có thì giờ đua-ganh cố-gắng. Nếu bọn ấy mà còn phải lụy về cơm áo thì cũng bơ-vơ mà sống, ngo-ngáo mà chết, làm một thằng nhà què ngu-hèn mà thôi, sao hay phát-dương được cái vẻ-vang về đạo võ-sĩ cho nước Nhật-bản ?

Ông Co-đốc trách bọn nhà giàu bảo là khó dẫn cho vào được thiên-quốc, mà khen những kẻ nghèo cho là hạnh-phúc. Kẻ nghèo khi ấy là trở những kẻ bần-dân nước Do-thái chăm về đường làm ruộng đánh cá, khuyến gắng làm các công-nghệ, để giữ-gìn lấy một sinh-nghiệp độc-lập, Kẻ bần-dân ấy tức là bọn trung-dãng dân-tộc, khác với những kẻ đóng vai nô-lệ đi làm thuê lấy tiền ở đời nay. Cái mục-dịch của chủ-nghĩa xã-hội, là muốn cả toàn-thể xã-hội đều làm cái hạng trung-dãng dân-tộc ấy,

Nay nếu có một người, sinh-nhai cũng tự đủ nuôi mình, không phải đi làm thuê các xưởng thợ, không phải khó nhọc đi doanh-mưu cơm áo mà mong lấy tiền của báo đền, ngày rồi chỉ chuyên

tâm về những điều sở-thích của mình hoặc chế-tạo hoặc trước-tác, thì nghệ-thuật tốt đẹp biết chừng nào? Lại tiến lên bậc nữa thì thám-xét các triết-lý sâu xa, nghiên-cứu các khoa-học tinh-tế, thế chẳng thêm vẻ văn-minh ra hay sao?

Lại xét về xã-hội đời nay sở-dĩ đọa-lạc và làm nhiều điều tội-ác, phần nhiều là bởi tại thiếu thốn cơm áo, phải đi cạnh-tranh tiền-tài mà sinh ra thế; vì thế mà cái phúc hòa-bình trong gia-dình, cái tiết-tháo của người đàn bà, cái danh-dự của người học trò, cũng đều vì đó mà tổn-hại. Cho đến cả phong-hóa đạo-đức của một xã-hội một nước cũng vì đó mà bại-hoại. Xem như nước Nhật-bản giam tù đến bảy vạn người, mà những tội-trang mắc về tội tiền-tài đến bảy phần. Nếu trong thế-giới mà không phải cạnh-tranh về tiền-tài, thì nhân-tâm xã-hội tự-nhiên thuần-khiết, phạm các tội-ác có thể bớt đi được đến già nửa, hay làm cho người ta tuyệt hết cái oán-thù về tiền của, thoát ra ngoài cái vòng chỉ cạnh-tranh cơm áo ấy, chẳng phải là chủ-nghĩa xã-hội đấy ư? Ma-lý đô-thị rằng: « Người ta mà không phải lao-tâm lo đến tiền của thời lại càng thích về kỹ-nghệ làm cho người ta hứng-thú mà hoạt-động luôn ». Ấy cái cách hứng-thú hoạt-động ấy làm cho người ta nhân đó mà lại sinh ra tự-do cạnh-tranh về đường chính-nghĩa cao-thượng, để thúc giục cho xã-hội tiến-hóa mãi lên.

Chớ bảo rằng người ta không phải lo về cơm ăn áo mặc mà không chịu cố-gắng. Thúc giục cái lòng cố-gắng của loài người ấy có phải chỉ tại tiền-của mà thôi đâu? Xem như cố đi thám-hiềm mà tìm ra được Tân-thế-giới, cố học-hành mà phát-minh ra được học-thuật, lại có kẻ lưu-tâm về đường trước-tác văn-học, mĩ-

thuật, lại còn nhiều người đều tùy cái chí-thú ưa thích của mình để làm cho được tài giỏi, trong tâm những người ấy đều có cái sướng-thích vô-ngần mà không thể thôi đi được. Hưởng-chi lại còn được báo đền danh dự về vang, thì ai là chẳng vui vẻ mà hết sức cần-lao? Lại xem như những người thiếu-niên học-sinh mà chăm chỉ đi học, những kẻ binh-lính mà khảng-khái đi đánh giặc coi cái chết như không, những kẻ ấy có phải chỉ vì cơm áo mà thế đâu?

Những kẻ lao-động hiện-đời nay phần nhiều có cái ý chán cần-lao mà tham yên-dật, thế có phải là cái tội của bọn ấy đâu? Nhân-tình người ta ai chẳng thích xem diễn trò, xem đánh bốc, nhưng xem lâu mãi rồi cũng xinh mỗi chán. Hưởng-chi trong một ngày phải phục-dịch lao-động đến và mười giờ đồng hồ mà chỉ được cái áo rách miếng cơm hẩm, từ khi thiếu-tráng cho đến lúc già-nua, không còn có hi-vọng gì cả, thay đổi gì cả, vui-thú gì cả, thì có chán gì bằng; và lại cái chức việc mình làm lại không phải là cái sở-thích của mình, chẳng qua là vì cơm áo nó thúc-bách mà phải làm, đến lúc làm thành được công quả khó nhọc thì lại không được hưởng, đâu có được tiền công ra nữa cũng chỉ đủ để nuôi miệng, như thế mà người ta chẳng uể-oải sinh chán hay sao? Ấy những kẻ lao-động hiện thời nay chán sự cần-lao mà chỉ lấy lười biếng làm vui thú, cũng là tại cái cách tổ-chức xã-hội đời nay nó sinh ra tệ hại như thế.

Loài người ta vẫn là không chịu được cần-lao mãi mãi, nhưng ăn không ngồi rồi mãi cũng không chịu được. Nay thử bảo một đứa lao-động rằng: nay mày cơm áo đã đủ no đủ mặc rồi, lũ chúng mày không phải cần-lao nữa. Lũ ấy lúc mới tất là hớn-hở vui mừng,

cho là thỏa được cái lòng lười biếng của mình. Rồi sau ngồi rồi mãi độ và ngày đến và mười ngày, đến và tháng, lũ chúng nó lại tiếc rằng không có việc gì mà làm, lại muốn cầu lấy một việc tương-dương mà làm, ấy là cái thế nó phải như thế đó.

Thế cho nên ở về cái buổi chế-độ theo chủ-nghĩa xã-hội, thì ai cũng có đủ cơm áo, có lúc nghỉ-ngoi, có lúc vui-thích, rồi sau lại tùy cái sở-hiểu của tâm người ta, cái sở-thích của tính-chất người ta, để cho người ta trong một ngày hoặc ba bốn giờ hoặc bốn năm giờ phải khó nhọc cái tâm-thần tráng-khien của mình để cung-cấp làm việc cho xã-hội. Nếu người đã có nhân-tâm thì ai còn lẩn trốn nữa? Thế mới càng tỏ cái ý-nghĩa rằng « lao-động thần-thánh. »

Nếu bảo cái chủ-nghĩa xã-hội là làm mất quyền tự-do của người, thì là nói sai. Ta hãy thử hỏi lại rằng xã-hội hiện đời nay cá-nhân đã hẳn được tự-do không?

Xem như nước Mỹ là một nước tưởng đã được nhiều quyền tự-do, nhưng xét đến bọn lao-động làm ăn thì đã được tự-do gì mấy đâu.

Mục-lặc rằng : « Cái điều cốt-tử của chủ-nghĩa xã-hội là làm cho đa-số nhân-loại được tự-do hơn ngày nay » theo chủ-nghĩa xã-hội thì quốc-gia là quốc-gia của cả toàn-thể loài người, chính-trị là chính-trị của cả toàn-thể loài người, không phải là của riêng một bọn thiểu-số trong xã-hội.

Quốc-gia ngày nay những người đại-biểu về tư-bản, về ruộng-dất, về võ-bị, chỉ vì cái lợi-ích riêng của nhà địa-chủ nhà tư-bản, bọn quý-tộc bọn quân-nhân mà giữ gìn, chứ không phải vì gì cái hạnh-phúc hòa-bình tiến-bộ của loài người mà giữ-gìn đâu, cái chức-phận quốc-gia như thế nếu mà thực-hành cái chủ-nghĩa xã-hội, thì trước nhất là phải giảm-bớt cái quyền-lực của

quốc-gia đi. Ở về cái thời - đại phong - kiến trước kia, thì lấy loài người mà chi-phối cho loài người, ở về cái chế-độ kinh - tế đời nay, thì lấy tài - sản mà chi - phối cho loài người. Nếu ở về cái xã - hội theo về chủ-nghĩa xã-hội thì cốt - tử là lấy loài người chi-phối cho các tài-sản, khiến cho toàn-thể loài người làm chủ cả muôn vật, chứ có phải là cái chế-độ nô-lệ đâu, khi nào lại bác tước cái tự-do của cá-nhân bao giờ? Có như thế thì mới phát-dương được cái chân giá-trị của loài người.

Chủ-nghĩa xã - hội không những không thừa-nhận cái quyền - lực của quốc-gia, mà lại hết sức bài-trừ quân-bị và chiến-tranh. Hiện bây giờ các nước mạnh trong thế-giới vì phải sắm-sửa quân-bị mà phải mắc nợ đến hai trăm bảy-mươi ức phật-lang. Cứ tiền lãi ra thì phải ăn đến sức lao-động ba trăm vạn người trở lên, và lại phải thêm vài mươi vạn kẻ đình-tráng thường rèn tập việc binh, tập cái nghề giết người, mà làm những sự lao-khổ vô-dụng. Xem như nước Đức phần nhiều những kẻ đình-tráng đều phải bị đòi ra làm binh-lính, những người cây cấy ở nhà quê thì chỉ toàn là người già-cả và đàn bà mà thôi. Than ôi! Như thế thì bi-thảm biết chừng nào! Huống-chi vọt chốc mà sinh ra sự chiến-tranh, thì tổn-hại biết bao nhiêu tiền, chết-chóc biết bao nhiêu sinh-mệnh, mà quốc-gia xã-hội phải chịu thiệt hại mãi không khôi-phục lại được. Chỉ bọn thiểu-số quân-nhân lại được thêm chút công-danh, và làm lợi-ích cho bọn tư-bản mà thôi. Cái tội-ác tai-ách của loài người còn gì hơn thế nữa.

Nếu khắp cả trong thế-giới mà bỏ hết được cả cái giai-cấp các nhà địa-chủ, nhà tư-bản, không có cái cạnh-tranh về đường buôn-bán ở chốn thị-trường, tài-hóa sinh-sản đều phân-phối công-bình, ai ai cũng đều được yên

vui, như thế thì còn nước nào lại khuếch-trương quân-bị để chực đi chiến tranh nữa? Cái tội-ác tai-ách bi-thảm kia đã trừ bỏ đi cả, thì cái tư-tưởng « tư-hải giai huynh đệ » có thể thực-hiện ra được. Chủ-nghĩa xã-hội một đảng là cốt vì dân-sinh, mà các phương-diện khác lại hàm có cái ý-vị to lớn là thế-giới hòa-bình chủ-nghĩa.

Chớ nghĩ rằng chủ-nghĩa xã-hội là cấm-chỉ được cạnh-tranh đấu. Chủ-nghĩa xã-hội là cấm-chỉ cái cách cạnh-tranh về cơm áo, mà thực mở-mang cái đường cạnh-tranh về tri-thức cao-thượng. Chớ bảo rằng chủ-nghĩa xã-hội có ngăn-trở sự cần-mẫn hoạt-động của loài người, chủ-nghĩa xã-hội không phải bài-bác gì sự hoạt-động cần-mẫn, chỉ bài-bác cái nổi khờ-não thắm-sâu của đời người ta. Chớ bảo rằng cướp mất quyền tự-do của cá-nhân đâu, chủ-nghĩa xã-hội chỉ muốn cho đời người thoát khỏi cái đường kinh-tế áp bách, để cho được tự-do phát-siễn cái năng-lực. Chớ bảo rằng là cái chế-độ nô-lệ, cái quốc-gia của chủ-nghĩa xã-hội không phải là quốc-gia giai-cấp, mà chính là cái xã-hội bình-dẳng; không phải là cái quốc-gia chuyên-chế mà chính là cái xã-hội bác-ái, lấy cả toàn-thể nhân dân mà hiệp-đồng tổ-chức lại, do từ địa-phương mà thành quốc-gia, do quốc-gia mà khắp cả thế-giới, khiến cho cùng được hưởng-thụ cái hạnh-phúc tư-hải hòa bình mà thôi.

Nếu quả được như thế, thời phạm ở dưới cái chế-độ về chủ-nghĩa xã-hội, phẩm-tính loài người cũng tấn-tới lên, đạo-đức cũng cao-thượng lên, học-nghệ cũng phát-đạt lên, xã-hội cũng tiến-bộ lên, tí với ngày nay thực là khác xa lắm. Những kẻ cứ lo ngay-ngáy mà ngờ cái chủ-nghĩa xã-hội cũng nên tỉnh-ngộ lại.

60 *Đảng xã-hội vận-động.*

Nhất-thiết cái cơ-quan sinh-sản để làm của công, tài sản phân-phối ra cho

công-bình, tuyệt-bỏ cái chế-độ giai-cấp đi, tổ-chức ra một cái xã-hội hiệp-đồng, đem những việc ấy mà thực - hành ra, thực là muốn cải-cách xã-hội đó.

Tuy vậy, không phải là muốn cải-cách bằng cách bạo-động đâu.

Cái trạng-thái xã-hội ngày nay đương thay đổi mãi không thôi, cũng như là các loài sinh-vật nó tổ-chức tiến-hóa mãi không thôi. Nó đã tiến-hóa thì tất phải thay đổi, nếu chột cái mà đứng lại thì loài sinh-vật và xã-hội cũng đều tuyệt-diệt cả. Cho nên sinh-mệnh mà được lâu dài thì phải tiến-hóa luôn, quyết không có lúc nào đình-trệ cả. Cái trạng-thái của xã-hội cũng tất phải thay mới đổi cũ luôn, quyết không có lẽ nào đứng đưng được. Chỉ vì nó tiến-hóa thay đổi rất là ẩn-vi, người ta không thể biết được. Nhưng trong cái lúc ẩn-vi tiến-hóa thay đổi ấy vẫn vạch ra một đoạn-lạc phân-minh để làm tân-kỷ-nguyên ấy tức là cuộc cải-cách xã-hội đó.

Nguyên việc cải-cách có phải là việc ngẫu-nhiên đâu, thực là cái kết-quả tất-nhiên bởi cái trình-độ tiến-hóa nó thành ra, thời-đại cũ đã qua, thì tất là sinh ra thời-đại mới, thời-đại mới lại qua, thì tất là lại có một thời-đại mới khác nữa, kế-tục thay đổi luôn mãi cũng như là loài người ta sinh đẻ con con cháu cháu trăm đời vô-cùng, có khác gì đâu?

Nhưng lúc sinh-đẻ có người khó có người dễ, việc cải-cách cũng có lúc khó lúc dễ, lúc sinh đẻ thì thân-thể người mẹ thường mắc phải cái nguy-hiểm phi thường, lúc cải-cách lẽ nào lại không như thế?

Cho nên xét xem thân-thể người mẹ tổ-chức phát-đạt thế nào để giữ lấy mạnh khỏe, khiến cho khi sinh đẻ được dễ-dàng ấy là cái chức-vụ của quan thầy thuốc và các bà đỡ. Xét xem cái trạng-thái xã-hội nên tổ-chức như

thế nào, lựa theo cái đại-thể tiến-hóa mà thuận chiều sửa lại, mong làm nên cuộc cải-cách hòa-bình ấy là cái trí-lự của các nhà xã-hội. Cái đảng xã-hội ngày nay thực là nhận lấy cái trách-nhiệm thầy thuốc và bà đỡ để chữa cho xã-hội đó.

Đầu thế-kỷ trước, đảng xã-hội quật-khởi lên, ở nước Anh thì có Oa-văn, nước Pháp thì có Gia-phả-đa, Thánhtây-môn, Phi-ly, Bạch-lan; ở nước Đức thì có Hoa-đức-linh-cách. Những bọn ấy chỉ-trích cái chế-độ hiện-thời nay rất là thống-thiết, mà muốn thực-hành cái lý-tưởng ấy cũng rất là nhiệt-tâm. Tuy rằng thế, lúc ấy cái chủ-nghĩa xã-hội phát-đạt hẳn còn nóng-nổi, chưa nghiên-cứu được kỹ, nên lo toan lắm việc hão-huyền, bọn ấy hoặc khởi ra cái xưởng thợ làm đồ sinh-sản chung, hoặc mở ra cái đất thực-dân sinh-hoạt cùng chung cả, muốn đem cái khuôn mẫu của mình, đúc lại xã-hội, vẫn tưởng rằng cái thế-giới lý-tưởng ấy xuất-hiện ra ngay. Nhưng đảng ấy chỉ theo về nhân-đạo mà nghị-luận, chứ chưa rõ cái nền khoa-học; chỉ chăm muốn kiến-thiết ra, chứ chưa biết theo cái đường tự-nhiên tiến-hóa, vậy nên cứ nối theo nhau mà thất-bại luôn là phải,

Bởi thấy những cuộc đời xảy ra như thế thì ai cũng nói rằng: « Cái cách vận-động của đảng xã-hội thật là nóng-nảy ngồng-cuồng, chỉ mong lo toan những sự hão-huyền, chứ không khi nào đạt được mục-dịch, thế nào rồi cũng tiêu-diệt hết đi mà thôi. Than ôi! Người nói thế là chỉ biết một chữ không biết đến hai. Nóng-nảy ngồng-cuồng thì có thể lạnh đi được, không-tưởng hão-huyền thì có thể tan đi được, còn như chân-lý có lẽ nào lại trảm-mai mãi mãi đi được chăng? Cái chủ-nghĩa xã-hội bây giờ thực là ở trong đám tro tàn các đảng xã-hội trước kia lại nhóm chày lên mà sắp phát-sinh ra vậy.

Từ năm 1847 Mã-khắc-ti cùng với bạn là Ân-cách nhĩ phát-biểu một tờ tuyên-ngôn về đảng cộng-sản, kể rõ cái đầu đuôi lịch-sử về giai-cấp chiến-tranh để hô-hào kẻ lao-động vạn-quốc đồng-minh với nhau đến giờ, thì cái chủ-nghĩa xã-hội mới nghiêm-nhiên thành ra một khoa-học phải nghiên-cứu, không phải ngồng-cuồng hão-huyền như khi trước. Đảng xã-hội cũng biết rằng xã-hội là một loài cơ-thể, không phải chỉ bằng lý-tưởng mà mong cải-tạo được. Đảng xã-hội cũng tin về cái lẽ lịch-sử tiến-hóa chứ không mong về bạo động mà thành công được.

Đảng xã-hội cũng biết rằng tổ-chức ra những cách sinh-hoạt chung nho-nhỏ, tất không trách khỏi cả toàn-thể xã-hội họ cạnh-tranh đầy sáo đi mất, mà cách tuyệt với hình-thể xã-hội chỉ bằng lý-tưởng kiến-thiết riêng ra một địa-phương, thời cũng không khỏi thất-bại, bởi vậy đảng xã-hội quyết không có phá-hoại mất hòa-bình của cả toàn-thể xã-hội, chỉ dần dần làm cho cái chủ-nghĩa mình mở rộng thêm thế-lực ra, theo cái lẽ lịch-sử tiến-hóa tự-nhiên, dần dần đem cái chính-sách ra để thực-hành, được phần nào hay phần ấy, để mong đạt được cái lý-tưởng cho hoàn-toàn. Thế thì đảng xã-hội chủ-trì một cách như thế nào?

Đảng ấy không phải là không có đảng chính phủ, nhưng cái cách vận-động thì không có hành-hung như cá-nhân, mà làm cái cách liên-hợp cả toàn-thể. Đảng ấy không phải là đảng hư-vô, cái phương-pháp không làm sự chiến-tranh khích-liệt, mà làm cách hành-động hòa-bình. Cái đồ võ-khí của đảng xã-hội chỉ có ngôn-luận tự-do mà thôi, chỉ có thế-lực đoàn-kết mà thôi, chỉ cầu lấy quyền-lợi tham-chính mà thôi. Thế cho nên đảng xã-hội cả vạn-quốc đều hướng về mặt chính-trị mà vận-động, nếu chủ-nghĩa xã-hội

mà dư-luận của thế-giới đều hướng theo cả, thời đa-số nhân-dân trong xã-hội đều là người đảng-viên trong đảng xã-hội cả, theo cái cách tuyển-cử phổ-thông thì thế nào cũng được cái quyền-lợi tham-chính. Nếu các đảng-viên trong đảng xã-hội mà được làm đại-biểu trong nghị-viện phần nhiều, thời những cái cơ-quan hành-chính ở các địa-phương, các đoàn-thể tự-trị ở nơi thôn-xã, đều theo đảng xã-hội chuyển-vận mà tiến-hành, bấy giờ đảng xã-hội bắt đầu lộ-chức lại xã-hội cũng dễ.

Nhưng chỉ vì một nỗi trình-độ dân các nước, và cái kết-quả của lịch-sử, cái trạng-thái của xã-hội mỗi nước một khác, thời cái phương-pháp thứ-tự cũng phải mỗi nước làm một khác. Cho nên còn phải cân-nhắc các việc hoãn-cấp, các vật nặng nhẹ cùng là cái thời-buổi, cái cách người, nên như thế nào. Tuy rằng chưa quyết-định được cái điều-mục lợi-vật, như cái quyền tham-chính thì phải phân-phối cho cả đa số nhân-dân, cùng là phải bảo-hộ đàn-bà trẻ con, giáo-dục cho khắp các khoa-học, hạn-định cái thì giờ lao-động cho có chừng, chuẩn cho kẻ lao-động được công-dồng hợp-tập, đặt ra các xưởng công-nghệ hoàn-toàn, những điều đó là việc thứ nhất. Hoặc bắt đầu làm một bộ-phận, hoặc bắt đầu làm một địa-phương, hoặc có quan-hệ về tư-bản và ruộng đất thì cũng dần-dà giảm bớt cái quyền-lợi của bọn thiểu-số giai-cấp họ chiếm giữ đi, những điều lợi-ích gì mà họ chiếm-giữ riêng, thì cũng để làm của chung cho cả toàn-thể xã-hội, cứ dần dần tiến-hành mãi không thôi, rồi đến lúc tất cả những cơ-quan sinh-sản đều đem làm của công cho xã-hội cả thì có khó gì.

Cái phương-châm của đảng xã-hội vận-động như thế, thì cái công-quả thành-tính có thể mong-đợi được. Lặc-tát-nhĩ-thị thường than rằng : « Những kẻ lao-động ngu-tối kia, nó ngủ mê bao

giờ mới tỉnh ? » Lời nói ấy mới độ 40 năm về trước, mà 40 năm sau này, cái chủ-nghĩa xã-hội của nước Đức số người đã theo đến 2.500.000 người, mà những người làm đại-biểu nghị-viên đã được hơn 70 người. Những người theo về chủ-nghĩa xã-hội bên nước Pháp cũng đến 1.500.000, mà có đến 130 người làm đại-biểu nghị-viên. Nghị-hội nước Anh tuy rằng đảng xã-hội còn ít, nhưng hai cái chính-đảng lớn trong nước nay đã theo cái chính-sách của chủ-nghĩa xã-hội. Như những việc hành chính trong các đô-thành, đại-đề cũng theo về chủ-nghĩa xã-hội. Còn các nước khác bên Âu-châu, các nước bên Mĩ-châu, nếu những nước nào gần ở về cõi đất văn-minh thì cũng phát-sinh ra đảng xã-hội cả. Thế thì cái thế-lực của đảng xã-hội đã phát đạt, cái chủ-nghĩa của đảng xã-hội đã khuếch-trương, không khác gì như lửa cháy nước chảy không thể ngăn cấm được nữa.

Vi-phông các nước văn-minh lập-hiến, dư-luận của xã-hội đều theo về ta cả, cơ-quan chính-trị cũng ở trong tay ta, thế thì cái sức bình-mã cái quyền cảnh-sát có làm gì được ta không? Những hạng phú-hào kia cũng phải hãm về cái vận-mệnh không thể sao được, thế thì cái cuộc cải-cách của chủ-nghĩa xã-hội cũng cứ đường-chính theo một cách hòa-bình trật-tự, đem chế-độ của các nhà tư-bản riêng mà bỏ trừ hết đi. Mã-khắc-ty bảo : « Cái tân-thời-đại nó phát-hiện ra » cũng dễ như nước chảy mà thôi.

Than ôi! Cải-cách xã-hội như thế thì làm ơn cho người ta chỉ một cách hòa-bình tiến-bộ hạnh-phúc tự-nhiên mà thôi. Ta tính cho cuộc trăm năm xã-hội sau này, ta chỉ lấy làm mừng làm kính mà hoan-ngheh tán thành cho, ta chưa từng lấy làm sợ làm hãi mà ghen ghét bao giờ.

70 Kết luận

Nay đã biết rõ cái bệnh-nguyên nó như thế thì cũng dễ giải-quyết. Ôi ! sự cải-cách về sản-nghiệp thực là một đoạn-lạc lớn trong cuộc tiến-hóa của xã-hội. Cái cách xếp đặt sản-nghiệp của cá-nhân thành là một cái qui-mô rất lớn. Cái sức sinh-sản các đồ vật đều cho cá-nhân chiếm giữ, càng ngày càng phát-đạt bành - trướng mãi ra. Nay mong cho cái tính-nhất nó đích là xã-hội, cái quyền chiếm-lĩnh nó thực là cộng-đồng, cái cách phân-phối nó thực là thống-nhất, thì bọn tư-bản nó quyết không nghe. Bởi thế mới sinh ra cạnh-tranh thành ra độc-chiếm, thành ra vô chính-phủ, kẻ mạnh nuốt kẻ yếu, đa-số trong xã-hội đều cùng làm hi-sinh cho những kẻ có quyền-lợi độc-chiếm.

Cho nên Ân-cách-nhĩ-thị nói rằng : «Cái thế-lực của đảng xã-hội vận-động, tuy là-nhiều người manh-tùng bạo-động phá-hoại, nhưng đã hiểu rõ cái tính chất nó thì tùy ý sai-khiến, cũng thích-dụng cho người ta, cũng như là điện khí có thể thông tin, hỏa-diêm có thể đun nấu được. » Xã-hội hiện bây giờ vì các cơ-quan sinh-sản phát-đạt không lợi, mà hãm vào cách bạo-ngược, trái mất cái phép tắc tiến-hóa của xã-hội. Nếu ai hiểu rõ cái tính-chất lựa theo cái thời-thế mà khai-đạo thi-hành, thì cũng như là điện-quang hỏa-diêm có thể dùng là n lợi-khí cho người ta được.

Đời nay mà học-thuật sở-dĩ tấn-tới, đạo-đức sở-dĩ suy-đổi, các đồ sinh-sản càng nhiều mà nhân-dân càng khổn, giáo-dục càng thịnh mà tội-á : càng nhiều, ấy là vì cái cơ-quan sinh-sản để chiếm làm của riêng. Nếu

cái cơ-quan sinh-sản mà đã bị cá-nhân chiếm làm của riêng, cũng như là người rờ mà tay cầm được dao sắc, chẳng hại mình thì cũng hại đến người.

Cái kết-quả nó là tại phân-phối bất-công. Phân - phối bất-công thì đa-số loài người phải bị nghèo khổn, thiểu-số giai-cấp lại được giàu thêm. Vì giàu thêm cho nên càng kiêu-xa, càng hủ-bại ; vì nghèo khổn cho nên càng đọa lạc, càng tội-ác ; cái thế nó tất-khiến cho cõi đời càng suy-kém mãi đi.

Ngày nay mà muốn cứu-vớt cho xã-hội, khiến cho thoát-khỏi cái vòng thống-khổ đọa-lạc tội-ác, thì cần phải ngăn-giữ, đừng để cho nghèo giàu cách xa, cần phải phân-phối tài-sản cho công - bình ; muốn phân-phối cho công-bình thì phải bỏ cái cách chiếm-giữ cái cơ - quan sinh - sản làm của riêng đi, mà để làm của chung cho cả xã-hội. Nói rõ ra là thực-hành sự cải-cách xã-hội theo lẽ công-bằng mà thôi. Ấy thực là khoa-học nó xui nên thế, lịch-sử nó tiến-hóa nên thế, và cái lẽ tất-nhiên nó phải thế, người ta không thể tránh được.

Than ôi ! cái trảng-quan về vật-chất văn-minh đời nay, tất như thế mới hợp với chân-lý chính-nghĩa, nhân-đạo. Chân-lý chính nghĩa-nhân đạo tức là tự-do bình-đẳng bác-ái nó phát-hiện ra, tự-do bình-đẳng bác-ái nó phát-hiện thì tức là tiến-bộ hòa-bình hạnh-phúc nó phát-sinh ra vậy. Mục-đích người ta chỉ mong có thế mà thôi. Cái lý-tưởng của thánh-hiền xưa nay cũng chỉ mong có thế mà thôi.

ĐÔNG-CHAU dịch



ĐÀN BÀ ĐÔNG - PHƯƠNG (1)

V I

17. — Hiếu-nữ Nhiếp tiều-cô

Hoạ hạnh tươi cười, cổ thơm man-mác, hai ba cây lục liêu, lơ-thơ ở giáp mé tiều-khe, nước khe trong xanh, róc-rách làm ra thành tiếng, khiến người nghe cái tiếng ấy, đủ mát ruột vui lòng; trên khe bắc một dịp cầu nho-nhỏ, dễ thông lối vắng-lai. Ở quanh chỗ ấy có năm sáu mươi nóc nhà, nhà nào nhà nấy đều tự kiếm lấy mà ăn. Cứ đến mùa tháng hai tháng ba, gió xuân êm-đềm mát mẽ quạt vào mặt, phong-cảnh làm vui thích cho người. Người thì đi cây ở ngoài ruộng, người thì dẹt củ ở trong nhà, người thì nướng vào núi mà kiếm củ, người thì tựa vào nước mà kiếm cá, sinh-hoạt tự-nhiên có cái phong-vị thái-cổ. Ôi ! chỗ ấy là chỗ nào ? Tức là chỗ Thái-bình-thôn, đã trừ-danh ở đời về sự-tích người hiếu-nữ và liệt-nữ Nhiếp tiều-cô 聶小姑 vậy.

Thái-bình-thôn cách nơi thành-thị chừng độ sáu bảy mươi dặm, bốn mặt phần nhiều là núi. Dân ở trong thôn trước kia phần nhiều làm nghề-nghiệp kiếm củ ; sau này thì dần-dà bỏ nghề-nghiệp kiếm củ mà làm nghề-nghiệp kiếm cá. Vì rừng rậm sâu núi rậm sau này có sản-xuất loài mãnh-hổ thỉnh-thoảng ra làm hại người. Cái nạn mãnh-hổ, thì chỗ Nam-son là tệ nhất, thôn-dân sợ hổ, bảo nhau không dám đi đến Nam-son. Cũng có kẻ mạnh bạo kết-tập với nhau thành đội, vào Nam-son hái củi, nhưng cũng chỉ ở ngoài địa núi mà thôi, chứ không dám vào sâu.

Một hôm khi trời êm-ái, ở mé Nam-khe bên ven thôn, có một người con gái hãy còn ít tuổi, gánh đôi thùng ra vực nước. Tuổi chừng độ mười ba mươi bốn, phong-vận thì kiều-mị thanh-tú, thể-thái thì đầy-đạm nhẹ-nhàng. Đẹp về bề thiên-nhiên không hề tu-sức, mà thành ra một ả tuyệt-thế giai-nhân.

Khi ấy ở ven cầu có hai người ngồi lên trên vũng cỏ, đương nói chuyện họ chuyện kia, trông thấy Tiều-cô gánh nước đi đến, hai người đều đứng dậy tránh lối cho Tiều-cô đi, và nói rằng Tiều-cô chịu khó lắm, sức Tiều-cô còn yếu mà lại gánh nổi thùng nước đầy thế ư ? Tiều-cô cười, và nói rằng các ông ở đâu lại ? Chợt nghe các ông đương nói chuyện, thế thì trong thôn ta lâu nay có sự gì lạ đấy không ? Là ý hỏi về sự hồ-hoạn đấy thôi, vì trong thôn lâu nay phần nhiều người giới-tâm về sự hồ-hoạn. Một người đáp rằng chúng tôi đương nói về sự hồ-hoạn đây, độ này hồ-hoạn dữ lắm, vừa mới cách mấy hôm nay người quản vườn ở trong thôn là lão Tứ vào Nam-son, lại bị hồ nó ăn thịt mất rồi. Tiều-cô chau mày mà nói rằng khốn nạn, thế thì biết làm thế nào. Liền đặt gánh nước ở trên vai xuống, đứng dừng lại chút lâu dường như có ý băn-khoăn nghĩ-ngợi ; rồi từ-giã hai người lui về. Một người lại hỏi rằng bà Nhiếp-mẫu có được mạnh khoẻ không, sao lâu nay không thấy bà đi ra đến ngoài ?

(1) Xem Nam phong 107.

Tiểu-cô nói rằng xin cảm ơn ông, mẹ tôi độ này cửu canh bận lắm, cho nên không lúc nào rỗi-rảnh ra khỏi cửa đi chơi được. Nói xong lại quảy gánh nước lên vai mà đi về. Hai người ấy, một người là họ Qua, có khi khải hào-hiệp, người trong thôn vẫn gọi là Qua thái-thức; chỗ ở cách nhà Tiểu-cô cũng không xa, với Tiểu-cô là người quen thuộc. Còn một người nữa thì tức là bác Trương-nhị. Hai người ấy trước kia đều giữ nghề-nghiệp đi kiếm củi ra vào chỗ Nam-son.

Tiểu-cô họ Nhiếp ở thôn ấy đã ba bốn đời. Tiên-tổ trước kia ở Đào-hoa-thôn vì yêu mến Thái-bình-thôn phong-tục thuần-hậu và cảnh-vật tú-mĩ, cho nên di-cư sang ở đấy, hết sức cày ruộng mà ăn. Người bố là Nhiếp-mỗ lấy vợ ở Đào-hoa-thôn là Lý-thị, sinh ra Tiểu-cô, Tiểu-cô mới lên hai tuổi, Nhiếp-mỗ chết sớm. Lý-thị nuôi nấng Tiểu-cô cho được đến ngày trưởng-thành, yêu giấu khác nào hòn ngọc ở trên tay. Nhà họ Nhiếp không có người họ gần, lại không có con trai, mới bán ruộng đi làm nghề kéo sợi dệt củi, để tìm đường sinh-hoạt. Người mẹ đã gần bốn mươi tuổi, làm người thì từ-thiện vui-vẻ, khiến người khá thân, người trong thôn ai nấy đều kính-trọng, gọi là Nhiếp-mẫu. Tiểu-cô cũng có tuệ-tĩnh sớm lắm, thông-mẫn hơn người, không những con gái trong thôn không mấy người kịp, mà so với con gái ở nơi thành-thị cũng ít có người bằng, cho nên người trong thôn càng yêu-quí lắm, bảo nhau rằng người con gái ấy sau này chắc đủ làm vẻ-vang cho thôn ta, đều gọi là Tiểu-cô, cái danh-hiệu Tiểu-cô nên tự đấy.

Ông ngoại-tổ Tiểu-cô đời đời vẫn ở Đào-hoa-thôn, tuổi đã ngoại bảy-mười. Đào-hoa-thôn cách Thái-bình-thôn hơn ba mươi dặm, giữa cách một dãy núi tức là Nam-son, qua Nam-son thì tức là Đào-hoa-thôn. Trước kia người mẹ

cùng với Tiểu-cô đến nhà ngoại-tổ, ông ngoại-tổ rất yêu giấu Tiểu-cô. Nhà ngoại-tổ thì người cậu đã chết mà cũng không có con trai, mẹ con Tiểu-cô cứ không đầy vài tháng thì lại một lần đi đến thăm coi. Sau vì Nam-son có hồ không thể đi được, mới cách-tuyệt tin-tức đến hơn một năm.

Một hôm có một bọn lái buôn vài mươi người, kết-đội với nhau, đi qua Nam-son, đều được yên-đn vô-sự đến Thái-bình-thôn. Bọn lái buôn bảo nhau rằng mãnh-hồ dễ nó đi nơi khác rồi, từ nay về sau, đường này có thể thông-hành vô-ngại được. Trong bọn có một người lái thuyền là kẻ láng giềng với ông cụ họ Lý, (tức ngoại-tổ) khi người lái đi, thì ông cụ họ Lý đương ốm nặng, ông cụ có từng gửi lời nhắn sang cho Nhiếp-mẫu biết. Khi người lái đã đến Thái-bình-thôn mới lên đi đến nhà Nhiếp-mẫu. Đến nơi thì thấy một dãy rào trúc, vài nóc nhà tranh, ở cửa ngoài có một con chó nhỏ xinh mập lên tiếng cắn người, Nhà dẫu nhỏ hẹp, nhưng xem ra có chiều thanh-tĩnh vô-trần, có ý siêu-nhiên thế-ngoại. Người lái đẩy cửa vào, nghe trong nhà cóc-cách có tiếng dệt củi. Rồi thấy một người thiếu-niên nữ-tử từ đằng vườn sau bước vào trong sân, tức là Tiểu-cô vậy. Tiểu-cô trông thấy khách vào, vội vàng chạy lại trước mặt mà hỏi rằng bác Chu-từ đấy ư? bác đến lúc nào thế, sao lâu nay không thấy bác đến chơi thôn tôi. Khi ấy Tiểu-cô vừa cười vừa nói nét mặt mừng-rỡ quá chừng. Khách nói rằng phải, tôi đến Thái-bình-thôn tự hôm qua, tôi tự Đào-hoa-thôn lại đây. Tiểu-cô nói rằng Nam-son có hồ, bác không sợ hồ ư! Khách nói rằng chúng tôi kết-đội mà đi, ở trong núi thỉnh-thoảng cũng thấy cái dấu vết chim muông, nhưng chưa từng thấy hồ. Khi ấy tiếng dệt củi ở trong nhà chợt thấy nghỉ, rồi thấy một người

dàn bà lên tiếng hỏi rằng khách ở đâu lại đây, hỏi con ? Tiều-cô thưa rằng : Thưa mẹ, bác Chu-tứ mới ở Đào-hoa-thôn lại đây. Người đàn bà lại hỏi rằng con đã hỏi ông nhà ta được bình-yên chưa ? Tiều-cô thưa rằng con chưa hỏi. Tiều-cô mới mời khách vào trong nhà, thấy một người đàn bà trạc trung-niên sửa soạn khăn-áo ra chào đón, thì tức là Nhiếp-mẫu vậy. Khách mừng cười mà nói rằng Nhiếp-mẫu lâu nay thân-thể vẫn được mạnh khỏe luôn luôn đầy đủ, việc canh cấy mang-bách lắm nhĩ. Nhiếp-mẫu nói rằng vì tính đường kiếm ăn đầy thối, tôi lâu nay thân-thể đã yếu dần đi, không được như trước nữa, nhờ có cháu nó cũng ngoan-ngoãn, đỡ dần tôi được ít nhiều ; bác lâu nay việc buôn bán chắc là phát-đạt lắm thì phải. Nói xong, mời khách ngồi. Khi mẹ đương nói chuyện với khách, thì Tiều-cô chạy ngay xuống nhà đun nước. Khi khách vừa mời ngồi, thì Tiều-cô đã bung khay nước trà đến, dâng lại trước mặt khách ; và thuật những lời nói chuyện với khách ban nãy về sự thương-khách kết-đội đi, Nam-sơn không thấy hồ, nói cho mẹ nghe. Khách cười tùm-tùm nói rằng cô bé này mới lanh-lợi chứ ! năm nay đã lớn hơn năm trước nhiều rồi, tuổi bao nhiêu thế nhĩ ? Nhiếp-mẫu nói rằng nay tuổi cháu mới mười bốn. Khách nói rằng mười bốn mà thân-thể tầm-thước thế nhĩ, tôi tưởng là đến mười-sáu mười-bảy rồi, ông cụ tổ bên kia nhớ có bé lắm đấy. Nhiếp-mẫu nói rằng tôi chưa kịp hỏi cha tôi đây, cha tôi độ nay được mạnh khỏe hay không ? Khách nói rằng cụ hiện đương yếu lắm, nghe đâu vì cụ tư-tướng bà với cô bé mà thành-bệnh đấy. Nhiếp-mẫu nghe lời ấy, gờ tay áo gạt nước mắt. Tiều-cô đứng ở bên cạnh mẹ, cũng hiện ra dáng thảm-đam buồn rầu. Nhiếp-mẫu lại hỏi rằng bác Chu-tứ, khi bác sắp sửa lại đây, bác

có từng đến tiếp-kiến cha tôi không ? Khách nói rằng tôi sắp-sửa đi tôi có đến chào cụ, thấy bệnh-thể cụ nguy lắm, đã hôn-mê đi vài lần, sau rồi lại có lúc tỉnh, mới gửi lời tôi nhắn cho bà mau mau làm phương-kế thế nào đến được Đào-hoa-thôn để cụ nhất-kiến, hoặc có thể nhân sự tương-kiến mà bệnh-thể chuyển đi được chăng ; nếu không thì để một khối hận ở dưới cửu-toàn đấy. Nhiếp-mẫu nghe nói, hai hàng châu lệ, lã-chã khôn cầm, đáp rằng thế nào tôi cũng quyết cùng với con tôi cùng đi. Tiếng nói thê-thảm khác thường. Khách thấy cái thái-trạng mẹ con Nhiếp-mẫu bi-thảm mời không muốn ngồi lâu, ngổ lời cáo biệt. Nhiếp-mẫu chùi nước mắt mà hỏi khách rằng bây giờ bác toan đi đâu ? Khách nói rằng tôi còn có bạn đồng-nghiệp vài mươi người ở chỗ kia sáng mai đi ra đến chỗ thị-thành bán đồ hàng, bà cũng đừng quá nỗi bi-thương, thử dò xét đường Nam-sơn có thể thông-hành được hay không ; nếu thực không có tung-tích ác thú, sẽ nên đi. Nhiếp-mẫu nói rằng khi bác lại đây bác làm phương-kế thế nào ? Khách nói rằng chúng tôi kết với nhau thành đội, đi giữa lúc ban trưa, cho nên không hại gì ; nếu mẹ con nhà bà hai người lỏm-thòm đi một mình, thì chưa chắc đã khỏi sự nguy-hiêm. Nhiếp-mẫu nói rằng đâu có sự nguy-hiêm. tôi cũng thề rằng tôi quyết đi. Mời trình-trọng làm lễ tống-biệt khách.

Khách đi rồi Nhiếp-mẫu mới báo con gái rằng : Thưa ôi! cha ta nhân vì mẹ con ta mà thành bệnh ! bề trai là cậu mày đã chết sớm đi rồi, còn ta là bề gái, nếu ta cứ thỉnh-thoảng đi đến thăm coi, còn đủ yên-ủi được cái tâm-chí bậc già nua ; nay hơn một năm tin-tức cách-tuyệt, vì nhớ nhung mẹ con ta đến nỗi tạt-bệnh, thực đáng xót thay ! Đương lúc bệnh-tình nguy-cấp thế này ! ta nếu chẳng đi, thì thiên-hạ sinh con

đẻ cái ra để làm gì ; còn nổi đường sá sợ có nguy-hiềm thì ta chỉ nên đi một mình, mày cứ ở lại mà giữ nhà, không đi nữa là tiện hơn. Tiều-cô nói rằng : Than ôi ! mẹ đi con cũng xin cùng đi ; mẹ vì có ông ngoại còn chẳng sợ nguy-hiềm, con sao lại một mình sợ nguy-hiềm ; vả lại mẹ đi, trong đường-sá không có người làm bạn, con cùng đi là tiện hơn ; ông ngoại ta yêu con lắm, con nữ nào không đi nhất-kiến đây ư. Nhiếp-mẫu trừ-trừ mãi, rồi nói rằng con cùng đi cũng đỡ phần lo-nghĩ cho mẹ, duy cửa nhà thì phó-thác cho ai ? Tiều-cô nói rằng người trong thôn ta đều có lễ-thói thành-thực, sáng mai dậy sớm, xin mời các bạn láng giềng lại chơi, bảo rõ cho các người biết, nhờ các người thay mặt coi nom cửa nhà cho, chắc không ngại gì. Nhiếp-mẫu nghe lời, từ đây cái nghị đi Đào-hoa-thôn mới quyết.

Sáng sớm hôm sau mẹ con trở dậy sớm, hồng mặt trời bắt đầu chiếu ngang vào dặng cây ở bên rừng. Mẹ con thu xếp mọi thứ đồ-dạ trong nhà đã xong, mới đem những đồ quần áo mặc thường tùy-thân nhu-dụng, gói lại làm một cái bọc to. Rồi sai con gái đi ra mời các bạn láng giềng và các người quen thuộc ở trong thôn đến nhà, để bảo rõ sự-tình. Được một chốc, người trong thôn đến đầy cả ở trong cái nhà tranh, cơ-hồ không có chỗ chen chân mà đứng. Nhiếp-mẫu thông-dong mời các người ngồi, kể rõ ra cái sự bố ốm phải đi hỏi thăm, và xin với các người làm ơn coi-sóc cửa nhà thay cho. Trong đám đông có một người ra bậc trụ-ông-giả nói rằng Nhiếp-mẫu có thể không phải bận lòng về việc coi-sóc cửa nhà, chúng tôi đối với khi mẫu đi vắng, quyết không để cho trong nhà mẫu có sai-xuyến một vật gì. Duy sang Đào-hoa-thôn tất phải đi qua Nam-sơn, không có đường nào khác nữa mà tránh được ; năm trước Nam-sơn có

mãnh-hồ chọt đến, nó thường ra làm hại người, người quản vườn là lão-Tứ ở trong thôn ngày nọ đã từng chôn xác vào miệng hồ, sự ấy mẫu hẳn biết ; mẹ con nhà mẫu bây giờ lui-thủi đi một mình, sự đó không nên. Các người nhao-nhao tán-thành lời bàn ấy, đều ngăn-gián sự đi. Nhiếp-mẫu nói rằng ; Tôi không phải là không biết sự đường sá nguy-hiềm, nhưng cha già tôi ốm nặng, không đi thì sợ rằng mang cái khối hận với trời lâu đất dài. Vả lại vừa mới rồi có bốn bác lái buôn Chu-từ tự Đào-hoa-thôn lại đây, đi qua Nam-sơn, đều vô-sự cả, thì chắc mãnh-hồ nó đã về hang nó rồi, may có lẽ thế. Trong đám đông lại có một người rậm râu nói rằng : « Nếu mãnh hồ nó đã về hang nó, ấy là hạnh-phúc nhất, nhưng sự ấy cũng chưa tất ; mới rồi bọn lái buôn đi qua Nam-sơn lại đây, chúng tôi đều biết cả, không phải họ dám đi một mình đâu, mẫu quả-nhiên quyết chỉ định đi, thì chúng ta nên cử lấy vài người đi đưa mẫu, các ông có chớ là phải không ? » Các người đều tán rằng lời ấy phải quá, Nhiếp-mẫu quả-quyết đi, chúng ta đối với việc nghĩa, nên cất người đưa mẫu.

Qua thái-thúc tức là người có tiếng khí khái hào-hiệp ở trong thôn, mà nói chuyện hồ-hoạn với Tiều-cô khi gánh nước bữa nọ. Khi ấy ở trong đám đông nhẩy ra nói rằng tôi xin đưa Nhiếp-mẫu đi, tôi ngày trước đã từng chém củi ở Nam-sơn, đường neang lối tắt ở Nam-sơn, tôi am-thuộc cả, tôi chẳng đi đưa Nhiếp-mẫu, thì ai đi đưa Nhiếp-mẫu được. Nhiếp-mẫu nói rằng làm phiền cho thái-thúc thế, lấy gì báo lại được. Qua thái-thúc nói rằng : « Cái sự nhỏ mọn ấy, làm gì phải nói báo lại ». Người rậm râu lại nói lên rằng : « Đáo-đề Qua thái-thúc, đáo-đề Qua thái-thúc ! biết đảm-dang sự nghĩa. Nào, còn có ai vui lòng với Qua thái-thúc, cùng đi không ? »

Các người trông nhau, người nào người ấy đều có nét mặt ngần-ngại. Khi lâu lâu một chốc, có một người bạn với Qua thái-thúc là Tưởng-nhị. Tưởng-nhị cũng tức là người bừa nợ cùng Qua thái-thúc nói chuyện hồ - hoạn với Tiêu-cô. Khi ấy Tưởng-nhị đứng lên nói rằng: «Đã Qua-thái-thúc xin đi, tiêu-dê cũng xin đi; tiêu-dê chẳng cùng với Qua-thái-thúc, ai cùng với Qua-thái-thúc». Các người đều đồng-thanh tán khen. Người rậm râu lại nói rằng đã hai ông tình-nguyên đi, thì tôi xin nhận cái trách-nhiệm quản-cổ nhà Nhiếp-mẫu. Các người cũng đều bằng lòng. Nhị đã định rồi, các người ngỏ lời dặn-dò lại hai người, và từ-giã Nhiếp-mẫu, rồi các tán. Nhiếp-mẫu cùng với Tiêu-cô tiễn các người ra ngoài cửa, và tỏ ý cảm-tạ.

Bấy giờ trời đã gần trưa, Qua-thái-thúc hỏi rằng ngày nay đi đấy dư, hay là ngày mai đi đấy dư? Nhiếp-mẫu nói rằng bụng tôi nóng như lửa đốt, chỉ hận rằng không có thể chấp cánh mà bay qua đấy thôi, xin ngày hôm nay đi. Tưởng-nhị nói rằng lộ-trình hơn ba mươi dặm, ngày hôm nay đi còn có thể kịp. Mới giục đi cho mau. Qua-thái-thúc nói rằng bác với mẫu với cô ăn cơm cho đi, tôi về lấy súng lấy dao của tôi lại đây, để làm đồ giới-bị. Nhiếp-mẫu mới bảo Tiêu-cô đi thối cơm Đương ăn cơm chữa xong. Qua-thái-thúc đã đến, thì vai đã đeo một khẩu súng ô-sang, tay cầm một thanh lập-lòe, chuỗi dao dài hai tấc, thân dao dài sáu tấc, (tấc cổ tấc kim cũng có khác nhau, độc giả nên hiểu ý) chữa ra bảo Tưởng-nhị rằng bác ạ, dao này là cái vật rất tâm-ái của tôi. Tưởng-nhị ngắm-nghía khen rằng dao này tốt thật. Tiêu-cô hỏi rằng thái-thúc có phải ăn cơm nữa không? Qua nói rằng không hề, tôi đã cơm tự nhà kia rồi. Lão-thạo sửa-soạn các đồ-vật xong.

Tưởng nói rằng cái bọc quần áo để tôi đeo vai cho, mẹ con mẫu đi chân không còn vất-vả, nữa là mang nôi thế nào đồ vật. Nhiếp-mẫu chỉ dự-bị vài món đồ ăn khô tay xách mang đi. Rồi khép cửa trở ra, bốn người cùng thẳng lối Nam-sơn đảo bước ra đi. Một bước lại một bước, một quãng lại một quãng, hoa thơm cỏ lạ ở đôi bên đường núi, một màu tươi-tốt, dường có ý chào đón người. Duy mẹ con Nhiếp-mẫu khi ấy những lo cùng phiền, vô-tâm ngoạn-thưong. Mà lại sức đàn bà yếu-ớt, dường sỏi đá gập-ghềnh, không đi nhanh lên được, bọn Qua-thái-thúc chỉ phải đi chậm bước lại, vừa đi vừa dòng mẹ con Nhiếp-mẫu, lại vừa đi vừa nói chuyện những sự kể nợ hào-hiệp, người kia nghĩa-khái, để tiêu-khiển trong buổi đường khuất dậm dài, non sâu quãng vắng mà thôi.

Đi đã được khi lâu lâu, đến một cái kiều, gọi là Thập-lý-kiều, vì kiều ấy cách Thái-bình-thôn mười dặm, cho nên gọi tên là Thập-lý-kiều. Khi ấy ngày đã quá trưa, Tiêu-cô mờ-hôi nhễ-nhại, thở hồn-hեն, sức không đi lên được nữa, mới ngồi sụp xuống khoang cầu mà nghỉ. Qua thái-thúc nói rằng nghỉ một khắc chừ, rồi lại phải đi liền mới được; tình dường đi thì ở đây qua dặm Nam-sơn, còn những sáu dặm nữa, tìm lối tắt mà đi, cũng phải đến năm dặm; qua Nam-sơn mà đến Đào-hoa-thôn, cũng còn đến hơn mười dặm, nếu không mau thì ngày hôm nay đi thế nào thấu; vả lại qua Nam-sơn tất phải đi về phận ban ngày, mới có thể an-tâm được. Tiêu-cô theo lời thái-thúc, đứng dậy miễn-cưỡng đi lên, đi độ vài khắc nữa, đến đấy mới thật là chỗ Nam-sơn.

Nam-sơn thì cũng không cao cho lắm, nhưng mà rừng cây to lớn rậm tốt, cây nào cây nấy xin-xit liền trời, trong chỗ rừng cây, cơ-hồ không biết đến

đầu là cùng. Có một con đường lớn, hơi bình-thản, là con đường thông-hành ngày trước, đến nay thì ít người đi lại, loài cỏ mọc lên rậm-rì, loài dây bò ra ngổn-ngang, cỏ - hồ không thể nhận ra được đường lối nữa.

Khi ấy, Qua thái-thúc vai đeo súng, tay cầm dao, làm người đi tiên-phong. Nhiếp-mẫu tay dắt Tiêu-cô đi giữa. Tướng-nhị lưng cồng một cái bọc to, làm người đi đoạn-hậu, để làm cách phòng-bị giới-nghiêm. Bốn người đều tâm-tâm niệm-niệm, khẩn trời đất quỷ thần ủng-hộ cho, ngày nay đi được thoát khỏi nguy-hiểm. Đi được độ bốn dặm, đằng trước mặt có một hòn đá lớn sừng-sực ngăn chẵn giữa lối đi, ven hòn đá có hai ba cái cây to, cành lá rùm-rờa. Tướng nói rằng: « Qua-thái-thúc ơi, hãy ngồi đây nghỉ lại một chút ». Qua nói rằng: « Không nên, cứ đi hơn một dặm nữa, tức qua khỏi phận Nam-sơn, bấy giờ sẽ nghỉ, chữa muộn gì, chứ ở đây chưa nên nghỉ vội ». Tướng nói rằng: « Phận Nam-sơn đã đi được hơn bốn dặm rồi, còn sợ gì, đại-khải Nam-sơn không có hổ nữa; bặc nếu không muốn nghỉ, thì ba người cứ đi lên trước, tôi xin nghỉ lại đây một chút rồi đi sau. » Nhiếp-mẫu nói rằng: « Bọn ta bốn người cùng đi, sao nên để cho bác Tướng đi sau một mình. » Qua bắt-đắc dĩ phải nghe lời.

Khi ấy, Qua-thái-thúc thì đặt con dao ở trên hòn đá, ngồi tựa lưng vào cái gốc cây, vai vẫn đeo súng, ngảnh mặt về đằng trước. Tướng-nhị thì lưng cồng cái bọc áo, tựa vào hòn đá, ngảnh mặt về đằng sau mà ngồi. Nhiếp-mẫu với Tiêu-cô thì ngồi bên cạnh hòn đá. Nhân lấy cái cây với hòn đá làm hình-thể mà ngồi, trông sau trông trước, đều có ý phòng - bị cả. Tiêu-cô khi ấy vì có phải dùng sức đi mà đến thân-thể thấy nóng bừng-bừng, mặt đỏ lên hồng-hồng như đóa hoa đào, điễm-nhiễm với sắc rừng xanh, trông ra hơi

phần điễm-lệ. Qua với Tướng khi ấy đã có ý hơn-hở tự-đắc, nhân cùng nhau nói vài câu chuyện nhàn-dàm. Tướng vừa cười vừa tói, nói rằng nếu sớm biết Nam-sơn đã không có hổ thế này, thì chúng ta đã vào đây chém củi tự bao giờ, cũng có thể thêm được số tiền khá nhiều, để chúng ta mua rượu mà uống cho thích. Qua nói rằng: « Còn trời còn đất còn rừng, còn có bán rượu anh đừng vội chi, hãy đưa Nhiếp-mẫu về Đào-hoa-thôn đã, rồi sau ta sẽ tái-lai, thế cũng được, chứ hại gì. » Tiêu-cô tói rằng: « Các bác đừng vội mừng, tôi chỉ sợ rằng trong núi vẫn còn có hổ nó ở, xem những làn cỏ ở trong rừng, thỉnh-thoảng lại thấy có chỗ lứt đi mà nằm dẹp xuống đất thì khắc biết, chẳng qua chúng ta được phần may mà chữa gặp hổ đấy thôi. »

Qua, Tướng với Tiêu-cô đang nói chuyện, nói chữa dứt lời. Chợt nghe ào-ào như có tiếng gió, ở trong vùng cỏ rậm hăm-hì như có tiếng gấm. Rồi thấy hiện ra một cái trán trắng, với đôi con mắt lốm-đốm xanh xám và sáng lờ. Rõ-ràng một con hổ cái lốt vàng vắn đen, dài độ tám chín thước, ở trong rừng nhảy chòang ra. Tướng-nhị bắt đầu trông thấy trước, tức-khắc lưng cồng bọc áo, do đường đi cũ, bưng đầu chạy thẳng một mạch, trốn biệt đi mất. Qua thái-thúc vội-vàng bỏ dao, kip trèo lên ngọn cây, Tiêu-cô sợ hãi lăn dưng nằm xuống đất. Nhiếp-mẫu khi ấy cũng hôn-mé ngay đi, bất-linh nhân-sự. Hổ mới xông vào vỗ Nhiếp-mẫu, lấy bàn chân trước dận lên người Nhiếp-mẫu, giương bộ vuốt vả xé dày cào. Tiêu-cô ngóc cổ lên, ngảnh đầu lại, thấy mẹ đang bị hổ nó vỗ. Khi ấy nóng tiết nđi giã, không biết con hổ là khá sợ nữa. Mới vùng trở dậy, nhưng không biết làm kể thế nào. Chợt trông thấy con dao ở trên hòn đá, kip cầm lấy con dao ở trong tay, nhảy chòang sang con hổ. Không biết cái

sức khi ấy ở đầu sinh ra, nhảy một cái mà người đã ở trên mình hồ, hai chân đã đạp vào hai nách hồ, nghiêm-nhiên cưỡi lên lưng hồ. Tiều-cô khi ấy lấy tay trái nắm vào chỗ da gáy hồ, tay phải cầm dao đâm vào mình hồ. Hồ biết rằng trên lưng có người mới gầm hét lên thật to, cái tiếng gầm hét đã vang động cả quãng núi rừng, Hồ khi ấy cũng dùng sức để đối-dịch lại với Tiều-cô, mới lấy cái đuôi lớn hết sức quật mãi lên trên lưng, để đánh Tiều-cô. Tiều-cô bị cái đuôi hồ nó đập vào mình, mình thấy đau lắm, cơ-hồ phải rời lưng hồ ra mà sụt xuống. Nhưng lại nghĩ rằng ngồi ở trên lưng hồ, tuy bị cái đuôi nó đập vào, chỉ thấy đau mà thôi chứ cái nanh cái vuốt nó không làm hại được mình, mình đã đắc-thế, nếu sụt xuống thì mình thất-thế, mẹ con mình đều bị chết với nó cả. Mới cố nhịn lấy phần đau, khóa chặt lấy lưng hồ, tay phải cầm dao đâm luôn vào cổ hồ. Nhưng khốn-nạn thay, sức con gái thì yếu, da hồ thì kiên, đâm mãi không thủng, mà hồ nó vẫn không buông tha Nhiếp-mẫu, nó vẫn lấy hai hàm răng đôi bộ vuốt nó càm nó quắp nó cấu lấy người. Tiều-cô khi ấy vừa tiều-tụy, vừa rầu-muộn, vừa cấp-bách bội phần. Qua thái-thú thì ở trên ngọn cây, chĩa súng toan bắn, chợt trông thấy Tiều-cô ở trên lưng hồ, kinh-ngạc vô cùng, sợ bắn phải Tiều-cô, rồi không dám bắn nữa, chỉ giương mắt trông xuống, xem Tiều-cô cử-dộng mà thôi.

Hồ khi ấy bị đâm cũng biết đau, lại dùng trí để đối-dịch lại với Tiều-cô, bất-thình-linh nhảy lên một cái thật cao, cách khỏi mặt đất, hai chân trước chồm lên trời, hai chân sau đạp thẳng xuống đất. Tiều-cô mất thế cưỡi, cơ-hồ sụt xuống. Duy Tiều-cô khi ngồi trên lưng hồ, đã nắm được gáy hồ chắc lắm, dùng sức quá mạnh, móng tay bấm sâu vào da hồ, thậm-chí nắm

đầu ngón tay đã chảy máu cả ra, dầm-dia ra cả bàn tay, cho nên vẫn khóa được lưng hồ, mà không sụt xuống.

Hồ lại dùng trí một keo nữa để đối-dịch với Tiều-cô, lại bất-thình-linh lấy hai chân trước vỗ mạnh xuống đất, lấy hai chân sau đạp thẳng lên trời. Tiều-cô không kịp phòng-bị, hai chân thất-thể sụt về đằng trước, thành ra cưỡi lên cổ hồ, khóa lấy vai hồ, chứ không phải cưỡi lên lưng hồ, khóa lấy nách hồ như trước nữa. Hồ khi ấy lại có thể làm hại được Tiều-cô mới cúi đầu xuống, giơ bàn chân trước lên trên cổ móc Tiều-cô, bộ vuốt xòe ra như cái hoa nở, nhọn sắc khá kinh, áo quần Tiều-cô đều bị rách toạc. Tiều-cô khi ấy nguy-cấp lắm, chỉ tay trái vẫn nắm được gáy hồ, tay phải thì cầm dao, hề thấy vuốt hồ xòe lên móc mình, thì lấy dao đâm vào chỗ thịt giữa bàn chân, hồ thấy đau, lại rụt chân xuống, hề thò lên thì lại đâm, như thế đến ba bốn lần.

Tiều-cô đương lúc nguy-cấp ấy, không biết dùng phép gì để làm chết được con hồ, lấy dao đâm vào mình hồ, thì mình hồ dày những lông, sức mình không đủ đâm thủng được da hồ. Chợt cái trí khôn của Tiều-cô mới xúc-dộng ra, cái trí-khôn ấy thật là cái trí-khôn mới lạ. Tiều-cô lấy mũi dao ngoáy vào lỗ tai hồ, cạo cái lông của hồ ở trong lỗ tai đi. Lại gì giống hồ nó thấy lỗ tai nó ngứa, lại nhân lúc nó đang hăng, nó nhảy lên một cái, rồi cúi đầu xuống, xông thẳng vào gốc cây, để tìm chỗ dụi ngứa. Tiều-cô mới thừa-cơ, quay cái chuôi dao về đằng trước, cái mũi dao cắm vào tai hồ, cái chuôi dao thẳng đối với gốc cây. Hồ xông vào gốc cây, dụi mạnh một cái, cái mũi dao đâm vào tai hồ, ba phần đã ngập được một phần. Khi ấy mũi dao tuy đâm vào tai hồ, nhưng cái

dấu đâm cũng chữa được sâu, sức hồ còn đủ tác-ác, mà Tiều-cô thì đã mất cái lợi-khi để giữ mình đi rồi. Nếu hồ lại thò bộ vuốt lên cổ mà móc Tiều-cô như trước, thì Tiều-cô nguy thay! Duy Tiều-cô lại biết biến-hóa, trước kia thì cố chết giữ lấy cái mẹo nắm gáy hồ, sau này thì bỏ cái mẹo nắm gáy hồ ấy đi mà không giữ nữa. Chỉ dùng toàn-lực của mình, đem cả hai tay hết sức cầm lấy cái chuôi dao ghì xuống đâm vào tai hồ. Cái chuôi dao của Tiều-cô khi ấy đã hơi có thể sai-khiến được đầu hồ, mũi dao dần dần ngáp vào tai hồ đã được khá sâu, hồ thấy đau lắm, mới chịu bỏ Nhiếp-mẫu. Nhưng hồ khi bỏ Nhiếp mẫu rồi, lại càng dùng toàn-lực để đối-cự với Tiều-cô, hồ cố sức giương bộ vuốt cào lên tai móc tay Tiều-cô. Tiều-cô khi ấy không có đồ ngăn-ngừa được bộ vuốt của hồ nữa, đành để cho hồ mặc sức mà cào móc lên tay mà thôi. Hai bàn tay của Tiều-cô đã rách nát cả ra, máu chảy đã đầm đìa ra cả ở đầu hồ với mặt hồ. Nhưng vẫn không chịu buông cái chuôi dao ra, hồ hết sức cào móc, Tiều-cô cũng hết sức đâm xuống; cái chuôi dao lái sang đằng hữu, thì đầu hồ phải chuyển sang đằng tả; cái chuôi lái sang đằng tả thì đầu hồ phải chuyển sang đằng hữu. Khi ấy, cái đầu hồ chẳng khác gì cái mũi thuyền, cái chuôi dao của Tiều-cô chẳng khác gì cái cọc chèo, mà hai bộ vuốt của hồ cũng chẳng khác gì hai bộ móc sắt mới rửa mới mài, hai cái bàn tay của Tiều-cô ở trên đầu hồ cũng chẳng khác gì hai miếng thịt mềm ở trên tróc thớt vậy. Đồi bên đều nguy-hiểm cả mà thắng phụ vẫn chữa phân, sinh tử vẫn chữa quyết như thế đã khá lâu.

Tiều-cô với hồ sát-phạt nhau, hồ hết móc lại gặm, hết gặm lại nhảy, Tiều-cô chỉ nhất-vị cố chết cầm lấy cái chuôi dao. Rồi quanh-co mãi đến ven

hòn đá lớn, hồ chực nhảy lên trên hòn đá, Tiều-cô lại thừa-cơ cái lúc hồ toan nhảy mà chữa nhảy, hai tay hết sức cầm cái chuôi dao ấn đầu hồ xuống, hồ cúi đầu nhảy lên, cái chuôi dao xúc-phạm ngay vào hòn đá; mũi dao đâm vào tai hồ, đến ngáp cả cái chuôi dao, thì con dao đã suốt vào đến bộ óc hồ. Hồ lại gặm lên một tiếng thật to, liền phun máu ra đầy ở mặt đất; rồi phục xuống, chân trước chân sau đều ruỗi thẳng ra, từ đấy cái uy mạnh của hồ mới thật là đẹp. Khi hồ phục xuống, thì chỗ đất phẳng thành ra một cái hố to, vì hồ khi sắp sửa phục xuống, còn dẫy-dụa cào đập một hồi lâu, làm cho đất tung-té lên mà thành hố vậy.

Tiều-cô là một người con gái yếu-ớt, kinh-qua một hồi ác-chiến ấy, con hồ đã sắp chết, mà sức Tiều-cô cũng đã cùng, khi con hồ phục xuống, thì Tiều-cô cũng tự trên cổ con hồ liền ngã ra. Khi ấy mặt trời ở phía tây đã gác núi, trong rừng đã có bóng tối, đầu rừng chỉ thấy ánh đỏ mà thôi. Mấy giờ lâu Qua-thái-thúc ở trên cây, trông thấy cái dị-trạng Tiều-cô chiến-đấu với hồ, kinh-quái vô-cùng, cũng mất cả tri-giác, không biết thừa cái dịp hồ đã bị thương, mà nhảy xuống giúp việc cho Tiều-cô để đánh chết con hồ. Kịp đến lúc trông thấy con hồ đã nằm yên bất-động, mà Tiều-cô cũng ngã xuống rồi, mới tự trên cây sọt xuống đất, đi đến cạnh con hồ, thấy con hồ đầu to mình dài, mũi dao suốt vào giữa bộ óc, dấu đâm rất lạ rất kịch, mới lè lưới lặc đầu. Nhưng hồ hãy còn hơi có tiếng thoi-thóp thở, Qua thái-thúc mới ra sức cầm báng súng đánh mãi vào trán hồ, hồ mới thật chết. Liền đến cạnh Tiều-cô, lấy tay vỗ Tiều-cô, thì chân tay vẫn còn nóng, ngực vẫn còn động, chỉ vì dùng sức quá-độ, cho nên ngất đi mà không cựa-cạy đậy thôi. Đi tìm Nhiếp-mẫu,

thì năm xông-xuốt ra ở ngoài mười bước chân, xem ra thì đã chết rồi, vì Nhiếp-mẫu không quen sự kinh-khủng, vả lại bị nanh hổ sỏ-thương trọng quá. Qua thái-thúc xem xét xong, mới than rằng chúng mình là kẻ trưng-phụ, can-đảm mình lại không bằng một kẻ nữ-tử, mà bác Tướng-nhị sao lại tệ quá, không nên trốn đi trước là phải; bấy giờ Tiều-cô thì thụ-thương, Nhiếp-mẫu đã chết rồi; mình độc-lực, mang thế nào được hai người về thôn, hoặc-giả bác Tướng còn núp náu ở đâu chăng, ta thử đi xuống đọt núi mà gọi xem.

Qua thái-thúc mới xuống dưới đọt núi, lên tiếng gọi to, gọi đến vài mươi tiếng, hơi nghe ở đằng xa có tiếng thưa, càng theo chỗ tiếng thưa mà gọi mãi. Phút-chốc thấy Tướng-nhị bộ mặt nhơ-nhác, lưng còng cái bọc, tự chỗ rừng cây đi ra, nói rằng: « Quá thái-thúc hãy còn chữa việc gì đấy ư, » Qua nói rằng: « Lại đây cho mau, con hổ nó đã chết rồi ». Tướng hỏi rằng: « Thái-thúc dám con hổ chết đấy ư? » Qua nói rằng: « không, Tiều-cô dám nó chết đấy ». Tướng giật mình mà nói rằng: « Tiều-cô, Tiều-cô lại dám hổ chết a! » Qua mới lược-lược đem cái sự-trạng Tiều-cô dám hổ vừa rồi nói với Tướng, Tướng nghe, kinh-hãi quá chừng, rồi hỏi rằng Tiều-cô hiện ở chỗ nào? Qua nói rằng hiện ở trên đọt núi kia, bác đi mau với tôi. Qua vừa đi vừa trách Tướng rằng bác sao lại vội trốn đi trước thế. Tướng nói rằng tôi có phải là định trốn đi đâu, tôi định chạy về trong thôn, hô-hào người trong thôn vào núi trợ thái-thúc; lúc ấy vội-vàng quá, lạc-lối đi vào chỗ rừng rậm, rồi quanh-co mãi không đi ra được, nghe tiếng thái-thúc gọi, mới theo tiếng gọi mà tìm lối ra đây. Hai người vừa đi vừa nói, chợt đã đến chỗ đọt núi, Tướng trông thấy con hổ, kinh hãi

mà nói rằng vật đâu có vật to lớn như thế này! vật đâu có vật to lớn mà bị chết như thế này! Qua nói rằng: Tôi thì xin công Tiều-cô, bác thì công Nhiếp-mẫu, xuống núi đi về thôn; còn con hổ chết ấy, thì sáng mai lại khiêng nó về. Tướng váng lời. Đi nhanh về thôn, kịp về đến thôn, thì sắc trời đã đen như mực, trong thôn đèn lửa đều thấy lập lờ.

Qua, Tướng về đến thôn, người trong thôn đều biết có sự biến ấy, người nào người ấy hót-hơ hót-hải đến tụ-tập hỏi thăm đầu đuôi, người thì thương Nhiếp-mẫu, người thì trách Qua, Tướng, nhưng phần nhiều người thôn khen Tiều-cô là cô-kim-đệ-nhất hiếu-nữ, thân Tiều-cô là nữ-trung đệ-nhất hào-hùng. Thái-bình-thôn nguyên là cái thôn phong-tục thuần-hậu, Qua thái-thúc bấy lâu tiêm-nhiễm cái không-khí ấy, tuy là một kẻ hào-hiệp hư-danh, nhưng cũng không mất cái lễ-thối trung-hậu. Qua khi ấy nhất-diện cắt người đi quyền tiền, để dự-bị về sự làm ma cho Nhiếp-mẫu; nhất-diện tự mình chạy thuốc chạy thang, để cứu lấy sinh-mệnh cho Tiều-cô, Tiều-cô ngay đêm hôm ấy cũng tỉnh ra dần dần. Khi tỉnh dậy, hỏi mẹ tôi đâu? Các người đáp rằng mẫu đã chết rồi. Tiều-cô thương-thảm vô-cùng, gào khóc toan chết theo mẹ, không muốn sống nữa. Người trong thôn hết lời khuyên-giải. Tiều-cô mới ngẩng mặt lên các người mà nói rằng tôi là kẻ bất-hiểu, không cứu được sinh-mệnh cho mẹ tôi, bây giờ tôi xin với các phụ-lão, sáng ngày mai đem con hổ chết ấy lại đây, để tế trước vong-linh mẹ tôi, tôi xin cảm ơn đời đức vô-cùng. Các người đáp rằng Tiều-cô đã nói, xin tắt vâng lời. Các bạn đàn-hà ở trong Thái-bình-thôn, cũng hàng ngày tấp-nạp đi lại với Tiều-cô. Lại cắt hai người thôn-nữ nhận cái

trách-nhiệm khán-hộ; ở liền ngay đây, thuốc thang, cơm-cháo, trò-chuyện, đề ngày đêm làm bạn với Tiêu-có.

Các người trong thôn làm ma đắp mồ cho Nhiếp-mẫu đã yên. Khi ấy Tiêu-có các chỗ bị hồ-hương, dấu thương cũng còn chữa khỏi. Gia-dĩ gan bào ruột héo, cánh hoa thiên-hương quốc-sắc, chiến-đấu với một trận gió độc mưa cuồng, trăm phần nào có phần nào phần tươi. Nhưng cũng cố miễn-cưỡng mang lấy tật bệnh mà đi ra, đến từng nhà các người trong thôn, khấu-dầu tạ-ơn, đề tỏ nghĩa báo-hiếu. Lại tạ-ơn họ Qua họ Tưởng có công giúp mình trong khi sinh-tử. Từ đây cái sự Nhiếp-nữ ở Thái-bình - thôn dân hồ, huyền-truyền khắp cả mọi nơi, kể gần người xa tranh nhau đến xem mặt Nhiếp-nữ, lấy cái sự biết được mặt Nhiếp-nữ, làm một sự hân-hạnh vô-cùng. Tiêu-có vì có thương mẹ, cảm-thương quá-độ, suốt sáu tuần mãi, tiếng gào gào mãi, gia-chi các chỗ thương cũ nó lại phát lên xương-cốt đau-dớn như dằm; người trong thôn vẫn coi-nom cẩn-thận. Nhưng chữa đầy một tháng, thì đã thành một giấc ngủ yên mà không trở dậy nữa. Than ôi! hương tiêu ngạt nát, nguyệt quạnh băng tan, cá hồn thơm kia lại theo mẹ mà về chín suối vậy. Người trong thôn đều cảm-động về cái hiếu-hạnh của Tiêu-có, mới đem chôn Tiêu-có ở bên cạnh mộ Nhiếp-mẫu. Người trong thôn lại góp tiền với nhau, vì Tiêu-có lập đền thờ, gọi là Nhiếp-tiểu-có từ 聶 小 姑 祠. Đền có đề rằng: « Tự cổ cập kim, vị kiến Nhiếp-Tiểu-có chi hiếu-liệt. 自古及今, 未見 聶 小 姑 之 孝 烈. » Nghĩa là tự xưa đến nay, chưa thấy người nào vừa hiếu-thuận vừa oanh-liệt như Nhiếp-Tiểu-có. Về sau những nhà danh-ngôn, đua nhau nói chuyện Nhiếp-nữ

thích-hồ 聶 女 刺 虎 (1), lấy làm kỳ-dam. Những nhà danh-bọa, cũng thi nhau vẽ tranh Nhiếp-nữ thích-hồ, lấy làm kỳ-bút.

Lời phê-bình

Thực-giả xem đến truyện này, nên có hai điều cảm-tưởng. Một là cảm-tưởng về cái luân-lý của gia-tộc Đông-phương. Hai là cảm-tưởng về cái lễ-thói của xã-hội đông-phương. Lại nên có mấy điều quan-sát, là quan-sát về cái thái-trạng những người có hư-danh mà không có thực-hạnh ở đời. Nay luận-giả cũng không dám ngại tốn bút mực, xin giải rõ như sau:

Nhiếp-mẫu thờ chồng tự thừa đầu còn xanh, là một người thuần-túy tiết-phụ; nuôi con tự thừa hòn máu đến lúc trưởng thành, là một người thuần-túy từ-mẫu; lại mạo-hiềm đi thăm bố, là một người thuần-túy hiếu-nữ. Trúng rỗng lại nở ra rỗng, cửa hiếu-nữ lại sinh ra hiếu-nữ. Nhiếp-tiểu-có chỉ biết có mẹ là khá yêu, không biết có hồ là khá sợ, đã chứng rõ ra được chữ mẹ con đứt ruột, mẫu-tử tinh-thâm. Cái rề luân-lý nó chẳng-chặt với nhau ở trong cõi tâm-tinh, đời đời kết-hợp, không thể gỡ ra được, cho nên sinh-tử làm đầu, cũng không hề thay đổi, cái luân-lý ấy mới đủ chắc bằng. Ấy gia-tộc Đông-phương khi xưa như thế vậy, trách nào đời đời có hiếu-tử, đời đời có hiếu-tôn. Góp gia-tộc lại thì mới thành quốc-gia, quốc-gia với gia-tộc vẫn có một cái dây quan-hệ mật-thiết với nhau. Gia-tộc mà sản ra nhiều hạng hiếu-tử hiền-tôn, thì quốc-gia tất hưng-thịnh. Gia-tộc mà sản ra nhiều hạng bất-hiếu-tử bất-hiền-tôn, thì quốc-gia tất diệt-vong.

Xã-hội Thái-bình-thôn, đại-đề là cái xã-hội cày ruộng kiếm cá mà ăn, dệt vải mà mặc, chằm củi mua rượu mà

(1) Thích hồ = đâm con hồ.

uống. Người Thái-bình-thôn đối với Nhiếp-mẫu khi còn, cả thôn kính yêu gọi là mẫu. Đối với Nhiếp-mẫu khi chết, cả thôn góp tiền làm ma. Đối với Nhiếp-mẫu khi đương-sá nguy-hiểm, cả người đi đưa. Đối với Nhiếp-mẫu khi vắng nhà cả người coi sóc. Đối với cái hiếu-tâm của Nhiếp-mẫu, không dám cố đem miệng lưỡi mà ngăn ngừa. Tiều-cô là kẻ thiên-nhiên quốc-sắc, cả thôn lấy làm vẻ-vang. Tiều-cô khi gánh nước đi qua, có người đứng dậy tránh đường. Tiều-cô khi sâu thăm tật-bệnh có người đi lại, có người khuyên-giải, có người com-cháo thuốc-thang, có người nhận lấy trách-nhiệm khản-hộ. Tiều-cô khi đem trả cái khí thiêng của trời đất, thì cả thôn góp tiền nhau lại lập đền thờ, đề chữ hiếu-liệt để tiêu-biểu cho Tiều-cô. Người Thái-bình-thôn đối với Nhiếp-mẫu đối với Tiều-cô, cũng đã hiển chứng ra được cái lễ-thối thuận-hậu của Thái-bình-thôn, mà cũng đã hiển chứng ra được cái thuận-tùy của xã-hội Đông-phương. Ấy xã-hội Đông-phương khi xưa như thế vậy, trách nào nói giống đời đời này nữa. xã-hội đời đời êm-dềm, nam-thanh nữ-tú đời đời xuất-hiện ra nhiều. Xã-hội Đông-phương ngày nay, có còn như thế không? Mà cái thuận-tùy của xã-hội Đông-phương ngày xưa, hoặc còn có điều gì sót lại, có nên rẻ-dùng mà phá-hoại đi không? Kể lưu-tâm về nói giống, quan-tâm về xã-hội, cũng nên hỏi-dầu lại mà tìm lấy chỗ không-khí thanh-thời, đừng để cho cái bức tường cá-nhân với cái bức rào cạnh-tranh nó ngăn-chắn ngay ở trước mặt cho quá lắm, thì nói-giống hạnh-phúc về phần nhiều, xã-hội hạnh-phúc về phần nhiều.

Xưa nay cuộc đời bao giờ cũng vẫn có một hạng người có hư-danh mà không có thực-hạnh, đã không có thực-hạnh, lại hay có sức-từ, (lời văn-sức đề đối người) Qua thái-thức với 1 uổng-nhị hai bác, là người đại-biêu về hạng ấy.

Qua-thái-thức ở đám đông nhầy ra tự-nguyện đi đưa Nhiếp-mẫu, cũng biết cái danh-dự hào-hiệp là qui, cho nên thích làm. Những người hiếu-danh ở đời, phạm sự kỳ-thủy rất là nhiệt-thành, cũng giống như thế.

Qua-thái-thức khi đi đường, bán những sự hào-hiệp nghĩa-khải, để tiêu-khiển quặng rừng xanh. Những người làm thì chữa tất đã hay, mà lại hay nói cho đẹp chuyện, rút lại những sự hay-ho kỳ-dị của thiên-hạ hoặc của cỏ-nhân, chẳng qua là một món tiêu-khiển nhân-dâm của người ấy mà thôi, người ấy cũng giống như thế.

Qua thái-thức là kẻ hào-hiệp, há có bỏ mẹ con Nhiếp-mẫu; duy thấy con hồ nó choàng ra, cái sống cái chết nó đến nơi, bấy giờ mới bỏ mẹ con Nhiếp-mẫu; nếu cứ được thung dung vô-sự, thì Qua-thái-thức còn hào-hiệp mãi. Những người gết cái chiêu-bài quân-tử, đeo cái mặt nạ anh-hùng, há có bỏ chúng-bạn bỏ đồng-bào, duy cái lợi cái hại nó đến nơi bấy giờ mới bỏ chúng-bạn bỏ đồng-bào, nếu cứ được có lợi luôn luôn mà không hại gì, thì người ấy còn quân-tử mãi, còn anh-hùng mãi, người ấy cũng giống như thế.

Qua-thái-thức ở trên cây, giương mắt trông xuống, xem Tiều-cô đánh nhau với con hổ, nếu Tiều-cô đánh nhau với con hổ, thì Qua-thái-thức chữa tất đã giương mắt. Những người thấy việc dễ thì đứng về cái địa-vị chủ-động, lúc thấy việc khó thì đứng về cái địa-vị khách-quan, cũng giống như thế.

Qua-thái-thức đương lúc con hồ nó còn hung-hăng, thì người với súng không rời ra khỏi chỗ ngọn cây; đến lúc con hồ nó đã sắp chết, chỉ còn thoi-thóp thở mà thôi, mới ra sức cầm báng súng đánh mãi vào trán con hồ. Những người hay trung-lập để xem thành-bại, đương lúc thành-bại chưa phân, thì

tiêu-dao-cục-ngoại, đến lúc biết rõ là bên nào thành, mới te-tái ra sức giúp đỡ bên thành, đạp đỡ bên bại, để chực sự dấy máu ăn phần, cũng giống như thế.

Quan-thái-thúc trách Trương-nhị sao vội trốn chạy đi trước. Nhưng không biết một đảng chạy vào rừng rậm, chạy được xa, một đảng chạy lên ngọn cây, chạy được gần, xa gần đều là chạy cả. Thủa xưa đã có câu chuyện ngũ-thập bộ tiểu bách-bộ, lại có câu ví thồn-bon méo miệng chê trai lệch mồm, cũng giống như thế.

Trương-nhị khi đi đường núi, đỡ lấy cái bọc nặng-nề cho Nhiếp-mẫu, cũng là hảo-tâm, đến lúc trông thấy con hổ, thì ù-tê chạy. Sẽ biết cái hảo-tâm của Trương-nhị chỉ khả-di thực-hành về lúc bình-an, chứ không khả-di thực-hành về lúc nguy-hiểm được. Những người có hảo-tâm mà không có tinh-huyết, cũng giống như thế.

Trương-nhị nấp ở đầu rừng, làm cái kế thoát-thân. Đến lúc ra, lại nói ra rằng định chạy về hồ-hào chúng bạn vào núi đánh hổ, chẳng may lạc lối ở trong rừng, xuýt nữa cũng nguy-hiểm, nghe có tiếng gọi mới tìm đường ra được, lời nói khéo-léo thay! đẹp-đẽ thay! Cứ như lời nói, thì Trương-nhị tuy không phải là người có đóm, nhưng cũng là người có tâm; tuy không dư phần công-lao, nhưng cũng chia phần nguy-hiểm. Những người nói ra vị-dân đề văn-sức sự' tham, nói ra yếm-thế đề

văn-sức sự' lười, nói ra tân-kỳ đề văn-sức sự' dốt, nói ra cạnh-tranh đề văn-sức sự' độc-ác, nói ra khai-phóng nói ra văn-minh đề văn-sức sự' phóng-túng sự' xa-xỉ, cũng giống như thế.

Qua với Trương nếu cứ gan lỳ ngồi đấy, mà phòng-bị cho cẩn-nghiêm, thì con hổ chưa tất đã dám khinh-nhờn. Duy Qua thì lấy ngọn cây làm chỗ thái-bình-thiên, Trương thì lấy bụi rậm làm nơi an-lạc-quốc, cho nên con hổ nó khinh-nhờn, mà nên doan - sự' vạy. Những người không biết nghĩa đoàn-thề là cái gì, cũng giống như thế.

Còn như Nhiếp-tiểu-cô, không những là kẻ hiếu-nữ, mà lại là kẻ liệt-nữ, không những là kẻ liệt-nữ, mà lại là kẻ tri-nữ. Không có cái tri-khôn ứng biến thần-kỳ, không giết nổi con hổ ấy. Xem một đoạn Nhiếp Tiểu-cô chiến-dấu với mãnh-hổ, chẳng khác gì xem cuộc cờ ông Đế-thích, xem trận-đờ ông Không-minh, xem ông Kha-luân-bổ tìm miếng đất can ở Đại-tây-dương, xem ông Nã-phá-luân bơi chiếc thuyền con ở Địa-trung-hải. Nhiếp-tiểu-cô đã học hành gì chưa? Nhiếp-tiểu-cô là một người con gái thôn-quê sớm chiều đỡ mẹ đi gánh nước, chữa học-hành gì. Nhiếp-tiểu-cô bao nhiêu tuổi? Nhiếp-tiểu-cô là một người con gái yêu-điều xinh-đẹp nhất đời, mới mười bốn tuổi.

TÙNG-VÂN

SÔNG CHẾT

Lò tạo-vật đúc nồi kim cõ, hóa hóa sinh sinh; cuộc trần-hoàn thay đổi âm dương, mơ mơ mộng mộng. Sông chết là mệnh người không thể biết trước được, vì quyền ở tạo-vật. Tuy nói rằng kiếp ở đời như cuộc tang-thương, như tranh vân-câu,

như bóng câu qua cửa sổ, như cánh pho tắt ngọn đèn, ba vạn sáu nghìn ngày là mấy, kiếp phù - sinh trông thấy những buồn tênh, nhưng người nào sống, người nào chết, năm nào sống, năm nào chết, thì mờ-mờ mịt-mịt, đứng giữa bầu trời

không bao giờ biết được, mà người ta sờ-đĩ sống là nhờ ở lòng hi-vọng. Ngày mai thì nắp quan đã úp, mà ngày nay còn hi-vọng tuổi hạc trăm năm, năm sau thì gió đốc đã tàn, mà năm nay còn hi-vọng thể sờ trăm tuổi. Cái lòng hi-vọng ấy rất có quan-hệ với người vậy.

Ôi ! cuộc ở đời một cái bề khơi, sống bao nhiêu cũng là ngày sâu tứ. Vô-lậu những kẻ bần-hàn, mấy người khinh-tiện, xương đồng da sắt, gian-nan trái mấy khúc bần than ; lửa cơ dao hàn khó-nhọc biết bao lần sương tuyết. Ngày tháng nhiều tân-khổ càng nhiều, lịch-duyet lắm gian-nan lại lắm. Đành vậy !

Đến như mấy người phú-quí, những kẻ vinh-hoa, bát sứ mâm sơn, ăn ở quen mùi chung-đỉnh : áo xanh quần tía, phong-lưu ra phết trâm-bào. Nhưng cuộc đời lắm lúc gian-nguy, bề hoạn nhiều khi giông tố, càng phú quí càng thêm tư-lự, càng vinh-hoa càng lại ưu-sầu. Ông Trang Chu rằng : « *Tạo-vật lao ngã dĩ sinh, tức ngã dĩ tử* » - Vậy thì sự sống không nên vui, mà sự chết cũng không nên buồn mới phải. Thế mà xưa nay ai cũng muốn sống, ai cũng sợ chết. Nói đến sống thì Hà-lạc Tử-vi bói trường-sinh ở trong đầu-sổ ; nhưng-tinh giải-hạn, cầu tục-mệnh với bác thiên-tào. Nói đến sự chết thì rỏn gáy rùng mình, thất thần mất vía, chỉ e nhất-đán vô-thường, thôi thì thiên-thu vĩnh - quyết. Tuý-sinh, mộng-tử như thế là có làm sao ? Chẳng là bởi lòng hi-vọng đó chăng ? Ngày nay cùng-khốn mà hi-vọng ngày sau vinh-hoa, ngày nay bần-tiện mà hi-vọng ngày

sau phú-quí, vận này bĩ-khốn mà hi-vọng vận khác thái - hanh, lúc này gian-truân mà hi-vọng lúc kia khang-cát. Ngau-ngữ rằng : « Một ngày dương gian bằng vạn ngày âm-phủ, » là thế. Nhưng đó là ái-sinh ố-tử, thương-tình người ta. Nếu bản kẻ anh-hùng, hào-kiệt, đương khi xử-biến hành-quyền, nhất-sinh nhất-tử, thì quan-hệ to lắm. Thế-đạo nhờ đó mà duy-tri, nhân-tâm vì đó mà phòng-phạm, không lấy thường-tình mà bán được. Vì xử biến hành-quyền, có khi nên sinh, có khi nên tử. Nghĩa nên sinh thì sinh, nếu nên sinh mà tử thì là muội-tử, nghĩa nên tử thì tử, nếu nên tử mà sinh thì là tham-sinh. Tham-sinh muội-tử đều không đáng cả.

Sinh tử mà quan-hệ với thế-đạo nhân-tâm thì chỉ có anh-hùng hào-kiệt mới hay.

Thử xem người đời xưa : Lê Lai chịu chết giải-vi, Thái-tổ mới nên công-đại-định ; Vũ Tánh chịu chết Bình-định, Cao hoàng mới khôi-phục Phú-xuân. Chết mà quan-hệ với đời lại như thế !

Quản Trọng tướng Hoàn mới nên công-cửu-hợp, thánh - nhân khen rằng nhân ; Quan-công về Tào mới định nghiệp tam-phân, vật-luận khen rằng nghĩa. Sống mà quan-hệ với đời lại như thế !

Đức Không-tử nói rằng : « sát thân thành nhân » nghĩa là giết mình để nên điều nhân. Lại nói rằng : « tử nhi vô bối » nghĩa là chỉ ham mệnh thì chết không ăn-năn được. Hai câu ấy thật đáng làm gương sinh tử cho muôn đời vậy.

MINH-PHƯƠNG



Mĩ-thuật nước Pháp

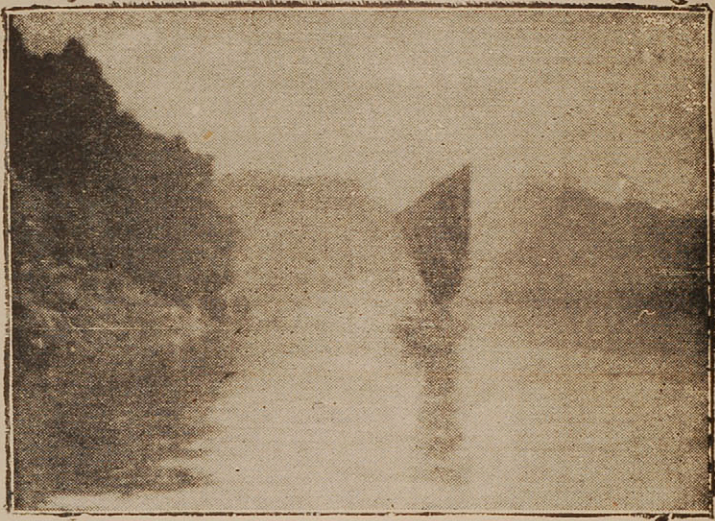


Sự Đói-khát (*La Faim*)
(Của PAUL-ROGER BLOCHE chạm)

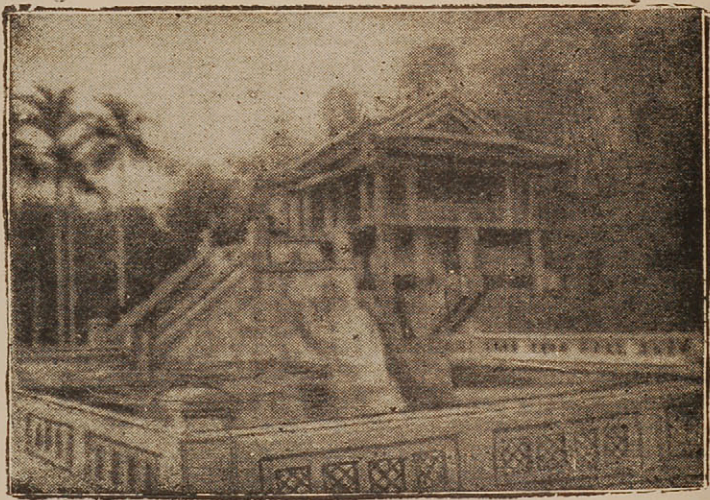


Sự Tư-tưởng (*La Pensée*)
(Của ALFRED BOUCHER chạm)

Tượng đá ở sở Bảo-tàng « Pèül-Palos » thành Paris.



Sông Hát giang
(đường đi vào chùa Hương)



Chùa Một cột

Kinh ảnh T. C. Khuyến

QUỐC-NGŨ QUỐC-VĂN

Nhớ ngày kỷ-niệm cụ Tiên-diễn

« Có gì mà sợ,
 « Có gì mà lo...
 « Truyện Kiều còn, tiếng ta còn,
 « Tiếng ta còn, nước ta còn... »

PHẠM QUỲNH

Thần thơ

Hán-lich mừng mười tháng tám, là ngày Kỷ-niệm cụ Tiên-diễn, húy là Nguyễn Du. Từ Nam chí Bắc quốc-dân cho cụ là nhà trước-tác bộ sách *Kim-Vân-Kiều*, là thi-sĩ là « thần thơ », công-lao lớn hơn hết của cụ, là gậy dựng cho dân An-Nam một nền quốc-văn phong-phú, phong-thú. Mỗi khi xem sách quốc-văn, xem báo-chí quốc-văn, đều như nhắc nhớ đến Cụ, Cụ thật là ông tổ quốc-văn của ta vậy.

Tiêu-diệt

Báo *Nam - Việt hưởng - truyền* (21 tháng 6, 1926) ông Ưng-hoè dẫn lời ông L. FINOT trường Đông-phương Bắc-cổ, lược-dịch sau đây :

« Tại xứ Chiêm-thành tức là xứ Chàm, xa trông mấy ngọn tháp, xây gạch màu đỏ, còn đứng cao vòi-vọi, còn đứng vững-vàng giữa non xanh đầy ; trên bia, hầy còn ghi - tạc các công-nghiệp vĩ-đại cổ-thời ; nhưng than ôi ! than ôi ! chữ xứ Chàm, từ giờ này tới tận-thế ai là hiểu được ? »

Ông L. FINOT thương-xót ngậm-ngùi mực dấy, chính thổ-nhân xứ Chàm lại ngậm-ngùi thương- tiếc đến đâu ! Xe người đi trước đã ngã, người ái-quốc há ngồi yên ; — còn nói chi đến bọn người chỉ lo tìm món cao-lương, chỉ lo loè-loẹt lột văn-minh giả dối, chỉ lo bày mưu lập kế mua tước mua quan...

Đồng-hoá

Vì có xuất-thế ông CHAMPOLLION thứ nhì, ông lựa một trăm người dân Việt-Nam, không biết và không thương quốc-ngữ, đem về bên mấy ngọn tháp xứ Chàm, dạy học chữ xứ Chàm, tập lấy lễ-nhạc phong-hóa xứ Chàm, cho ăn mặc theo dân xứ Chàm ; bọn trăm người Việt-Nam này lại là bọn túy-sanh mộng-tử, lại tự-cao, ra tuồng quên tiếng An - Nam, không giao-thiệp với người An-Nam, khinh rẻ tiếng Nam, phong-hóa lễ-nhạc xứ Nam ; như có thể thì trăm người Việt-Nam này sẽ không phải là người Việt-Nam nữa. Nếu một ngàn người Việt-Nam như thế, một triệu người, hai mươi lăm triệu người Việt-Nam như thế, thì máu-mủ giống người Nam vẫn còn, nhưng thương thay, nước Nam không còn.

— Số trăm người Việt-Nam trên sẽ ra sao ?

— Đã là nhập-tịch dân Chàm thì sẽ lần lần thành ra người Chàm thiên-tạo. Lâu dần sẽ gây dựng ra một xóm Chàm, một làng, một quận Chàm, một châu, một tỉnh Chàm, một xứ chàm. — Ông trời nào, ông thánh nào sẽ gây mầm cho chữ Chàm, sẽ gây mầm cho xứ Chàm, sẽ tái-tạo xứ Chàm. Than ôi, bao giờ được thế ? Xem đó quốc-văn gây-dựng lại được, quốc-gia văn-hồi lại được, chữ tiêu-diệt trước thì xứ tiêu-

diệt sau ; xú tiêu-diệt theo chữ, và lại tiêu-diệt luôn từ giờ này tới tận-thế, không vãn-hồi được nữa. Ta nghĩ người Chàm đã mất chữ, ta buồn ; ta nghĩ người Nam còn chữ Nam, còn tiếng Nam nói chuyện vui cười với nhau, ta vui mừng ; mừng này cao-thượng chánh-đáng ; mừng này ngàn vàng khó mua chuộc.

Cảnh-tĩnh

Trót mười năm trường, tại Hà-nội, *Nam-Phong tạp-chí* lo luyện-tập quốc-văn ; *Nam-phong tạp-chí* ra gánh-vác một việc quan-trọng rất mực ; gió Nam khua chuông cảnh-tĩnh, đồng-bào người Nam đã nghe rõ, người Pháp như nghị-viên ARCHIMBAUD đã nghe rõ, sự-nghiệp của tạp-chí *Nam-Phong* qua một ngày là một bành-trướng thêm ra ; hạng thức-giả, dầu ở trong nước, dầu xa cách dặm ngàn, dầu nơi chân trời góc bể, đồng khâm-phục, đồng trông cậy còn nhiều về sau. Người Nam đã thấy gương tiêu-diệt tro-trơ trước mắt, tự-quyết gia-công học tập quốc-văn, gia-công nói ra nói vào cho con em không hò-hững với quốc-ngữ, cho con em đề ý vào quốc-ngữ, không dám tri-hoãn, chờ cho ông Trời Đông-Á sinh ra tại xứ Đại-Việt một cụ Tiên-diên thứ nhì.

Tu - thư

Trong xứ An-Nam, chữ quốc-ngữ là thứ chữ đáng trọng đáng thương. Người Pháp là di-quốc, đã thường xưng rằng mình ở nước văn-minh tuyệt-phẩm về cận-thời ; người Pháp sang xứ Nam, thường nghe tiếng Nam, cũng phải mến quốc-ngữ và gia-công học lấy, Mến đây, có lẽ là mến thật, mến tinh-thần chữ quốc-ngữ, không phải chỉ mến món tiền vài trăm bạc, mà phải nhọc công hôm sớm, phải hao-mòn trí-não. Năm nào cũng có người Pháp học quốc-ngữ và kỳ thi nào cũng có đỗ. Theo lời Phạm Quỳnh tiên-sinh (*Nam-Phong tạp-chí*, 1922 1923 - Pháp-

du hành-trình nhật-ký), bên Âu các tàng-thư-viện có các thứ sách và có sách chữ Hán có bộ sách nhiều lời ba bốn trăm quyển, sang bên Âu, có công học chữ Hán muốn thi Trạng-nguyên Tiến-sĩ, cũng không lo nổi thiếu sách. Người Âu tom-góp sách-vở, chõng-chất nhiều như thế, là mến tinh-thần Đông-Á. Xem như bác-sĩ SYLVAIN LÉVI có tình thương-mến, cố-ý khảo-cứu chữ Đông-Á. Cách ba mươi năm trước bác-sĩ đã khảo-cứu thông-thạo chữ Ấn-độ, và ít lâu ngài sẽ sang Đông - đô khảo-cứu chữ Nhật-bản.

Người Âu ân-cần chữ Hán, người An-Nam nên học-tập chữ Hán, rồi ra học quốc-văn không dụng-công bao nhiêu. Tại Hà-thành, dụng nên ban tu-thư. Trong hội Khai-tri-tiến-dức, đã có người thay mặt quốc-dân cầu-ơn bảo-hộ. Trót mấy tháng trời, từ Cà-mau chí Lào-kay, Nam-quan xuống Hà-tiên, trẻ thơ đều hơn-hở ngâm-nga nhiều câu rất êm-diệu như câu :

. . . Khi vào canh cử ;

. . . đề chờ kịp khoa ; . . .

nhân đây mà mến thương quốc-văn và sau này sẽ noi theo con đường quốc-văn vào rừng triết-ly, vào tòa khoa-học. Thức-giả đều mong-mỏi cho con em đề ý vào quốc-ngữ. Hại thay, vừa dựng ban tu-thư, đã vội bãi ban tu-thư. Sợ dân ta học quốc-văn chậm bề tấn-bộ nối gót Xiêm-la Nhật-bản chẳng kịp đi chẳng ? Nếu thiệt nhân-đạo như thế, quốc-dân thành-tâm cảm ơn. Nếu là hiểu lầm, quốc-dân đồng-thanh kêu nài tận-lực. Sau này, dầu sao sao, chưa quyết-đoán được. Cũng không sao mà phải lo thái-quá. Hiện nay nghĩa-vụ của người đàn anh, là gia-công nói hơn, nói thua, chỉ rõ cái hại, cái lợi cho con em được biết. Không muốn cho ta học, mà ta vẫn học quốc-văn được, vẫn bảo-tồn, vẫn bồi-đắp cho quốc-văn được. Có người phân lúc rảnh-rang, cho chữ

Cao-miên, hoặc là chữ Anh là hay, rồi tự mình ép lấy mình, một đèn một sách, mãi mãi cũng thông-hiểu được, và làm diên-văn tiếng Anh, lại được lời khen, quyết chí thành sự. Ông luật-khoa tân-sĩ Phan Văn-Trường (*Đông-pháp thời-báo* : bài diên-thuyết ngày 17 tháng 3 năm 1925 : *Việc giáo-dục học-vấn trong dân-tộc An-Nam*) nói rằng : « Trung-quốc học bằng tiếng Trung-quốc ; Nhật-bản học bằng tiếng Nhật-bản ; Nga-la-tư học bằng tiếng Nga-la-tư. » Nói điều theo ông : người An-Nam học chữ quốc-ngữ ; tổ ý ham học, rồi sách quốc-ngữ sẽ có.

Ngày xưa tiền-nhân còn trú trong hang đá, mà dám mơ-mộng cao xa, mơ-mộng được một cái nhà vừa ở không lớn, không cao ; lại mơ-mộng cho được có giấy có mực. Đã được nhà vừa ở, nhà lớn, nhà cao hơn hai mươi tầng lầu ; đã được giấy mực, lại được máy in chữ, máy đánh chữ. Mơ-màng cao xa như thế mà lâu năm còn phải được thay, hưởng-chi quốc-dân không mơ-mộng điều chi cao xa cho lắm. Nay quốc-dân thì dẫu ham học, quốc-dân mơ-mộng cho được một cuốn sách quốc-ngữ. *Nhà trước-tác không nhìn đời, mà biên-dịch được sách. Phải có nhiều người quyết-chí đọc sách, cố ý mua sách, sẽ có sách.* Nếu không dám bỏ tiền ra mua, ai ai cũng không mua, thì tờ báo một ngày một mòn mỗi, rồi sẽ tiêu-diệt.

Xưa bên Á, bên Âu không ai xem nhật-báo, không có nhật-báo. Nay đâu đâu cũng có người muốn xem báo, đâu đâu cũng có nhật-báo. Việc sản-xuất nhật-báo quốc-văn cũng mừng-mừng-tưng-tưng sản-xuất sách vở quốc-văn này. Người An-Nam hết lòng ham học quốc-ngữ, sẽ có ngày giờ học được, sẽ có nhiều sách quốc-ngữ. Bồi-bổ tinh - thần, lại khác nào việc bồi-bổ thân-thể.

Nói rằng chữ phương Âu tươi-tốt, mạnh-mẽ, mở-mang được trí-tuệ, còn

quốc-văn xứ Nam có vẻ ấu-sầu, không giúp đường tinh-thần cho người An-Nam được, không mở-mang trí-tuệ cho người An-Nam được. Việc lẽ gì ?

Chữ Âu được mạnh, nước bên Âu được mạnh. Nhưng có chắc gì được mạnh luôn luôn ; còn người Âu « bán nước », còn người Âu mê-mệt hơi đồng thì nước cho mạnh đến đâu cũng đảo-diên diên-dảo.

Tinh-thần người An-Nam dầu yếu-ớt, nhưng trước sau một dạ trung-thành, thì có hại chi. Thế thì, tinh khảng - khái cũng giữ được nước, nhưng mạnh hay yếu cũng do một phần nội tinh của người.

Chữ Âu giúp cho người Âu được mạnh, quốc-văn cũng giúp cho người Nam được mạnh. Lúa mì nuôi được người Âu ; lúa Đông-Á nuôi được người An-Nam. Còn lúa Đông-Á, thân-thể người Nam chưa đến nổi gì. Còn quốc-văn, tinh - thần người Nam còn được xuê-xang nơi mặt bề Thái-bình-dương này. Còn người An-Nam, còn ý ăn-cần ham học, còn ý băng-hái ham học quốc-ngữ, sách quốc-ngữ hãy còn, quốc-văn mỗi năm mỗi thêm, mỗi ngày mỗi thêm nhiều bộ sách hay. Nền đạo-nghĩa sẽ vững ; người An-Nam mở-mang trí-tuệ được mau, quốc - dân đứng đót với thiên-hạ, quốc-dân, quốc-hồn muôn thuở, muôn thì, cùng với núi sông cùng thọ.

Giải bạc nhất

Quốc-văn sau này sẽ trở nên hay, không ai nói là quốc-văn sẽ hay « hơn hết », dùng một tiếng « hay » là đủ, khỏi thêm tiếng « hơn hết ». Xét ra, có thứ chữ nào là được hay bạc nhất, thật không được vậy. Hay bằng chữ nước người cũng đã lắm công-phu rồi. Nhiều người không suy xét, đeo đuổi « nhồi sọ » bọn dân Đông-Á, làm trò trẻ con, thấy buồn cười. Ngày ngày đều nói : « Chữ xứ chúng tôi hay bạc

nhất trong hoàn-cầu, thế-lực chữ chúng tôi mạnh bậc nhất trong hoàn-cầu. »
Thậm vô-lý. Các ngài nói vậy có thật vậy không? Nếu chữ các ngài hay bậc nhất, sao mấy xứ lân-bang, các ngài lại cho là xứ tối dã-man. Gần một bình mực nhỏ mon, còn phải nhiễm màu đen, huống chi chữ nghĩa các ngài giáp cận trọn mấy xứ dã-man mà lại khỏi lây cái độc «văn-minh» ấy. Hay là tâm-trí các ngài đã nhiễm cái độc văn-minh ấy rồi, nên mới ngông cuồng thế nì.

Á-Âu

Đức Di-đà, đức Không-tử không viết quốc-ngữ bao giờ, thế mà nhà sử người Nam, nhà nho người Nam, mấy ngàn năm sau, đều đọc sách và kinh của hai Ngài được. Âu-nhân Mĩ-nhân khỏi ở dưới quyền chánh-trị của Ấn-độ, của Trung-hoa, không ai bắt buộc học lấy Phạn-kinh Hán-tự, mà cũng đều rõ đức Di-đà xướng đạo bác - ái, Đức Thánh-nhân xướng đạo trung - dung. Ông ARCHIMÈDE, ông THALÈS không viết chữ Anh, chữ Đức bao giờ, mà ngày nay sách khoa-học số-học từ Bá-linh sang Nữu-trớc đều ghi chép phương-pháp của hai ông.

Gần nay ông Lur-thoa, ông Đạt - nhĩ-văn không viết Hán-tự bao giờ, mà khắp khắp Trung - hoa Nhật - bản đều biết chủ-nghĩa nhân-quyền, chủ-nghĩa sinh-tồn cạnh-tranh. Thậm chí, danh-hiệu đức Di-đà, đức Thánh-nhân, lại đổi ra văn-la-tinh, tên ông Nhĩ-văn, tên ông Lur-thoa không viết văn-la-tinh được, lại đổi trại ra chữ Hán, mà nào có chi bất-tiện, không ai là nhận lầm bao giờ.

Xem thế, có cái « óc người giỏi bậc nhất », không có thứ « chữ hay bậc nhất ». Người hay, dầu nói tiếng mán tiếng mọi, sau rồi cũng được làm thầy của thế - giới, làm thầy của muôn đời. Ai là người đức tài đầy đủ, dầu

cho nói, dầu cho viết bằng thứ tiếng gì, sớm trưa trong bốn bề năm châu đều tìm kiếm mà hiểu, dầu khó-khăn cũng không than trách, một lòng chân-thật kinh-mến, vì việc nào lại khỏi nhọc công, lộ - đồ nào lại không viễn-vọng; người không năng - lực, không kiên-tâm học được điều gì.

Liên - lạc

Xem đây, người Nam chuyên cần quốc-văn. . .

— Sao lại quốc-văn? quốc-văn?

— Quốc-văn là thứ tiếng ông cha đã dùng mấy muôn đời; quốc-văn bồi-dưỡng cương-thường luân-lý cho giống Hồng-Lạc, từ xưa nay; nghe mau hiểu, học mau biết; trong làng, trong nước, đi đâu cũng nghe bên tai, khi thơ ngây mẹ đã kể tai nói cho nghe, trí chưa hiểu, mà tai đã nghe quốc-văn là môn ăn ngọt-diệu thứ nhất của trí-não, lâu ngày về sau mà vẫn nhớ mùi. Đã vài năm nay, ông Nguyễn Phan-Long (báo Nam-việt hướng-truyền) nói: tiếng nói là chìa khóa để đạt quyền tự-do, Ông Lương Ngọc-Hiếu (Buổi học cuối cùng; *Thực-nghiệp dân-bào* 12, 13, 14 tháng 7, năm 1926) dịch lời ALPHONSE DAUDET tiên-sinh rằng: « Khi một nước đã phải hãm vào vòng nô-lệ, mà còn giữ được quốc-văn cho hoàn-toàn, thì cũng hình như là giữ được cái chìa-khóa để mở cửa ngục giam mình vậy. »

Ai lại quên lời than của một ông thanh-niên chủ-bút, đảng cấp-tiến, năm 1924, đầu là người tổng An-ninh quân Bình - phước, Tân - An, than rằng: « Gần ngày tết nguyên-đàn, tôi muốn dùng tiếng tổ-quốc, cùng anh em chuyên văn một khi cho có vẻ thân - mặt hơn, nhưng chưa được, vì thời-hế hãy còn bó buộc. » Ông than-thở như vậy; mà về sau, ông dùng tiếng tổ - quốc diễn-thuyết một đôi lần, ai nấy đều chen

chân đến nghe. Gần mười-lăm năm nay, một ông nho-học miền Hậu-giang, trên 50 tuổi, khi sắp từ trần di-ngôn một bài lục-bát, có câu rằng :

« *Chữ kia đã mất, nước không còn gì.* » Quốc-văn đối với quốc-dân có cái cảm sâu-xa, thâm-trầm ; tài sơ-lược khó tả ra cho hết.

Vì ai ngộ-nghịch, chuyên-trị ròng-rã một thứ tiếng Bà-ba, Ma-ni, từ khi sinh tới khi cùng, hoặc là phải theo ăn ở với dân-tộc Bà-ba, Ma-ni, hoặc nói và nghe lấy một mình, chớ cha mẹ, anh em, nghe chan-chát, không hiểu nói gì.

Hoặc có người nói : từ lúc nhỏ tới trên mười tuổi, tôi đã rành tiếng An-Nam rồi, tôi để ngày giờ học ròng nhiều thứ tiếng khác mà thôi, còn quốc-ngữ quốc-văn chi chi đó, tôi được phép bỏ đẹp ra. Nói thế, tựa-hồ hữu-lý. Có học thêm có biết thêm. Học mười ngày, biết rõ hơn là học chín ngày. Nếu quốc-ngữ quốc-văn không thông, thì giao-thiệp với đồng-bào rất khó, và các ông có xướng lên việc chi, có lẽ đồng-bào không hiểu, không phục là một, lại còn nghi rằng các ông đã quên tiếng nói tổ-quốc, có lẽ các ông không còn nhớ thương tổ-quốc và đã dứt cảm-tình với dân-cư nơi tổ-quốc.

Người Nam chuyên-cần quốc-văn, học một môn quốc-văn, học sao cho đầy đủ thì dùng môn quốc-văn cũng đủ đạt nhân-tình, thông địa-thế, cũng gia-công cải-cách trong quốc-dân được ; tư-tưởng cũng vụt sang khắp mọi nơi, chuông đánh xứ mình đã kêu vang-vày dầm-ấm, biết đâu lại chẳng đem đi đánh nước người.

Phong - trào

Gần nay, phong-trào quốc-ngữ đã nổi lên mạnh-mẽ, ví như có trận Nam-phong giúp sức, không ma-lực nào cản nổi. Loại vô-nhân-đạo thấy thế

mà rầu. Không rầu mà chi — Bánh xe tấn-hóa xoay mau như chớp, sức người hèn mọn, người nên đứng xem, người bôn-chôn, người thất-công, và không ăn thua được nào.

Người Nam đi xa xứ, viết thơ về xứ không dùng tiếng mán, tiếng mọi, lại dùng quốc-ngữ. Báo-chi người Nam chủ-trương ở ngoại-quốc, không dùng tiếng Xiêm, tiếng Lào, lại dùng quốc-ngữ.

Cụ Phan Bội-Châu diễn-thuyết bằng quốc-ngữ và nói rằng sẽ gia công luyện-tập quốc-văn (do báo *Nam-Việt hường truyền*, tháng 6, năm 1926).

Ông Bùi Quang-Chiêu, ông Lê Quang-Liêm tức là Bầy (tháng 3, năm 1926) đứng chỗ muôn người làm diễn-văn quốc-ngữ ; người không học, người ít học, người người đều hiểu rõ, đều hoan-nghênh. Bà Nguyễn Khoa-Tùng tức là Đạm-phương-nữ-sử, chánh-hội-trưởng Hội Nữ-công ở Huế, làm diễn-văn quốc-ngữ và sau rồi người Pháp cũng đều hiểu rõ, và có bài diễn-văn đáp lại.

Ở Hà-thành, tại hội-quán Hội Khai-tri-tiến-đức, Hội Tri-tri, mỗi tháng, các danh-nhân đều có diễn-thuyết bằng quốc-ngữ.

Vinh-hạnh

Trước kia, tại Pha-lê-thành, cụ Phan Châu-Trình diễn-thuyết nói tiếng An-Nam, nhưng không điều chi bất-tiện. Ông Trời Đông-Á đã sấm sẵn người dịch lại lời cụ vừa nói ; ví như quan POINCARÉ không nói được tiếng Nga, mà sang *Saint Pétersbourg* cũng thương-thuyết được ổn-thỏa. Quan POINCARÉ dùng quốc-văn xứ Pháp. Cụ Phan Tây-hồ dùng quốc-văn xứ An-Nam.

Hội Đông-phương-ái-hữu bên Pháp thời nay (1922, *Nam-Phong tạp-chi* số 64, và sách: *Mấy lời diễn-thuyết ở Paris*, của ông Phạm Quỳnh) lại được nghe người An-Nam ngâm vài câu truyện

Kiều, và nghe hát vài câu hát, xưa kia sản-xuất tự nơi đầm-ấm thanh-nhàn, tự nơi vườn dâu, ruộng lúa xứ Đại-Việt, là nơi « trắng » và « đen » ít khi cùng nhau kết tình tương-thân, tương-trợ, là nơi thường khi « trắng khoe trắng tỏ hơn đen » và « đen lại khoe « đen tỏ hơn trắng ». Đã bảy-mươi năm dài đặng-đặng, người Pháp sang bán-đảo Ấn-dộ-Chi-na, vào công-đường, công-quán, diễn-thuyết bằng tiếng Pháp, vỗ tay như sấm nổ. Tiếng nước Nam lâu nay những mờ-màng; hoặc các khâm-mạng sứ-thần sang Pháp đã dùng, hoặc học-sinh người Nam sang Pháp, có hát lý cho bầu bạn người Pháp nghe cầu vui, cũng có lẽ; còn đem ra nói tại nơi hội-quán chính-tề bên Pháp, người Pháp lại ra tình trân-trọng, lần này mới là một.

Người Pháp nghe hát câu: *chiều chiều lại nhớ chiều chiều*..... thích hay không thích?

Ai đã từng vào ngoạn-cảnh tịch-mịch như ông Đông-hồ và các bạn ông Đông-hồ (bài ký «Đi chơi Đế-thiên Đế-Thích» trong *Đông-pháp thời-báo*; bài ký «Chơi Châu-nham Hà-tiên» trong *Đông-pháp thời-báo* 18,20 tháng 8 năm 1926), nghe giọng hát véo-von của con trẻ Cao-miên, dầu không hiểu mà cũng ngẩn-ngơ sâu-thẳm vô-cùng. Hưởng chi người Pháp, tai đã quen âm-nhạc, qua giọng phù-trầm, lại càng cảm được nhiều.

Người Pháp được nghe tiếng Nam, và chúc thọ cho tiếng An-Nam, quốc-dân lấy làm vinh-hạnh.

Tiếng ta còn

Cho hay, làm nên công nên việc, không phải vì thứ tiếng nào, thứ chữ nào. Nào ai lại mộng-tưởng là Trời đã sinh một thứ chữ nào hay hơn quốc-văn xứ Nam, để áp - chế lấy quốc - văn xứ Nam.

Phạm Quỳnh tiên - sinh nói (*Nam-phong tạp-chí* số 101, tháng 12 năm 1925): « Tiếng là nước, tiếng còn thì nước còn, tiếng mất thì nước mất, mà mất đó mới thật là mất hẳn, không sao vẫn-hồi được nữa. »

Nghe tiên-sinh thường ân - cần dạy bảo những lời tâm - huyết như thế, chẳng dám bỏ qua.

Năm 1924 là năm thứ nhất, nhân Hội Khai-tri-tiến-đức làm lễ kỷ - niệm cụ Tiên-diền, Phạm Thượng-chí đã nói:

« Có gì mà sợ,

« có gì mà lo :

« ..Truyện *Kiều* còn, tiếng ta còn.

« Tiếng ta còn, nước ta còn ... »

Tiêu-thụ nội-hóa

Quốc-văn xứ Anh - cát-lợi, xứ Anh-cát-lợi lấy làm tiện-dụng, lấy làm hữu - ích cho quốc - dân xứ Anh. Nếu có hại, hay là vô - ích, thì người Anh lâu nay không luyện-tập quốc-văn xứ Anh nữa, và quốc-văn xứ Anh đã tiêu-diệt « tự tám-mươi đời rồi ».

Người viết bài đã hân-hạnh gặp một ông hay săn-sóc quốc-ngữ quốc-văn lắm và nhiều khi ông đã thí-dụ như sau này. Trẻ con lên bảy lên tám mà cũng hiểu được rõ.

Cậu Nam ở gần nhà tên Ý, và tên Nhật. Cách xóm chừng hai ngày đường lại có nhà tên Pha. Cậu Nam biết chữ quốc - ngữ mà thôi. Mấy người kia, người thì biết chữ Pha chữ Nhật-bản, người thì biết chữ Ý-đại-lợi. Cậu Nam sở-thích cái lối văn-minh cực-kỳ đẹp-đẽ, săn-sóc y - phục, không săn-sóc miếng ăn; con cháu dầu ngu dốt, dầu gầy còm, cậu không màng; bỏ tiền ra bao nhiêu cũng không tiếc, miễn là sắm cho được cái lối văn-minh mới nghe. Cậu Nam thường thường hay rao cho xóm làng biết rằng lối văn-minh tại xứ Pha mới thiệt đẹp. Ngày kia,

vơ-vét đủ món tiền, mới cây anh Ý và anh Nhật gửi thơ mua cái áo và cây đèn bên xứ Pha.

Hai anh này nói rằng :

— Anh lên Kinh-kỳ, vô tiệm người Pha thì mua được, không thiếu món nào. Nay gửi thơ, rồi trông đợi lâu ngày, trông đợi nhọc lòng.

— Tôi đã biết vậy nhưng tiệm người Pha chung dọn rục-rỡ thái-quá, gạch bóng bóng quá. Chân tôi hãy còn « dính phen » nơi ruộng, bước lấm gạch, e chủ rầy chằng.

Tôi không thạo tiếng Pha. Tuy đã có người thông-ngôn cho tôi, mà tôi vẫn lấy làm ngại, vào đấy nói chuyện không xuôi, càng nhiều chua xót.

— Hai anh em tôi không biết tiếng Pha, vậy thì anh phải chịu khó đến cây anh Pha giúp cho.

— Tôi đi rồi bỏ công việc nhà, không ai làm. Thêm tốn tiền xe, tiền tàu. Phải chi nhọc công, mà gửi thơ đi mua được máy bay, tàu ngầm, đem về nộ hơi cho « sừ cóc » « sừ nhái » phải nhảy xuống sông, xuống biển cũng nên. Nay mua món đồ thường dùng, thôi thì viết thơ qua xứ Nhật xứ Ý cũng xong việc. (Tiếng « sừ cóc » « sừ nhái » đây, là học đòi ông Tùng-vân trước-tác bài « Xã-hội loài nháy », *Nam-Phong tạp-chí*, số 88, tháng 10 năm 1924).

Đạo-đức tư-lợi

Trong làng anh Nam, nếu nhiều người biết chữ Pha, nếu chính-phủ xứ Pha đã khéo liệu trước, đem quốc-văn xứ Pha ân-cần dạy dỗ cho dân trong làng ấy, thì cái thơ mua hàng sẽ gửi qua xứ Pha được. Có lợi cho xứ Pha nhiều bề. Nhà buôn có lời; người làm công trong nhà buôn có việc làm, tránh được nạn đình-công, có tiền nuôi được thê-tử, nhà nước xứ Pha được tiền thuế của nhà buôn góp cho, rồi lấy tiền này mà mở-mang trong xứ, hăng tàu, hăng xe có

chở thơ, có trâu được lợi. Mấy lời này, dân xứ Pha sẽ phản-đối như vậy : « Nhà người mau quên ơn. Ta chẳng nề lao-khổ, bỏ cửa bỏ nhà, thấy nhà người ngũ say, động tình thương hại, đến vô vào vai người thiệt mạnh cho người giạt mình thức tỉnh người dậy, gọi người kịp kịp bước lên con đường văn-minh tấn-hóa, chịu nhọc-nhẫn như vậy, là thể tấm lòng nhân-đạo ông cha di-truyền mấy muôn đời ».

Dầu cãi lẽ như thế, bọn chúng tôi vì chưa khỏi tật cảm, không nói lại được, chớ ai lại chẳng thấy bề lỗ tai, thấy bề đầu, văn-minh đâu chưa thấy, đã thấy văn-minh tự xưa nay ai lại chẳng biết hề dạy chữ Pha thì lợi-ích cho người Pha, chữ Ý thì lợi-ích cho xứ Ý, chữ Nhật thì lợi-ích cho xứ Nhật. Chung-qui làm ra việc gì không mấy khi vì lấm lòng nhân-đạo, và thường khi lại vì tư-lợi. Tự đòi thương-cổ, ông thánh, ông hiền giáo-hóa dân cũng vì đạo-đức, cũng vì lợi-ích, không lợi riêng cho ngài, thì lợi chung cho cả chúng-dân. Đời nay ai là thánh hiền. Lo cho dân-tộc xứ mình chưa kham, ghét lây nước người họa may, chớ mấy ai lại thương lây nước người.

Xuất-cảng

Ngoại-quốc biết chữ xứ Pha, thì hữu-ích cho xứ Pha, cái áo, cây đèn ở xứ Pha, cuốn sách, tờ báo, máy móc xe lửa, xứ Pha sẽ tiêu-thụ được nhiều hơn.

Ngoại - quốc biết chữ Anh - cát - lợi, thì thế nào lại không hữu-ích cho xứ Anh. Người An-Nam học quốc-văn xứ An-Nam, sẽ giúp cho nước Nam được phú-cường.

Đã biết trong đời không khi nào được cái tuyệt-đích, được cái hoàn-toàn. Trong nước An-Nam có người nghèo hèn, người ngu dốt, người bệnh-tật. Trong nước Anh lẽ nào lại không có người bệnh-tật, người ngu dốt, người

nghèo hèn. Nếu nước Anh muốn giúp cho dân trong nước mình, dầu có bao nhiêu tiền, cũng không sợ chi. Thế mà có nhiều mối quan-trọng hơn; nên chi không lấy tiền kho lập nhà thương, cất trường học trong nước mình, lại đem tiền cất trường ngoại-quốc để dạy người ngoại-quốc. Hiện nay nước Anh vì hạt Ai-nhĩ-lan đã đòi quyền độc-lập, dường như yếu mất một cánh tay; nạn công-sản, nạn đình-công thừa thế lấn vào. Nhưng mấy trăm năm về trước, nước Anh vẫn là phú-cường đệ-nhất. Tàu bè đi buôn khắp cả năm châu, lợi được nhiều, thanh-thế được nhiều. Tới đâu cũng rải ít nhiều tiếng nói nước nhà, chủ nghĩa nước nhà. Đám dân ngoại-quốc, bèn mùi chữ Anh, mới tìm phương học-tập. Người Anh lại sang đây lập nghiệp. Nhà nước xứ Anh do theo đó mà lập trường dạy học, dầu lập trường mà tốn bạc triệu cũng không màng; xứ Anh phải chịu sở - phí mấy buổi sơ-dầu. Sau rồi chúng - dân bèn mùi quốc-văn xứ Anh, chúng-dân vui lòng chịu món sở-phí đó.

Chánh-trị

Nhân-dân mấy xứ đó buôn bán quen thuộc, nhiễm lấy phong-tục văn-hóa xứ Anh, nếu thế-lực kém xứ Anh, thì lâu dần sẽ nhiễm-nhiên thành ra ở vào quyền bảo-hộ của xứ Anh vậy.

Chữ nghĩa gồm làm một, phong-tục văn-hóa gồm làm một, mối lợi-quyền gồm làm một. Bên xứ Anh, binh-cơ hữu-sự, mấy xứ như Ai-cập, Ấn-độ, Gia-nã-dại sang giúp. Mấy năm về trước, mỗi khi đại-biêu nước Anh vào hội Nghị-hòa, vào hội Vạn-quốc, lại được trông cậy vào mấy lá phiếu của đại-biêu xứ Ấn-độ, Ai-cập, Gia-nã-dại. Như thế, nơi trường tên đạn cũng có

người giúp, nơi trường ngoại-giao cũng có người giúp. Nhiều tay vừa giúp nước Anh thì dân nước Anh được nhờ, quyền-lợi nước Anh khỏi sợ áp-chế, nước Anh đã có thế-lực, thì ngoại-quốc cũng vị tình không nở phản-đối. Như thế người Anh có đem bột giống văn-minh mà rải cho ai, có đem quốc-văn xứ Anh mà dày công luyện-tập cho ai, thì ai đó sẽ được hưởng nhờ, nhưng hưởng lấy hơi thừa mà thôi, chớ dầu mối là lợi ích cho người Anh. Và lại, thường tình không ai còm nhà mà đi làm việc bá-gia từ đời nọ sang đời kia bao giờ.

Quốc-văn xứ Trung-hoa

Chữ Tàu đã rải khắp được ít ra cũng ba nghìn năm nay, mấy bậc thánh-hiền xứ Tàu, là bậc tiên-tri tiên-giác.

Nhờ vậy nên chữ Hán ngày nay lại màu-nhiệm, thần-thánh hơn chữ Anh-cát-lợi.

Học chữ Anh không phải dễ, nhưng khó nhất là tập đọc, tập nói. Học chữ Tàu, dù không đọc được in hết giọng của người Bắc - kinh, miễn là học cho biết chữ, cũng dùng được. Mấy tỉnh nước Trung-hoa và luôn cả xứ Cao-ly, Nhật-bản, Nam-Việt đều viết một tuồng chữ, nhưng không xứ nào đọc ra cho giống xứ nào. Nghe rằng: Khi kia có một người An-Nam mắc bệnh, quan thầy người Hải-nam, coi mạch và viết ba chữ *Hỏa cấp phế*, chủ nhà biết là đau phổi. Một quan thầy khác nói: mắc bệnh lao. Cụ Phan Bội-Châu thừa mới sang Tàu, sang Nhật, chưa học nói tiếng Tàu tiếng Nhật, thế mà cũng trao đổi ý-kiến với nhà văn-sĩ Lương Khải-Siêu được.

Nào là kẻ lai-lịch, nào là lời khuyên răn, những điều trọng-yếu hai người không nói được, mà dùng chữ Hán trao đổi được ý-kiến. Không dám quên ơn mấy bậc thánh-hiền xứ Trung-hoa.

Quốc-văn xứ An-Nam

Chữ Tàu giúp cho người dề thông-dồng với nhau. Người Quảng-dông muốn buôn-bán, muốn giao-thiệp với Nhật-bản; người Nam-Việt muốn giao-thiệp với người Cao-ly cũng không có chi trở-ngại, mỗi lợi-quyền cứ quanh-quần theo mấy xứ này. Chữ Tàu càng nhiều người học, thì tôn-giáo lễ-nhạc, phong-tục xứ Tàu càng vững-vàng mãi mãi.

Ấu-nhân Mỹ-nhân khỏi ở dưới quyền chính-trị của Ấn-độ, của Trung-hoa; không ai bắt buộc học lấy Phạn-kinh, Hán-tự, mà cũng đều rõ đức Di-dà xướng đạo bác-ái, đức thánh-nhân xướng đạo trung-dung... Xem thế có cái « óc người » giỏi bậc nhất, không có thứ « chữ » hay bậc nhất.

Quốc-văn xứ Anh-cát-lợi hữu ích cho xứ Anh-cát-lợi cũng bằng quốc-văn xứ Trung-hoa hữu-ích cho xứ Trung-hoa, thì lẽ nào quốc-văn xứ An-Nam, lại hại người An-Nam, lại khiến cho người An-Nam phải « thoái-bộ ». Thoái hay tiến, là lỗi nơi người. Nếu người An-Nam học quốc-văn An-Nam không đầy đủ thì có thoái-bộ thật. Quốc-văn xứ An-Nam thế-lực đã mạnh bằng thế-lực quốc-văn xứ Anh-cát-lợi, hay quốc-văn xứ Trung-hoa chưa? Quốc-văn xứ An-Nam sẽ được thế-lực mạnh-mẽ hay không được? Người không chịu khó làm ăn, người không chịu khó học hành, biết bao giờ ông trời Đông-Á mới đem cho mình cái « phú-quí », cái « trí-thức », Quốc-dân xứ Nam không hững-hờ, thì quốc-văn xứ Nam sẽ được mạnh. Tới khi hay, khi giỏi, thì cũng được hay và giỏi bằng người.

Quốc-văn xứ An-Nam sẽ được mạnh-mẽ. Hiện nay, hiện năm nay quốc-văn chưa được mạnh cho lắm. Phải gia công, mỗi người phải gia công tập-luyện, mỗi người phải chừa bớt cái tật khinh

rẻ quốc-văn xứ An-Nam, rồi về sau quốc-văn xứ An-Nam sẽ được mạnh, « về sau » là không xa xôi chi cho lắm.

Xem như người Pháp bỏ chữ la-tinh, tập làm văn tiếng Pháp từ đời RONSARD trở về đây, quốc-văn xứ Pháp xuất-sắc hơn hết là từ ông MOLIÈRE trở về đây, không quá 400 năm. Quốc-văn xứ An-Nam xuất-sắc hơn hết là từ cụ Tiên-diền, được hơn trăm năm rồi. Còn 300 năm nữa, nếu cố gắng luôn luôn thì thành sự. Người Pháp tuy không viết tiếng la-tinh nhưng vẫn còn học. Chữ la-tinh đối với tiếng Pháp khác nào chữ Hán đối với quốc-văn xứ An-Nam. Trong khoảng 300 năm tới đây, sẽ có nào-động, sẽ có lửa binh chi chi không? Quốc-dân sẽ được an tâm luyện-tập quốc-văn không? Điều đó không chi mà phải ngại. Xem như bên Pháp, tự ông MOLIÈRE tới nay, quốc-văn xứ Pháp vẫn bền vững, thế mà can-qua đã nhiều trận, « cỏ cây chan chứa bụi trần » đã mấy phen.

Quốc-văn xứ Nam còn hay mất, yếu hay mạnh là tùy nơi quốc-dân hờ-hững hay khảng-khái. Ba trăm năm đối với một đời người thì nhiều. Ba trăm năm đối với tiền-đồ một quốc-dân thì chưa nhiều.

Đời ông trồng cây ông chịu khó nhọc, ông không được ăn quả. Đời cháu được ăn quả.

Bậc tiên-tri, tiên-giác, bậc cao-thượng hoàn-toàn, cứ cố-gắng luyện-tập quốc-văn, lớp con, lớp cháu, lớp quốc-dân sau này sẽ được hưởng nhờ.

Bọn gần

Năm 1925, mùa hạ báo « Nam-Việt hướng-truyền » có trích một bài trong báo *Le Journal*, không được nhớ đích-xác, nhưng đại-khái như sau đây.

Tại bãi biển kia, nước lớn thì khóa lấp tằm bằng, nước dòng mới bày tằm bằng ra. Trên bằng, có viết mấy câu như vậy : « Không ai được phép xuống

tắm tại đây, e khi hụt chân chết đuối.» Nước ngập, nước mới sâu, và nước sâu lại khuấy tắm bằng, nên chi tắm bằng này không hữu-dụng.

Trong xóm có bắc cầu, hai đầu cầu có treo bảng : « Không cho phép mấy con lừa qua lại cầu này, bắt-tuần, thì chủ với con lừa sẽ bị vạ ». Lừa không đọc, không hiểu được chữ, biết đâu là bắt-tuần, tuần-cứ, là phạm-phép, vi-phép.

Điều thứ ba. Ai cũng biết JULES CÉSAR là tướng-sứ, là hoàng-đế La-mã mất hơn 40 năm trước Âu-lich ; hoàng-đế NAPOLEÓN BONAPARTE mất hồi thế-kỷ thứ 18 vừa sang qua thế-kỷ mười chín ; bên Pháp chánh-phủ dân-quốc lập kỷ thứ ba, là gần cuối thế-kỷ 19.

Thế mà, khi kia, quan trên lựa vài câu hỏi để duyệt một bọn lính mới điền, có vài người lính trả lời rắc-rối, khó hiểu ; có người lại nói : hoàng-đế NAPOLEÓN BONAPARTE thắng JULES CÉSAR và luôn tiện chúng-dân lập nên chính-phủ Dân-quốc kỷ thứ ba.

Nghe câu này phải sửng-sốt như nghe người nào nói xước rẳng :

« Năm trước Trung-vương đánh đuổi Tô Định ; vài năm sau, đức Trần Hưng-dạo đánh đuổi Mã-Viện, và mời ông Quang-trung Nguyễn Huệ lên cầm quyền ! »

Thông-tin nhà báo vừa hay, vừa thấy thì biên chép ra.

Đây là việc mới không phải việc muôn năm cũ, không phải việc chẳng nên nhắc làm gì. Người viết bài không mượn việc nay mà mai-mĩa, lại không muốn làm trò cười cho trẻ em. Nhắc việc này chẳng qua là muốn chỉ rõ rằng các xứ Liệt-cường trong mấy triệu dân, không phải là ông Nghè, ông Cống đều đều vậy hết. Tuy là còn số người ngu-dốt nhưng mà gặp thời-kỳ ra mặt với Liệt-cường, trời cũng khéo chiều lòng người vậy.

Nước nào cũng có hai hạng người, nước Nam cũng có hai hạng người : hạng thượng - lưu và hạng bình-dân ; hạng người có tài học và đại-đa-số người học-thức còn ít, còn kém.

Chín phần mười.

Nước ngoài giàu mạnh, được tự-do chánh-trị, được tự-do học-tập, thế mà trong 10 người dân, thì phải 2 người chịu ngu-dốt. Còn nước thì trong 10 người dân, lại phải bọn ngu-dốt chiếm được số 9.

Than ôi ! tiền-dồ ra sao. Than ôi ! ngày giờ còn xa. Ai lại không cố gắng, ai lại dám hững-hờ với việc giáo-dục.

Người viết bài ngày xưa, ơn nhờ cha mẹ thân-quyến cho vào trường được ít lâu, ơn nhờ sư-phụ trong ít lâu đem hết tâm-huyết dạy bảo khuyến răn cho, và lại không mấy khi chăm học quốc-văn, đến khi biết chăm học lại muộn-màng chẳng khác anh học trò đi học « buổi học cuối cùng », trong sách ALPHONSE DAUDET tiên-sinh. Anh học trò này, chính quốc-văn xứ của anh, mà lại không chịu học.

Cái tật hờ-hững của anh, ông Tích-Đàm cũng khó sánh tày. Đêm ngày, thêm ăn-năn, ân-bận cho mình, nay mới hay rằng một số con trẻ rất nhiều không tiện bề học-vấn, không ai phá được cái « ngục ngu-dốt », và về sau không đủ năng-lực để tránh bước đường chông gai ở đời ; biết vậy, lại thêm ngậm-ngùi chua-xót cho thân-phận đồng bào.

...Đã biết rằng người không thầy không sách, tìm mượn sách của chúng bạn mà học được, người có chí như EDISON, như FRANKLIN, gặp lúc vận nhà chưa phần-chấn, phải gia công đi làm thợ mộc, thợ hồ mà nuôi thân, rồi sau cũng nên tài lỗi-lạc, cơ-nghiệp hiển-hách,

Đã biết vậy, nhưng trẻ thơ lên 6 lên 7 ai dám chắc đứa trẻ nào là có chí là ham học. Trẻ thơ đây chưa đủ trí khôn chưa biết ham muốn việc học-vấn, trẻ thơ này còn là ấu-niên, chưa phải thanh-niên. Thế-gian có mấy ông FRANKLIN; xứ Hoa-kỳ có mấy ông FRANKLIN. Trẻ thơ nước Nam cũng thường khi phải gĩa sức tay làm hàm nhai, hoặc là thiếu trường, thiếu thầy, nếu mong cho mấy triệu con trẻ đều học được xa-xôi thì không sao mong được.

Sơ-học yếu-lược

Không mong cho học được xa-xôi, nhưng không lẽ để cho đại-đa-số trẻ con phải hãm vào « ngục ngu-dốt ». Như thế lấy làm trở-ngại cho bước tiến-hóa của dân-tộc xứ Nam. Thế nào cũng phải làm sao cho đám trẻ con được học ít nhiều. Ngày giờ của hạng con trẻ này không được nhiều, thì nên dùng quốc-ngữ mà học, vì quốc-ngữ học mau biết, khi thơ ngây chưa biết nói mà đã hiểu quốc-ngữ được mấy-may rồi. Hạng trẻ An-Nam này, vào trường không bao nhiêu ngày thì phải về lo cày cấy, nếu không rộng lượng cho hạng trẻ này học quốc-ngữ, nếu ngộ-nhận và cưỡng-bách hạng trẻ thơ này phải bỏ, phải khinh-rẻ chữ quốc-ngữ, và gĩa sức mài-miệt, đêm hôm cầm-cui học lấy chữ ngoại-quốc; dầu có thể chẳng nữa, chúng nó than thầm và học lấy, nhưng học một chữ hiểu, mười chữ không hiểu, không vui sướng được nào và không hữu-ích chi hết.

Trên gia ơn, đặt lệ thi bằng sơ-học yếu-lược, rất tiện-lợi cho hạng bình-dân. Hay dở là tại nơi những người thi-hành.

Nam-Phong tạp-chí, số 87 tháng 9 năm 1924, ông Phạm Quỳnh có mấy lời này :

« Dầu học cách nào trẻ con cũng phải 6, 7 năm mới thi được bằng tiểu-học . . . , phần quốc-ngữ chắc là thành-

hiệu, vì có thi-hạch hẳn-hoi, mà phần chữ tây cũng không sợ kém, vì trong khi học đã đủ trí khôn mau hiểu. Lại có một cái hiệu-quả rất hay về đường truyền-bá sự học trong dân-gian : là con trẻ trong nước không phải hết thầy đều có thể học luôn sáu bảy năm cho tới thi tiểu-học tốt-nghiệp được, phần nhiều chỉ học được nửa chừng là thôi . . . , thời học ba bốn năm cũng mong thi được cái bằng sơ-đẳng yếu-lược, cũng gọi là có một chút học-thức thông-thường... Ngày kia bao nhiêu con trẻ nước Nam, bất-cứ con trai con gái, bất-cứ kẻ chợ nhà quê, đều biết đọc biết viết tiếng An-Nam hết cả, há chẳng phải là một sự tiến-bộ to cho dân-tộc ta dư ! . . »

Hạng bình-dân học chỉ được trong vài năm, số-phí ít, khi về đi làm ăn cũng tiện, lại là điều tiến-bộ chung cho cả dân-tộc, thế thì hạng trẻ con này, nên học quốc-ngữ trước nhất. Sau rồi có thể học chữ Nho, chữ Pháp, các thứ chữ ngoại - quốc thì cứ học. Thế-gian không chi là hoàn-toàn, không người nào là hoàn-toàn. Không nên viện lẽ rằng một nơi nào con trẻ đi thi sơ-học yếu-lược gặp việc tiền bạc ma quái mà từ Nam chí Bắc phải bãi lệ thi bằng sơ-học-yếu-lược. Còn như quan cai-trị kia, quan chánh tòa kia không thanh-bạch thì từ Nam chí Bắc, mấy trăm cái tòa bố, tòa án đều phải bỏ đi tự « tám mươi đời rồi ».

Số ít

Hạng trẻ con nào sau này sẽ vào hạng thượng-lưu thì nên học-tập thế nào ?

Thượng-lưu không chỉ là người nhiều tiền, nhiều khước-bài, không chỉ là người chưa nhận chức « quan lớn » mà được dám nịnh-nọt tôn cho chức quan lớn, luôn luôn không ngớt.

Hạng con trẻ này cũng phải học, và thi cho đỗ được bằng sơ-học-yếu-lược. Có thể thi sau đây vào bậc thượng-lưu và giao-thiệp với hạng binh-dân trong bản-xứ mới tiện.

Học tới bậc sơ-học-yếu-lược rồi, sau sẽ tuyển ra những học trò thông-minh đỉnh-ngộ cho vào học các thứ tiếng ngoại-quốc, cho tiện bề du-học, cho tiện vào Cao-dẳng, vào các trường chuyên-môn.

Nếu tuyển lựa như thế, thì sau này nhân-tài nước Nam phải là ít lắm.

Thế nào cũng không tránh khỏi số ít, và muốn số nhiều, lại không được.

Bên xứ Anh, xứ Nhật, trẻ con bắt đầu cũng học quốc-ngữ xứ Anh, quốc-ngữ xứ Nhật. Học trò nào tài học tầm-thường thì học quốc-ngữ luôn luôn. Còn các quan sứ-thần là các quan thông-thuộc tiếng ngoại-quốc, thừa thanh-niên không phải là người học-trò tài học tầm-thường.

Học-trò nào có biệt-tài lại cho vào ban khác, cho học các thứ tiếng ngoại-quốc, để tiến lên cao-dẳng, hoặc trong nước, hoặc các nước ngoài.

Trò lớn tuổi rồi, mới học các thứ tiếng ngoại-quốc, có học kịp chăng ?

Nếu thông-minh thì học thứ tiếng gì, khó thế mấy cũng kịp. Ai cũng nghe ông Trương Vĩnh-Ký là người thông-minh, đã thông-thuộc được gần hai mươi thứ chữ và một ông y-khoa tiến-sĩ bên Hoa-kỳ lại thuộc gần 60 thứ chữ đã nói rằng tuyển đưa học-trò thông-minh mới cho vào ban học các thứ tiếng ngoại-quốc; nếu vô đấy mà học không kham, sao gọi là thông-minh.

Người An-Nam nên an-tâm cho con trẻ học quốc-ngữ xứ An-Nam, không có chi là « thoái-bộ », miễn là có một hạng thượng-lưu học cho được các thứ

tiếng ngoại-quốc để tiện bề ngoại-giao tiện bề hành-chánh, thì việc nước có người lo kham.

Thượng-lưu.

Nếu đại-da-số người An-Nam thông-thạo quốc-văn có chi mà ngại. Đời vua Louis thứ 14, lệ học chưa cưỡng-bách, bọn người ngu-dốt, tài nào chẳng ít hơn ngày nay; người học-thứ thua kém, không phải là ít, người có tài học không phải là nhiều.

Đời vua Louis thứ 14, thế-lực mạnh mẽ; mạnh là nhờ đâu. Chỉ nhờ một số người tài, một số rất ít, hoặc bên văn, hoặc bên võ. Ngày nay nước Tàu nhân-tài không quá số ngàn, thế mà, náo-dộng. Động cho đến đôi, miệng hạm miệng hùm chực nuốt sống nước Tàu, mà còn vì đạo-đức nên chưa thi-hành.

Ngày nay, nước Pháp cùng đồng-minh, cùng quân-linh thuộc-địa châu Phi, châu Á đã thắng-trận vừa rồi; theo lời người Pháp nước Pháp là Liệt-cường. Thế mà trong nước không sao tránh khỏi phần ngu-dốt. Nhưng may-mắn, tuy là bọn ngu-dốt hãy còn, mà còn số ít; trong 5 người dân, chỉ còn một người ngu-dốt.

Người biết một vài chữ, mà trong nước không nhờ cậy được, kể cũng đã nhiều. Còn người giỏi, nhà văn-sĩ, nhà hội-họa, nhà chính-trị nổi danh khắp hoàn-cầu thì không quá một ngàn người. Tại Thượng-nghị-viện, tại Hạ-nghị-viện người giỏi hơn người Việt-Nam không phải là ít, nhưng người tài cao, người đủ tư-cách ra cầm quyền không phải là nhiều. Theo điện-tin bên Pháp, mấy kỳ tổ-chức tòa Nội-các trong mười năm trở về đây, chức quan thủ-tướng chỉ truyền tay bốn năm người, chức ngoại-giao thượng-thư lại ít nữa, lại quanh quẩn vào tay hai ba người thôi. Ai chẳng biết,

có ông nghị-viên kia chỉ sung - chức ngoại-giao thượng-thư trót bốn năm năm. Nếu có nhiều người hay hơn ông nghị nấy thì đã vô nhận lấy chức này để trả ơn cho nước rồi, chớ đâu lại để cho một ông « quoad quai hai vai » tự năm này sang năm khác,

Quốc-dân nên nhận hai nghĩa - vụ : giúp cho hạng bình-dân luyện-tập quốc-ngữ, gây dựng cho nên một thượng-lưu có tài học thức xứng-dáng.

Lời ông Tùng-vân (*Nam-Phong tạp-chí*, số 97 tháng 7 năm 1925) : « Nếu chưa hiểu cái lẽ giáo-dục chuyên-môn với giáo - dục phổ - thông, muốn đem mười mấy triệu trẻ con khắp kể chợ nhà què trong toàn-quốc ta đi học chuyên-môn cả đấy chằng ? Nếu được như lời, và mấy mươi triệu trẻ con ấy được thành-đạt cả, thì nhân-tài nước Việt-Nam ta có lẽ cả thế - giới dùng cũng không hết. Nhưng chỉ ngại rằng trong một trăm đứa, khéo lắm chỉ được năm đứa là mai sau thành - đạt được. »

Nhân-tài

Chúng tôi « phát bồ-đề-tâm, khởi bồ-đề-nguyện » không cầu chúc cho có một số nhiều người An - Nam thông - thuộc các thứ tiếng ngoại - quốc mà lại quên quốc-ngữ quốc-văn xứ An-Nam; chỉ cầu chúc cho được một số ít người An-Nam vừa thông-thuộc quốc-văn, vừa thông - thuộc các thứ tiếng ngoại-quốc và một số nhiều người An-Nam học lấy quốc - ngữ An-Nam, bồi-đắp lấy nền quốc-văn An-Nam.

Chúng tôi « phát bồ-đề-tâm, khởi bồ-đề-nguyện » không cầu chúc nhân-tài nước An-Nam được nhiều, vì không bao giờ được thế; vì thế-gian không chỉ là hoàn-toàn, tuyệt-dịch.

Chúng tôi chỉ cầu cho linh khí giang-son nước Việt kết-tinh được một số ít người đủ tư-cách hướng - đạo cho quốc-dân « có tài học đủ cho quốc-dân hầu-phục, có tư-cách đủ cho người ngoài trông vào, phải biết ăn nói để đối đáp, biết giao-thiệp cho phải đường, vừa ham lý-tưởng, vừa chuộng thực-hành, có cái tư-tưởng sáng-suốt, có cái thủ-đoạn thích-nghị, đủ nghị-lực để thắng-đoạt mọi sự phản-đối, đủ kiên-nhẫn để chịu đựng cho khỏi ngã lòng, mà cốt nhất là có cái lòng thành yêu nước, không phải yêu ngoài cửa miệng mà thôi, mà là yêu tự trong lòng, dầu sức gì cam dỗ cũng không xiêu được.» (lời ông Thượng-chi trong *Nam-Phong tạp-chí* số 103; trang 199, tháng 3, năm 1926)

Nghĩa-vụ quốc-dân xứ An-Nam là bồi-đắp cho nền quốc-văn xứ An-Nam. Không bồi-đắp thì suy-đồi, Nếu không bồi-đắp mà khởi sợ suy-đồi thì tòa Hàn-lâm ở Mi-châu, Âu-châu để làm gì ? Mỗi năm có treo mấy trăm giải để thưởng sách tản-văn, vận-văn làm gì ? Có bồi-đắp tất-nhiên phải chỉnh-đốn, trong vài trăm năm lại theo kịp người.

NGUYỄN VĂN-KIỆM

(*Tân-an, Nam-kỳ*)



MỘT QUYỀN GIA-PHẢ CỔ GIÁ-TRỊ (1)

Thế-dức - đường ký 世德堂記

(Hải-nam thư-hiến văn-tập) (海南書軒文集)

VI

Đến ngày 30 có tin quan Trung-khuông bị giặc bắt, các quan Nội-thần sợ lắm, xin chúa Trịnh trừu Trần-hầu về kinh. Ngày mồng bốn tháng giêng năm mới lại phải đi càn giặc ở miền Đại-tân, Đại-bát, rồi đến đóng ở chùa Quỳnh-lâm huyện Đông-triều.

Giặc Nành thua dập luôn mãi dặng-phái tán-loạn ra khắp tứ-xứ, quấy-nhiều các nơi. Triều-dinh nghị có Trần-hầu là người am-thông việc nhung-vụ, phải nên ở trong triều mà sai vát đề tiễu-trừ cho chóng xong, nên chúa Trịnh lại triệu Hầu về làm Tham-tụng, tức là chức Thủ-tướng.

Hầu vào làm Thủ-tướng đương lúc quốc-gia đa-cổ, dưới châu-quận thì giặc cướp vẫn còn lung-tung, mùa-màng thì hung-hoang luôn mãi, dân-tinh cơ-cực đủ điều, mà trên chốn triều-dinh thì kỷ-cương rối-loạn. Hầu nghĩ rằng Triều-dinh là chỗ tiêu-biểu cho muôn dân, mà sở-dĩ sinh ra cuộc biến-loạn như ngày nay cũng là do tự cái ngược-chính chốn Triều-dinh gây ra, nay muốn cho dân-tinh mền phục, bạn-dáng qui-hàng, thì phải chỉnh-dốn lại chỗ Triều-dinh trước, nên ngoài những việc binh-cơ tài-chính ra, Hầu quyết thẳng tay xử ngay ba cái án: Một là xét các quan Triều ai có tình-tiết thuộc thực về sự « dữ phỉ quán-thống », tùy nặng nhẹ đều phải giáng phải truất hết. Hai là bọn lính Thanh Nghệ nguyên là linh thân-binh, cậy

công kiêu-hoạnh, ép Triều-dinh phá ân-cấp riêng cho, quan Thủ-tướng trước là ông Nguyễn Qui-Kính 阮貴敬 nhất-dịnh không nghe, bọn ấy kéo nhau đến phá tan tướng-phủ và chực giết ông Nguyễn Qui-Kính, may ông đang ở trong vương-phủ mới miễn-họa, nay Trần-hầu kể ông lên làm Tham-tụng, bèn đem cái án ấy ra xét lại. Hầu quyết-nghị bắt tên thủ-xương của bọn thân-quân phải tội xử-tử. Ba là có bốn người liêu-thuộc ở Hộ-phiên 戶番 (Hộ Bộ) ăn của đút, việc giặc-xuất, Hầu quyết-nghị bắt bốn người đều phải xử-tử và tịch-ký hết gia-tài.

Ba cái án ấy thi-hành ra, cả nước đều khen ngợi, ngóng trông cái chỉnh-sách công-bình, mà Hầu thời cũng hết lòng việc nước. không việc gì biết mà không làm. Song Hầu là người trung-trực, không chịu a-dua, bấy giờ có quan Nội-thần tên là Nghệ được chúa Trịnh tin nghe, các việc Triều-chính đều do ở y truyền-đặt vào, việc gì y không bằng lòng thì không xong, các quan Thủ-tướng trước ai cũng phải thù-phụng y cả. Nay Trần-hầu cương-quyết xử ba cái án mà cái án thứ hai chính ở y súc-xử; cái án thứ ba thì là bốn tên đầy tớ bản-bộ của y. Y hết sức vận-dộng mà không gỡ được hai cái án ấy, y lấy làm thâm-oán lắm, nhân lâu với chúa Trịnh rằng: « Trần-hầu chỉ giỏi việc binh-nhung, chứ không quen việc triều-chính, nay giặc xử đóng lại nổi lên, Trần-quan thường đệ khai về

(1) Xem N.P. số 101, 103, 105.

cáo-cấp, Trần-hầu lại là người địa-phương vùng đó, am-tường địa-thể mà có cơ-mưu, nếu Hầu lại về tiểu-phủ vùng ấy thì đắc-lực lắm. » Vì thế chúa Trịnh lại sai Hầu về làm Hiệp-trấn Hải-dương.

Hầu làm Thừa-tướng được có bảy tháng lại giáng xuống làm Hiệp-trấn bản-xứ, đầu tháng bảy thì ra phó-nhiệm, nhân bị bệnh sốt bèn xin một quan Thái-y và đưa một đội lính Thiện-trung là lính bản-bộ đi chiến-hạm về cố-hương, tới nơi cho quân đóng ở bến làng Khê-khẩu, còn mình thì về trọ ở một cái nhà của người làng bị tàn-phá còn sót lại để chữa bệnh và làm việc quan, còn vợ còn thì cho lưu lại ở kinh.

Đến mừng bảy tháng giêng năm sau có chỉ sai Hầu làm Đốc-lĩnh đem binh các đạo đi càn giặc ở hạt An-quảng. Vì bấy giờ Nguyễn Tuyền đem bọn tàn-binh lên đánh Cao-bằng không được, trở về qua Lạng-son, toan chiếm lấy đất của bọn giặc ở đó, nhưng bị tên tướng giặc ở đó là Quán-cơ 琚 基 đánh lại và nó lấy mất cả khi-giờ. Tuyền phát bệnh lên mà chết, dư-chúng tản-nát về hạt An-quảng. Nguyễn Cừ thì về nấp ở núi Ngoa-vân ngàn An-tử, bị quan đồn Đông-triều Phạm Đình-Trọng 范 廷 重 bắt được. Thế là hai anh em người thủ-lĩnh đảng đệ-nhất-thứ cách-mệnh khởi binh đến đây được hơn một năm thì kết-cục. Quan-quân mừng-rỡ lắm, đóng tản đi các nơi. Trần-hầu cũng lại đem binh về đóng ở làng, cách được mấy ngày, bỗng ở đâu một toán giặc thủy kéo đến hơn 180 cái thuyền vào cửa sông Ba-kèo giáp làng An-diễn và Chi-diễn đầu huyện Chi-linh gần đồn quân của Trần-hầu, Hầu vội-vàng đem một đội thuyền binh bản-bộ của mình ra chống-cự, may dùng mẹo khiến cho giặc hư-kinh mà phải rút. Đó là việc ngày 17 tháng giêng năm nhâm-tuất, Cảnh-hung thứ ba (1742), Thủ-lĩnh

đảng này chính là tướng Hẻo, một người ty-tướng vô-danh của giặc Nanh, thấy thầy là anh em Tuyền đều chết, bèn đứng lên cùng với tướng Tỷ 玆, tướng Oánh thu-thập dư-chúng mà nhóm họp lại để kể cái cố-chỉ của thầy. Trận ấy lại càng to-tát lắm. Khi được tin anh em Tuyền đều chết, ai cũng nghĩ rằng cái loạn-dân ở miền đông-bắc bất-quá là tự anh em Nguyễn Tuyền vì cái thù nhà mà khích-thành, nay những kẻ đầu nêu đã chết cả rồi, thì cái bọn ngu-dân a-tùng ở đông-bắc kia không phải dẹp cũng tự tan. Hay đầu quan quân rút về mới được nửa đường, lại có cấp-báo mà bọn này lại càng háng-hái hơn, thì mới biết rằng cái ngược-chính của mặt-vận nhà Trịnh kết-oán với dân ngầm-ngấm đã sâu, anh em Tuyền bất-quá chỉ là người bắt đầu khơi cái dè sắp vỡ đó mà thôi, nên chỉ hết Tuyền ấy có Tuyền khác, kỳ cho cái phần-uất của dân đến tiết hết thì mới thôi. Cho nên những nhà trị-quốc ngày xưa không biết tài-bồi cho dân-sinh, điều-hòa lấy dân-khí, chỉ chăm chăm bù-chì ôm-ấp lấy một bọn tôi tớ, tưởng là thân-tin để giả thủ dè nén dân, thì thật là cái chính-sách vụng mà không biết cái đạo trảng-trị cứu-an là thế nào.

Nay cũng nên xét qua cái tiểu-sử của Hẻo cho biết một tay khiêu-dũng nước ta về thế-kỷ thứ 18 thế nào. Hẻo tên tự là Nguyễn Hữu-Cầu 阮 有 求, một tên bạch-đình con nhà binh-dân làng Lôi-dộng 雷 洞, tục gọi làng Đồng-lũ, huyện Thanh-hà. Tương-truyền ngày Cầu khởi-bình có con cá he vào sông Phú-hương, nên người ta lấy cái diềm ấy mà đặt tên cho Cầu là He-tặc (giặc Hẻo), Cầu thành tên là Hẻo từ đó. Ngày nay ngạn-ngữ thường ví kẻ nào táo-tợn là « gan Hẻo », thì biết bấy giờ mãnh-liệt là thế nào. Hẻo bò-côi bố tử bé, nhà nghèo lắm, mà mẹ cũng cố cho con đi học. Hẻo ở cùng vùng với Phạm Đình-Trọng, nên tình-cờ cùng học với

nhau một trường. Trọng thì nét-na chăm học, Hẻo thì học-hặc bất-đẳng, học hành câu được câu chẳng. Có một hôm thầy đồ đi đám, bắt hai cậu đi hầu. Lúc về người ta biểu thầy một cái thủ lợn, hai cậu tí nhau không cậu nào chịu xách, thầy bèn ra một câu đối hện cậu nào đối hay thì không phải xách, câu rằng: « huề chừ thủ 鬻猪首 » nghĩa là xách đầu lợn. Trọng liền đối rằng: « Phan long lân攀龍鱗 » nghĩa là vin vây rồng. Hẻo cũng vội-vàng đọc ngay lên rằng: « Phá Tần diệt Sở 破秦滅楚 » nghĩa là phá nhà Tần diệt nước Sở. Thầy bật cười cũng cho Hẻo một cái mà rằng: « Ngày sau Trọng nó làm quan to, mày thì chỉ làm giặc, » bèn bắt Hẻo phải xách thủ lợn. Từ đó khi nô chơi Hẻo thường nói bỡn Trọng rằng: « Ngày sau tao chỉ làm giặc đánh mày. » Trọng cũng trả lời: « Tao chỉ làm quan đánh mày. » Tuy thế Hẻo cũng vẫn theo học đến khi võ-vẽ biết làm thơ, có vịnh con rận một câu rằng: « Ngọa tặc tứ phương an chẩm-tịch, khởi nhi thiên-hạ tước bi-phu. 臥則四方安枕席。起而天下削皮膚 », nghĩa là nằm thì bốn phương yên chẩm chiếu, dậy thì thiên-hạ rách thịt da. Ngày sau người ta bàn rằng Hẻo sỗ-dĩ chỉ làm được đến tướng giặc mà thôi cũng là cái khi-khiếu đã thõ-lộ ra ở câu thơ ấy. Hẻo lớn lên, gặp khi Nguyễn Cừ về Thanh-hà mộ binh khởi-loạn, thì ra ứng-mộ ngay, hơn một năm nay chưa thấy có danh tiếng gì, nay bỗng thốt-nhiên xuất-dầu ra thu vén cái công-cuộc đã tàn mà uy-phong lại càng hách-dịch hơn trước cũng là một kẻ kỳ-tài.

Hẻo khoẻ mạnh lạ thường, lúc làm-trận: bộ-chiến thì cưỡi một con ngựa tuấn-mã, hai nách cặp hai thanh mã-đao thò lưỡi xuống như hai cái cánh, rời thét lên một tiếng, ngựa chạy xông vào đám đông người, hai lưỡi mã-đao

cứ lướt đầu người đi như phát cây chuối; thủy-chiến thì một mình lặn xuống nước đục thuyền, lâu lâu lại nhô lên mặt nước để thở cho quan-quân xem, sau thuyền quan-quân, đóng đầu phải giải chiếu liền nhau trên mặt nước, hề thấy chỗ chiếu nào phồng lên thì bắn vào chỗ ấy. Cho nên người ta gọi Hẻo là Hạng Vũ nước Nam.

Hẻo thiện về mặt thủy-chiến, nên cầm đại-dồn ở Đồ-sơn, là một cửa bể lớn.

Bấy giờ triều-dinh tiếp-báo, bèn sai Trần-hầu cùng các đạo quan-quân hiệp-lực với Kinh-phương-hầu 勁芳侯, Đĩnh-thọ-hầu 挺壽侯 hội binh tiến-tiểu, thế là Trần-hầu lại thôi chức Trấn-quan mà đi đánh giặc, một người cần-lao về việc nước như thế mà ai hay vợ con đến phải đôi rách nheo-nhếch thì cũng nực cười thay.

Số là từ khi Trần-hầu về đánh giặc Nành, gia-sản ở nhà quê bị giặc tàn phá hết sạch, vợ con phải trốn ra kinh-thành ở trọ. Hầu vốn là người thanh-liêm, đi đến đâu không động đến của ai một to-hào nào, tới lúc về triều làm thủ-tướng, thời cũng chỉ có cái số « ngạch lương Lại-bộ » để ăn dùng với nhau, gia-chi-dĩ lúc bấy giờ các hạt ở xứ đông như Đường-an, Đường-hào, Cầm-giang, Thanh-lâm và Chí-linh, nhân-dân sợ giặc cướp lửa binh, đều ly-tán đi ra kinh hay các nơi khác, quen đâu nhờ đấy, cho nên người làng cùng họ hàng bên nội bên ngoại nhà Trần-hầu, từ già trẻ gái trai, đều kéo nhau vào tướng-phủ mà ăn nhờ. Hầu được chút lương-bồng nào phải cấp-dưỡng cho bà con hết mà không đủ, Được mấy tháng có chỉ ra làm Trấn-quan ở bán-xứ, thực là về làm quan tại-gia đó, mà vợ con cũng không dám theo về, vì địa-diện nào đã được yên-hàn đâu.

Lúc đi soạn các môn tiền vật-vĩnh còn được 30 quan tiền để lại cho vợ

con ở lại kinh. Phu-nhân tuy là một tay tề-gia cực giỏi, song là người nhà quê, vốn-liếng cũng không có, không biết ra phố buôn-bán nghề gì để kiếm lợi thêm vào, thật là giáo-trang ngộ hẹp biết vung đường nào, đành phải ngồi mà ăn dung với nhau. Ấy một đời phu-nhân từ trẻ đến già, từ hèn đến sang, lúc làm cô đồ cô tú, lúc làm bà Nghè, bà Tề-tướng, bà cụ Quận, chỉ duy có lúc này là chịu ăn dung ngồi rồi một cách bất-dắc-dĩ đấy mà thôi. Song 30 quan tiền mà mấy mẹ con thì dầu ăn tiêu bóp-chắt đến thế nào cũng chỉ được và tháng thì hết, mà người đi làm quan cũng chẳng có đồng nào gửi lại cho, mẹ con bất-miền đến phải đói rét khốn-khổ, đến bây giờ lại nghe thấy tin Trần-hầu phải đi hành-chinh, cực chẳng đã, công-tử Trần Tiến bèn liêu đến nói với quan Tham-chánh là Hải-bối-công rằng : « Thầy tôi đi công-cán bấy lâu, cửa nhà khánh-kiệt, vợ con đói rét khốn-đốn cũng không dám nhìn, nay lại đi đánh dẹp tận đầu đầu thì vợ con đến chết hết mất, vậy xin cho thầy tôi về lo chút việc nhà, có bất tội-tình gì chúng tôi xin cam chịu. » Hải-bối-công 海貝公 bèn an-ủi cho công-tử rằng : « Việc Triều-dinh quan-hệ, cậu chớ nói thế, để tôi liệu cho. »

Ông bèn đến nói với quan Nội-thần là Bất-trung-hầu rằng : « Trần-hầu đi quân-thứ đã lâu, gia-sản hết sạch, nay vợ con ở lại trong kinh túng bần lắm, xin nhờ Ngài tâu đề cấp lương cho gia-quyển của Hầu, cho Hầu được yên-tâm mà làm việc. » Bất-trung-hầu vào tâu với chúa Trịnh, chúa Trịnh ưng cho, từ đó gia-quyển mới khỏi túng-bần quá.

Sau Công-tử làm gia-phả lấy việc này làm cảm ơn lắm, nói rằng : « Cụ Hải-bối là bạn đồng-khoa với ông tôi, lại là thủ-tướng, trách-nhiệm phải lo liệu cho đã đành, đến như Bất-trung-

hầu là quan trong Nội, trợn Phao-son ông đã phục ông tôi mà giải cái nghi-ngờ cho, nay lại xin lương cho gia-quyển, tuy là vì nước không phải vì tư, nhưng cái ơn tương-tri của Bất-trung-hầu bao giờ mà nhà tôi quên đi được. » Người viết sử nhà họ Trần đến đây không thể không nghi ngờ, dừng bút mà tự hỏi mình rằng : Từ Lê-mạt đến nay, bất quá mới hơn một thế-kỷ, cũng dòng-dõi ấy há tâm-can nào, mà sao bấy giờ thì thanh trung như thế, thành-thực như thế, mà bây giờ là vì có làm sao ? Sang đầu tháng hai, quan-quân tiến đến hạt Kim-thành và Thanh-hà, đánh nhau với giặc một trận ở làng Đồng-xá, bắt được tướng Tỳ giải về Kinh, ngày 13 Trần-hầu đem hơn 10 chiếc khinh-thuyền đuổi Hẻo đến bến Bí-giang 秘江, Đông-triều, bắt được mấy cái thuyền giặc và mấy tên giặc, rồi Hầu lại đem quân về Phao-son (Phả-lại) đánh bọn tướng Bồng 將俸 tướng Dũng 將勇 và Bồ Trác 布卓. Ngày 23 nghe tin bọn ấy đóng ở bến dò Kênh-vàng Thanh-lâm, đem bèn đến vây đánh lấy được 24 chiếc thuyền và vô-số khí-giới của giặc. Tướng Trác trốn lên làng Phao-son bị người làng ấy bắt được đem giải quan Trấn Kinh-bắc.

Tháng ba Hầu đem năm chiếc chiến-hạm của bản-đạo đuổi đánh Hẻo đến sông Vụ-nông. Hẻo phải rút về Đồ-son,

Đầu tháng năm Triều-dinh phong cho Trần-hầu tước Diệu-Quận-công 耀郡公, tục gọi là cụ Quận Diệu. Trần-công cũng nhân dịp về nhà uống thuốc vì cái bệnh sốt trước lại phát ra.

Triều-dinh thấy quân cách-mệnh có tướng Tỳ thì đã bắt được rồi, còn tướng Hẻo thì phải rút ra bề mà bọn thân-thần lại càng khoe khoang tài giỏi đánh giặc đã tan rồi, nên Triều-dinh cũng không quan-phòng nữa, cho triệt ngay cái đồn Yên-lão đi, vì thế đảng cách-mệnh lại chiêu-dụ những dân

nghèo đói mà lại kéo vào, ngày mồng năm tháng ấy có tin Hẻo đã đến hạt Nghi-dương 宜陽, Tiên-minh 先明, nhưng Trần-công thì đang uống thuốc, người còn yếu, mà linh bản-đạo thì quan Trấn-thủ bản-xứ còn sai đi làm việc khác, tiếp báo bất-đắc-dĩ Trần-công phải sai một viên ty-trưởng đem một đội-quân đi án-ngũ, gặp giặc ở chợ La đánh nhau, giặc giết mất một viên Chánh-quản. Hung-báo đưa về, Triều-đình bèn cử Dận-trung-hầu 胤忠侯 đem 20 chiếc chiến-thuyền đi đánh, bị thua, toàn-quân mất hết mà thanh-thế Hẻo lại vang lừng lên.

Triều-đình lại sai Trần-công làm Hiệp-Thống-lĩnh, Đẳng-thọ-hầu làm Chánh-Thống-lĩnh, đêm 23 Hẻo đem quân tràn vào hạt Hải-dương thì lại có chỉ cải Trần-công làm Tán-ly quân-vụ đạo thủy-quân mà Chân-Dận-hầu 珍胤侯 thì làm Chánh-đốc, sang tháng tám ngày mồng bốn lại có chỉ cho Trần-công về làm Hiệp-thống đạo bộ-quân của Đẳng-thọ-hầu.

Ông Hầu này là thân-thần của chúa Trịnh, cái cách vì chúa báo thù của ông không cần phải đánh giết, chỉ chơi cái miếng ngọt mà đau ngầm, dẫn-dị mà chết ngấm, là khoét cho hết của của dân như cách ông đã làm ở Nam-sách trước. Ông lại cậy thế nên đóng dấu chẳng nom dòm gì đến việc quân, chỉ chén rồi nghịch con gái. Bấy giờ quan-quân đóng ở hạt Tứ-kỳ, An-lão mà giặc thì ở Thanh-hà. Ông phái Trần-công đem toán thủy-quân đi đánh, còn ông thì cứ giữ toán bộ-quân đóng vững lại một chỗ mà tửu sắc lủ-bù, ngờ đầu Hẻo kéo ập đến đánh trại bộ-binh của ông, ông bị giết, toàn-quân của ông, tướng-sĩ không còn một mống nào sống sót. Triều-đình biết tin, nao-dộng cả lên. Lại sai Trình-quận công 程郡公 ra làm Chánh-Thống-lĩnh còn Trần-công thì cứ làm

Hiệp, mà phải hợp với nhau làm một, đại-cử cả các quân thủy lục và các binh-dinh đạo Sơn-nam cho được tiện-nghị công-thảo.

Bấy giờ tiếng giặc Hẻo càng ngày càng ghê. Ngày 11, Minh-đô-vương cho triệu Trần-công về châu để hỏi công-nghi, Trần-công tâu bày cả tình-hình địa-thể của giặc rồi lại nói rằng: «Giặc là thủy-khẩu, vùng đông lại nhiều sông thì lục-quân đánh không lợi, xin đặt riêng ra một đạo thủy-quân chỉ tiếp ứng với đạo lục-quân mà thôi.» Minh-đô-vương cho là phải, liền sai chọn ngày lấy người làm chủ-trưởng cho đạo thủy-quân mới ấy, các quan chưa biết cử ai, Minh-đô-vương trở ngay vào Trần-công mà nói lên rằng: Danh-tướng đây rồi còn phải tìm ai nữa. Vương bèn đặc-mệnh cho Trần-công, Trần-công từ không được, phải đứng ra bái mạng lập tức bấy giờ ban cho một lá cờ đề: «Bình khấu đại-tướng-quân, 平寇大將軍.» một cái ấn khắc: «Bình nhung đại-trưởng-quân 平戎大將軍», một thanh gươm vô băng vàng, một cái ống thiên-ly-kính, và một cái loa gọi quân.

Trần-công lại tâu rằng: «Phàm hành binh cốt phải có hai toán tiền-quân và hậu-quân cho thật giỏi, gặp giặc là đánh, không còn dùn cho ai.» Vương khen phải, cho Trần-công được chọn lấy người làm Quân-suất. Trần-công bèn dâng hai toán thân-binh của mình đã luyện là Thiện-trung-đội và Tiên-nhuệ-cơ. Vương khen cho Trần-công đã luyện được hai toán tinh-nhuệ không đề tự-vệ mà lại dâng lên cả, thật là trung-thành. Lại ban cờ ấn cho các viên Quân-suất hai toán quân ấy, và định ngày cử-hành. Từ đó cụ Quận Diệu với cụ Quận Trình, hai bên ứng-tiếp nhau chứ không phải tùy-thuộc nhau nữa.

Mồng một tháng chín, Trần-công về đến quân-sở. Trước các trại thủy-quân

chẳng có kỷ-luật gì, đánh đầu thua dấy. Trần-công mới chọn thuyền kén linh, xếp đặt cho có cơ-ngũ, an-ủi huấn-dụ cho ai nấy đều hăng-hái lên.

Bấy giờ tướng Hẻo đem thủy-binh vào đóng khắp cả ở sông Kinh-câu 涇 勾 cho đến bến dò Liêu 渡 遊. Quan-quân cũng đem hết thủy lục tiến đến nơi, hai bên chống cự nhau riết lắm.

Đêm hôm rằm, Trần-công sai toán Thiên-trung-đội đến đánh ập vào một cái đồn thủy của giặc ở Kinh-câu lấy được một cái thuyền. Ngày 22 đánh một trận ở sông Kênh-sống 涇 耕 bên làng Hương-đại 香 代, bắn chết được ngục Quận Dù 郡 軸 và lấy được một cái thuyền, hai khẩu súng cự-môn (súng lớn). Đêm 24, quan-quân thủy lục đại-hội cả ở Hương-đại, mới canh hai, giặc lên đến, toán Hậu-quân thủy-đạo kinh hãi rối-rít lên. Trần-công xin với quận Trình cho lục-quân ra ứng-tiếp. Phó-tướng lục-quân là Vũ Khâm-Lân 武 欽 鄰 át đi không cho. Trần-công bất-dắc-dĩ phải thân vào trông-mạc vật nài mãi mới được. Trần-công phải đốc-thúc bộ-binh bắn ra, giặc mới trút, bắt được hai tên giặc, một cái thuyền lớn và một khẩu súng trụ, rồi từ đấy hai bên cứ dàn trận ra mà bắn nhau, bên quân cách-mệnh, thuyền nhiều không biết đầu mà kê, súng thần công, đại-bác cũng lắm, bày trên các mũi thuyền rần-rạt, ai trông cũng phải kinh, tiếng súng nổ âm-âm, như sấm như sét, suốt ngày ấy sang đêm khác, chuyển-động cả trời đất, không lúc nào ngoi, bắn nhau ở Thanh-hà mà trong kinh-đô cách hơn ngàn đường cũng nghe tiếng rầm-rầm, cử-quốc chấn-động, từ 16 đến 28 vừa 12 ngày không phân thắng-phụ, hai bên tử thương cũng nhiều, thật là một trận ác-chiến ít có trong lịch-sử.

Ngày 28 bỗng có mây người dân quê đến báo rằng: «Giặc đem hơn 300 chiếc thuyền lên sông Hàm-giang 邯 江

đang cướp phá dân làng, xin quan-quân lên cứu.» Thế là thủy-quân của giặc đã tràn được thượng-lưu mà tiến vào trọng-địa của ta rồi. Trần-công tiếp báo lo lắm, trông ra sông thấy gió đông nước lên thì lại mừng, bèn đem hết đạo thủy-quân cuồn cờ im trống theo chiều nước thẳng lên, lữa khi bất-ý đánh xộc vào, giặc hoảng loạn tẩu tán, lấy được 19 chiếc mảnh, 18 khẩu đại-bác, và khinh-thuyền, lương-thực, khí-giới vô-số, rồi thừa-thể đuổi xô xuống đến Kinh-câu thì vừa tối mịt, quân bản-đạo đã đánh nhau với giặc trong bấy nhiêu ngày, ai nấy đều mỏi-mệt, đạn-dược cũng vừa hết cả, nên không đuổi nữa mà phải đóng lại cho quân nghỉ.

«Trận ấy Hẻo đại-bại, thuyền bè khi-giờ mất cả, sĩ-tốt mất quá nửa, Hẻo phải trốn thoát lấy một mình, ví đạo lục-quân đồng-tâm cấp thêm đạn-dược cho bên thủy-quân, hợp-lực mà đuổi cho kỹ-cùng, Hẻo chưa dễ đã trốn thoát được, thế mà để lỡ cơ-hội, tiếc thay!» Đó là lời trong gia-phả nói thế.

Được một tháng nữa giặc lại kéo đến đóng ở Hà-tràng 河 場, huyện Hiệp-son. Trần-công bèn phân đạo thủy-quân ra làm hai: là chính-binh và kỳ-binh 正 兵 奇 兵. Chính-binh thì theo sông Vận-hà đi lên. Kỳ-binh thì Trần Huy-Bật 陳 輝 斌 làm Hiệp-quân, có tên người nhà của Trần-công là Nguyễn Nhân-Vũ 阮 仁 瑀, người làng Kim-can 金 竿, Thanh-hà làm hướng-dạo, bọn này thì theo cái ngòi làng Quỳnh-kê 瓊 溪 sang, hai mặt đánh đồn lại đồn giặc ở Hà-tràng và Đồng-quất, lấy được 14 chiếc thuyền và bắt được nhiều quân giặc. Hẻo lại lui về Đồ-son.

Vì vậy chư-tướng như Điền-vũ-hầu 田 武侯, Ân-thọ-bá 按 壽 伯, Bảo-trung-hầu 堡 忠 侯 đều muốn thừa thắng xin cùng-truy đến sào-huyệt của

Hẻo, mà ý Trần-công thì còn muốn để thông-thả xem thế giặc cho dich-xác thế nào đã, nhưng chư-tướng đều không nghe, oán-hận cả ra miệng, bất - đắc-dĩ Trần-công cũng phải gương theo. Ngày 16 tháng 11, thủy-quân kéo đến chân lũy Đò-son, mới vào chưa được và giờ thì nước hải-triều rút xuống kiệt, thuyền đều mắc cạn, quan-quân vội vàng seo thuyền ra, giặc liền ò ra đuổi đánh, nguy-kịch lắm. Trần-công bèn đem toán Trung-quân rẽ ra một bên bắn vào thành giặc, giặc mới rút về giữ thành thì quan-quân tháo lui được hết, không sây-sát gì, duy có Ân-thọ-bá với Bảo-trung-hầu chậm lại sau bị giặc bắn phải, được vài ngày Ân-thọ-bá thì chết còn Bảo-trung-hầu thì chữa khỏi.

Quan-quân chạy về đóng ở làng Đòng-mô, Trần-công chắc thế nào giặc cũng theo đến, bèn truyền lệnh trước mặt quân thì cầm rào tre, sau thì thả chông, quả-nhiên đêm hôm sau, độ canh tư giặc kéo đến bốn mặt đánh vào, quan-quân cự-chiến, giặc không sao được phải lui.

Ngày 18, Thủy-quân và lục-quân cùng đánh đuổi giặc ở vùng Hống-môn 関門, Đòng-mô, giặc mới rút về sào-huyệt mà không dám đuổi nữa, quân-quan bèn kéo về đại-dinh đóng.

Ngày 19 tiếp chỉ Trần-công lại làm Hiệp-thống-lĩnh mà Trình quân-công thì lại kiêm cả Chánh-thống-lĩnh các đạo thủy-lục. Trần-công biết là bị gièm bèn đệ *khải* xin về kinh chữa bệnh. Mồng một tháng chạp có chỉ trừu-hồi. Trần-công về kinh, đến mồng 10 lại ra chỗ quân-sở thì có chỉ ra biếm Trần-công xuống sáu trật làm Công-bộ tá-thị-lang và phải trả binh lính về triều.

Sau mới biết là tự trận đại-thắng ở Kinh-câu, Đò-liên chỉ có một đạo thủy-quân đánh được, quan Trình quận-công đạo lục-quân muốn cùng làm *khải* đệ xin công, nhưng tướng-sĩ

đạo thủy-quân không thuận, Trần-công cũng phải nể bản-đạo mà không nghe, nên thành ra hiềm-khích với nhau từ đó, bọn đồ-dảng của quận Trình mới tìm cớ mà vận-dộng với những thị-thần của chúa Trịnh để gièm-pha Trần-công, nhân gặp trận thua ở Đò-son, Trần-công phi báo về triều-dinh rằng : « Ân-thọ-bá với Bảo-trung-hầu đều bị đạn đang chữa thuốc ». Và hôm sau Ân-thọ-bá chết, Trần-công lại có *khải* về trình, nhưng cái tin sau của Trần-công chưa về tới nơi, thì bọn sàm-nhân đã đưa tin về rồi, họ lại nói rằng : « Đêm 24 ở Kinh-câu giặc đến, quân của Đờn thất-kinh rối loạn, không có lục-quân cứu thì nguy, thì đủ biết cái trận ngày 28 cũng là hư-danh đó thôi ». Bởi vậy vây cánh họ ở trong triều mới la-chức thêm ra rồi các quan đình-thần cũng a-dua đem ra thảo-luận, tóm hai việc làm một mà buộc cho là « sức-từ bất-thực », truất xuống sáu bậc, đoạt cả binh-lính, giao cho quận Trình.

Trần-công từ điển-binh đến nay, trước sau hơn bốn năm trời, duy được một hồi vào làm quan Tham-tụng bảy tháng rồi ra làm Hiệp-trấn đóng ở nhà được 5 tháng còn thì xong-pha bao nhiêu hiềm-trở, trái dư trăm, trận, tri-dũng kiêm-toàn, đối với tướng sĩ khoan-dãi mà nghiêm-chấp, đến đâu dân-sự không thiệt-hại tí gì, không giết càn một người nào, nay giải binh-quyền kiêm-diêm lĩnh bản-bộ chỉ chết mất có tám người tướng-sĩ, ai nấy đều nhớ mến vô-cùng, mà Trần-công thì thông-dong về triều không chút oán-hận gì cả, tuổi vừa 59.

Duy về sau công-tử làm gia-phả đến đây thì công-tử ân-hận lắm, nhưng xét ra công-tử ân-hận cũng là thường-tình, vì lúc đó Minh-dô-vương đa-nghi, nên bọn quyền-gian càng dễ khi-lộng, nước nhà còn mất mặc thầy, chư-tướng ai hay dở mặc kệ, hễ có tiền dút thì họ mới đề-đạt lên cho, như Trần-công liêm.

khuyết cao-thượng đến vợ con còn bất-miền đói rét, nữa là còn chịu luôn-lọt gì họ mà họ tra. Nay xin dịch đúng nguyên-văn một đoạn của công-tử đã nói trong gia-phả để người sau biết rằng nhà Trịnh bỏ cả nhân-dân, quên cả hiền-sĩ, cái cơ suy-vong đã bày ra đấy, dẫu ngày ấy chẳng mất với giặc Nanh giặc Hỏ, thì ngày kia cũng chẳng còn được với Cống Chính, Tây-sơn. Công-tử nói rằng: « Tôi là con mà chép công-cán của ông tôi thì cũng là không phải, song e đời không có công-luận, ai là kẻ tri-âm, thực như câu « Sử-quan cũng không chép tới được », vì nếu không mục-kích công việc lúc đó thì biết đâu mà chép cho hết; tôi thương ông tôi vất-vả mà nhân-tâm bất-thường, vậy ghi lại đây để con cháu trong nhà hiểu rõ. Ông tôi làm quan gần 30 năm chỉ let-dẹt ở chức hạ-liêu, ngôi thấp lộc ít, ai còn biết đến mà đề-bạt cho, đến ngay như cụ Hải-bối về sau cũng hối mà rằng: « Tôi đồng-niên với ông Trần hơn 30 năm mà không biết ông là người giỏi-giang đến thế. » Ông tôi ở trong triều, danh-vọng hèn ngôi-thứ kém; nhất-dán nhà nước có việc bắt đầu sai đi, ông tôi không nghĩ gì đến thân-gia, hết sức xông-pha chốn lửa binh tên đạn, hiểm-trở ba-đào, nào phá giặc ở Vạn-nại giữ lấy cung An-tràng, bày mưu phá hai đồn Phao-sơn Ninh-xá trừ được giặc Nanh, đến một năm tiên-phần cũng không giữ được, thực là phá nhà đề-dàng cho nước, cũng nhờ trời thương, may mà thành sự, về phần mình tuy mang hận chung-thân, mà đối với nước thì cũng có chút công đáng nhớ, song so với những bọn cốt lấy sung-sướng, giữ toàn thân-gia, thì ra họ lại còn khôn hơn nhiều. Ôi, lúc nước nhà vô-sự, thì nào quan cao lộc hậu đem bù-chì cho những ai, mà khi gặp khước thì cái kẻ ra liều chết lại là kẻ chưa từng ghé đến cái ghế chốn triều-dình và đứng đũa vào cái mâm

đại-yến bao giờ, người nuôi thì không dùng được, người dùng thì chưa từng nuôi như thế đó. Ở đời mà ai ai cũng như ông tôi cả thì hay, chứ nếu ai cũng bắt chước bọn Thương Ưởng, Dự Thượng, thì đang cái lúc nguy-ngập biến-cố ấy, ai sẽ cáng-dàng cho, cho nên những người thức-giả đều ái-ngại cho ông tôi mà mừng cho nhà nước. Cụ Chu Đoan-Lâm 朱端琳 ở Cát-dộng 葛洞 nhân khi hội-âm trong quán-thứ, cụ đỡ say đỡ tỉnh nói rình lên rằng: « Văn-thần chỉ có một ông Trần, còn thì không đáng ăn cơm cả ». Lại cụ Nhữ Đình-Toản 汝廷瓚 ở Hoạch-trạch 穫澤 soạn bài tựa triều-đường mừng ông tôi có nói rằng: « Bốn trăm đánh như Vạn-nại, Phao-sơn, Ninh-xá và Đình-bảng đều đã nguy rồi mà lại yên được, nơi cung-miếu với chốn kinh-thành hai phen đặt vững, mé tây-nam cùng vùng đôn-bắc, mấy thứ đặng-bình, thực là mưu sâu trí cả hơn người, tấm lòng báo-quốc mặt trời rạng soi, v. v. » Ấy các cụ tuy là bạn tri-kỷ với ông tôi, song cũng là vì lẽ công mà nói tình thực cả. Tuy thế, nhưng những cái công rõ-ràng thì dễ hiểu, đến như cái công ngăn-trở việc hồi-loan, — lúc Tuyên mới khởi, chúa Trịnh định bỏ Hà-nội mà về Thanh-hóa — quan-hệ đến sự tồn-vong của nước nhà xã-tắc, thì ai còn biết đến, ý-giả lúc binh-biến mới nổi lên, đang lo-sợ thì cần đến, đến khi thấy thế đã vững rồi thì không thiết đến nữa, nên triệu vào làm tể-tướng được bấy tháng lại cho ra ngoại trấn, đến nỗi vợ con đói rét, bộ-hạ ly-tán cũng chẳng hỏi-han gì. Bỗng có cấp lại gọi vào hỏi, ông tôi thông-dong mà nói, khảng-khái xin đi, bọn quyền-gian ghen ghét, lũ ác-dãng gièm-pha, ông tôi cũng không để ý đến, về phần ông tôi đã dành, mà làm người bề trên, có người bày tôi như thế, vì một lời gièm mà bỏ xó

ngay đi, thì làm việc đời có khó hay không ? »

Tôi soạn sách sử nhà họ Trần này có một điều lấy làm ngờ là quyền gia-phả này là công-tử Trần Tiến lấy ở vở nhật-ký của Trần-công mà soạn ra, công việc xem ra có bằng-cớ rõ-ràng, lại những lời vật-luận ở ngoài bấy giờ như bài tựa của Nhữ Đình-Toản đã trích trên kia và cái văn bia của chùa Khương-tự 姜寺 sau này, thì Trần-công thực là một người danh-tướng hiền-tê có huân-lao trong-vọng ở đời Cảnh-hung sơ-niên, mà sao tôi tìm vài bộ sử về thời ấy, không những cái vũ-công trên kia đều về người khác mà đến cái tính-danh hai chữ Trần Cảnh cũng chưa tìm thấy, có lẽ nào các ông sử-quan bấy giờ cầm cái bút-quyền của vạ-thế mà cũng lại mang một cái ác-cảm với Trần-công như cái tội nô-lệ trong cung-cấm kia dư ? Ý-giả cũng vì thế công-tử Trần Tiến tự biết rằng người đời đã găm đi thì hậu-thế còn lấy đầu mà biết tới, nên mới chép lấy quyền niên-phả này cho kỹ-lưỡng mà để lại chẳng ? Có phải như thế thì tôi soạn lại quyền gia-sử này để chất cùng các nhà bác-nhã hiểu-cổ cũng là việc nên.

Trần-công về đến kinh, chẳng có công việc gì, chỉ ngồi rồi đấy thôi, đến tháng tám năm sau mới khâm-sai đi làm Đề-diệu 提調 coi tràng thi-hương Thanh-hóa.

Còn như Hẻo thì từ khi Trần-công giải-binh, kéo vào đánh Quận Trinh ở Tứ-kỳ An-lão một trận. Vũ Khâm-Lân làm Tá-lý ra đối-địch, đại-bại, nên Hẻo lại càng dễ tung-hoành, rồi tiến vào sát-cứ cả thành Xương-giang 昌江城, làm chúa-tể một góc trời. Minh-vương đã phải dụ Hẻo qui-hàng thì phong vương phong hầu cho mà Hẻo không chịu. Tương-truyền gần đây vùng đông-nam xứ Bắc-kỳ, chỗ nào còn tiêu số « tiền gián » tức là bấy giờ

thuộc về đất Hẻo cả — nguyên số tiền đồng chính phép mỗi quan 10 tiền (陌 陌), mỗi tiền là 60 đồng (文 文), nay Hẻo vì tài-chính quân-bách, mới đặt cách bót-số đồng tiền đi, mỗi陌 36 đồng gọi là một tiền gián, 10 tiền gián gọi là một quan gián, thành ra mỗi quan gián chỉ được có sáu陌 (quan quí) mà thôi. Bấy giờ thế-lực của Hẻo đã tràn vào diên-hải xứ Sơn-nam, quân thường vào đánh các dân làng ở Vũ-tiên 武仙, Chân-định 眞定, Triệu-định lại sai Trần-công làm Hiệp-đốc-lĩnh mà Kinh-phương-hầu thì làm Chánh-đốc-lĩnh. Trần-công đến quân-sở đem thuyền-binh bán-đạo đóng ở sông Cát-xuyên, Ngũ-man. Trần-công lo huyện Chân-định là cái đường tắt do chi lộ của giặc ở bề vào, bèn đi xem hình-thế hai bên bờ sông, sức cho quân dân lập đồn ải ở các chốn yếu-hại, mà cho hai đội quân Tiên-khuông và Tiên-tuấn đóng ở làng Trinh-phổ cùng với dân-phu cùng canh giữ. Giặc bốn lần đem 300 chiếc thuyền vào ăn cướp, quan-quân bắn ra, bắt được thuyền và mấy tên giặc, từ đó giặc không dám đến nữa. Nguyên Kinh-phương-hầu vốn là một viên thuộc-tướng đi trận với Trần-công ngày nọ, nay Trần-công lại phải xuống tùy thuộc người ấy, cụ vẫn lấy làm bất-dắc-dĩ, nên xếp đặt việc binh-phòng xong, nhân người khó ở, bèn xin phép về kinh nghỉ, chưa thấy cho, liền sai công-tử Trần Tiến đến công-diêm kêu-ca với quan Cơ-mật đại-thần trừu hỏi.

Tháng tám năm Cảnh-hung thứ năm, có một người Tàu là Hoàng Lão-Tá 黃老佐 đem binh và đưa hai người nước ta là Chúa anh, chúa em về đánh Thái-nguyên, Cao-băng ; nói là phủ-lập cho dòng-dõi họ Mạc. Đốc-trấn Cao-băng là Mai Thế-Chuẩn 枚世準 thì ốm phải kiêng về kinh. Đốc-đồng là Nhữ Trọng-Lã 汝仲呂 thì bị giặc bắt. Còn

các quan biên-trấn hàng giặc nhiều lắm, nên Triều-đình sai Trần-công lên làm Đốc-trấn, cái chức thủ-hiến ấy cũng chẳng thơm-thảo gì, nhưng Trần-công cũng quyết xin đi, song vì quân Hèo ở đồn Xương-giang làm ngành-trở đường xá, nên không đi được.

Trần-công từ khi nhàn-tản, cứ phải ăn chực nằm chờ ở kinh để khi có việc thì sai đến. Bấy giờ mới xin về hưu. Minh-dô-vương bèn cho về phủ-tập hạt Nam-sách. Tháng 11, Trần-công đem đội quân Hậu-tuấn về đến đồn Tam-kỳ thì có tin Hèo kéo đến, đội Hậu-tuấn lại phải đi đánh, thành-thủ chỉ còn có vài thầy tờ mà hạt nhà giặc-dã vẫn lung-tung, không về được, lại phải về trọ ở làng Mật-sơn Chí-linh, rồi sang trọ ở làng An-lâm, rồi lại xuống trọ ở làng Lâm-xá cuối huyện Đông-triều.

Tháng giêng năm mới, Cảnh-hung thứ sáu, vì có quan Tham-tụng Nhữ Đình-Toản nói : « Vùng đông đang loạn, Trần-công là người tài-vọng không nên để cho ở đấy, » nên Minh-vương lại triệu về, lúc ấy đường lối trắc-trở, Trần-công đi từ cuối tháng giêng đến 18 tháng ba mới tới Kinh, đến nơi thì lại nằm khoèo như trước, mãi đến 18 tháng chạp nhuận mới có một việc đi dự-tế một vị thân-thần là Phấn quận-công. Lại đến tháng năm năm sau, Cảnh-hung thứ bảy, chuẩn cho Trần-công làm Thiêm-sai xét hỏi những từ-tụng trong Công-diêm. Vịnh quận-công 詠郡公 nhân nói với quan Liêm-tăng 廉增 là Nội-thần rằng : « Tứ-phương nhiễu-loạn, mà Trần-công là người huân-vọng, lại hiểu binh-pháp, không nên để cho ngồi rồi. » Quan Nội-thần vào tâu, Minh-vương có ý muốn lại dùng làm thủ-tướng, nhưng bọn đồ-dăng của Quận Trình cố xin cho Vũ Khâm-Lân, nên lại thôi.

Bấy giờ Trần-công nghĩ việc quan, người nhà không về quê được, vẫn ở cả Kinh, túng lắm, bất-đắc-dĩ công-tử Trần

Tiến phải xin vào làm chức tư-vụ ở bộ Binh để lấy lương mà tiêu dùng thêm vào.

Mồng sáu tháng 11, chuẩn cho Trần-công vào châu kinh diên, nhân có giặc Tương 襄 quấy rối hạt Sơn-tây, mồng chín lại sai đi làm Hiệp-trấn xứ Sơn-tây, sang tháng chạp lại triệu về.

Cảnh-hung thứ tám, sai đi làm Hiệp-thống đạo quân Nam-đạo đánh giặc Hoàng Công-Chất với Quận-Nhị, nhưng xem ý ỷ-dụng kém xưa, không thi-thố vào đâu được. Trần-công bèn xin về chữa bệnh, năm sau Cảnh-hung thứ chín, chuẩn cho xét những kiện cáo ở Tả-môn với vị Thân-vương Trịnh Tuệ, bấy giờ Minh-vương mới lập ra một phép, đặt một cái chuông, một cái mõ ở công-diêm cho người nào muốn nói về việc nước hay muốn tự tiến cái tài-v năng của mình thì hồi chuông lên, người nào bị kẻ quyền-thế ức-hiếp, oan-uổng sự gì thì hồi mõ lên, rồi cứ đưa mật-thư vào. Trần-công làm việc công-liêm, người ta đến khua chuông mõ suốt ngày. Vị Thân-vương lấy làm kinh-trọng lắm.

Năm ấy Công-tử Trần Tiến đỗ Tiến-sĩ, Trần-công đã 65 tuổi, theo lệ được thăng Công-bộ Thượng-thư tri-sĩ, công-tử cũng được vinh-qui cùng một ngày. Trần-công với « Thủy tiến-sĩ 始進士 » Trần Tiến vào bái tạ vua Hiến-tôn ở Chính-diện, ngự ban mỗi người một cái túi gấm và một hộp trà. Trần-công làm một bài thơ lưu-giản cho các quan đồng-triều. Các quan đồng-triều có đặt một tiệc trà tiễn hành trang - nhã lắm. mỗi ông họa lại một bài thơ đóng thành tập, ông Nhữ Đình-Toản thì làm bài tựa đề lên trên đầu tập. Ngày hôm trước quan Phủ-doãn súc dân-phu kết một cái hoa-dinh ở bên tả nhà Quốc-tử-giám, sáng sớm ngày 25 tháng tám, các quan triều đều đến dự, có tới hơn 50 bài thơ họa, như của các vị này :

Các vị Quận-công : Trương
張某 (Qui-thích), Nguyễn Gia-Châu
阮嘉珠, Nguyễn Huy-Nhuận 阮輝潤,
Trịnh Huệ 鄭穗, Đinh Văn-Giai 丁文
佳, Nguyễn Qui-Kinh 阮貴愨, Nguyễn
Công-Thê 阮公案, Đào Hoàng-Thực
陶黃寔.

Các vị Hầu-Bá ; Lê Hữu-Kiều 黎有
喬, Phạm Đình-Trọng 范廷重, Trần
Danh-Ninh 陳名寧, Vũ Khâm-Lân 武
欽鄰, Nhữ Đình-Toản 汝廷瓊, Trần
Danh-Lâm 陳名霖, Nguyễn Nghiê-m
阮儼, Vũ Trần-Thiệu 武陳紹, Nguyễn
Hoãn 阮皖 v. v. .

Trần-công với các quan vào hoa-
đình uống nước trà rồi bình các bài thơ
lên một lượt, song đều đứng dậy. Trần-
công đứng một mình ở bên tả, các quan
đứng cả ở bên hữu, hai bên tán chủ
vái chào nhau xong thì các tán. Bấy
giờ xừ đông giặc-dã đã yên. Trần-
công về trú-sở xếp sửa bành-lý và
nghĩ-trọng đề chầy về nhà quê. Minh-
vương ban cho sáu lá cờ Quận-công trí-
sĩ, mỗi lá thêu hai câu thơ kể những
huân-vọng, công-nghiệp.

- | | | | | | | | |
|----|---|---|---|---|---|---|----|
| 10 | 正 | 直 | 在 | 朝 | 羔 | 華 | 素。 |
| | 忠 | 誠 | 許 | 國 | 馬 | 心 | 丹。 |
| 20 | 一 | 番 | 黃 | 閣 | 三 | 秋 | 水。 |
| | 兩 | 度 | 青 | 藩 | 萬 | 里 | 城。 |
| 30 | 轟 | 奪 | 西 | 陞 | 清 | 孽 | 黨。 |
| | 含 | 枚 | 北 | 路 | 奏 | 膚 | 功。 |
| 40 | 繼 | 世 | 登 | 科 | 從 | 昔 | 有。 |
| | 兩 | 榮 | 同 | 日 | 識 | 今 | 希。 |
| 50 | 經 | 幄 | 緝 | 熙 | 隆 | 宿 | 學。 |
| | 斗 | 樞 | 優 | 寵 | 荷 | 新 | 綸。 |
| 60 | 鳳 | 山 | 寄 | 傲 | 今 | 樵 | 隱。 |
| | 象 | 嶺 | 衡 | 吟 | 古 | 棗 | 仙。 |

và cờ ấn Đại-tướng-quân. Đức Thái-
thượng-hoàng (Vua Lê Ý-tôn nhường
ngôi cho vua Hiến-tôn) sai quan bản-
điện ban sắc phong cho Ông Bà bên
ngoại nhà Trần-công vì có sơ xin.

Các quan Đại-thần tiễn mãi đến bến
Giốc-gạch, ông thì tặng cho kiệu, thanh
quất, ngựa, ông thì cho hàng 150 tên
lính đi đưa đến nhà, cụ Quận Vĩnh
sắp hai cái thuyền lớn đề độ-hà vì có
việc hai phụ tử cùng vinh-qui một
ngày, nên từ vương-công qui-chủ đến
phố-phường đều đi xem đông như
nước chảy. Công-tử thì ngra-giong đai
bạc áo lam. Tướng-công với phu-nhân
thì tiếng chiêng dây dất, bóng tinh rợp
đường. Cha hỏi con, vợ ngắm chồng,
người ngoài đứng xem, tuyệt không thấy
có tí hơi đồng tanh - tuổi, nhà nho lúc
đó ngắm trông thành-quách nhân-dân
chốn đẽ-đò, mây nước cỏ hoa nơi Nùng
Nhị, tự-vấn không chút hồ lòng, tướng
cũng đáng lấy làm tự-hào thay, ấy tuy
nói rằng : « Vinh-qui bá-tử về nhà, ăn
mừng khai-hạ những ba tháng chày »,
nhưng kỳ-thực về đã có nhà dàu.

Nghe nói hạt Gia-định còn giặc cỏ,
phải đi sang lối Thị-kiều qua Đình-
bảng, về đến bến dò Bình đã thấy 24
chiếc khinh-thuyền và hai đội quân
bản-xứ chực đó đề phòng thủy-khẩu.
Voi làng vào nghỉ ở đình, đi yết-tiên-
phần, rồi đến ở xóm trại làng Đông-
thôn là làng bèn.

Tới nhà ngày 29 tháng tám đến
19 tháng chín lại có chỉ cho khởi-phục,
lệnh truyền 15 tên lính đồn làm-ký
phải khiêng võng và lính trấn-bình Kinh-
bắc thì hộ-tống ra Kinh lập-tức, ra đến
nơi thì cũng lại chẳng có công việc gì ;
sang năm Cảnh-hưng thứ 10, Trần-công
buồn lắm, dâng *khải* nói về bản-hạt
dân-tán diên-hoang, nay đã tìm về
dần dần, vậy xin về chiêu-phủ cho dân
an-nghiệp, được chỉ chuẩn y. Tháng
ba Trần-công lại về cố-lý, ở tại xóm
trại Đông-thôn để tiện đi khuyến-dụ
dân-sự về làm ruộng.

Hồi ấy Trần-công tướng đã được
thư-nhàn, tiêu-dao chốn tử - phần cho
trọn tuổi trời, bèn làm một quyển

sách chiêm-nghiệm thời-tiết làm ruộng, đề là *Minh-nông phả* 明農譜, hay đầu trên Triều-dinh từ khi Trần-công bãi chính hơn 10 năm nay đến hơn 10 người vào chấp-chính đủ cả các hạng kỳ-cựu và tân-tiến, lai cũng vào mồng ba ra mồng bảy cả, chả ai ở được lâu, nay nhân lại kén người làm thủ-trưởng, Minh-vương lấy sổ văn-ban ra xem, Vương trở vào tính-danh Trần-công mà bảo người thị-thần rằng: «Trần là người cương-trực khảng-khải, không ai bằng, từ khi bị khiển-trách đến giờ, không hề thân-biện một lời nào, mà cũng không thấy có ai bênh vực cho, một người diêm-tĩnh như thế, cái tri-thảo đáng khen lắm, người này đại-dụng được, để cho Lê làm Phó-tướng, tính Lê khoan-nhu, điều-hòa cho tính cương-trực của Trần, và hai người này đồng-khoa với nhau tất đồng-tâm với nhau được. Mi nghĩ sao?» Các quan cận-thần đều tâu rằng phải. Vương bèn hạ chỉ triệu Trần-công, 12 tháng tư tiếp chỉ, Trần-công ở nhà quê đã quen, không muốn ra nữa, đồ là giặc đã ngăn trở lối đi không thể ra được.

Được mấy hôm lại có người nhà ở Kinh phụng chỉ đem về đốc-thức phải phó-kinh ngay, không được trì-hoãn, bắt-đắc-dĩ Trần-công lại phải đi.

Tôi kinh tiếp chỉ triệu vào Phủ phụng lời Chỉ-truyền rằng: «陳宿德元老。特立不倚。秉性稟剛毅。頗曉戎機。奉準入侍機密。宜夙夜盡心。以無負委用責成之意。Trần Mỗ là một bậc nguyên-lão có đức-vọng, bầm-tính cương-ng nghị, không hề a-dua, lại thông-hiểu việc nhung-cơ, chuẩn cho được vào châu nơi cơ-mật, phải nên khuya sớm hết lòng cho khỏi phụ ý trên đã ủy-dụng và mong-mỏi».

Trần-công bái tạ rồi cùng với ông Lê Hữu-Kiều (Liêu-xá) cùng thụ mạng vào Tướng-phủ, hai cụ hết lòng giúp chúa, chúa cũng hết lòng tin, bốn phương đều mừng rỡ.

Coi đó thì biết Minh-vương cũng không phải là không tri-kỹ với Trần-công, song biết đến cũng quá muộn mất rồi. Bấy giờ Trần-công đã 66 tuổi, đang buổi nước nhà đa-nạn, mà Trần-công lại vốn là người lắm bệnh, thì cái chí bình-sinh cũng khó mà thi-thố ra hết được, song cụ cũng không nghĩ thế, còn hơi thở, còn hết lòng với nước với dân, bắt đầu cụ gia ơn cho bọn binh-dân để yên lấy cái gốc của nước, là xin tha cho dân cả các thứ thuế mà vài năm nay mới tăng lên cho dân khỏi gánh vác nặng-nề quá. Lại xin bãi cái ngạch vệ-binh là thứ lính chỉ để hầu-hạ các nha-thự, để bớt những hạng người du-thủ du-thực tạ-sự nhiều-dân, mà nhà nước cũng đỡ được một khoản lương. Lại cố nài xin giảm thuế đinh cho dân hai hạt Kinh-môn và Nam-sách là những chỗ bị tàn-phá nhiều nhất,

Kể đến cái vấn-đề binh-chính, vì Trần-công đã lịch-duyet việc binh nên biết rõ cái liệt-diêm của binh-chế lúc ấy, cái quốc-thể bấy giờ trong thì nội-loạn cũng chưa yên, ngoài thì mé bắc bọn di-nghiệt họ Mạc đã lù-lù rước con voi Tàu về dày mỡ ở Cao Thái, mé nam cuộc huých-tường của Nguyễn Trịnh, nghỉ được ngày nào hay ngày ấy, thế mà không có được một cái quân-đoàn bởi lòng địch-khải của dân thì khó lòng mà tiến quốc-vận lên cái cõi cường-thịnh được. Trần-công bèn dâng *khải* mặt-trần việc binh-chế, lược dịch như sau này :

«Nhà Chu dùng phép «tĩnh-diên» để ngụ binh vào việc nông, nước Tề lập phép «nội-chính» để thi-hành việc quân-lệnh, luận-giả đều lấy làm phải. Ngày nay trong nước nhiều chỗ điêu-tàn, mà quân-lệnh nhiều người trốn-tránh, không lưu-tâm đến không được. Thần xét binh-chế đời Hồng-đức, bao nhiêu dân-suất trong nước là phải ra

linh cả, luyện-tập rồi cho về an-nghiệp, lúc nào gọi thì phải ra, đệ-niên kỳ diêm-duyet, linh bản-thành thắng-binh 本城勝兵 hơn 30 vạn, lúc ngoại-dịch áp-cảnh, hội-binh 潰兵 hơn 70 vạn, binh thịnh như thế mà nhà nước không phải nuôi tất cả, phép ấy chép ở sách *Thiên-nam dư-hạ* 天南餘暇, nhưng nay tản-mác chưa khảo kỹ được, thần xin tham-chước như sau này :

« Trước phải điều-tra lấy cái nhân-suất cho được thực-số rồi định phép kén linh. Cứ xã nào đã có quan-diền đủ chia thì cứ mỗi khâu-phần phải chịu một tên linh, còn các xã khác thì cứ năm, sáu suất định phải một tên linh, biên thành sổ sách, lớn thì một huyện, nhỏ thì hai ba huyện làm một cơ-đội, luyện-tập thành linh rồi cho về làm ăn, sổ sách cơ-ngũ thì giao Trấn-quan bản-xứ coi giữ, lúc có lệnh triệu-tập thì huyện-quan phải điều-khiển mà đưa ra, v. v. . . — Nếu lời thần mà có chỗ khả-thủ thì xin cho một quan Đại-thần cùng hội-nghị điều-lệ về cách thi-hành đề tiến-lãm, »

Bấy giờ giặc Hẻo, giặc Chất đều thua trốn vào đất Thanh Nghệ, ba mặt đông nam bắc tiệm yên, duy Sơn-tây còn Nguyễn Danh-Phương 阮名芳 vẫn cát-cứ hạt Tam-đảo, giặc Phương cũng dữ-tợn không kém gì Hẻo, quan-quân công-tiểu nhiều lần không được. Phương lập cung-diện ở núi Ngọc-bội mà tiếm hiệu xưng đế, đời gọi giặc Phương là giặc canh-ngũ 庚午, không biết vì cơ gì, hay là năm ấy Cảnh-hưng 11, canh-ngũ, Minh-vương thân-chinh đi đánh được giặc ấy, nên gọi thế chăng? Minh-vương thấy ba mặt đã bình bèn đại-cử đi thân-chinh giặc canh-ngũ. Trần-công phải đi hộ-giá, tiến lên vây đồn Kỳ-úc và Hương-canh, bắt được một bọn giặc 800 người, Minh-vương với chư-trưởng nghị trảm-quyết hết cả, đang đêm Trần-công ở ngoài nghe thấy

sợ hãi quá, lập tức thảo *khải* đệ vào xin cứu cho 800 mạng con người, lời *khải* đại-ý nói rằng: « Nay đã bắt được tướng giặc và đồ-dảng gần 800 người, nhưng xét ra cũng là con-cái của Triều-dinh, những kẻ đầu nêu làm loạn đã đành đáng tội, mà những bọn hiệp-tông thì cũng nên thương. Thần phục-nguyện Thượng-đức, mở lòng hiếu-sinh, ra ơn bất-sát, vụ lấy yên dân, dứa nào đại-ác thì đem chính-pháp, dứa nào thứ-ác thì làm tội « ngoạt-hình » nghĩa là cắt gót để nó không làm giặc được nữa mà vẫn còn được sống làm người, còn bao nhiêu dứa tưng-phạm thì giao về cho dân làng nó quản-thức. v. v. »

Chư tướng thấy Trần-công đem *khải* vào dâng, họ biết họ giận lắm, làm âm cá lên « nhà nho nhân nghĩa vật », có kẻ thậm-chí nó chửi. Trần-công nghe thấy cũng lờ đi, cứ vào tâu. Minh-vương khen là phải, chuẩn-y cả những lời Trần-công đã xin.

Từ đó bắt được bọn giặc nào cũng khoan-xá cả, cho đến khi dẹp yên giặc canh-ngũ, trừ mấy tên cừ-khôi đại-ác ra không giết một người nào khác, là nhờ ở một lời Trần-công xin cho.

Đến tháng hai, Cảnh-hưng thứ 12, quan-quân bắt được Nguyễn Danh-Phương, tan giặc canh-ngũ. Minh-vương khải-hoàn thì ông Phạm Đình-Trọng cũng bắt được Hẻo ở Nghệ-an giải ra. Vương bèn khảo tướng-sĩ ở hành-tại Xuân-hy, bắt Nguyễn Hữu-Cầu thồi kèn, Nguyễn Danh-Phương đi chuốc rượu. Tướng-sĩ đều hoan-hô rồi trảy về kinh hiến-tiếp.

Trần-công làm Thủ-tướng đã bao nhiêu việc binh việc chính, lại tháng tám năm trước Vương Thái-tôn mất, tháng chín năm nay Vương Thái-phi mất, hai cái trọng-tang liền, cụ phải trông coi xếp đặt mọi việc tang-nghi, cần-lao quá, thành yếu đuối mỗi người

đi. Cảnh-hưng thứ 13 bèn dâng *khải* xin cáo-lão. Minh-vương không cho, cuối năm phát bệnh phải nghỉ, uống thuốc ba tháng khỏi, lại vào công-điểm làm việc, bệnh lại phát ra, lại xin nghỉ, mới đưa cho ông Phạm Đình-Trọng Đốc-trấn Nghệ-an một bức thư với hai bài thơ đề nhờ ông xin giùm cho được về hưu, một bài có câu rằng:

北岳南河樵子脚。
春风秋月釣翁船。

Rồi đây bạn với ngư tiều,

Chiếc thân rừng suối, con chèo gió
trắng.

Song ông Phạm Đình-Trọng cũng không dám xin hộ, phục thư nói lại, đại-lược rằng: «... Trọng tôi lúc sơ-sĩ, nhờ Tôn-sư đại-nhân tiến-bạt cho, may có chút vi-lao mà được có ngày nay, lòng kia đức nợ, lấy chi báo đền, dám đâu tiếc công vài hàng chữ, ngặt vì ở ngoài chốn biên-đình, không dám đùng-đột dự vào việc trong triều... »

Bất-đắc-dĩ Trần-công lại phải dâng *khải* xin cáo hưu và xin nạp lại cả hai xã lộc-dân là Hộ-xá và Lôi-động. Lại tiền ông Nguyễn Công-Thê 阮公案 (Kim-lũ) là người kỳ-cựu lên thay, rồi nài kêu hai ba thứ mới được nghỉ hẳn, ông Nguyễn Công-Thê vào làm Tham-tụng, khi có đại-chính, Trần-công mới phải vào công-điểm hội-ngự.

Cảnh-hưng thứ 15, Thủ-tướng Nguyễn Công-Thê thấy các xứ hoang-diền còn nhiều mà dân hay kiện nhau về việc tranh điền, bèn hội-ngự phân làm đồng, nam, bắc ba đạo, mỗi đạo quan địa-phương đại-thần phải làm khuyến-nông-sứ có cấp ấn-tin để phân xử việc tranh-đoan cho dân, hạt Kinh-môn, Nam-sách thì Trần-công làm khuyến-nông-sứ để có cơ mà về nhàn-dưỡng.

Tháng tư, Trần-công về hạt nhà làm việc điền-chính nguyên mấy năm bình-hòa, dân-sự phiêu-lưu, điền-khế điền-ba

thất-lạc mất cả, nên những kẻ hào-cường chiếm nhận cả ruộng của kẻ bình-dân khó xét lắm, các đạo chỉ hỏi qua-loa mà thôi, duy bản-đạo thì Trần-công hết sức tìm cho ra sự-thực, ức-kẻ cường, bênh kẻ yếu, đòi của đũa nợ trả cho đũa kia, mà không có hối-lộ, từ-vị chút nào, nên chỉ phải cùng-đỉnh thì ca-tụng mà đẳng hào-cường thì ta-oán.

Sang năm, ông Nguyễn Công-Thê bãi-chính, người khác lên thay, xin đình việc khuyến-nông-sứ, Trần-công lại phải về triều phụng-thì, vì vẫn còn đeo ấn Tham-tụng. Bấy giờ lại xin về hưu mới thật được, về đến nhà — bấy giờ mới tu-tạo được nhà ở — bệnh lại phát ra. Minh-vương nhớ Trần-công trung-trực, lại muốn triệu dụng, có quan cận-thần tâu là đang yếu nặng mới thôi.

Tháng sáu năm Cảnh-hưng 15, Trần-công tạ-thế, tuổi 75, vua Hiến-tôn và Minh-vương sai quan Tham-tụng Trần-Danh-Ninh về dự-tế.

Trần-công dâng mình việc nước, hầu 40 năm, một niềm thanh-liêm trung-chính, trên dưới ngợi khen, mà không hề có khoa-trương bao giờ. Lúc giặc Nanh mới nổi lên, nhân-tâm đã lìa bỏ chúa Trịnh, không mấy người chịu ra giúp. Trần-công dẫn thân, quyết-kế thế nào cũng phá được, sau quả dẹp tan, ở trong quân-thứ thường ngâm rằng: « Chỉ vì tài hèn nên cố sức, ngờ đâu may-mắn lại thành công. » Thi đủ biết cái bụng thành-thực là dường nào, nay xem còn nhiều điều đáng nhớ.

Lúc trấn Sơn-tây, dân sở-tại xin ruộng « đồng trè », xét không hợp lẽ, không cho, dân ấy đem tiền đút lót những người thân-nhân của cụ để xin cho mà không được.

Hồi làm tể-tướng lần sau, có người kêu với Vương Thái-tôn xin lĩnh trưng thuế muối được đặc-quyền phát-mại,

đã đặc-chỉ ban ra, Trần - công nói : « Muối là vật nhật-dụng của quân dân, nếu cho họ giữ quyền sẽ đến như người nhà Tống, ba tháng không có muối ăn ». Rồi nhất-định bác đi không cho, người ấy đem 100 quan tiền đến lễ cũng không được.

Một ông quan chăm trường thi hương bị can, đem hai chục nén bạc phờ ông thầy thuốc rất thân-tin của cụ nói cho cũng không nghe.

Bấy giờ các xứ nộp tiền « Thông-kinh » (tiền ấy tự Đổ Thế-Giai 杜世佳 xin lập ra, mỗi người nộp ba quan thì được đi thi hương không phải hạch, sau Nguyễn Công-Thê chấp-chính, xin bãi đi, cách ít năm Đổ lại vào Tương-phủ, lại xin thu, mà thí-pháp bại-hoại) nhiều lắm, một vị quyền - thần xin lĩnh 10 vạn quan để tạo đồ nhung-khi, chỉ còn chờ có chữ « Phát » của quan Thủ-tướng phê cho nữa là xong, vị ấy đưa 3000 quan đến trước để biểu Cụ. Cụ nói : « Tôi lấy tiền để làm gì được ». Rồi nhất-định không phê chữ.

Khi về làm Khuyển-nông-sứ, huyện Kim-thành có làng Hoàng-xá tranh ruộng với làng Phi-da, Hoàng-xá biết lý khuất, đem tiền nhờ người thân-thích của cụ xin cho không được phải vào tận Kinh, lễ quan Nội-thần để về nhà Cụ xin hộ, cũng không ăn thua.

Sinh-bình không dụng tình lấy tiền của ai, cũng không biết a-dua ý vua cùng phụ - họa với kẻ quyền - thần bao giờ, nên những bọn cận-thần cũng phải kính-phục, họ thường nói : « Coi Trần Trùng-công như bố ». Những sự thanh-khiết như thế còn nhiều, mà tự-phụng thì rất kiệm-ước, làm đến khanh-tướng mà không có cái áo nào quý, theo phẩm-phục, quan Thủ - tướng được dùng đai ngọc tề, mà cụ cũng cứ đeo cái đai cũ ngày xưa. Bữa ăn trong mâm có nhiều thức thì sai bỏ bớt ra, nói ăn đủ thì thôi, nhiều cũng không làm gì.

Tính lại nhân-từ không muốn sát-sinh, có việc gì đến nhà dân hay làng nào thì cấm không được mổ gà mổ lợn, bắt-đặc-dĩ thì cái tôm con cá mà thôi, thường nói : « Tôi không dám nói thích ăn cái nọ cái kia bao giờ, chẳng qua tùy tiện mà thôi ». Ngày làm Tề-tướng, cứ tết cơm mới, dân đem gạo mới chim ngói vào lễ, bắt-đặc-dĩ nhận rồi sai thả cả chim ra, những nhà hàng-xóm cứ đình bắt lấy những con chim yếu không bay được. Thường nói : « Làm ông vua không nên giết người, làm thần-dân không nên giết vật, vì ông vua có thể giết được người, thần-dân chỉ có sức giết được con vật. Nhưng giới - sát thì cũng là một mà thôi. » Cho nên trong nhà khi giỗ tết bắt đặc-dĩ-phải sát-sinh cũng chỉ vừa lễ mà thôi, còn có khách sang cũng không mổ lợn bao giờ.

Chỉ lo việc nước chứ chưa nghĩ đến kế thân-gia lúc nào, cái gia-sản cũ bị giặc phá tan, lúc vào làm thủ-tướng lần sau mới sửa sang lại, khi về hưu, dưỡng-bệnh ở nhà, Chúa cho quan Trung-quí là Thái-y ra chữa bệnh. Ông tưởng sẽ tới thăm một cái Lạc-dã-đường mới nguy-nga sán-lạn đến thế nào, tới nơi thấy Trùng-công đang nằm ở một cái nhà gianh tường đất, ông lấy làm ngờ, nghĩ rằng Trùng-công chạy sang nhà hàng xóm cho chóng khỏi, sau ông mới biết là chính biệt-nghiệp của Trùng-công đấy, ông lấy làm lạ mãi.

Thậm-chi lúc mất rồi, xem đến việc hậu-sự chưa sắp sửa được cái gì, lăng không xây, quan quách chưa sắm, kiêmdiềm đến sản-nghiệp thì chỉ có một số ruộng vừa đời trước để lại vừa tậu thêm thì đã làm chúc-thư chia cho các con từ hồi 54 tuổi là lúc còn ở lãnh-chức thế mà thôi, về sau có tậu được mấy mẫu thì trả lại cho dân cả, con cái không được tặng mẫu nào nữa.

Trần-công sinh-bình rất tôn-trọng việc tin-ngưỡng, nhưng không nhằm

nhí như thế-tục. Lúc sắp mất có di-chức lại mấy điều :

10 — Cái tục để tang cha mẹ mà nhìn ăn và nằm đất là cái tục dở, người ta có giữ-gìn được thân cho tử-tế mới là hiếu, nay chớ theo

20 — Người chết không được mời thầy phù-thủy làm bùa-bèn gì.

30 — Ngày giỗ ngày tết Tiên-nhân không được đốt vàng giấy.

Ngày nay con cháu nhà họ Trần đông lắm mà vẫn giữ được hai điều thứ hai và thứ ba của tổ-huấn ấy, nhưng bây giờ cũng có chi ở họ ấy họ đòi ra một cách cũng buồn cười, là ngày giỗ các cụ ông thì không đốt vàng còn giỗ các cụ bà là người khác họ thì cũng có đốt ; người chết không mời thầy phù-thủy, nhưng họ bỏ một cô «tô-tôm» hay một quyền lịch vào áo quan để trừ cái « quỷ trùng-tang ». Ôi ! sự học không phổ-thông thì biến được tục cũng khó !

Nay ta đọc một đoạn văn bia ở chùa Khương-tự 姜寺, huyện Siêu-loại 超類, phủ Thuận-thành 順城 tỉnh Bắc-ninh, người ta truy ơn mà thờ Trần-công với phu-nhân làm hai vị Hậu-phật 后佛 ở chùa ấy, thì biết cái dư-luận bấy giờ đối với Trần-công là thế nào, bia lập năm Cảnh-hưng 24, sau khi Trần-công mất được chín năm, có một đoạn rằng :

«...Tướng-công văn vũ vẹn tài, trung-thành một dạ, chỉ biết có nước, không nghĩ chi nhà, biết bao công-nghiệp lớn-lao ở nơi xã-tắc, thế mà xét từ thủy chí chung, 40 năm trong hoạn-trường, nửa phần ở chỗ lãnh-chức ; hai lần vào làm Tề-tướng cứ như một ông cụ đồ, sửa mình thanh-ước đến như thế, ở ngôi Tề-phụ mà không a-dua, không lật-lừa, không hề riêng tây vì nể chi ai, đời dang mong-mỏi mà Tướng-công đã vội về già, không trọn công-nghiệp, tiếc thay ! »

Trần-công mất mới được một giỗ thì phu-nhân cũng tạ-thế, phu-nhân nhất

sinh thành-thực diêm-tĩnh, không biết những cách hoa-hòe bô-tịch là thế nào, lúc nghèo phải làm ăn vất-vả để nuôi-nấng con cái, sau ơn chồng làm đến Khanh-tướng đình-chung, cũng cứ làm lụng suốt ngày, chỉ biết cái bổn-phận làm một người đàn bà ở đời là mãn-nguyên, đến sự ăn mặc cư-xử cũng thế, không khác thừa hàn-vi chút nào, không mặc thức gì lạ, không ăn thức gì quý, đôi hài mới không thường đi, bộ áo mới không thường mặc, đến lúc đã già, công-tử Trần Tiến đã đi làm quan có may một cái áo đoạn đai đem về biếu, cũng chỉ xếp nếp vào hòm chứ không mặc, thế mà đối với đồng tiền thì chỉ dùng làm chân tay chứ không có coi liếc với ruột, phàm những lương-bổng của Trần-công làm quan được thì để tiêu-pha công cộng cả trong nhà, chứ không có co-cắp giấu giếm làm gì. Tự-phụng thì thế, mà ngày giỗ ngày tết bên nội bên ngoại rất là thành-kính, cỗ bàn rất đầy-dặn trong-sạch.

Trong gia-phả nói phu-nhân còn nhiều đức hay nết tốt, nhưng xem từ trên đến đây, phu-nhân cũng đủ làm một người đức-phụ Việt-Nam rồi. Phu-nhân không những giúp cho chồng cho con giữ được cái gia-bảo, cái quốc-bảo là hai chữ « thanh-trung » mà chính phu-nhân cũng là một hạng thanh-trung trong nữ-giới, tự mình cũng giữ được cái gia-bảo, cái quốc-bảo ấy, như phu-nhân thật không hổ làm vợ làm mẹ, làm người đàn bà Việt-Nam. Ôi ! không có người vợ giỏi không giúp nên được người chồng giỏi, không có người mẹ hiền không sinh thành được người con hay, như phu-nhân thì trong xã-hội đời nào cũng có thể theo học được.

II — Ông Trần Tiến 陳璣

Ông tức là một ông công-tử đã nói trên kia, chính tự ông biểu-dương cái huy-hiệu hai chữ thanh-trung là gia-bảo

của nhà Thế-đức-đường lên đó. Ông là con trai cả cụ Trần Cảnh, sinh năm Lê Vĩnh-thịnh thứ năm (1709), thừa bé nghịch-ngờm khó bảo, người nhà đã lo, nhưng mà ăn nói thì thông-hoạt, lên chín tuổi mới theo đi đến chỗ tiên-trưởng-công làm quan học võ lòng, ấy ông được chịu cái học gia-dinh từ đó. Lúc bắt vào học thì đĩnh-ngộ mà biến cái tính trước đi, ngoan-ngoãn trăm học. 15 tuổi, thơ đã có câu mà ông phụ-chấp khen ngày sau tất thành danh-sĩ, 17 tuổi nổi tiếng văn-chương có tài và ra kinh-thành du - học, 21 tuổi đã đỗ Hương-cống, tuy con nhà quan mà tinh-khí dễ-dãi, không nề cơm rau áo vải, ăn ở với làng-mạc ai cũng khen. Lúc đỗ rồi, người nhà xem trong thư-phòng bàn ghế chỗ ngồi học ngồi viết môn vệt cả đi, song không lấy thế làm mãn-nguyện, còn muốn học-tập cho kỳ đỗ được đại-khoa (Tiến-sĩ) thì mới thôi, chứ không chịu ra kiểm-chác ở chỗ hoạn-trường ngay. Song từ đó nước nhà ngày một lăm việc, nên cũng không chuyên về sự học được, nào trước thì loạn Tây-nam, rồi đến loạn Đông-bắc khởi ngay ở bên làng. Tiên-trưởng-công thì phải đi đánh dẹp mọi nơi, ông phải giữ nhà rồi đưa gia-quyển đi chạy giặc. Hồi Tiên-trưởng-công bị gièm, ở đứng nhà túng quá, ông phải vào làm Tư-vụ bộ Binh để lấy lương chi-dụng, được ba năm nghĩ lại con đường học-vấn lại tiếc, lại trở về xem sách để đi thi. Bấy giờ đã 40 tuổi, Cảnh-hung thứ chín, đỗ Tiến-sĩ Hoàng-giáp, phụ tử cùng vinh-qui một ngày, năm sau bổ Hiệp-dồng Hải - dương, ấy ông được đem cái gia-bảo thanh-trung ra cống-hiến cho nước từ đó, rồi làm Thừa-thiên phủ-doãn, nhân mãi chăm quyền hạch cho học trò bản-phủ, để xồng mát một người bị can, phải cách, chẳng kêu-ca gì cả, sau lại gọi đi khám đê, lại làm Hiến-sát-sứ giám-sát ngự-sử ở Sơn-nam, Sơn-tây, tới đâu cũng có

tiếng liêm-trực. Cảnh-hung 23, phải đi hạch học trò xứ Sơn-tây để lấy số trúng vào thi hương, trước kia đã có cái tệ có lẽ mới đỗ, ông đến cấm trừ cái ác-tục ấy đi, bao nhiêu học trò nghèo mà hay chữ là đỗ cả, nhất là một câu ở lư-liêm, nghèo đến nỗi bạn học trò họ làm thơ nôm họ giễu, thế mà đỗ đầu xứ. Một năm làm Tham-chính Thanh-hoa đi khảo hạch sĩ-tử, ông hết sức giữ-gìn ngăn-cấm từ người nhà đến các quan đồng-sự và nha-dịch không được thi-thọt tư-túi gì với người ngoài, hề thấy trao tư-thư cho nhau thì bắt, việc lấy đồ rất công-bình, học trò xứ Thanh làm một bài thơ nôm, một bài thơ chữ hán, dán ở cửa dinh mà khen ngợi, việc ấy đến tai chúa Trịnh, Cảnh-hung 28, Minh-đô-vương mất, Tĩnh-đô-vương Trịnh Xâm nối ngôi, Vương đang buổi sơ-chính, sốt-sắn việc chính-trị, chỉnh-đốn lại bách-quan, muốn tuyển lấy những người thật cương-chính liêm-trực vào Ngự-sử-đài để giữ việc dân-hặc, vì thế mới lấy Nguyễn Hội-Khôi 阮會魁 (Cổ-đó) làm Ngự-sử-đài-trưởng, ông Trần Tiến làm Phó và Đoàn Hoàng-giáp (Hải-an) thứ ba, đời lấy làm xứng-dáng lắm, gọi là Khánh-lich tam-gián 慶曆三諫, nghĩa là ba ông gián-thần đời Khánh - lịch, trực có tiếng, được ít lâu ông Nguyễn đi việc binh, ông Đoàn dinh - ưu về, một mình ông Trần Tiến phải kiêm nhiệm cả. Ông vào dài xong, cách-trừ ngay hết các tệ-lam ngày xưa, nghiêm-uy đối với kẻ lại-dịch mà xử với kẻ binh-dân thì lại rất bình-dị, ngồi ở công-đường suốt ngày hỏi kiện, dân-sự có việc kiện cáo, cứ thẳng mà vào, không phải lễ lạc gì lời thôi. Về Tứ-kỳ có làng Toại-an giàu thịnh nhất hạt, tranh ruộng với một làng nhỏ ở bên, biết lý quai đem tiền vào lễ, ông cự-tuyệt không nghe mà xử cho thua.

Một vị thân-vương là Đức-ông Bảy bắt người vô-tội đem giam, ông xét ra

cứ phép luận, vị thân-vương ấy phải cừu, bọn quyền-qui nghe thấy đều rùng mình. Một viên quan võ ở Tiên-dũng quân-dinh bị dân cáo hà-lạm, quan chủ-tướng cây thế đến xin cho, ông nổi giận hét rầm lên mà cứ phép bắt tội, quan chủ-tướng thù-oán mãi.

Một lần khâm-sai ra xứ Sơn-nam tra tù, đến nơi nghiêm-yết cho lại-lệ không được dọa nạt kẻ tù-đồ mà kiểm tiền, ai nấy đều sợ, rồi tra xét kết-đoán một cách rất công-minh khoan-bình, trừ mấy kẻ đại-ác ra đều được giảm-đẳng cả, lúc về hòm-xiêng chỉ có một thứ sách-vở và quần áo mà thôi. Thiên-hạ đều khen thể mới thật là thanh-liêm.

Cổ-thời lấy việc khoa-cử làm cực-trọng, nhưng bị bao năm loạn-lạc bối-rối, nên việc trảng-ốc cũng sinh nhiều điều tệ-lạm, nay được lúc bình-tĩnh, ông hết sức chỉnh-đốn sự thi-cử lại như khoa thi hương Cảnh-hưng 29 ở trảng Giang-bắc, khoa thi hội Cảnh-hưng 30 ở Kinh, ông đều được làm chủ-khảo, lập ra nhiều cách để lấy được học trò cho thực-tài. Lại khoa Bác-cử là khoa thi võ Cảnh-hưng 31, ông làm Giám-khảo, có một ông quốc-thích cũng làm Giám-khảo, cho đưa đến lễ ông 10 lạng bạc để xin cho một tên đã có chân vũ học-sinh được lên ưu-hạng, ông thấy tên ấy vũ-ngệ chẳng ra gì, nhất-định không nhận rồi đánh hồng, người ta lấy làm khen lắm.

Ông làm pháp-quan tuyệt không biết đến sự vi-nê là gì, kẻ trái phép, dẫu quyền-qui cũng không thân, người hàm-oan tuy nghèo-cùng thế nào cũng được miễn, được hơn một năm, thiên-hạ đều chúc-tụng. Tỉnh-vương muốn cất lên ngôi tể-phụ, nhưng vì ông cương-trục nên nhiều người sợ, họ tìm cách gìm đi nên lại thôi; vả Tỉnh-vương cũng

chỉ hăng được có lúc đầu, rồi sau say mê một người sắc-phụ (Thị Huệ) tin nghe bọn hoạn-quan, Triều-chính ngày một kém, nên ông cũng chán, chỉ muốn về mà chưa thể về được, có một bài thơ cảm-hứng dịch bốn câu như sau :

*Vài luống cỏ hoa đành bỏ đấy,
Quanh năm giỗ tết chẳng nhìn chi.
Thế mà còn lắm người hăm-hở,
Kìa trận tây-nam lũ-lượ đi.*
(Bấy giờ có việc đi đánh Tây-nam)

Lại một bài trường-thiên cổ-thể dịch như sau :

*Nhớ xưa có ông Bình-lãng-công (1),
Đã đi chẳng còn ngoảnh cổ trông.
Ông vội như thế cũng là phải,
Tôi còn dùng-dạng còn then lòng.
Chim ra khỏi lồng chim bay bổng,
Ngựa ra khỏi tâu ngựa thông-dong.
Quan-cách như tôi thật vô-dạng,
Phiền ai đáp họa cho mất công.
Nhà tôi chẳng có gì gia-bảo,
Chỉ có hai chữ thanh với trung.
Chấp tay vài lay các ngài nghĩ,
Đề tôi xin tặc thế là xong.*

Bèn xin phép về thu-xếp ở chốn cố-hương. Ở chỗ làm quan thì nghiêm-khắc thế mà về làng xử với người làng thì xuê-xòa lễ-nhượng không có cách-biệt gì, kính người già, yêu trẻ con, thương người nghèo, giúp kẻ túng, thường hay khuyên răn an-ủi cho con em một cách thành-thực, ai cũng cảm, thấy làng có lệ dâm ma rất nặng, nhiều người phá-sản về lo ma, bèn bàn với làng mà bỏ lễ ấy đi. Lại trấn-chính thưởng-lệ việc văn-học cho hàng huyện, di văn-chỉ huyện Chí-linh về chỗ cổ-đường cụ Mạc Đĩnh-Chi, nay hãy còn; về việc nhà thì chỉ làm được ba gian

(1) 平浪公 Người Cẩm-giang bỏ quan về.

nhà thờ ngói, nóc dề hai chữ « Thế-đức » nay hãy còn, thế mà thôi. Mọi việc xong rồi ra Kinh đề cáo-hưu, thì mất ở Kinh, vào Cảnh-hung 31, thọ 62 tuổi, lúc mất chẳng còn có tiền của gì, lại còn nợ vào của bản-đài mất 200 quan cõ-tiền, đồ làm quan chỉ có ít đồ thờ ông vải với mấy tú sách vở chớ về nhà quê.

Sinh-bình ông lấy sự thờ tổ-tôn làm rất kính, nhưng qui-hồ giản-khiết không ưa bày đặt, thường khuyên con cháu rằng : « Việc lễ, xa-hoa không bằng tiết-kiệm ; việc tang, thương nên đề bụng, người đời u-âm, lúc đại-sự đua nhau làm những cái hư-văn đề lấy tiếng, thật là vô-ích cho người chết mà có hại cho người sống, không phải cái nghĩa báo-đền như thế, đó là tệ-tục, chớ nên bắt-chước ». Coi đó thì cái học của ông đã biết trọng cái quan-niệm về nhân-sinh mà không nệ cái nghĩa « hậu-táng » của cổ-nho nữa rồi.

III — Ông Trần Đĩnh 陳挺

Ông Trần Đĩnh là cháu tam-đại cụ Trần Cảnh, cũng là một người cháu nối dõi được cái gia - bảo thanh-trung của nhà Thế-đức, sinh ra mới được hơn hai tháng thì mẹ chết, nhờ bà-ngoại nuôi nấng nên người, lớn lên học sáng dạ lắm, 16 tuổi đỗ Thủ-khoa, cuối đời Cảnh-hung, bỏ giáo-thụ phủ Quốc-oai, sau đi thi Tiến-sĩ, hai khoa trúng tam-tràng, rồi bỏ làm huyện-doãn Thanh-lan 靑蘭, năm Cảnh-hung 47, binh-ngũ (1786). Tướng Tây-sơn Nguyễn Văn-Huệ đem binh ra Bắc-hà. Huệ là một người bình-dân cùng với anh là Nguyễn Văn-Nhạc khởi binh ở làng là trại Tây-sơn tỉnh Qui-nhân, nên lấy Tây-sơn làm hiệu, tức là cái loạn đê-tam thứ cách-mạnh ở cuối đời Hậu-Lê đó. Bấy giờ Tây-sơn đã lấy được Thuận Quảng, dùng kế của Nguyễn Hữu-Chính, lấy tiếng « phủ Lê diệt Trịnh » kéo ra Bắc đánh giết Đoan-nam-vương Trịnh Khải 端 帝 王 鄭 楷, rồi vào

yết Lê để, lại về Thuận Quảng, người Bắc-hà thấy Huệ là người dũng-lược dị-thường, chắc thế nào rồi cũng lại ra. Vua Hiền-tôn hạ chiếu cho các nhà Thế-gia cự-thần khởi binh vào hộ-vệ. Lại dụ cho các thổ-hào đánh đuổi Trịnh Phùng 鄭 璜 là di-nghiệt họ Trịnh, nên các xứ lại nổi cả lên đánh cướp lẫn nhau. Ông Trần Đĩnh bèn bỏ quan về, chiêu mộ những trai nghĩa-dũng ở huyện Chí-linh, vừa đề giữ lấy huyện nhà vừa đề đợi cơ-hội. Năm sau vua Hiền-tôn mất, Hoàng Thái-tôn nối ngôi, kỷ-nguyên là Chiêu-thống, năm đầu Nguyễn Hữu-Chính chấp-chính, quân Tây-sơn lại ra hạ thành Thăng-long, vua Chiêu-thống với Nguyễn Hữu-Chính chạy ra huyện An-dũng rồi sang huyện An-thế, quân Tây-sơn bắt được Chính. Vua Chiêu-thống trốn về huyện Gia-định.

Ông Trần Đĩnh nghe tin đem quân nghĩa-dũng qua sông Lục-đầu sang hợp với quân nghĩa-dũng của ông Trần Quang-Châu 陳光珠 là người thổ-hào làng Phù-kênh 扶 涇 huyện Gia-định (bây giờ là Gia-binh). Ông Châu cũng vì cái loạn ấy khởi-binh lên đề giữ làng, hai ông hội-binh đi trước vua Chiêu-thống về đóng ở huyện Chí-linh.

Quân Tây-sơn tiến đến, hai ông hết sức cự-chiến ở phía tây-bắc huyện Chí-linh đề hộ-vệ cho vua, thật là một cuộc ác-chiến đã có tiếng ở trong lịch-sử Việt-Nam.

Về mé nam huyện Chí-linh thì Đinh Tích-Nhưỡng 丁錫壤 người làng Hàm-giang, là vũ-dực của Trịnh Phùng đem binh đến đánh cũng riết lắm. Nguyễn khi Nguyễn Huệ diệt họ Trịnh rồi về nam, vua Lê tưởng đã hết giống quyền-thần áp-bách, hay đầu con Trịnh Giang là Trịnh Phùng lại nổi lên vào kinh-thành, đây-tớ là Đinh Tích-Nhưỡng nài xin với vua phong vương cho Trịnh Phùng, vua bắt-dắt-dĩ lại phong cho làm Yến-đô - vương 宴 都 王. Phùng bèn giao

chính-quyền cho Đinh Tích-Nhuỡng, Nhuỡng làm bảy, vua bực lắm, hạ mật-chiếu cho các xứ cần-vương và gọi Nguyễn Hữu-Chính ở Nghệ-an ra đánh Phùng. Phùng thua chạy, Đinh Tích-Nhuỡng về Hải-dương mộ binh phủ Trịnh, nay nghe thấy vua Chiêu-thống về Chi-linh, đại-cử binh đến đánh, định bắt vua Chiêu-thống đem đi. Ông Trần Đĩnh đánh nhau với Đinh Tích-Nhuỡng mấy trận cực to, sát-thương vô-số, mới phá tan được, việc này trong sử khen ngợi lắm, chép rằng: « Đinh Tích-Nhuỡng làm phản, đem binh đến Chi-linh hiếp-giá. Người nghĩa-dân là Trần Đĩnh đánh phá đi được ».

Bấy giờ các nơi đều tàn-hại, duy một hạt Chi-linh được vô-sự, lại có vua về đóng nên các huyện qui-phụ thêm nhiều.

Thế là xã-lạc nhà Lê hơn 300 năm, giang-sơn rộng mấy nghìn dặm, đánh bắc mở nam, tu văn giảng võ, bình-thành công-đức bấy lâu, ai ai cũng đội trên đầu xiết bao, lúc thịnh thì nào vương nào chúa, nào tướng nào thần, tranh nhau ăn oản của bụi rậm-rỉ, nay thấy thế đã suy chẳng ma nào nhìn, vì không còn hai người thờ-hào với bọn nghĩa-dân ở năm ba cái tổng thôn quê heo-lãnh mà xưa nay triều-đình không từng nghĩ đến, ra liêu chết họ-vê, để mong có cơ-hội đỡ-hồi, thì một vạt hoàng-bào phong-trần lúi-thúi, trên cánh đồng lúa, lúc nhá-nhem kia, dấu quân Tây-sơn không đuổi tới, cũng sẵn có kẻ bắt đem ra nộp.

Được ít lâu, bà Thái-hậu sang cầu-viện ở Tàu về, vua Thanh cho Tôn Sĩ-Nghị đem binh-mã bốn tỉnh là Lương-Quảng, Vân, Quý, sang đánh lấy lại Thăng-long, vua Chiêu-thống lại về Kinh-thành, cho Trần Quang-Châu làm Trấn-thủ Kinh-bắc, ông Trần Đĩnh thì lĩnh chức Chiêu-thảo-sứ cứ giữ toàn quân nghĩa - đứng đóng ở Chi-linh.

Huệ ở Thanh-hoa nghe tin quân Tàu sang, giận lắm, tự lập xưng-đế kỷ-nguyên là Quang-trung 光中, đốc đại-binh ra bắc đánh giết quân àu chết quá nửa, vua Chiêu-thống, Thái-tử và các quan tông-vong theo Tôn Sĩ-Nghị sang Tàu.

Sau có người bàn rằng: giá lúc huyện Chi-linh đã giữ được cái thế thủ như thế, vua Chiêu-thống cứ yên ở đấy, nhất-diện thì cho hô-hào để bốn phương về giúp, nhất-diện thì cho đến chỗ Nguyễn Huệ đồ tội cho Chính và viện cái nghĩa tôn-phù mà y đã hứa. Huệ là người tri-dũng tất không chịu phạm vào danh-nghĩa ngay mà có cách xử-tri riêng. — Bấy giờ Huệ còn đặt Lê Duy-Cận làm giám-quốc ở Thăng-long, — Họ nhường một bước ta tiến một bước, xã-tắc nhà Lê chưa biết ra thế nào, vì Huệ cố ý không nể, thì cùng với cái bọn nghĩa-dân ấy quyết sống mái với Tây-sơn, dù có chết hết ở chỗ quê cha đất tổ này cũng còn sướng. Còn lạ gì người Tàu từ Nguyên, Minh đến Thanh, bốn năm trăm năm, đối với nước Nam vẫn giữ một cái ngoại-giao « lâu-cá », là xem khi nào trong nước Nam có việc tra h nhau thì đem binh sang, liệu có thể chiếm lấy được thì lấy, không thì xem bên nào mạnh thì phù để lấy lợi, mà ky-thực có phù được gì, lẽ ấy đã rõ-ràng ở trên lịch-sử. Nay không nghĩ thế, cống rần về làm chọc tức cho một tay anh-hùng cái-thế như Nguyễn Huệ, để ông càng dễ nói, vả cũng may mà tổ-quốc lại còn có ông. Đến khi bại, mắc lừa người nhà Thanh, bao năm tiêu-tụy ở nơi ngàn băng ái tuyết, để một đoạn thăm-sử ở đất U-Yên, thật là làm to.

Nhà Lê mất Quang-trung-đế thống-nhất cả toàn-quốc, uy-thanh lừng-lẫy, người Tàu cũng phải sợ, mà vua Chiêu-thống sang Tàu cũng không có tầm hơi gì về nữa. Ông Trần Đĩnh mới giải binh về ẩn ở làng Lục-dương 錄楊

huyện Chi-linh gần tả-ngạn sông Bình-hà, xa xa tương-đối với nhà thờ Thế-đức-đương là nơi tổ-tích, mãi đến Bản-triều khoảng năm Gia-long, ông mới mất, thọ 69 tuổi.

Kết-luận

Phàm đã thành một nước ở trên địa-cầu này, tất phải có một cái quốc-túy riêng. Quốc-túy là những tinh-túy trong một nước đã cảm-luỵ ở phong-khí của đất nước, lưu-truyền từ đức-tính của tổ-liên nòi giống mà diễn ra những sự ở ăn, giúp đỡ, giữ-gìn nhau cho được vẻ-vang thịnh-vượng bao đời đến nay, từ tư-tướng hành-vi, văn-chương nghệ thuật đều ảnh-hưởng ở đấy mà biểu-phát ra.

Nay chúng ta đã không có thể đứng ra ngoài đất nước, giống nòi mà sống gửi thác nhờ vào đâu cho được xứng-đáng làm người ở đời được. thì chúng ta không có thể không noi theo cái nền-nếp, cái khuôn-phép của tổ-tiên nòi giống ta đã nhờ đó mà gây dựng lên cái cuộc đời cho chúng ta.

Song cũng phải biết phân-biệt quốc-túy với thổ-tục, thổ-tục là bởi cái thói dờ mà sinh ra, có khi làm cho ta hại, thì ta phải hết sức mà trừ bỏ đi, đến như quốc-túy là cái tinh-thần của một nước cũng như cái bản-tính của một người, phải nhờ nó mà sinh-tồn, thì dù cái hoàn-cảnh có thay đổi, cái trình-độ có lên lui, cái quốc-vận có thịnh-suy thế nào chăng nữa, nhưng cái quốc-túy của một dân trong nước, cũng không bao giờ được biến-cải đi. Một người mà mất cái bản-tính thì thân dẫu còn cũng không phải là người nữa. Một nước mà mất cái quốc-túy thì nước chưa mất cũng không phải là cái nước ấy nữa, mà đã mất thì đến tuyệt-diệt, đó là cái lẽ nhất-định như thế.

Thế cho nên đã gọi là quốc-túy là phải ở như cái sự hoạt-động phổ-thông

của quốc-dân hằng ngày, chứ không phải ở một số ít người đặc-biệt hiếm có, mà chính những người đặc-biệt hiếm có ấy, lại là những người nhờ ở cái quốc-túy phổ-thông xứng-đáng nọ mà sinh ra, những người ấy là cái kết-tinh hoàn-toàn của quốc-túy một nước mà làm tai mắt cho giống nòi vậy.

Phân phổ-thông ví như cây, phân đặc-biệt ví như hoa quả. Ông Lý Thường-Kiệt, ông Trần Quốc-Tuấn là những cái quả lớn nhất, bà Trưng bà Triệu, bà Thị Đầm là những bông hoa đẹp nhất ở trong cái vườn cây Việt-Nam về các thời-đại bấy giờ, chứ có phải ở đâu mà lạc vào được

Ngày nay nhiều người đã xướng lên cái nghĩa « bảo-tồn lấy quốc-túy Việt-Nam ta », đó thực là việc cần lắm, song chưa ai chỉ rõ cái tên riêng quốc-túy Việt-Nam ta là gì, cái tinh-chất, cái tinh-thần của nó thế nào, e những kẻ thật-thà cùng những kẻ lợi-dụng lại cứ khư-khư giữ lấy cái thổ-tục mà bó-buộc lẫn nhau, càng thêm ngăn-trở cho con đường duy-tân của quốc-dân.

Điều ấy tôi lấy làm băn-khoăn lắm, muốn tìm cho ra, song ngại vì quốc-túy của ta đã không phải là cái vật thường thấy ở trong xã-hội ta ngày nay, nếu xã-hội ngày nay mà còn thịnh-hành được cái quốc-túy của ta thì đã chẳng đến nỗi nào... và chẳng phải cần khuyên nhau giữ lấy làm gì.

Vậy muốn tìm cho ra mà không tìm vào những chỗ thực-hành thực-tiến của các đảng tiên-dân ta xưa thì còn tìm vào đâu. Tôi nhân đọc một quyển gia-phả của nhà họ Trần nay, thấy trong có gột lên hai chữ: « Thanh trung 淸忠 » lấy làm cái gia-bảo lưu-truyền trong nhà, bèn xét xem thì thấy bốn người cha con chồng vợ ông cháu trong một nhà ấy, dù cái sự-nghiệp để lại cho quốc-dân đời sau chẳng lấy gì làm oanh-liệt, rực-rỡ cho lắm, mà

cái cách tư-tưởng hành-vi, cái đạo tu-thân xử-thế, cái lòng đối với nước với dân, chuộng thanh-nhã, trọng liêm-khiết, thành-thực mà hăng-hái, thật không ra khỏi ngoài cái khuôn-phép cao-thượng, cái tinh-thần chân-chính của xã-hội ta về cụ-thời, thì tôi tỉnh-ngộ ngay ra rằng : à, một cái quốc-túy của ta là hai chữ Thanh Trung đây rồi, cái tinh-chất, cái tinh-thần của quốc-túy Việt-Nam ta đây rồi, cái gia-bảo của nhà này chính là cái quốc-bảo của cả nước, một cái báu tổ-truyền, một cái của quý thông-dụng trong kho bảo-tàng Việt-Nam ta mà nhà này biết quý-báu, thờ-phụng, giữ-gìn và truyền lại cho đời sau đây rồi.

Bởi vậy khi soạn lại và dịch quyền phủ-ký này xong, tôi xin kính-cáo với quốc-dân ta rằng hai chữ Thanh-Trung ở nhà Thế-đức này chính là một

cái quốc-túy của Việt-Nam ta xưa đó, ta phải cùng nhau mà giữ-báu, thờ-phụng và giữ-gìn lấy, hai chữ Thanh Trung trong quốc-túy Việt-Nam ta cũng như chữ « tu-do » ở trong quốc-túy nước Pháp, chữ « Vũ-sĩ-đạo » ở trong quốc-túy nước Nhật, nước Pháp nước Nhật không phải là không có hồi suy hồi thịnh, không có những lúc sóng lỡ cát bay, mà nước Pháp nước Nhật sở-dĩ vẫn là nước Pháp nước Nhật là vì người Pháp người Nhật người ta bao giờ cũng giữ được quốc-túy tổ-truyền. Thế mà Việt-Nam ta sở-dĩ đến như ngày nay là vì người Việt-Nam ta không biết giữ lấy quốc-túy của ông cha mình đó mà thôi, xin ai chớ cho là ^{hư}ông.

NGUYỄN TRỌNG-THUẬT

QUẢ DƯA ĐỎ (1)

PHIÊU-LƯU TIỂU-THUYẾT

(Được phần thưởng văn-chương Hội Khai-Trí Tiến-Đức năm 1925)

VII

XXI — Người hay là ma

— Tôi đã lả mắt rồi, mà trời tối như bưng lấy mắt, không thể bò đi được nữa.

Một anh đã có tuổi bò đi sau vừa thở vừa nói không ra hơi, nói thể rồi đâm rúi xuống bãi cát. Một anh trẻ tuổi bò đi trước vừa rên hừ-hừ vừa nói :

— Tôi cũng đứt ruột ra đây, kia chỗ kia có bóng đèn thấp - thoảng, tiếng người xì xào, ta cố mau vào bãi cỏ này kêu to lên để người ta ra cứu,

Ấy là người hay ma, đang khi phương trời tối sẫm, tiếng gió ùn-ào, trong hang lạnh-lẽo, năm bóng rờ mờ, tiếng khóc y-a, giọng thơ ngâm-ngợi, đêm ấy cảnh ấy, đáng cho là vui hay là buồn, dù vui dù buồn, tùy người đối cảnh, vợ chồng An-Tiêm đã sắp cất-dọn đi ngủ, bỗng nghe văng-vẳng ngoài bãi trước nhà xa xa có tiếng người kêu van rầu-rĩ những trên kia mà nghe như tiếng sắp hết hơi không rõ.

(4) Xem N.-P. từ số 103. — Bộ tiểu-thuyết này tác-giả giữ bản-quyền, không ai được in lại.

Nàng Ba sờ cả người lên mà rằng :

— Hẹ ! tiếng người hay là tiếng ma ?

An-Tiêm đứng lên rút thanh Tản-lĩnh điện-quang đến soảng một cái dề xuống bên chỗ ngồi lại nghe, thì ra tiếng nói của người bản-quốc, không biết là người ở xứ nào, tiếng nói nặng-nặng, nghe ra hai người, người nọ kêu xong lại đến người kia kêu rằng :

— Lạy ông lạy bà trong ấy cứu anh em tôi với.

An-Tiêm nói :

— Si ! Đã ba năm nay mới nghe thấy tiếng người bản-quốc chẳng khác đứa trẻ con khi mẹ đi vắng mới về mà gọi.

Vừa nói vừa cầm gươm chực đi ra.

Nàng Ba nói :

— Hãy nghe kỹ lại xem đã ngộ đêm thach cảnh vắng, ma quái nó hiện lên mà trêu mình thì sao ?

An-Tiêm đứng dừng lại mà rằng :

— Vũ-trụ không có sự quái gỡ, ta ở gần đây ba năm nay, có thấy cái gì quái gỡ bao giờ, nếu phải người phiêu-lưu, đến mà không cấp-cứu, thì oan cho người ta mà cũng thiệt cho mình. Còn như ma quái thì mình phụng mệnh vua, mệnh trời làm chúa-tể ở đây, mình sẽ phanh thây nó ra chứ sợ gì.

Nói dứt lời thì mở cửa cầm gươm ra đứng trước vườn hoa hỏi to lên rằng :

— Ai kêu ở đâu đấy ?

Thì nghe thấy có một người nói lên ở bờ bãi trước mặt rằng :

— Lạy ông, anh em tôi đắm thuyền trôi đến đây, xin ngài cứu cho, chúng tôi sắp chết đây.

An-Tiêm nghe dich tiếng người, vội vào lấy một nắm mồi thắp lên và một quả dưa đỏ da trắng ở chỗ ngồi chơi ôm đi ra bãi, vừa đi vừa gọi đề hai người ấy thừa lên mà biết chỗ đến cứu, nhưng mà người ấy không thừa được nữa, cứ nghe tiếng rên tìm đến.

Đến nơi, An-Tiêm giơ cái mồi lên, trông rõ mặt hai người đàn ông nằm soài ra đồng cỏ, thấy An-Tiêm đến thì hai người cùng chấp tay vái, mà không nói được nữa. An-Tiêm vội thắp thêm mồi cho sáng to lên, lấy gươm cắt quả dưa ra đưa cho mỗi người một miếng mà bảo ăn đi. Hai người tay đã ngưng không cầm được. An-Tiêm bèn nắm cả hai miếng ruột dưa vào tay mà vắt vào mồm cho mỗi người mấy giọt nước dưa. Nước dưa chảy vào cổ họng hai người, hai người cùng nuốt đi, thì hơi tỉnh dần dần lại. An-Tiêm cứ vắt luôn cho hai người mấy bận nữa, thì đều tỉnh lại cả, nói được và giơ tay xin dưa nữa để ăn. An-Tiêm cứ gọt rồi cắt dưa đưa cho, hai người ăn hết quả dưa, hai người gượng ngồi lên vừa thở vừa nói rằng :

— Ngài chậm ra một tí nữa, thì tính mệnh anh em chúng tôi không còn, ơn tái-sinh này biết lấy gì báo đền.

An-Tiêm thấy hai người quần áo đã khô, không biết họ giặt vào bể từ bao giờ, đã toan hỏi, nhưng nghe tiếng nói còn mệt lắm, sợ hỏi người ta phải đáp lại mà nhọc thêm, bèn nói :

— Anh em một nước được cứu lẫn nhau là may, làm gì mà ơn với huệ, thôi mời hai ông vào nhà nghỉ cho tỉnh người lại đã.

An-Tiêm cầm mồi đi trước, hai bác phiêu-lưu đi sau, chân đi lầy-bầy không vững, vào đến nhà, Nàng Ba trông thấy mặt người nước nhà mà bấy nay khao-khát thì vội-vã mừng rỡ chào mời. An-Tiêm trở hai bác nằm xuống cái bệ me nam mà nghỉ. Vợ chồng An-Tiêm thấy hai bác nằm xuống rồi chộp đi được, tiếng ngáy o o, thì hai vợ chồng cùng mừng cho hai bác mà bảo nhau rằng hai ông ấy chộp đi được thì chóng khoẻ lại. Nói rồi hai vợ chồng đi tạo-soạn đề thết khách.

An-Tiêm nói nhỏ với Nàng Ba rằng :

— Thật là Thượng-đế đưa hai ông qui khách đến để làm bầu làm bạn với ta, đợi chốc nữa hai ông dậy, ăn uống no nê đã, ta sẽ hỏi chuyện nước nhà bây giờ thế nào.

Hai bác ngủ được một giấc thức dậy, thấy người đều nhẹ nhõm, bụng đói lắm, thì bà chủ vừa bưng ngay đồ ăn đặt vào, đồ ăn nóng hơi lên ngùn-ngụt. Hai bác thấy bà chủ đặt mâm vào, thì sén-vén nể sợ. Bà chủ mời :

— Gọi là suông-sẻ, mời hai ông chiêu-tinh cho.

Ông chủ cũng đứng mời :

— Mời hai ông sơ thực-thà cho.

Hai bác đứng lên chấp tay. Bác ít tuổi người xương-xương cao, trông có ý nhanh-nhau nói lên rằng :

— Anh em trôi trên mặt bể đã mấy hôm nay, giạt đến qui-hương đây, nhờ hồng-phúc gặp hai ông bà cứu sống mà lại cho ăn, ơn ông bà thật như trời như bể; anh em về được với vợ với con, cũng không bao giờ dám quên ơn ông bà.

An-Tiêm vừa cười vừa kéo hai bác ngồi xuống mà rằng :

— Được. Mời hai ông chiếu-cổ đi, rồi ta sẽ nói chuyện nông-nỗ với nhau,

Hai bác tưởng chỉ có hai anh em mình là có cái nông-nỗ trôi giạt mà thôi, đều ngồi xuống, bác ít tuổi so đũa ra, rồi cùng ngồi yên, ra ý chờ đợi. Vợ chồng An-Tiêm ngồi bệ mé tây trông sang. Nàng Ba nói :

— Ô hay kia ! hai ông không xoi đi ?

Bác nhiều tuổi hơn (người đậm mà da đen, trông có ý hiền lành) nói :

— Anh em còn mệt lắm, không uống được rượu, xin bà bảo em cho cơm.

Nàng Ba cười ngặt-nghẽo mà rằng :

— Chúng tôi ở đây không có rượu

mà cũng không có cơm, thành-tâm chỉ có thể mà thôi, mời hai ông miễn-chấp cho.

Hai bác nhìn xuống mâm rồi lại trông nhau nhón-nhác, có ý ngần-ngại dặt-dè. Bác hơn tuổi nói :

— Hai ông bà đã ban cho, anh em ta ăn đi.

Bấy giờ hai bác cùng trông thấy hai cái vỏ ốc to, đoán là bát, cầm lấy mỗi người một cái, gấp đồ ăn vào mà ăn, nhưng mắt vẫn lăm-lét trông trộm vợ chồng An-Tiêm. Vợ chồng An-Tiêm thấy khách ăn thì vui mừng cũng lánh vào trong hang cho khách khỏi ngượng, vì vợ chồng An-Tiêm bấy lâu ăn những thứ phẩm-vật ấy đã quen, thì lúc ấy tưởng ý khách cũng như ý mình. Vợ nằm với con, chồng ngồi bên nói :

— Đề hai ông qui-khách xoi xong ta lại bỏ quả dưa dứa để uống nước rồi ta sẽ hỏi chuyện Phong-châu.

Nói xong An-Tiêm trông ra nhà tiền-đường thấy mỗi tắt, vợ ra thỏi lên mà tiếp cái mỗi khác vào. Mời cháy sáng lên chẳng thấy hai người khách đâu cả mà mâm đồ ăn còn nguyên. Chàng soi ra cửa chẳng thấy gì, gọi to lên cũng không thấy thừa. Nàng Ba ở trong hang nghe tiếng cũng tắt-lả chạy ra, hai vợ chồng vừa soi vừa gọi khắp chung-quanh nhà cũng chẳng thấy tăm hơi gì. Nàng Ba nói :

— Tôi đã bảo mà, dịch ma không sai. Vừa nói vừa run. An-Tiêm nói :

— Trong thiên-hạ này lại có cái lẽ như thế thì lạ thật,

Hai vợ chồng lại vào bệ ngồi. An-Tiêm ngẫm nghĩ một hồi lâu rồi nói :

— Tôi xem dung-mạo cử-chỉ của hai người này, thì dịch là người sống, chứ không phải ma, để thường họ cho ta là ma thì có, nên họ mới hãi mà trốn mất. Tội-nghiệp cho hai người khách lạ quá!

đề moi xem sao, nếu thực người thì mai thề nào cũng tìm thấy.

Đêm đã gần sáng, hai vợ chồng mới đi nghỉ. Nàng Ba thì vẫn tròn-trợn.

Một tang-tảng, An-Tiêm đã dậy cầm gươm đi tìm hai bác phiêu-lưu tối hôm qua. Ra đầu nhà mé nam, thấy lối cỏ mới rữa, thì chàng cứ theo về vùng ấy mà lùng đi.

Nguyễn hai bác phiêu-lưu đã sắp chết kia, từ lúc ăn hết một quả dưa quí ấy thì tỉnh người lại ngay, vào nhà lại ngủ được một giấc, tinh-thần khôi-phục như thường, lúc dậy, tưởng anh em trôi vào được cái làng nào, mừng lắm, đến lúc tế-nhận ra thấy nhà thì là một cái lều tranh lụp-sụp, chẳng có lối đục nào; hai vợ chồng chủ nhà ăn mặc lôi-thôi kỳ-dị, đã lấy làm nghi. Lại càng trông thấy hai vợ chồng chủ nhà cùng đẹp đôi, chồng ra dáng tu-mi hùng-dũng, vợ ra dáng nhan-sắc lả-lơi, lại thấy hai vợ chồng cứ thi-thọt ở trong cái hang đá chui ra chui vào, thì hai bác càng lấy làm hãi lắm, chắc mình đã bị vào tay những giống yêu-tinh, cà-rồng, dạ-soa, càn-sát gì hay ăn thịt người mà lúc bình-nhật thường nghe người ta nói chuyện; sau bụng mậm lên thì cơm không có, đĩa que bát ốc, rau cá tanh-tao, dẫu mọi rợ nào cũng không thô-tục đến thế, hai bác càng khiếp-sợ mất cả hồn cả vía, nhưng sợ trái ý chủ-nhân, hai bác phải gấp đồ ăn nhai nuốt liều đi, may sau vợ chồng chủ cùng chui vào hang, lại nghe trong hang nói ri-rầm, nghĩ là nó bàn nhau sửa anh em mình, thì hai bác càng thêm lo, bấm nhau trút lách mắt. Trời thì tối, hai bác giắt nhau đi liều đi lỉnh, không còn biết đâu là trời đất, đâm cả vào bụi ngã cả vào đá, sứt-sở cả chân tay mặt mũi ra, đi đến sáng thì ra đến bãi cát, ngánh lại tưởng chừng đã xa cái chỗ nhà mà nó ở tối hôm qua rồi, hai bác mệt quá, ngồi xuống nghỉ, rồi ngã vật

ra, từ lúc trốn đến bấy giờ mới dám nói chuyện với nhau. Bác hơn tuổi nói: — Phúc-đức quá! hụt chết hai bận.

Bác ít tuổi nói:

— Tôi trông rõ con vợ nó há mồm ra đổ như lửa mà chồng nó thì có đuôi.

Hai bác đang thi-thào nói nhỏ với nhau, thì An - Tiêm vừa lực-sức cầm gươm đi đến sau lưng, trông thấy hai ông qui-khách đơng nằm xóng xượt trên bãi cát, mừng quá vội nói to lên rằng:

— Ổi trời ơi! hai ông nằm đấy ư? để tôi đi tìm mãi, có dậy về với tôi không?

Hai bác giật mình, vùng dậy lại ù phá chạy. An Tiêm cứ lẻo-đẻo theo sau mà rằng:

— Hai ông đừng chạy nữa mà mệt, đứng lại tôi bảo, tôi là người làng đây, không việc gì mà sợ.

Trước An-Tiêm còn không dám đuổi, vì sợ hai ông khách chạy quá đứt ruột ra mà chết, sau thấy hai ông cứ chạy hoài, không dám ngánh cổ lại, chàng nghĩ bụng rằng nếu cứ để hai ông chạy mãi xa quá mình không theo kịp, rồi hai ông bơ-vơ đến chết đói chết khát mất thôi, bất-được ta phải bắt hai ông lại mới được, bèn cúi đầu chạy đến vụt một cái như con mãnh-hổ đuổi bắt con mi, vọt lên trước mặt hai bác phiêu-lưu, vung gươm mà đứng sững lại. Hai bác thất-kinh ngã lẩn chiêng ra, cứ lạy soi-soi lên rằng:

— Lạy ông sinh phúc xá tội cho hai anh em con.

An-Tiêm cầm tay hai bác kéo dậy tươi tỉnh nét mặt vừa cười vừa nói rằng:

— Hai ông đừng sợ nữa, tôi chính là anh em ruột thịt của hai ông đây, vợ chồng con cái nhà tôi cũng mới trôi giạt đến đảo này như hai ông bây giờ, ở đây giữa trời, không có ai sốt, chỉ có hai vợ chồng tôi với ba cháu

bé, bây giờ lại được hai ông nữa là bảy người mà thôi, hai ông đừng đi đâu nữa cho thêm khổ ra, ý hai ông ngờ vợ chồng tôi là ma quỷ gì, nên hai ông sợ hãi mà trốn, có phải không? Chúng tôi không phải ma quỷ gì đâu, chúng tôi chính là máu mủ với hai ông đấy, mời hai ông về tôi sẽ nói chuyện cho hai ông nghe.

Hai bác vốn kinh-khủng, nghe câu được câu chăng, cũng chưa dám tin, cứ chấp tay vái xin tha tính-mệnh cho. An-Tiêm phải giắt tay hai bác đi hai bên, mình đi giữa, thông-dong trên bãi cát mà trở về. Vừa đi An-Tiêm vừa nói:

— Hai ông đừng sợ nữa, tôi kể chuyện cho hai ông nghe, tôi chính là người nước Văn-lang ta đây; tôi là con nuôi đức Hùng-vương thứ XVII đây.

An-Tiêm nói đến đây thì ngảnh mặt vào bác hơn tuổi hỏi:

— Nay, thế đức Hùng-vương thứ XVII ta ngài vẫn trị-vi đây chứ?

Bác hơn tuổi sẽ nói:

— Dạ, lạy ông, vâng, ngài vẫn còn trị-vi đây ạ.

An-Tiêm nghe nói đức Hùng-vương XVII còn trị-vi, mừng quá. Lại ngảnh sang bác ít tuổi hỏi:

— Có phải không ông?

Bác ít tuổi thưa:

— Vâng, đức Hùng-vương XVII vẫn còn trị-vi, ngài làm lễ thất-tuần đại-khánh đã bốn năm nay.

An-Tiêm nghe nói sững lăm, tự nghĩ: à, ông này lại có biết cả việc quân-quốc thì hay lắm; ngài còn trị-vi, thì vận-mệnh nước mình không can gì, phúc mình còn dài, nhưng để thông-thả ta sẽ hỏi việc nước mới trường được, đây ta hãy nói chuyện cho hai ông tin mà khỏi sợ đã. Lại tiếp lên rằng:

— Tôi làm con nuôi ngài, ngài đã

cho tôi làm quan Lạc-tướng, mũ áo tôi còn giữ được ở trong nhà kia, tôi lại đi mở Tân-ấp ở sông Bờ, cách ba năm nay có người nịnh-thần vu oan cho tôi, ngài giận mà sai vớt vợ chồng con cái nhà tôi lên cái hoang-đảo này. (Vừa nói vừa trở tay lên đỉnh núi Vọng mà rằng)—Rồi thông-thả tôi sẽ đưa hai ông lên núi kia mà trông, chung quanh toàn bề bao bọc cả. Ngài hẹn bao giờ khai-khẩn xong thì mới cho về. Lúc lên chỉ có bốn người hai vợ chồng tôi với hai cháu và vài bao bánh dày khô, một thanh gươm nạy và hai hòn đá lửa. Chúng tôi phải tự tìm lấy đồ ăn thức mặc mà sống với nhau đến giờ, lại sinh được một thằng cháu nữa. Hai ông thấy chỗ ăn ở cửa nhà tôi đây thì tưởng là nhem-nhuốc, mà chúng tôi phải phí bao nhiêu trí-lực mới gây lên được như thế đó. Nay Thượng-đế đưa hai ông đến đây cho tôi, thấy hai ông tôi mừng bằng gặp bố mẹ tôi sống lại, chúng tôi không khổ gì bằng ba năm nay không gặp một người nào trong thế-gian mà nhất là người trong bản quốc.

Đang nói dở câu chuyện, ngừng lên vừa về gần đến nhà, hai bác nghe An-Tiêm nói đầu đuôi thành-thiết thì cũng đỡ sợ, Nàng Ba đưa hai con lớn ra đứng trước cửa, trông thấy chồng đưa hai bác về, cười nói vui-vẻ mà rằng:

— Thầy cháu tìm thấy hai ông ở đâu thế? Mời hai ông về nghỉ.

An-Tiêm đem việc tìm thấy hai ông ở ngoài bãi, rồi vừa mừng hơn-hở vừa khoe với Nàng Ba rằng tôi mới hỏi hai ông được có một câu về thiên-lử ta thì hai ông cũng nói ngài còn đang trị-vi, được thế là non sông bền vững thì ta ở đây mới yên bụng. Nàng Ba nghe nói cũng thích, rồi trở vào mình mà bảo hai bác phiêu-lưu rằng:

— Tôi là con gái quan Lạc-hầu họ Cao. Trước đây nhà tôi ở Phong-châu,

hành Phong-châu vô-sự thì từ-mẫu
tôi năm nay chắc cũng còn sống.

Bác ít tuổi nói :

— Dạ, thưa bà, trước con cũng có
nghe tiếng cụ Cao làm quan Tướng-
quốc.

Vợ chồng An-Tiêm đưa hai ông khách
vào trong nhà ngồi yên. Nàng Ba nói :

— Thế trước ông làm gì mà biết
tiếng cụ tôi ?

Bác hơn tuổi nói :

— Thưa bà, chú nó đã đi lính.

An-Tiêm nghe nói đã có gánh vác với
giang-sơn, thì coi khí trọng thêm, vội
đem mũ đầu-mâu áo giáp và bức cáo-
văn ra cho ông xem. Bấy giờ ban ngày,
hai bác nhìn rõ-ràng cái điện-mạo và
nghe cái lời lẽ của hai vợ chồng An-
Tiêm tuy ăn ở tiền-tuỵ mà vẫn có vẻ
phong-quang, lại thấy có những đồ vua
ban giở ra, trong bụng mới tin-tin.
Bác hơn tuổi nói :

— Lay qui-tướng-quân và phu-nhân
tha lỗi cho anh em con ngu-muội,
nhờ đại-ơn hai ngài mà không biết.

An-Tiêm nói :

— Thôi, ở đây ta gọi nhau là anh là
em mà bỏ những danh-hiệu tôn-qui ấy
đi.

Lại hỏi bác ít tuổi rằng :

— Ông đi lính về hồi nào ?

Bác ít tuổi nói :

— Pằm ngài tôi ra lính từ năm đình-
đầu, rồi về nhà đã hơn hai năm nay.

An-Tiêm nói :

— Hồi cuối hạ sang thu năm kia, nước
ta có cuộc chiến-tranh nào to không ?

Bác ít tuổi nói :

— Có, hồi ấy chính tôi đi lính ở bộ
Cửu-chân, quân Thục nhân khi việc
biên-phòng nước ta sơ-khoảng, nó đánh
trận sang, rồi kéo xuống Vũ-ninh, bắc

phủ-kiều sang sông cái, định tiến đánh
hành Phong-châu, nước ta đã nao-dộng
lắm, Thiên-tử hạ vũ-hịch đi lấy quân
các bộ nhân-dân kết đội đi tòng-quân
đánh giặc đông lắm, quân Hoài-hoan
Cửu-chân chúng tôi tới-lấp kéo đến các
đạo hội binh lại đánh quân Thục ở bờ
nam-ngạn sông Cái, khi đang ao-chiến
may trời nổi bão to quá quân ta thừa-
thế gió bão xung-sát vào trận, quân
Thục trời mất phủ-kiều, rơi xuống sông
không biết bao nhiêu mà kể, quân ta
cũng chết nhiều, tạnh bão quân ta thừa-
thắng đuổi quân Thục ra khỏi cửa ải.
Từ đó Thục không dám sang nữa. Trận
bão đó gọi là « trận bão năm kỷ-hợi »
to có tiếng, và gọi là « trận bão phủ-
quốc ».

An-Tiêm hỏi :

— Sau có biết trăm-nịch mất mấy
ông đại-tướng không ?

Bác ít tuổi nói :

— Có thấy nói chết đuối mất hai
ông đại-tướng về hai đạo quân nghĩa-
dũng, bị nước bề trôi mất, không dò
được xác, mà tôi cũng không nhớ tên.

An-Tiêm nói :

— Thế thì linh-hải một ông trôi ra
tận đây hãy còn, quân-phù ở trong
mình, tôi đoán là ông chết về trận
thủy-chiến nào với rợ Thục mà đúng
thật, tôi phong-phần cho ngài ở ngoài
bãi kia, chẳng biết tên ngài là gì, cứ
gọi là mỗ ông liệt-sĩ. Ông anh-linh
lắm, vợ chồng tôi vẫn thờ kính ông,
vợ chồng tôi từ lúc gặp linh-hải ông
thì lo ngay-ngáy về cái vận-mệnh của
tôn-bang, mà không biết hỏi ai được;
mình trời giạt đã đành, còn phần-mộ họ
hàng non sông xã-tắc thì sao ! Nay được
nghe hai ông nói đức Thiên-tử còn ngự-
cực, nước nhà nguy mà lại an, thì
chúng tôi mừng bằng người sắp chết
mà được sống lại. Thôi bây giờ Thượng-
đế đã xui-rủi cho hại ông đến đây với

tôi, ta sẽ cùng nhau tuân-mệnh đức Thượng-đế hết sức làm cái công việc khai-cương này để báo ơn quân-quốc, Thượng-đế không quên kẻ chi-thành, thì thế nào cũng có ngày ta được trông mặt họ hàng làng nước mà hưởng phúc xum-vầy. Ôi, cái mở ông liệt-sĩ ngoài bãi kia là cái gương sáng của chúng tôi, xin linh-sảng ông phù hộ cho anh em chúng tôi chóng thành cái sở-chí. Lại hỏi: — Thế còn hai ông ở xứ nào, vì sao mà phải phiêu-lưu? bây giờ ta là cốt-nhục với nhau rồi, xin hai ông nói thực, đừng giấu nhau.

Bác hơn tuổi nói:

— Chúng tôi là người ở cùng làng về duyên-hải bộ Cửu-chân, làm nghề đánh cá, tôi là Phùng Thiện, chủ nó đây là Trung Chi-Miêng, chiều ngày hôm kia anh em cùng chở thuyền ra khơi đánh cá, chẳng may gặp cơn giông tố, bất-kỳ đánh đắm mất thuyền, hai anh em tôi vớ được cái cột buồm bằng bương, cứ ghềch dần lên cột buồm, cho sóng gió cuốn trôi đi đâu thì trôi, may giạt vào đây, gặp được ông bà cứu sống cho, xin đem hết cái dư-sinh mà báo đức ông bà.

Bấy giờ vợ chồng An-Tiêm lại đi làm bữa thết đãi hai ông quý-khách. Vợ chồng An-Tiêm hỏi thăm chuyện-văn trong nước hết mọi nơi xa gần, cảm-tình chan chứa, rồi vợ chồng đi kiếm đồ ngon lành về điền-dưỡng cho hai bác chóng bình-phục lại.

XXII. — Thuyền ai thấp-thoảng cách buồm xa xa

Gió đã ngớt, bão đã sắp tạnh, ở về mé bể Nam-hải có một cái tàu ba buồm bị bão từ bể nước Ngô giạt đến, gió bắc càng to, tàu cứ phải theo chiều gió mà chạy, tới khi ngớt gió rẽ vào cái đảo trước mặt mà đỗ. Tàu ấy là của một nhà đại-thương nước Tề, tên là Trần Tử-Nguyên, thường buôn

những hàng-hóa ở chợ Lâm-chi, sang các chợ Cỗ-tô Cối-kê miền Ngô Việt, rồi lại buôn những sản-vật ở Nam-phương đem về, chuyến ấy đi có một vị trung-dại-phu là Điền Trọng-tử, bác-học mà hiếu-sĩ, đại-phu phụng sứ đem quốc-thư và sinh-lễ sang ba nước: Sở, Ngô và Ô-Việt mà đáp tàu buôn đi đường bể. Khi trở về, tàu ra khỏi cửa sông Giang thì gặp bão, cứ lượn chiều gió lênh-dênh trên mặt bể, đã hai ba ngày mới vào đảo ấy, tức là đảo thứ bảy ở ngoài Nam-hải đó. Lúc tàu vào gần mé đảo, Điền đại-phu với Trần thuyền-chủ cùng lên mũi đứng trông cảnh trời cảnh đảo, Điền đại-phu chợt trông xuống mũi thuyền, thấy một vật gì tròn tròn mà đen đen, nổi mấp-mờ trên mặt nước, Đại-phu sai tên thủy-thủ xuống vớt lên, rồi đem dâng đại-phu xem, thì là một cái quả to bằng cái hũ, hai má có lối chữ vạch vào, đại-phu xem một bên có chữ Hoa-văn thì là một bài thơ rằng: «*海之南兮天之涯。島有瓜兮名越娥。既朱兮今漆齒。將斐英兮騰葩。*» (Hải chi nam hề thiên chi nhai, đảo hữu qua hề danh Việt-nga, kỳ chu-thần hề tất-xĩ, tương phi anh hề đặng ba,) nghĩa là ở cái đảo tận ngoài bể Nam, có thứ dưa gọi là Việt-nga (có con gái đẹp nước Việt), mới đỏ mà răng đen, sẽ thom danh mà nổi tiếng.

Xem thơ thì biết là một quả dưa, ai nấy cũng lấy làm quả dưa lạ không thấy bao giờ. Còn một má nữa thì nét chữ ngông-ngoè, không hiểu là thế chữ gì. Điền đại-phu đưa quả dưa cho thuyền-chủ xem, bấy giờ thuyền đã hạ neo, buồm đã xuống cánh, sĩ-tốt thủy-thủ xúm đông xúm đỏ cả vào, cũng không ai biết là chữ gì.

Điền đại-phu nói:

— Đây là chữ Nam-thư của người Giao-chỉ, chắc nghĩa cũng như bên Hoa-văn này.

Thuyền-chủ lại trao quả dưa cho đại-phu, đại-phu hai tay vừa bẻ quả dưa lệ khệ vừa trông vào bài thơ ngâm đi ngâm lại mà tán nghĩa ra rằng :

— Con gái đất Việt kiêu diễm đã cô tiếng như hai ả Tây-Thì và Trịnh Đán của vua Câu Tiễn nước Việt đem vào cống vua Phù-Sai nước Ngô độ khoảng hơn 100 năm nay, tiếng tài-sắc còn lừng-lẫy ở trong hoa-hạ, nay dưa này đặt tên là Việt-ngà thì tất cam-mĩ lắm, người nước Việt răng đen, mà đây nói răng đen môi đỏ, thì chắc dưa này hạt đen mà lòng đỏ chẳng.

Đại-phu lại hỏi thuyền-chủ rằng :

— Thuyền ta đậu vào đây là về phận bề nào ?

Trần thuyền-chủ nói :

— Mé tây đảo này trông thấp-thoảng thấy rừng núi rợ Việt-thường, thì đây cũng ở vào trong vùng bề Nam-hải.

Điền đại-phu lại nói :

— Thế thì chỗ sản ra dưa này cũng gần đây chứ không xa.

Hai ông cùng ngồi xuống mui, đại-phu gọi lấy gươm quân-sĩ đem gươm đến, đại-phu một tay chống dọc quả dưa xuống mui thuyền, một tay cầm thanh gươm kê lưỡi vào đầu quả dưa chực bẻ, người cả một thuyền đều nhìn trừng trừng vào xem bẻ ra thế nào. Đại-phu lại nói :

— Ngày xưa vua Chiêu-vương nước Sở bị nước Ngô sang đánh, phải xuất-bôn sang nước Tỳ, sau được về nước, thuyền đi trên sông Giang, vua trông xuống sông thấy có một vật tròn mà to bằng cái dậu, sắc đỏ tía, vua sai thủy-thủ vớt lên, hỏi khắp quần-thần, không ai biết là quả gì, vua bèn rút thanh gươm bèn miách mà bẻ ra thì ruột nó như ruột dưa, vua ném thấy cam-mĩ lắm, ban cho quần-thần mỗi người một miếng mà rằng : quả vô-danh này ta nhớ lấy để hỏi người bác-

vật, sau nghe có quan tể đất Trung-dô nước Lỗ là ông Khổng-tử bác-học, cho sứ đến hỏi. Khổng-tử đáp rằng : Nó là quả bèo, ăn được. Sứ-giả hỏi sao nhà thầy biết ? Khổng-tử nói : Một lần tôi có qua nước Sở, nghe trẻ con nó nói có câu rằng : « Vua Sở đi sông, bắt được quả bèo, to bằng cái dậu, đỏ như thái-dương, bẻ ra ăn ngọt như đường. Bởi thế tôi biết. » Sứ lại hỏi : « Quả ấy có sẵn không ? » Khổng-tử nói : « Cái cây vô-căn nổi trên mặt nước mà kết được quả thì trăm nghìn năm chưa từng thấy, đó là cái diễm tán mà lại tụ, suy mà lại thịnh đó, nên mừng cho nhà Sở-vương. » Nay quả dưa này mà quả có giai-vị thì cũng là cái diễm hay cho ta.

Mới dứt lời thì thanh gươm xuống quả dưa đến sột một cái, bửa ra làm đôi, ruột đỏ tươi, hạt đen nhánh, đại-phu thấy rình cao-đoán lấy làm thích lắm, dưa cho cả thuyền xem, nhưng mà đại-phu bở đã có ý mỗi nửa vẫn nguyên một bài thơ, ông lại cầm gươm khoét lấy một miếng ruột mà rằng :

— Vua Sở không biết là quả gì còn dám ném, nữa là quả này dịch là dưa rồi, ta còn sợ gì.

Bèn ném xem thì ngọt mà mát lắm, mới truyền một tên thân-nhân mà giữ hai mảnh vỏ lại, một lát ruột dưa tiến lên đại-phu với thuyền-chủ mỗi người ăn mỗi miếng, còn phân-phát cho khắp mọi người trong thuyền mỗi người một tí, ai cũng khen dưa qui mà đại-phu là người vém-bác.

Đại-phu lại nói :

— Quả dưa này là cái kế « cầu cứu » của người bị phong-trục hay là bị phiêu-lưu ra một cái đảo ngoài cùng Nam-hải, chỗ tuyệt không ai qua lại, rồi tìm thấy thứ dưa này là sản-vật đảo ấy bèn dụng-tâm đề thơ thả bèo đề thiên-hạ tìm đến chứ không sai, người này cũng là một tay chi-sĩ, lại có biết chữ

Nam-thư, thì chắc là người về các nước Sở Ngô Việt. Thuyền ta có quốc-sự, nhưng hẹn về còn rộng, lại nhân tránh bão đến đây, bắt được vật lạ này, ta thử chở tàu chạy vòng ra hết phận Nam-hải rồi đón gió nam mà quay về, để tìm xem có thấy cái đảo có quả « Việt-nga qua » này ở đâu, mà có cái duyên tao-ngộ gì với cô Việt-nga này không.

Trần thuyền chủ xin vâng, bèn sai thủy-thủ kéo neo đánh cánh, cao-sư bẻ lái chạy lượn ra miền ngoài Nam-hải.

(Còn nữa)

NGUYỄN TRỌNG-TRUẬT

VĂN - U YÊN

Họa lại mười bài thơ Liên-hoán (1)

I

Chồng này chồng con hồi này con,
Tan hợp than ôi nỗi vẹn tròn.
Thắt ruột đời con hình dựa bóng,
Đau lòng ngắm cảnh nước cùng non.
Tầm kia đến thác to vương-vấn,
Vượn nọ than mình tiếng véo-von.
Đã thế thôi đành đành thế thế,
Đường xa muốn dặm bước thêm mòn.

II

Dặm bước đường xa mấy dặm au,
Ngó, Lào còn ngại nổi đầu đầu.
Nghiến răng những muốn xoay trời lại,
Ngậm đá khôn toan lấp biển sâu.
Phấn lạt hương bay đành phận thế,
Vàng phai ngọc nát mặc ai đầu.
Hạt sương gieo nặng ngành bồ-liều,
Vàng vạc trắng soi dọi bóng thâu.

III

Trăng dọi bóng thâu đứng những ngời,
Biển tình thăm-thẳm tấm gan xôi.
Lời thề chung gối đầu đầu tá,
Giot máu trên tay thoảng-thoảng rời.

Tê-tái câu cười bìa miệng thế,
Mơ-màng tiếng khóc mấy tao nôi.
Biết chẳng chẳng biết hay chẳng biết,
Ơi hồi chồng con ơi hồi ơi.

IV

Ơi hồi chồng con ruột nát tương,
Nát vì cuộc thế, thế mà thương.
Đống xương công-nghiệp tàn tro bụi,
Vạc huyết binh-đao lạnh khói hương.
Hùm hét năm châu mong-mỏi dạ,
Rồng đua bốn biển mịt mù phương.
Cũng liều nhắm mắt đời chân vậy,
Thay đổi đầu đầu chuyện lạ thường.

V

Thay đổi đầu đầu quyết một vai,
Nỗi này muốn tỏ, tỏ ai ai.
Bên trời góc biển xa xa tiếng,
Mặt nước sườn non lảng-lặng tai.
Mây bằng-lãng hồn đeo-đeo dọi,
Hồ lai-lãng bóng lạnh-lùng soi.
Hường đi qua đó quanh co nẻo,
Biết cậy trao ai chuỗi lệ dài.

VI

Biết cậy ai mà bước bước cùng,
Non sông xin tạc mảnh tình chung.

Trương buồm vượt biển trông chiều
 Trở máy gài then vẹn chữ tung. [thuận,
 Nước biển non xanh cò, cá, đá,
 Bờ ngang cõi dọc lát, lau, lung !
 Nỗi niềm tâm-sự lo quanh mãi,
 Tiếng trống đầu đà rộn-rộn tung.

VII

Rộn tung hồi trống dứt bên thành,
 Trước án nghiêng mình dựa suốt canh.
 Thảng lụn ve sầu vo-vỏ xác,
 Năm châu để khóc thừng thơ mảnh.
 Gìn vàng giữ ngọc chi-chi nữa,
 Dạn gió dày sương hời hời đánh,
 Cũng muốn cho qua rồi một kiếp,
 Đoạn trường còn vương nợ ba-sinh.

VIII

Nợ ba-sinh có cũng bằng không,
 Sơn phấn càng thêm then núi sông.
 Phách lạc hồn xiêu thân phận kẻ,
 Mưa sa gió quét nước non Hồng.
 Cửa trời lừa lọc tay thuyền ván,
 Tấc đất mong chi vạ lưới lồng.
 Tỉnh tỉnh mê mê, mê lại tỉnh,
 Tấm lòng nóng nổi chông ọc chông.

IX

Nóng nổi trời già có thấu chăng ?
 Cầm cân sao chẳng nhắc cho bằng.
 Đài hoa nắng héo khô-khô héo,
 Nội cỏ sương giần diêm-diêm giần.
 Ngọn sóng tang-thương vừa vượt khỏi,
 Bến đò trần-thế nổi ngung-ngang,
 Một trăm năm ấy người trong mộng,
 Ngủ gió nằm mưa trải mấy trăng.

X

Mấy trăng hện nước những thề non,
 Một diêm tình chung kết khối hòn.
 Đạp đờ thành sầu doanh dạ mãi,
 Khua tan gió thảm quạt gan mòn.

Gọi hồn mười vạn lời trong đục,
 Tỉnh mộng ba chùa (1) tiếng cốc bon.
 Muốn dậm một nhà trời một cõi,
 Chồng này chồng con hỡi này con.

PHỤNG - NAM (Huế)

1. — Nhớ bạn cũ

(Họa bài thơ của ông M. P.
 trong N. P. số 96)

Giọt mực dầm khan bất ngại ngưng,
 Mối sầu ai gỡ gỡ cho xong ?
 Non sóng buồn mắt đôi miền lạ,
 Trời đất vui lòng một kiếp chung.
 Sơn phấn phai-pha duyên-thục-nữ,
 Bắc nam xếp đặt phận anh hùng.
 Trên đầu nghũa cả thôi là cốt,
 Dưới mắt người đời có cũng không.

2. — Hoa nụ

Sắc sắc hình hình bút hóa-công,
 Xuân về hoa nụ kết hoa bông.
 Búp dài còn then vừng trắng bạc,
 Hè nhị toan cười ngọn gió đong.
 Lý mới đua xanh còn lãng bươm,
 Đào chưa nẩy thắm chứa mồi ong.
 Phầm hoa ướp hởi người thanh-nhã,
 Ngòi bút phê-bình có có không ?

3. — Hoa nở

Mấy độ đua tài đất Lạc-dương,
 Mà nay xanh tía rực hoa trường.
 Thô-hào chỉ biết mười phân sắc,
 Thanh-vận hãy còn một đóa hương.
 Thưởng-thức chỉ e phường tục-vận,
 Yếu-kiều còn đợi khách bình-chương.
 Phầm hoa ai biết ai tri-kỹ,
 Cười ngửa vườn vua hẳn có chàng.

4. — Hoa tàn

Hoa non không mấy chốc hoa già,
 Ngán nỗi chơi hoa lại tiếc hoa.
 Chín chục thiều-quang chừng ngoại sáu,
 Mười phần xuân-sắc đã gầy ba.

(1) Ở Kinh đô có bà chùa gọi là Diệu-đế Thiên-mục. Ngọc-trần.

Gió mưa rờng-rã mùi hương nhạt,
 Ong bướm chấp-chòn nhị phấn pha.
 Nếu cái ngày xuân mà giữ được,
 Chẳng dầy chẳng để bóng cầu tà.

5. - Tần-cung oán

I

Ai đắp cung Tần bề oán sâu,
 Ba nghìn chung một dạ như nhau !
 Phòng loan vô võ năm canh nguyệt,
 Hồn bướm mơ màng sáu khắc thu.
 Tủi phận Thương-nga nằm điện thổ,
 Luống công Chức-nữ bắc cầu ô.
 Đông hoàng thôi cũng trêu người nhỏ,
 Nữ để vườn hồng mãi thế ru !

II

Nữ để vườn hồng mãi thế ru !
 Ngày xuân hầu dễ được bao lâu ?
 Bường hương lạnh ngắt hình sương-
 phụ,
 Cung địch buồn tênh cảnh sãi chùa.
 Nửa cái nhân-duyên cười dở khóc,
 Trăm năm thân-thế nghĩ càng đau.
 Đã không chi với thời thời chớ,
 Còn hăm hồng-nhan chốn ngục tù !

III

Còn hăm hồng-nhan chốn ngục tù !
 Hẽm xuân ai dễ dứt tình sao ?
 Thẹn thùng phận bé khôn thừa-sủng,
 Mong môi duyên may chút diễm-dâu.
 Bốn mặt cơn mưa dào cửa tử,
 Ba canh làn gió quạt rèm châu.
 Hóa-công ghen ghét chi nhau thế,
 Hay trước chưa đầy một kiếp tu ?

IV

Hay trước chưa đầy một kiếp tu,
 Kiếp này nên mới phải đền bù !
 Chiều chạnh lạnh lẽo trong phòng các,
 Xanh tía xanh vàng trước cửa lầu.
 Chén cúc đầy vơi hăng ngọc lệ,
 Cầm trắng dứt nổi mối tơ sầu.
 Thử xem ngon lửa Hàm-dương đó,
 Ai đắp cung Tần bề oán sâu ?

6 - Trinh - nữ

(Thơ trường - thiên)

Tuổi em vừa mười tám,
 Tuổi chàng mới hăm ba.
 Hăm ba cùng mười tám,
 Tình chung ta với là !
 Sánh đôi duyên tác-hợp,
 Sắt cầm sao lỡ nhịp.
 Hương-hỏa trót lời thề,
 Phong-ba gì cũng quyết.
 Chàng chẳng thấy :
 Chim cưu bên bờ sông,
 Riu-rít đôi vợ chồng.
 Gặp khách giương cung bắn,
 Cùng nhau bay song-song.

Lại chẳng thấy :

Muống sư bên sườn núi,
 Vợ chồng khi sớm tối,
 Gặp người trắng lười sấn,
 Con dục không lia cái !
 Chim, muống còn biết thế.
 Huống người sao nữ lệ.
 Sầu-âm xác mình ve,
 Bi-ngâm khan giọng dế.
 Bi sầu ường bi sầu,
 Chàng đâu đâu ở đâu ?
 Cách nhau đường ngàn dặm,
 Xanh xanh một ngàn dâu !
 Xa trông ngọn núi Hồng,
 Núi Hồng mây mật-mùng !
 Trèo lên ngọn núi Voi !
 Núi Voi đá chấp chồng !
 Núi Hồng cách núi Voi,
 Xa xa nghìn vạn trùng !

7. - Bài văn viếng bạn

Sao đời vật đổi, cuộc tang-thương
 chi lắm độ gặp-gheh ;

Gió thảm mưa sầu, cơn mộng-trởng
 chi lắm chiều giục-giã !

Nhớ chị xưa :

Tính nết nhu-mì ; phong-tư diễm-dã.
 Ngoài vãn-hào-hoa ; trong đàn phong-nhã.

Hăm-hở lúc lan-đài đua sánh, mùi ca-
 ngâm, nghề thi-họa, cách thanh-cao mệ-
 dạ tài-hoa ; mĩ miều khi quỳnh-uyên vào

ra, tinh-thần tuyết, cốt-cách mai, dáng
yêu-điệu xiêu lòng thanh-giá.

Đáng số nữa tuổi xanh đương độ,
mong phi-nguyên loan-phượng sắt-cầm ;

Bén duyên chẳng chỉ thắm sớm trao,
thiếu gì khách Châu Trần Vương Tạ !

Vội chi mà ngọc nát vàng tan ; vội chi
mà phấn phai gương vỡ ?

Vội chi mà nguyệt khuyết hoa tàn ; vội
chi mà bèo trôi sóng vỗ ?

Hay nghĩ tài-tình khôn kể sinh, kiếp
đào-hoa chi thẹn ngọn đông-phong ; Hay
sầu anh-kiệt ít người hay, nền Đông-tước
chi khép vành xuân-tỏa ?

Xui nên :

Rót chén hợp tan ; chén vòng sinh hóa.

Người còn kẻ khuất trời xanh chi độc-
địa lắm thay ; phách lạc hồn xiêu, mệnh
bạc chi mỏng manh lắm quá !

Hỡi ơi ! thương thay !

Nữ-sĩ Ng. T. - Q.

(Hải-phòng)

1 — Chơi chùa Hương gặp bạn

Mười mấy năm trời bỗng gặp nhau,
Nào mừng nào cảm biết nhường bao ?

Rừng mai động tuyết nay xum-hop,
Cảnh Phật chùa tiên vẫn ước-ao.

Cầm hạc thú xưa còn nhớ chữ ?

Văn-chương nghề cũ có quên đâu.

Vui mừng vội hỏi vấn thơ mới,

Cận-tác năm nay những thế nào ?

2 — Công nợ

Nợ nần dan dít gỡ chưa xong,

Xoay-xở càng thêm bối rối lòng !

Lo mặc lo ăn lo gánh vác,

Nợ nhà nợ nước nợ non sông.

Những loan trang trắng còn xoay bạc,

Mong khỏi cơn đen đến lúc hồng.

Nhấn nhủ anh em ai lắm nợ,

Rủ nhau mà trả quách cho xong.

3 — Hồng - lâu oán

Từng khi tỉnh rượu lúc tàn canh,

Tâm sự mình riêng ngán nỗi mình !

Trông nguyệt lũng thương người
mệnh bạc,

Nhìn hoa càng tủi kiếp phù-sinh !

Nhuộm màu thanh-lich hai tay trắng.

Trong đám hồng-trần mấy mắt xanh ?

Nhấn nhủ ấy ai tri-kỷ tá,

Thuyền tình chớ lấy khách lênh-dênh.

4 — Đề ảnh

Dan diu đôi tay một dịp câu,

Tình sáu so với nước sông sầu.

Vẻ người phong-nhã in màu biếc,

Nước thủy tinh-thần đượm vẻ lâu.

Bóng vẫn còn đây tình vẫn đó,

Người tuy xa đây bụng xa đâu,

Trăm năm cùng lánh nơi trần-thế,

Còn mảnh gương này để mãi sau.

5. — Cảm-tác

Nghĩ gớm-ghe đời buổi cạnh-tranh,

Nào người chạy lợi ké lo danh !

Tranh nhau ngôi thứ trong làng xóm,

Cướp mối buôn thu chốn thị-thành.

Phần bạn bội thầy xoay đủ ngón,

Đổi trên lừa dưới kiếm ăn quanh.

Năm châu bốn bề người đang tiến,

Minh cứ trơ trơ nở chịu dành !

NGUYỄN TRUNG - KHUYẾN

Con gái gánh nước.

Nghĩ mình hèn yếu dám khoe ai,

Vì nước nên mà phải ghé vai.

Ghềnh thác xuống lên đành phận thiếp,

Nước non đưa đuổi với tài trai.

Bao phen nặng nhẹ đầu sương tuyết,

Nghĩ nổi đầy vơi bước rưng rời.

Trưa sớm vắn chum đau đớn nỗi,

Bĩnh chung ai đẩy nở ăn ngồi ?

Đêm đông dễ kêu

Biết trời lạnh lẽo buổi đêm sương.

Hỏi dễ kêu gì đến nỗi thương ?

Kêu kẻ phòng loan vàng nguyệt chéch,

Kêu người dăm liễu khắc canh trường.

Kêu trời sao chửa quay nam lại,

Kêu bề ô mà vẫn sóng gươm.

Nhớ lỗ đau lòng kêu mãi mãi,

Kêu ai nghe thấy chớ coi thương.

Năm mơ cụ Khổng ra đời.

Tin gì mộng寐 chẳng nên tin!
 Ca Khổng mà ra nghĩ cũng phiền.
 Cấp-ách Sái Trần thêm kẻ giận,
 Phong-lưu Tề Lỗ lắm người ghen.
 Than dài thở vẫn thói đà chán,
 Vị hảo ngôi không chẳng hóa hèn.
 Mơ tưởng làm chi cho bận trí,
 Nói dẫu ông thánh với ông hiền!

Đội khăn xếp

Giờ hãy văn-minh một cái đầu!
 Văn-minh lịch sự lấy tiền đâu?
 Ba vương lượt mướp khoanh tròn lại,
 Cũng chẳng ra Tây cũng chẳng Tàu!

NGUYỄN ĐỨC-NGUNG

Vịnh quan tiền

Vương tròn vàng cạnh khéo lo toan,
 Khoa-hoạn gì đâu thế cũng quan.
 Kẽm đúc nên thân nhiều kẻ quý,
 Cỏi giàng thành bộ lắm người van.
 Đem đầu luồn-lọt khi chui thúng,
 Lên mặt vung-văng lúc nhảy bàn.
 Giả-mạo hạng này nay mới biết,
 Xin thay tiếng khác kẻ oan. . .

NGUYỄN NGỌC-THỨ

Vịnh núi Hồng-lĩnh.

Chín mươi chín đỉnh ngắt tầng mây,
 Lốp-lốp đá chông cỏ lẫn cây.
 Mảnh liễu thướt-tha chiều bóng xế,
 Rừng mai diu-dặt cánh chim bay.
 Trắng phau sườn núi con mây bạc,
 Trong vắt dòng khe ngọn nước xoay.
 Thăng cảnh trời Nam đâu bạc nhất?
 Hữu-tĩnh sơn-thủy thực là đây.

Lữ-khách hoài-ngâm

Hồn Tần vợ-vân đám mây xa,
 Sịch bức màn-mành mới biết ra. . .
 Tắc dạ bàng-khuảng chờ cánh nhạn,
 Điểm trắng khắc khoải lắng canh gà.

Trông vời non nước đau lòng quốc,
 Nhớ cảnh quê nhà mỗi miệng đa.
 Chẳng biết cùng ai mà ngỡ nổi,
 Nổi riêng riêng biết một mình ta.

Đại-hạn

Nắng sao nắng mãi rủa trời oi!
 Hết hạ nay thu đã đến rồi!
 Cây cỏ khát khao lòng nhớ nước,
 Cóc ếch chèm chẹp miệng kêu trời.
 Vênh-vang nặng gánh tiều lên mặt,
 Lơ-láo khoe mình mục vật toi.
 Há lẽ rồng mây không có hội,
 Chạm mau âu cũng lẽ thường thôi!

NGUYỄN XUÂN-HÒE

Tĩnh Bắc-kạn

Thành Bắc khen ai khéo đặt ra,
 Trời Nam riêng chiếm một sơn-hà!
 Quan-h-co suối biếc như tranh vẽ,
 Vây-bọc rừng xanh tựa gấm hoa.
 Ba-bể dành riêng phong-cảnh lạ,
 Năm châu âu cũng nước non nhà.
 Nhấn ai là khách tang-bồng đó,
 Tăm thước râu mày há ngại xa!

Phú-đắc

«Tiết thay cây quế giữa rừng,
 Đẻ cho thẳng Mán thẳng Mường nó leo.»
 Hồng nhan phận mỏng lắm ai ơi!
 Nồng-nổi vì dầu thế hơi trời!
 Những tưởng gương trong treo giá ngọc,
 Nào ngờ con cú đậu cành mai!
 Ông tơ trêu mãi người sơn phấn,
 Bà nguyệt ghen chi chữ sắc tài!
 Duyên kiếp thương ôi đành nhẽ tạo,
 Trăm năm trăng mĩa với hoa cười!

Lo

Một mình lo nghĩ suốt năm canh,
 Mình nghĩ mình lo cái phận mình.
 Lo hết chữ trung đền nợ nước,
 Lo tròn đạo hiếu báo ơn sinh!
 Lo bề gia thất còn dang-dở,
 Lo nổi đàn em chữa trưởng thành.
 Càng nghĩ càng lo, lo mãi mãi,
 Một mình lo nghĩ suốt năm canh!

NGÔ LƯƠNG-NGỰ

Nhớ cha mẹ

Nghìn dặm xa-xuôi lạ nước non,
Thần-hôn cách-trở phận làm con.
Hồn quê mê tỉnh năm canh suốt,
Vầng nguyệt đầy voi mấy độ tròn.
Nghĩ kẻ tóc tơ màu tuyết trắng,
Giận mình ngày tháng tấm lòng son.
Xót tình tựa cửa bao thương nhớ,
Chung-dỉnh sao tày miếng ngọt ngon.

Tự-thuật

I

Bông chốc ba mươi một tuổi rồi,
Nghĩ mình mình lại ngán mình thôi.
Tức cho thân-phận buồn cho số,
Khéo bấy công-danh lạ bấy đời.
Mang lấy hiếu-tình hai gánh nợ,
Luống không thư-kiếm mấy năm trời.
Nổi riêng riêng biết cùng ai tỏ?
Ai có tri-âm mới biết ai.

II

Năm canh chén rượu lúc đầy voi,
Tỉnh tỉnh say say với cuộc đời.
Xa cách trông chừng phong-cảnh cũ,
Chung quanh vui những nước nonngời.
Trăm anh dòng dõi con nhà đó,
Đao bút theo đòi việc lại chơi.
Còn có cơ-duyên còn gặp hội,
Phong-trần đâu thể mãi ai ơi!

Quan-hải ngẫu-đề

Đêm thu chẳng có thú gì vui,
Dắt diu cùng nhau dạo biển chơi.
Sáng quắc vầng trăng in đáy nước,
Trắng phau mặt biển tận chân trời.
Con thuyền họan-hải lênh-đênh nhỏ,
Ngọn sóng nhân-tình trào trở thôi.
Tang hải nhĩ xem âu ngân nổi,
Mạch sàu ai dễ tát cho voi.

Nguyễn-tiêu cảm-tác

Hỏi rằng năm mới tự bao giờ,
Năm mới mà ta đã mới chưa?
Gánh nợ tang-bồng vai chửa nhẹ,
Mảnh gương chung-hiếu dạ đương mờ.
Non sông trông thấy ở xuân nhĩ,
Tai mắt kia ai đã khác dư.

Xướng bề lên ngàn chi lăm ngã,
Con đường danh lợi khéo bơ vơ.

PHAN QUỐC-LƯƠNG

Thơ gửi một người văn-sĩ róm

(Họa văn ai)

Đời thế mà ai chẳng biết đời,
Còn toan khoe giỏi với khoe tài.
Lãng-những mấy vạn không đầu cả,
Cóp-nhật vài câu có thể thôi!
Mặt nạ chẳng nhìn gương chiếu đó,
Chân người còn đốt đuốc soi chơi.
Từ rầy biết róm thời thôi nhé?
Kẻo nữa dơ thân bốn góc trời.

HÀNG CẬP-ĐỆ

Văn chương ai dấy khéo dơ đời,
Mình róm còn toan dấm cậy tài.
Thơ thần chẳng qua phường bá-láp,
Văn đàn thêm lăm chuyện lói-thối.
Sao không biết phận é chề nhĩ?
Còn chực ra điều chế giễu chơi.
Nghĩ cũng đáng cười không đáng giận,
Coi như trận gió thoảng hên trời.

LƯƠNG NGỌC-PHÁC

Tự-thán

Ngày tháng xoay vần giống quả lăn,
Một năm một tuổi một ăn - năn.
Hiếu trung nợ nước vai mang nặng,
Cam khổ mùi đời lưỡi nếm tăn.
Năm nghĩ nhân-tình thêm chán ngán,
Ngồi chờ thế-vạn luống bản khoán.
Trông sao non nước đưa xuân lại,
Rửa sạch bùn than để chiếu chân.

Tự-vịnh

Trời kêu tớ mãi tớ không ơi,
Hỏi tớ ông chi tớ bật cười.
Khanh tướng chưa quen nghề khủ lự(1),
Giang hồ vẫn thích thú giông chơi.
Non sông chúc rượu say vì bạn,
Trăng gió dứa thơ trội với đời.
Chính thực tớ đây thẳng ngất-ngường,
Công chi mà hỏi rứa ông trời.

NGUYỄN VĂN-HÙNG

(1) Khủ lự : Khúm núm.

Viếng khách Bồng-tiên

Qua chơi thăm hỏi khách Bồng-tiên,
Giác mộng sao mà bồng tự-nhiên?
Ý hẳn ông tơ mang bụng giận,
Hay là bà nguyệt có lòng ghen.
Năm canh vợ vẫn thương hoa cúc,
Sáu khắc mơ màng tiếc dóa sen.
Thời thế cũng là yên số phận,
Trăm năm rửa sạch nợ trần-duyên.

NGUYỄN TRÁC-NHIẾP

Bảo nhau

Cái việc trong nhà ta với ta,
Xin đừng bới xấu của nhau ra.
Hở môi ra nữa e răng lạnh,
Vạch áo nên người mới biết da!

Muốn đi tu

Cái nợ tang bồng chữa trả xong,
Còn nhiều ân-ái với non sông.
Cũng toan cắt tóc đi tu quách!
E phụ - phàng ai một chữ đồng.

LƯƠNG VỊ-THỦY

Hoa phù-dung

Trăm hoa mỡ chỉ mển phù-dung,
Chẳng biết phù-dung mển mỡ không?
Mển lúc ban mai phơi vè trắng,
Thương hồi hôm tối đượm màu hồng.
Miệng cười Tiên-tử đường âu yếm,
Nét mặt giai-nhân rõ mặt nồng,
Cảnh vật trên người chi lắm nhĩ?
Tắc riêng thêm gọi mối tình chung.

Khuyến thương

Bốn dân trong hạt thiếu nghề thương,
Quyền-lợi bao giờ dặng khuếch-trương!
Núi nợ mặc ai tranh tấu gụ.
Vườn kia nhượng khách quất cau lang.
Chớ chôn bạc lại đầy hang hổ,
Nên xuất tiền ra lập phố phường.
Động-hải Cảnh - dương xa mấy dặm,
Dân ta xem đó để làm gương.

(1) Tổng Cơ-sa. — (2) Tổng Thăng lăng.

Quan-phong (Tuyên-hóa)

Ngắm cảnh sơn hà vẫn đáng khen,
Đoái xem dân-tục nghĩ thêm phiền!
Cơ-sa (1) thông thả đua từ-tụng,
Thanh-lãng (2) phong-lưu rộn điệu đèn.
Giọng nói Làng Trem dai đĩa dôi,
Tiếng la Đạm-thủy nước màu men.
Kể chung cái giỏi toàn năm tổng,
Thi-nhác ai giành giải trạng-nguyên.

Đi chơi Trưng-cửu

Một năm một bận tiết Trùng - dương,
Thỏa dạ dăng-lâm với bạn phường.
Thi viết vài câu nghe lạ-lẽo,
Rượu nghiêng ba chén gọi xuềnh-xoàng.
Trời mây rạng tỏ màu thanh-bạch,
Hoa cỏ đua tranh sắc tía vàng,
Ngắm cảnh, ngắm người thêm thẹn hổ,
Thẹn mình chưa xứng trách tuân-lương.

THUẬN GIANG

Mừng nhà mới

I

Mừng ông xây dựng mới xong nền,
Giới đất dành cho mới mới nên.
Nền hiếu nền trung nền đạo-đức,
Từ nay trọn vẹn được lâu bền.

II

Nền cũ ơn nhờ phúc ấm cho
Nay ta hiếu thảo mới xây to.
Xây nền Luân-lý cho bền chặt.
Dựng cột tân-văn nổi đạo nho.

Tiến Quan Bác vật về Tày :

Xiết kể tình đưa tiễn bữa nay,
Mấy lời thù tạc lúc cầm tay.
Tính hay nét tốt còn lưu lại.
Bức ảnh làm gương để dạ này.

LÊ KIÊM-THIỆN

Đất khách đêm xuân

Đất khách đêm xuân khéo khéo là,
Phòng không riêng nặng gánh sầu ta.
Sương trùm cảnh liễu long-lanh lá,
Tuyết giở bông đào lấp-ló hoa.

Di gió vô-tình sao lạnh-lẽo,
Chị hằng hữu-ý khéo lân-la.
Nghĩ thân hồ-hải càng thêm xót,
Nào biết ai đây kẻ mặt-mà.

Tiến bạn

Ngại ngừng thay cái lúc phân-kỳ,
Ngán nỗi người về với kẻ đi.
Trung hiếu đôi vai là sự-nghiệp,
Tang bồng bốn bề ấy nam-nhi.
In sâu trong dạ lời son sắt,
Nghe thoảng ngoài tai tiếng bắc chi.
Non nước tuy xa, xa chờ ngại,
Còn trời, còn đất ắt còn khi. . .

Tư-vịnh

Bấm đốt xem, mười tám tuổi đầu,
Ngán ngờ nào đã biết gì đâu ?
Pháp-văn mấy tiếng vu, moa nhặng,
Hán-tự vài câu đã, giả ngẫu.
Xu chẳng có đồng huynh rạp hát,
Tiền không một chữ điện cao lâu.
Ăn chơi ra phết người thanh-lich,
Há kém chi đời buổi Á Âu.

Ngẫu-đề

Tám thân phù-thế nghĩ mà đau,
Ngán nỗi trò đời cuộc bể dâu.
Trước mắt biết bao người giáo giở,
Ngoài tai sao lắm truyện nông sáu.
Khi buồn giải-muộn rằm ba chén,
Lúc hứng tiêu-sầu bảy tám câu.
Nấn-ná cho ngày qua tháng đoạn,
Mặc ai tranh-cạnh buổi tây tàu.

Nhớ Ninh-bình

Luống ngán-ngờ lòng nhớ tỉnh Ninh,
Nhớ người, nhớ cảnh khó mần thình.
Nhớ chơi núi Thúy thơ lưng túi,
Nhớ dạo sông Vân rượu một bình,
Nhớ cỏ, nhớ cây hang Dịch-lộng,
Nhớ trăng, nhớ gió động Vân-trình.
Nhớ-nhung hồ dễ lòng khuấy-khỏa,
Nhớ nước non thêm nặng gánh tình,

Nhớ Gia-viễn (Ninh-bình)

Nhớ Gia-thành dạ héo hơn,
Nhớ sông Tế-mi, nhớ non Bồ-dinh.
Nhớ người người có thấu tình,
Nhớ cảnh cảnh có nhớ mình hay không.

Trông vời Gia-viễn tít mù khơi,
Khiến kẻ tha-hương luống ngậm ngùi.
Xa cách đã lâu rồi đấy nhỉ ?
Sông Bồ, non Tế dạ nào nguôi.

Nhớ bạn

Một mình trần-trọc suốt canh trường,
Bối rối tơ lòng mấy đoạn vương.
Luống nhớ tri-âm người bốn bề,
Nỗi lòng càng nghĩ lại càng thương.

Nỗi lòng càng nghĩ lại càng thương,
Biết ngộ cùng ai khúc đoạn-trường.
Kìa lúc nhà Lan xum họp mặt,
Sao nay nam bắc cách đôi phương.

Sao nay nam, bắc cách đôi phương
Càng nghĩ càng thêm dạ vẫn vương,
Ngồi đứng khôn khuấy lòng tưởng nhớ,
Thấu tình chẳng nhẽ khách tha-hương ?

Trách bạn đồng tâm

Hờ-hững làm chi thế hỡi lòng ?
Chữ « tình » đã quyết, quyết cho xong.
Sao mà nhự khách qua đường thế ?
Đề kẻ đồng-tâm luống ngại-ngùng.

Nhớ bạn

Trần-trọc canh tàn ngủ khó yên,
Tri-âm xa vắng hóa nên phiền.
Ngày thường quên bữa đêm quên giấc,
Xa cách nhau đã ngót một niên.

Tự vịnh

Một mình quyền sách ngọn đèn xanh,
Ngẫm bước công-danh khéo cột mình,
Lần lửa què người bao nắng gió,
Đông qua xuân tới nghĩ mà kinh.

Nhắn bạn thiếu-niên

Hỡi hỡi anh em bạn thiếu-niên,
Gặp thời tranh-cạnh cố đua chen.
Sao cho tỏ mặt cùng non nước,
Khỏi hồ con rồng với cháu tiên.

Nhớ bạn Hà-thành

Nhớ ai luống những ngán ngờ lòng,
Xa cách nhau đã ngót một đồng.
Mỗi mắt xa trông vời Nhị, Tân,
Nhớ ai ai có nhớ ta không ?

Say

Say tỉnh như mình nghĩ cũng hay,
 Đêm ngày những tỉnh với cùng say.
 Say khi gió mát, bài thơ vịnh,
 Say lúc trăng thanh, chén rượu đầy,
 Say dạo nước non nhìn cảnh đẹp,
 Say xem sách vở nhận điều hay.
 Cuộc đời nào biết ai say tỉnh,
 Say tỉnh như ta ít kẻ tầy.

Thanh-phong NGUYỄN HOÀNG-CÁC

Đánh vật

Đồng bạc trên dây lủng-lẳng treo,
 Tranh nhau cướp lấy hóa eo-sèo.
 Hung-hăng cậy sức khoe tài miếng,
 Mạnh mẽ ra tay giết giải lèo.
 Tiếng trống khua vang lòng phát khởi,
 Nước đời há chịu tiếng hèn đeo,
 Đám đông nhác thấy người thua được,
 Cũng muốn xoay trần thử một keo.

Vi-hoàng hoài cổ

Ngày tháng thoi đưa phút mấy đông,
 Hoàng-giang chưa thấy nước sông trong
 Bờ xưa thuyền đậu nay đâu vắng,
 Bạc đá rêu phong thấy bỏ không.
 Thành-phố đổi thay trông khác kiêu,
 Ngô khoai giống giọt hóa ra đồng,
 Ra chơi cảnh cũ thêm buồn nghĩ,
 Đối cảnh sinh thương một tấm lòng.

NGUYỄN VĂN-LƯƠNG

Từ khúc (1)

(Điều Bắc-giang mai-lệnh)

Thương cho nổi má hồng chìm nổi
 vì luân-lý,
 Thương cho nổi gia-biến vì dâu nên
 động-địa,
 Thương cho nổi chữ tình tai va đến
 nga-mi,
 Thương cho nổi Tiên - đường oắt-
 oai đường sinh-tử,

Làm kiếp nữ-nhi,

Hoài kiếp nữ-nhi,

Chẳng thà cứ bỏ liễu cắt ngay dây
 bạc-mệnh,

Chẳng thà rằng bỏ-kinh dành cái
 phận ngu-si,

Đau đớn một lần trước nhân-duyên
 chàng Thúc đã sinh-ly.

Lại thăm đến lần sau chàng Từ
 không trọn duyên chung thủy,

Cảm bạn tương-tri,

Phụ bạn tương-tri,

Duyên tái-hợp,

Sầu coi nên đồng,

Nhục đắp nên dia.

Mai Khanh ĐOÀN ĐẮC

(Mai-Khê thi-xã)

CÁI-CHÍNH

1 — Bài « Kiếp văn-tự » của ông Minh-Phượng đăng ở số 107, câu : « Bà Nha chưa gặp Chung-Ky, đàn ai biết tiếng ; Trần-Tử chưa mời Từ-Trĩ, giường hầy còn treo ! » sót về trên, vậy nay bổ-chính.

(1) Họa bài « khúc Kiều » của ông Minh-Phượng đăng ở Nam-Phong số 101.

THỜI-ĐÀM

Việc thế-giới

Tình-hình chính-trị ngoại-giao trong thế-giới. — Thiên-hạ thường tưởng rằng cuộc đại-chiến-tranh vừa rồi là tạo-thành ra một thế-giới mới, khác hẳn với thế-giới trước năm 1914. Xét cho kỹ, có lẽ đó cũng là một cái ảo-tưởng mà thôi. Cuộc đại - chiến-tranh, hay là nói cho đúng hơn là cái hòa - ước *Versailles* đã liêu - kết cuộc chiến-tranh, có thay đổi lại cái cục-diện trên bàn cờ Âu-châu, nhưng mà bao nhiêu cái mối loạn-ly, cái nguồn tranh-cạnh từ trước năm 1914 đến giờ vẫn thế, mà lại thêm ra nhiều nỗi khó-khăn nguy-hiêm hơn nữa. Nhà triết-lý muốn tổng-quát mọi việc mà cứ xét cho ra cái nhân-quả sâu xa, thì thấy thế-giới ngày nay là cái thế-giới cường-quyền với công-lý chọi nhau, hai đường ấy nhân-loại phải chọn theo một đường nào, theo về cường - quyền ư, thì sự-nghiệp văn - minh trong thiên-hạ có cái nguy có ngày lụn-bại tan-nát mất, theo về công-lý ư, thì phải điều - đình phải chằm-chước, cũng khó-nhọc cũng lồi - thối, nhưng ngày qua tháng lại, dần-dần dà - dà, rồi cũng gây được thành cái cơ - sở hòa - bình trong thế-giới. Nay xét tình-thế Âu-châu, thời thấy năm 1914 cái họa chiến - tranh là ở trong bán-đảo *Balkans* mà gây ra, năm 1926 này cũng không thay đổi tí gì, và cái nguy-hiêm chiến-tranh cũng vẫn đáng sợ nhất là về mặt đó. Về phía đông và phía bắc thì nhân cuộc chiến - tranh vừa rồi bày ra một cái cục-diện mới, khiến cho việc chiến hay việc hòa ngày nay thực là ở trong tay nước Nga và nước Đức, hai nước ấy muốn hòa-bình thì Âu-châu được hòa-bình, hai nước ấy muốn chiến - tranh thì Âu-châu phải chiến - tranh; mà hai

nước ấy thì coi ra cũng bất-chắc lắm, Nga thì từ khi cách-mệnh theo về chủ-nghĩa cộng-sản, có cái chí u-âm, hiểm sâu không lường được ; Đức thì từ khi chiến-bại, cái chủ - nghĩa quốc-gia lại càng như kích-thích thêm lên. Ngoài Âu-châu thì nước Hoa-kỳ kia, người có của có, không phải nỗi khó-khăn như các nước Âu-châu, có thể dùng cái địa-vị minh-chủ mà giữ cuộc hòa bình cho thiên-hạ được, nhưng vì cái tâm-lý hẹp-hòi, không thoát được khỏi cái tư-cách « con buôn », chỉ khu - khu vị lợi một mình, không thiết gì đến các nước ngoài, cho nên không những không giúp được gì cho cuộc hòa-bình, mà lại vì cái thái-độ khăng-khăng trong những việc tiền-tài, làm cho việc thế-giới thêm phiền - phức khó giải. Ấy là lược-cử vài ba nỗi khó-khăn trong Vạn-quốc bây giờ; ngoại-giã còn nhiều điều khốn-nạn nữa không thể nói hết. Tóm lại thì từ sau cuộc chiến-tranh đến giờ, tình - hình chính - trị ngoại - giao trong thế - giới lại rối-loạn hơn trước nhiều. Duy chỉ còn có một cái hi - vọng như sau này, là nhân cuộc chiến - tranh mà đã tạo - thành ra được một cái cơ - quan quốc-tế mới, là hội Vạn - quốc, xem ra cũng có thể điều-hòa được các mối phân-tranh mà giữ cho thế-giới được hòa-bình ; cho nên dù có kẻ hoài-nghi, nhưng phàm người hữu - tâm trong các nước ngày nay cũng đều đề ý trông mong về đấy cả. Nhưng hội Vạn-quốc ngày nay cũng đương qua một buổi khó-khăn, những việc xảy ra từ tháng ba đến giờ, trong khoảng tháng bảy và tháng tám cũng chưa việc nào giải-quyết xong, lại thêm nhiều việc khác

xây ra ở bán-đảo *Balkans*, ở Nga, ở Đức, ở Tây-ban-nha, ở Ma-lac-kha, ở Anh, ở Thổ-nhĩ-kỳ, ở Mĩ, không kể việc tài-chính quân-bách ở nước Pháp và nước Tĩ, bấy nhiêu việc giải-quyết cho được cũng khó-khăn lắm. Có nhà làm báo nọ ngày nay nước nào cũng hình như mắc phải vi-trùng độc cả, tùy sức nước mạnh hay yếu, vi-trùng thì hay nhiều, hoặc có thể chống-lại mà thoát khỏi được, hoặc cũng có lẽ nhiệm phải bệnh nặng mà ốm yếu dần đi, có khi có cái cơ nguy-vong nữa. Các bậc danh-y đương ra tay cứu-tế, nhưng xem ra nhiều khi cũng vô-kế khả-thì. Các dân-tộc muốn cho tự-tồn được ở cái buổi đời đa-nạn này thời phải hết sức kiên gan, hết sức nhẫn-nại, hết sức lao-khổ, hết sức cần-cù, thì mới mong có cách phẩn-phát tự-cường mà thoát khỏi được cái vòng nguy-hiêm. Nước cũng như người, có chí thì nên, nhưng chí ấy phải cho cương-cường mãnh-liệt, nếu mà non mà yếu thì không đủ sức tự-lập được ở đời nay, đến bị cuốn vào trong phong-trào nó trôi phăng quét sạch đi mất.

Nói về việc nước Đức.—Đổi với việc tài-chính quân-bách ở nước Pháp thì nước Đức giữ một cái thái-độ dẫu không phải là lãnh-đạm nhưng xem ra cũng không phải thấy người quân mà mình mừng. Nguyên tài-chính nước Đức cũng gọi là mới chỉnh-đốn được, chưa lấy gì làm chắc-chắn, cái vết thương cũ cũng hãy còn đau-dớn lắm, chưa hẳn đã hàn-khâu, cho nên vẫn còn sợ cái tình-hình bối-rối ở ngoài có lẽ ảnh-hưởng sang mình chẳng, hoặc về đường chính-trị, hoặc về đường kinh-tế. Nước Đức thì ngoài mặt ra đáng hững-hờ không thiết vào Hội Vạn-quốc, nhưng kỳ-thực cũng cố vận-động cho được vào, cho nên thấy ông POINCARÉ lại lên cầm quyền chính-phủ ở nước Pháp, lúc mới đầu cũng có ý lo sợ. Chắc rằng chính-phủ Đức có âm-mưu việc gì thuộc

về Hội Vạn-quốc, nhưng mà kín-đáo lắm, không thể biết rõ mà nh-mối. Và lại phàm cái tình-y chân-chính của một nước không khi nào biết rõ ngay được, bao giờ nó diễn thành ra sự thực hiện-nhiên, bấy giờ lý-hội lại mới hiểu được. Song cứ đoán chừng thì cũng biết rằng hiện nay nước Đức thực không muốn gây chuyện gì với nước Pháp, và có lẽ lại mong-mỏi cho tài-chính nước Pháp chóng chỉnh-đốn lại được. Tuy vậy người Pháp không phải đã hẳn tin ở cái bụng thành-thực của người Đức, vẫn ngờ rằng Đức có cái chí phục-thù, duy chưa dám lộ ra đó mà thôi. Không những người Pháp, người Anh cũng có bụng ngờ như thế, và thường phàn-nàn rằng trong việc tài-giảm binh-bị, Đức không được thành-tâm theo đúng như lời hòa-ước đã định. Như việc binh-bộ tổng-trưởng VON GESSLER nghe nói giục-dịch sắp về hưu mà tướng VON SEEKT là một tay hoạt-động trong đảng quốc-gia thì được rộng quyền giám-đốc quân-đội, việc ấy các nước Đồng-minh cũng lấy làm chú-y lắm. — Thuộc về vấn-đề bồi-thường cho các hoàng-tộc cũ thì đảng xã-hội cực-lực phẩn-đối, tưởng rằng thừa-cơ chính-phủ đương yếu thế có thể bách thủ-tướng MARX phải giải-tán nghị-viện, mở cuộc tổng-tuyên-cử mới, mong rằng nhân đó vận-động chiếm được phần hơn ở nghị-hội chẳng. Nhưng mà thủ-tướng không mắc cái mưu đó, xem ra câu chuyện không thành, bèn rút ngay cái dự-án bồi-thường về, xin hoãn kỳ sau sẽ xét và mời Nghị-viện nghị-hè. Còn các hoàng-tộc bị gia-sản tịch-biên thì một năm trước chính-phủ đã điều-định không chịu, nay lại muốn thương-thuyết lại thì chính-phủ lại không thuận nữa, vì xem ra dư-luận phẩn-đối, cho cách điều-định như trước là thiệt-hại cho nhà nước. — Nói tóm lại thì nước Đức tuy là bị chiến-tranh thua mà nhờ được Vạn-quốc đả

một cách khoan-dung, không đến nỗi phải chịu cái gánh thất-bại nặng-nề quá, coi tiền-đồ trước mắt cũng có cái vẻ phong-quang, mà lại được thêm cái khoái-lạc trông thấy kẻ chiến-thắng mình đương cũng vì chiến-tranh mà phải khốn-quần: tình-thế trái ngược thật, nhưng sự thực biền-nhiên như thế, ai có tai mắt mà lại không nhận biết. Còn cái chính-thể cộng-hòa thì xem ra ở Đức mỗi ngày một vững, không thiên về cái chủ nghĩa quân chủ bảo-thủ, cũng không thiên về cái chủ-nghĩa xã-hội cách-tân, giữ được trung-bình đứng mực, thật là tợp với hai chủ cộng-hòa vậy. Ông nguyên Thủ-tướng Wirth đã từng chứng-nghiệm như thế và tỏ ý vui mừng, chắc rằng nước Đức đã được cái chính-thể thích-hợp xứng-dáng, thời thế nước tất mỗi ngày một vững-vàng và sẽ dần dần khôi-phục được địa-vị trên thế-giới. — Xem như việc nội-chính ở Đức ngày nay yên-ôn lắm. Trong nước có kỷ-luật nghiêm, nhân-dân cũng chịu phục-tòng, tài-chính cùng tiền-tệ, thương-nghiệp với công-nghệ đã phải qua một hồi đại-khủng-hoảng, nhưng dùng cách quả-quyết mãnh-liệt, dành hẳn tâm hi-sinh những kẻ doanh-nghiệp vụng-về, dần dần đã chỉnh-đốn lại được, khiến cho ngày nay việc trong nước đã tiệm-tiệm thanh-thản, mới nghĩ tới các vấn-đề mà mấy tháng trước kia tưởng không bao giờ dám dǎ-động đến. Như việc ngoại-giao được cái may-mắn trong ba năm nay vẫn ở trong tay một người chủ-trương, cho nên cứ tuần-tự tấn-tới, không có vấp-vấp sai lầm. Chính-sách ngoại-giao nước Đức có một cái mục-dích cố theo-duổi cho kỳ được: là làm thế nào thoát cho khỏi những sự bó-buộc trong hòa-ước Versailles, để khôi-phục lấy cái địa-vị chính-trị kinh-tế ở Âu-châu và trên thế-giới. Nước Đức có cái chí như thế, tuy đối với các nước cừu-thù với Đức cũng có điều đáng lo thật, nhưng cứ

lẽ công-bằng mà xét thì về phần nước Đức tưởng cũng là chánh-dáng lắm, có gì lấy làm lạ và có gì đáng nên trách, Một cường-quốc như nước Đức đã chịu tởa-chiết nhất-thời, nhưng có bao giờ chịu lép vế mãi mãi. Thành ra ngày nay, mới có tám năm sau cuộc chiến-tranh long trời lở đất, các bạn Đồng-minh tưởng đã nuốt sống được Đức đi rồi, mà Đức bây giờ lại đương nghiêm-nhiên trở nên một cái quan-cơ trọng-yếu trong cuộc sinh-hoạt Âu-châu vậy. Các nhà chính-trị Âu-châu cũng biết như thế, cho nên hội-hội-nghị ở Locarno đã đề-xướng lên cái chủ-nghĩa đề-huê với Đức. Không đề-huê tất đến xung-đột mà xung-đột, vị-tất đã lợi cho ai, chỉ thấy hại cho cuộc hòa-bình chung mà thôi, cho nên sự đề-huê là lẽ tất-nhiên, đâu có kẻ mang cái tư-tưởng hẹp-hòi không chịu quên những nỗi thù cũ ghét xưa, nhưng cũng không thể không miễn-cưỡng mà theo vậy. — Nay nói riêng về một khoảng tháng 8 tây thời thấy nhà ngoại-giao Đức hết sức vận-động đề yêu-cầu cho rút bớt quân Đồng-minh ở hạt sông Rhin về. Nguyên theo hòa-ước thời các nước Đồng-minh được quyền đóng quân ở đây cho kỳ đến ngày nước Đức thi-hành cho đúng cái lệ giảm binh đã định. Hiện bây giờ thì ở hạt sông Rhin có tám vạn năm nghìn quân Đồng-minh đóng, trong số đó bảy vạn là quân Pháp Đức muốn xin rút số đó xuống năm vạn, đợi rồi sau này rút dần về cho hết. Ở hội-nghị Locarno, Đồng-minh cũng không có hứa gì cho Đức về việc đó; nhưng mà đã xướng lên đề-huê với Đức, thì không có lẽ cứ nghi-kị Đức mãi mà dùng võ-lực để đàn-áp hoài. Cho nên việc rút quân này thế nào Đồng-minh cũng phải thuận. — Việc sông Rhin đã đành như thế, lại còn việc sông Sarre nữa. Hạt này theo hòa-ước là do một hội-đồng quốc-tế cai-trị, và quân Pháp thì đóng giữ. Đức

nhân vận-dộng về việc sông *Rhin*, muốn vận-dộng cả việc sông *Sarre* nữa; hiện đã đầu đơn với Hội Vạn-quốc xin cho quân Pháp rút về. Chưa biết Hội Vạn-quốc xét-xử thế nào, nhưng xem đó cũng đủ biết cái chí của người Đức đương muốn hết sức tìm cách để thoát-lý cho khỏi những sự bó-buộc trong hòa-ước *Versailles* như trên kia đã nói vậy. — Lại việc thuộc-địa của Đức nữa: xem ra Đức mong mỗi rằng hễ vào được Hội Vạn-quốc thì sẽ xin lấy lại các thuộc-địa cũ, nghĩa là xin Hội Vạn-quốc ủy-quyền cho cai-trị các thuộc-địa ấy. Cứ lý, lời xin ấy không phải là không chánh-đáng. Bảo rằng Đức đã-man không xứng-đáng đi khai-hóa cho các dân khác mà cướp lấy thuộc-địa của Đức để trao cho nước khác chiếm-lĩnh, nhưng nay nếu Đức được vào Hội Vạn-quốc, đứng bằng-đẳng với Liệt-cường, thì Đức không phải là đã-man nữa, không phải là không xứng-đáng nữa, lấy lẽ gì mà cứ giữ lấy các thuộc-địa ấy không trả lại cho Đức? Việc này nếu Đức mà hết sức yêu-cầu, Hội Vạn-quốc cũng khó lòng từ chối. Dầu không trả lại các thuộc-địa, nhưng tất cũng phải ủy-quyền cho Đức cai-trị một nơi nào như các nước khác. Việc cướp thuộc-địa của Đức, thiên-hạ đều cho là thất-sách, và cho bởi cái mưu của nước Anh muốn thừa-cơ lấy thêm thuộc-địa cho mình. Nhưng lấy rồi có lẽ nay mai cũng phải trả lại cho một đời nơi, chứ khó lòng « ăn » cả được. — Nói tóm lại thì về đường ngoại-giao nước Đức gần đây xem ra hoạt-dộng lắm. Việc vào Hội Vạn-quốc, tuy ngoài mặt ra ý lãnh-đạm và tuy nước Nga gia-công ngăn-trở, nhưng Đức cũng vẫn vận-dộng ngầm cho được vào. Lại có tham dự vào hội-đồng khảo-sát về cách sửa đổi lại hội-đồng quản-trị trong Hội Vạn-quốc, đã từng tỏ ý-kiến muốn yêu-cầu như thế nào trước khi vào Hội.

Về việc giao-thiệp với nước Pháp thì nghe nói Đức sẵn lòng giúp cho Pháp về đường tài-chính, mới nghe tưởng không khỏi lấy làm lạ, nhưng thực không có gì là lạ, vì cái tình-thế hai nước nay đã đến lúc đảo ngược lại rồi, nước bị thua thì được thán-thời mà nước thắng-trận lại phải quăn-bách. Nay nếu Đức giúp cho Pháp thời giúp ra cách thế nào, và cái đại-giá của sự giúp ấy phải thế nào, điều đó hiện chưa biết rõ. Chỉ biết rằng Đức cũng đã ngỏ lời giúp nước Bỉ như thế, mà cái đại-giá ở đây thì nghe đâu muốn xin chuộc lại hai tổng *Eupen* và *Malmédy*, trước thuộc Đức mà từ khi chiến-tranh bị thu về Bỉ. Về mặt đồng thì Đức đã bắt đầu thương-thuyết với nước Ba-lan về hạt *Dantzic* cũng là đất của Đức trước mà nay sáp-nhập về Ba-lan. — Về đường kinh-tế thời các nhà chế-kim Pháp, Bỉ và Đức đã hội-nghị nhau muốn lập một cái liên-hiệp công-ty về nghề chế sắt để hạn-định cái số sản-xuất của mỗi nước cho khỏi cái hại công-nghệ-chiến-tranh về nghề sắt. Hội-nghị chưa có kết-quả và chưa thành hợp-đồng gì, nhưng việc còn hoãn đó mà thôi, chứ không phải đã đình-thập. Đối với việc này nước Anh tuy còn bận về việc thợ mỏ bãi công và không tham dự vào hội-nghị thương-thuyết, nhưng không phải là không chú-ý mà không lấy làm lo. — Pháp với Đức lại mới ký một cái hiệp-ước về thương-chính, tuy chưa phải là nhất-định, nhưng xem ra đều có lợi cho cả hai bên. — Xem mấy việc như trên đó thì đủ biết cái tư-tướng Pháp Đức đề-huê mỗi ngày một tấn-tới; đó cũng là cái tình-thế tất-nhiên vậy.

Nói về việc nước Nga. — Việc nội-chính nước Nga thời u-âm lắm, ở ngoài không tài nào biết cho rõ được, xem chừng ra thì chính-phủ Sô-viết ngày nay chẳng qua cũng là tổ-thuat

cái lối chính-trị ngoại-giao của chính-phủ Nga-hoàng trước, mà châm-chước cải-lương cho thích-hợp với thời-thế. Gần đây có tin rằng ZINOVIEV là một tay lãnh-tụ trong đảng cộng-sản đã bị thất-bại mà lui về. Không biết rõ việc đó duyên-do và ảnh-hưởng thế nào. Chỉ biết rằng về đường kinh-tế, trong đảng cộng-sản chia ra hai phái phản-đối nhau, một phái cực-đoan và một phái ôn-hòa. Đại-biêu phái cực-đoan là ZINOVIEV thì muốn giữ hoàn-toàn cái chủ-nghĩa cộng-sản, cho nhất-thiết mọi quyền kinh-tế trong nước là do nhà nước lũng-đoan hết cả. Phái ôn-hòa đại-biêu là STALINE thì muốn tùy thời châm-chước, để cho các nhà tư-bản ngoại-quốc được tự-do đem vốn vào nước Nga mà cùng người Nga hưng-công lập-nghiệp theo như lối kinh-tế thường của các nước văn-minh xưa nay. Hai phái ấy gần đây chống nhau dữ lắm; nay có tin ZINOVIEV lui về, có lẽ là phái cực-đoan thất-thế chăng? Điều đó chưa biết chắc, nhưng có việc sau này thì chắc hẳn: là hồi mới thi-hành chủ-nghĩa cộng-sản, ruộng đất quân-phân cả, dân nhà quê thành ra vô-số những tay điền-chủ nhỏ, kết-quả tất đến rằng tài-sản vụn-vật quá không mấy người đủ sức đủ vốn mà khai-khẩn cho đến nơi, thành ra trong bọn đó người nào giàu-có hơn hay khôn-khéo hơn lại thu-thập lấy ruộng đất của người nghèo, khôi-phục lại cái chế-độ đại-sản-nghiệp hồi xưa. Bấy giờ lại có người làm chủ, lại có người làm thuê, và nghề nông là nghề gốc trong nước, các tay điền-chủ lớn ở nhà quê, tiếng Nga gọi là *Koulaks*, thế-lực tự-nhiên mỗi ngày một mạnh, chính-phủ cũng phải kiêng-nể; mà bọn điền-chủ này đã có của lại có thể, tất-nhiên giữ cái chủ-nghĩa bảo-thủ và theo cái chế-độ tư bản như xưa. Sự biến-cách ấy có hẳn được lâu-bền hay chẳng qua là tạm-thời mà thôi?

Hiện nay chưa thể quyết được, nhưng mà xem như ZINOVIEV ngày nay không được tin-dụng nữa, thì cũng là cái triệu-rạng trong chủ-nghĩa cộng-sản có thay đổi hẳn. Lại cũng có lẽ rằng vì chính-phủ *Moscou* nghiệm thấy rằng cái cách ngoại-giao và truyền-bá của ZINOVIEV ở Âu-châu và Á-châu, gần đây không được đắc-lực lắm, cho nên chán mà không dùng nữa chăng? Như ở Âu-châu, việc Nga không thấy có tấ-tới gì; trong việc thợ bãi công ở nước Anh, chính-phủ Sô-viết có ngầm can-thiệp, mà chung-qui việc cũng thất-bại. Hoặc giả nói rằng sự ZINOVIEV bị thất-thế có lẽ cũng là cái mưu của Sô-viết muốn đánh lừa thiên-hạ đó mà thôi, chứ thực không có gì, thì điều đó cũng không biết đâu mà phán-đoán được. — Các nước Âu-châu thì thấy cái chính-sách của Nga đã thay đổi lấy làm mừng lắm và tuyên-bố rầm lên rằng chủ-nghĩa cộng-sản đã phá-sản rồi. Song như trên kia vừa nói thì việc còn ám-muội lắm, đã biết rõ đầu-đuôi thế nào. Nghe nói rằng mới đây có biến trong quân-đội, nhưng không rõ ai chủ-trương. Có phải là do hai lãnh-tụ bị thất-thế, là TROTSKY và ZINOVIEV cõng-động cho quân-đội làm cách-mệnh không, hay là quân lính bị kỷ-luật nghiêm quá mà một vài nơi nổi lên phản-đối chăng? Ngoài sự biến trong quân-đội đó, có cái phong-trào gì nổi lên trong bọn nông-dân hay trong đảng quốc-gia như ở đất *Ukraine* không? Hiện nay chưa biết được, chỉ biết rằng ZINOVIEV không đứng chủ-trương đảng cộng-sản nữa, trong đảng nhiều người chán cái lối kinh-tế cực-đoan cho là không thể thi-hành được; thế-lực của TROTSKY cũng mỗi ngày một sút kém, còn KAMENEV thì có lẽ cũng không được ở chính-phủ trung-ương nữa và sẽ cho đi lĩnh chức đại-sứ ở một nước nào đó. Trong khi phái ZINOVIEV có ý không được tin dụng như thế thời phái STA-

LINE lại càng lấn-tới lắm. Nhưng mà tưởng chưa nên nhân đó mà vội kết-luận rằng chủ-nghĩa cộng-sản đã phá-sản rồi. Nước Nga ngày nay, nước Nga trong năm 1926 này, có khác hồi Lý-ninh còn sống nhiều. Nhưng mà chính-sách của Nga thủy - chung vẫn chưa được nhất trí, vì phần nhiều còn thuộc về sự hành-động của các cá-nhân, chứ chưa phải đã có cơ-sở nhất-định, Cho nên xét việc cũng nên biết vậy mà thôi, đừng có nên vội phán-đoán.

Nói về việc Ba-lan. — Ở Ba - lan trong khoảng tháng bảy tháng tám vẫn còn bàn về chuyện lập hiến-pháp mới mà chưa xong. Chính-phủ chỉ muốn xin cho chức Giám - quốc được rộng quyền tài-định, nhưng nghị-viện xem chừng không thuận. Tình-thế hãy còn phân-vân lắm, xét kỹ ra thì hình như muốn khuynh-hướng về một cái chính-thế giả dân-chủ mà thực là chuyên-chế. — Nhân nói về nước Ba-lan cũng nên nói qua đến mấy nước nhỏ mới thành-lập từ khi chiến-tranh đến giờ ở lân-cận với nước Ba-lan, về phía đông-bắc Âu - châu, trên bờ hồ *Baltique*. Mấy nước ấy thường không ai chú-ý đến, nhưng thật là một bộ-phận rất phiền-phức của Âu-châu từ sau khi chiến-tranh vậy. Mấy nước đó là những nước *Lettonie, Lithuanie, Esthonie, Finlande*, tuy gọi là nước nhưng mới thành nước được mấy năm nay, trước còn thuộc Nga đế-quốc, nên chưa có cơ-sở quốc-gia gì cả, đối với những lân-bang như Nga, như Ba-lan, như Đức, thật là không có giá-trị, không có địa-vị gì cả, chỉ nhờ có hội Vạn-quốc bênh - vực cho mới đứng vững được mà thôi. Mấy nước đó đã yếu đuối như thế, lại vì chủng-tộc ngôn-ngữ khác nhau, vì những nỗi thù xưa ghét cũ, đối với nhau rất là ác-cảm, không có một cái tinh thần-thiện láng giềng hàng xóm gì cả. Tình-thế như

thế thật là một cái nguồn xung-đột chiến-tranh cho sau này. — Về phía bắc, có ba nước Thụy-điền, Đan-mạch và Na-uy, thời tuy cũng láng giềng với nhau mà chính-sách khác nhau, Thụy-điền thì về bè với Đức, Đan-mạch và Na-uy thì phản-đối Đức, hai phe chẳng ưa gì nhau cả. — Ấy tình-hình phía bắc và đông-bắc Âu-châu như thế, xưa nay không thường nói đến, vì là những nước nhỏ không có quan-hệ gì lắm, nhưng xem như gương nước Tắc năm 1914 thì biết rằng việc xảy ra ở một nước nhỏ ngoài các Liệt-cường, cũng có khi thành cái cơ làm cho điên-đảo cả cục-diện thế-giới được.

Nói về việc Cận-đông — Trong bán-đảo *Balkans*, tình-hình cũng phân-vân lắm. Bao nhiêu cái mầm họa-loạn chiến-tranh mấy năm trước là khởi lên từ đó cả, và sau này có lẽ rồi cũng ở đó mà ra. Đảng quân du-kích nước *Bulgarie* (quân này tên là *Comitadjis*) thường hàng ngày xâm-phạm sang đất *Yougoslavie*, hai nước bất-nhật rồi đến đánh nhau to. Ba nước *Roumanie, Yougoslavie* và *Grèce* (Hi-lạp) đã cùng nhau gửi quốc-thư đề kháng-nghị với nước *Bulgarie*, và yêu-cầu phải trị đảng du-kích đi. Nhưng mà đảng du-kích này là một đám dân không có kỷ-luật, không có thể-thống gì, tệ hơn bọn thổ-phỉ nước Tàu, chính-phủ *Bulgarie* tưởng cũng khó lòng mà trị cho nổi. Cái miền biên-thùy nước *Bulgarie* giáp-giới với ba nước kia là nơi loạn luôn, thật là hỗn-độn, chủng-tộc, địa-lý, tôn giáo rất là phiền-tạp rắc-rối, hướng-lai không bao giờ là thành dân-cư yên-ôn, có quan trị quan nhậm hãn-hoi. Đối với cái tình-hình đó thì nước *Yougoslavie* vẫn giữ một cái thái-độ rất bình-tĩnh; nước *Roumanie* thì theo gương nước Chiết-khắc và nước Ba-lan đã ký-ước bảo-an với nước Pháp, nhờ đó cũng có được cái thế-lực vững-

vàng hơn. Nghe dân *Yougoslavie* cũng đương muốn thương thuyết một cái ước như thể với nước Pháp. Như vậy thì cái nạn các du-dân miền biên-thùy *Bulgarie* tuy đáng lo thật, nhưng tưởng đối với hai nước *Roumanie* và *Yougoslavie* nhờ có nước Pháp giúp cũng không đến nỗi quyết-liệt to, và có xung-dột nhau cũng chỉ xung-dột về ngoại-giao-thượng mà thôi. Nhưng đối với nước Hi-lạp thì không dám chắc như thế.

Về cuối tháng tám tây, nước Hi-lạp mới xảy ra một việc chính-biến. Kể chính-biến ở Hi-lạp thì xưa nay đã từng nhiều lần. Đã sáu tháng nay quyền chính-phủ là vào tay tướng PANGALOS, công-nhiên thi-hành cái chính-sách chuyên-chế. Gần đây có kẻ mưu ám-sát ông, nhưng may ông tránh khỏi được, song kể đây, tướng CONDYLIIS ngầm xui trong quân-đội phản-đối, rồi tự mình lên chiếm quyền thủ-tướng, nói là để bảo-thủ cho cái chính-thể cộng-hòa đã bị tướng PANGALOS làm hư-hại đi mất. Tướng PANGALOS thất-thể phải chạy trốn, nhưng bị bắt được, hiện đã đem đi dày. Tướng CONDYLIIS khi ra cầm quyền chính-phủ tuyên-bố rằng đến cuối tháng chín sẽ mở cuộc tổng-tuyển-cử để bầu nghị-viện chính-thức cho hợp với chính-thể cộng-hòa, và sẽ hết sức ngăn-ngừa cho khỏi những sự ám-mur mấy tháng trước đã làm cho PANGALOS thu được cả chính-quyền vào trong tay. Tướng CONDURIOTIS trước bị PANGALOS trục-xuất cảnh-ngoại, nay đã phục-chức như cũ. Ấy việc chính-biến Hi-lạp như thế, lần này cũng chẳng khác gì bao nhiêu lần trước và sau này rồi cũng còn nhiều lần như thế nữa, hễ còn các tướng tranh quyền nhau thì trong nước còn cứ nội-loạn mãi. Trên một bọn kiệt-hiệt tranh quyền, dưới thì người dân trình-độ hãy còn kém, chưa có tư-cách về chính-trị, ấy cái tình-hình nước Hi-lạp ngày nay như thế. Tuy việc Hi-lạp cũng chẳng đủ khinh-trọng gì và

không thể khiên-dộng đến thời-cực toàn-Âu được, song cái tình-thế nội-loạn như thế không phải là không trở-ngại cho cuộc hòa-bình ở miền Cận-dông Âu - châu vậy. Tay chính-trị lỗi-lạc nhất của Hi-lạp gần đây chỉ có ông VENIZELOS, nghe đâu ông định ra ứng-cử kỳ tổng-tuyển-cử này. Nhưng mà một nhà chính-trị chỉ có cái tài khôn-khéo, cái bụng nhiệt-thành mà thôi, có đủ sức mà chống lại với bọn vô-biên-kia không ?

Trên bản-dồ Cận-dông, nước Thổ-nhĩ-kỳ cũng chiếm một địa-vị lớn. Mấy tháng trước có xảy ra việc mưu ám-sát Giám-quốc MUSTAPHA KEMAL nhưng không thành. Chính-phủ có làm án xử tử ba người chủ-trương việc ấy, là ba tay lãnh-tụ có danh-giá nhất trong đảng Tân-Thổ-nhĩ-kỳ : DJAVID BEY, NAZIM BEY và HILMI BEY. Giám-quốc MUSTAPHA KEMAL vẫn tự-xung là kế-tục cái sự-nghiệp của đảng Tân-Thổ và hội « Đồng-lâm tiến-bộ » (*Comite Union et Progres*). Nay lại bị đảng đó phản-đối mà phải ra tay trị mấy người lãnh-tụ một cách khốc-hại như thế, thời cái chính-sách của Thổ-nhĩ-kỳ ngày nay là hẳn theo về phương-diện nào ? Thực thì MUSTAPHA KEMAL cũng có cái chí muốn cải-cách cho nước Thổ-nhĩ-kỳ thành một cường-quốc mới có thể sánh vai với liệt-cường Âu-tây, nhưng nước Thổ vốn là một nước Á-châu và là một nước Á-châu phụng-sự đạo Hồi, nay muốn đoạn-tuyệt quan-hệ với Á-châu và Hồi-giáo để biến thành một nước Âu-châu, mong cũng chiếm một địa-vị trên cái bàn cờ chính-trị Âu-châu, tưởng cũng khó lắm vậy. Muốn làm một cường-quốc Âu-châu mà lại bỏ kinh-đô cũ ở *Constantinople* đặt đô mới ở *Angora* là nơi xa xôi hẻo-lánh ở giữa đất Tiểu-Á-tế-á, đó là một sự khó. Lại còn một điều khó nữa là nước Thổ muốn thoát-li cái quyền giám-đốc của Âu-châu mà đành chịu lui về Á-

châu để chống lại, nhưng đi đến đâu cũng gặp nước Anh trở-ngại, muốn thoát Âu-châu mà không sao thoát hẳn được. Ấy đó là cái hiểm-trọng cho nước Thổ-nhĩ-kỳ ngày nay. các nhà chi-sĩ nước ấy cũng lấy làm lo vầy.

Nói về việc Mặc-tây-kha (Mexico). — Việc Mặc-tây-kha cũng như việc Hi-lạp; chuyện nội-loạn và chuyện chính-biến là sự thường, nhưng gần đây có xảy ra một cái phong-trào về quốc-gia chủ-nghĩa rất kịch-liệt. Nước Mặc-tây-kha bị nhiều nước ngoài dòm-dỏ lắm, nên bao giờ cũng có ý nơm-nớp sợ, phàm việc gì ngoại-quốc can-thiệp vào là chính-phủ hết sức chống lại. Trước kia là việc dầu hỏa đã có chuyện lói-thôi với Hoa-kỳ và nước Anh; nay lại đến chuyện Gia-tô giáo-hội. Gia-tô giáo-hội ở Mặc-tây-kha có thế-lực mạnh lắm, thế-lực ấy nhiều khi không khỏi phương-hại đến chủ-quyền trong nước. Mới đây Giám-quốc CALLES muốn hạn-chế cái sức mạnh quá như thế, bèn hạ lệnh khu-trục cả các giáo-sĩ người ngoại-quốc, bắt bọn tăng-lữ phải là người Mặc-tây-kha mới được và các giáo-đường phải thu về làm của công các xã-thôn và các thành-phố. Nhân cái lệnh đó xảy ra nhiều việc xung-đột. Đặc-sứ của giáo-hoàng là CRESPI phải bỏ Mặc-tây-kha về La-mã. Việc này có quan-hệ đến tôn-giáo chắc còn sinh ra nhiều chuyện lói-thôi nữa. Chính-phủ Mặc-tây-kha hạ lệnh nghiêm-khắc như thế chắc cũng vì lẽ bất-đắc-dĩ phải làm để bảo-thủ lấy chủ-quyền trong nước. Nhưng muốn tránh khỏi ngoại-quốc can-thiệp mà chống lại mới ngoại-quốc kịch-liệt quá, vì chủ-nghĩa quốc-gia mà thành ra phong-trào bài-ngoại, thì e rằng có khi lại vì đó mà ngoại-quốc lại lấy cớ can-thiệp chẳng. Đó cũng là cái tình-thế khó xử cho nước Mặc-tây-kha vầy.

Nói về việc nước Anh. — Ở nước Anh thì về đường nội-chính vẫn còn việc thợ mỏ bãi-công chưa giải-quyết được, mà về đường ngoại-giao thì có việc bảo-thủ cho Ấn-độ đối với đảng quá-khích Nga, cũng là việc đáng lo. Sự Anh với Nga cạnh-tranh nhau ở trung-bộ Á-châu là đã hình như thuộc về lịch-sử rồi, tự mấy mươi năm nay vẫn thế, hồi chính-phủ Nga hoàng đã kịch-liệt mà nay đến chính-phủ Sô-viết lại kịch-liệt hơn. Chính-phủ Sô-viết hết sức tuyên-truyền chủ-nghĩa cộng-sản ở khắp cả các nước chung quanh Ấn-độ, và chính Nga đã giúp cho nước *Afghanistan* được độc-lập. Nước này ở giáp ngay phía bắc Ấn-độ, thật là cái cửa mở rộng cho chủ-nghĩa cộng-sản tràn vào Ấn-độ, Anh hết sức căm-phòng về mặt đó. Chủ-nghĩa cộng-sản ở ngoài tràn vào, chủ-nghĩa quốc-gia ở trong nổi lên, hai đảng tiếp-ứng cho nhau, thật cũng là một cái hiểm-trọng cho chính-phủ Anh ở Ấn-độ vầy, Nhưng mà người Nga có bao giờ vào chiếm được Ấn-độ không, và bọn cách-mệnh Ấn-độ có thể mong thu-phục được quyền độc-lập cho Ấn-độ không, hai điều ấy thiên-hạ lấy làm hoài-nghi lắm, vì ai cũng biết rằng cách chính-trị của Anh là tài; mới rồi các nhà ngoại-giao Anh được đắc-thắng về việc *Mossoul* đối với Thổ-nhĩ-kỳ như kỳ trước đã thuật, thật cũng đủ củng cố thêm cho cái thế-lực của Anh ở Á-châu, Tuy-nhiên vẫn-đề Ấn-độ vẫn là một câu chuyện lo đềm lo ngay cho Chính-phủ Anh vầy. Hiện nay còn một việc lo nữa là việc bọn thợ mỏ xung-đột với chính-phủ. Nghị-viện đã quyết-nghị các thợ mỏ mỗi ngày phải làm 8 giờ chứ không phải làm 7 giờ như trước nữa, nhưng bọn thợ mỏ nhất-định không chịu, lãnh-tự đảng ấy là Cook vẫn cực-lực phản-đối, chính-phủ cũng khăng-khăng không nhượng-bộ chút nào,

hai bên chọi nhau, chưa phân thắng-phụ. Tuy-nhiên việc này thiệt hại cho cả nước: than sản-xuất không được đều, bán ra ngoài không được chạy như trước nữa, bọn thợ rồi cũng phải hại lây, cho nên có lẽ sớm trura rồi cũng điều-dinh xong. Việc xung-đột thợ với Chính-phủ tuy công-nhiên vì một giờ làm việc hơn kém mà thôi, nhưng kỳ-thực là bởi cái chế-độ kinh-tế nước Anh không thích-hợp với thời nay nữa. Cho nên kết-quả rồi đến cái chế-độ ấy cũng phải thay đổi cả.

Việc Ý-dại-lợi và Tây-ban-nha.

— Nước Ý ngày nay cũng đương gặp cái tình-cảnh tài-chính quân-bách, cho nên Thủ-tướng MUSSOLINI có hạ-lệnh hạn-chế các sự tiêu dùng trong nước. Hoặ:-giả nói lệnh ấy tuy nghiêm-nhật thật, nhưng chẳng qua là một cách tráng-quan-chiêm đó mà thôi, chứ thực không có hiệu-quả gì mấy, và tình-hình tài-chính nước Ý đương khó-khẩn lắm.

— Nói về đường ngoại-giao thì Chính-phủ Ý trước đã ký ước bảo-an với Chính-phủ PANGALOS Hi-lạp, nay lại mới ký ước bảo-an nữa với Chính-phủ PRIMO DE REVIERA ở Tây-ban-nha, tức là ba tay thủ-tướng chuyên-chế muốn đề-huê với nhau để giữ lấy cái địa-vị trong Địa-trung-hải vậy. — Hiện nay đương có vấn-đề cửa *Tanger* ở Ma-lặc-kha (*Maroc*) cũng là một việc khó xử cho các nước có quyền-lợi trong Địa-trung-hải. Nguyên cửa bễ *Tanger*, hồi hội-nghị *Algésiras* năm 1906 đã đặt thành một cửa bễ quốc-tế, theo chế-độ Vạn-quốc. Hồi bấy giờ nước Tây-ban-nha đã cố yêu-cầu cho được kiêm-tính vào phạm-vi thế-lực của mình, mà nước Anh thời cực-lực phản-đối. Nay việc loạn ở Ma-lặc-kha, nhờ quân Pháp và quân Tây hiệp-lực, đã giúp được tiêm-tiệm yên rồi, nước Tây-ban-nha chiếm lĩnh phần bắc-bộ Ma-lặc-kha, nói rằng nếu không được sáp-nhập

cửa *Tanger* thời không thể nào giữ được trị-an trong miền đó, vì những kẻ bất-lương thường tụ-hợp ở cửa bễ ấy, lại thêm tàu bè các nước thường đem binh-khí lại bán lậu đầy nhiều lắm; vậy Tây-ban-nha xin họp hội-nghị mới, sát-hạch lại hiệp-ước *Algésiras* và xin lĩnh hạt *Tanger* để tự cai-trị lấy. Năm 1906 nước Anh đã phản-đối việc đó, năm 1926 vẫn giữ một thái-độ đó, sở-dĩ thế là vì Anh gần đây cũng có cửa *Gibraltar* để giữ đường Đại-Tây-dương vào Địa-trung-hải cũng như vận hà *Suez* ở Địa-trung-hải vào Ấn-độ-dương, tức là giữa đường giao-thông với Ấn-độ, cho nên trước sau không muốn cho nước nào có một nơi phụ-đầu nào ở vào giữa con đường ấy cả. Nói rút lại thời nước Anh chỉ vì sự tiện-lợi riêng cho mình mà không chịu nhận lời yêu-cầu chánh-dáng của Tây-ban-nha. Nay đối với việc này, thái-độ nước Pháp và nước Ý là hai nước có quyền-lợi ở Địa-trung-hải thế nào? Pháp đã hiệp-lực với Tây-ban-nha trong việc chiến-tranh Ma-lặc-kha, cứ lý thời phải đồng-y với Tây-ban-nha. Ý thời đã ký-ước với Tây-ban-nha tất cũng phải bênh chọ Tây-ban-nha. Nhưng cứ thực không biết còn có lẽ ngầm gì khiến cho hai nước này về bễ với nước Anh chưa chắc. Vả Anh với Tây-ban-nha, bên nào mạnh, bên nào yếu, tình-thế đã rõ-ràng, và thói đời hay a-dua với kẻ mạnh, ấy cũng là sự thường vậy. — Hiện còn đợi cho Hội Vạn-quốc họp rồi mới xét về việc này.

Việc nội-chiến ở nước Tàu. —
Tình - thế chiến - tranh trong miền Trường-giang. — Hiện nay Nam Bắc đang đánh nhau dữ-dội, chết hại rất nhiều, mà chưa biết bao giờ phân thắng-phụ!

Tin-tức mỗi nơi nói một khác, cho nên cũng không thực rõ cái chân-tình ra thế nào.

Trong khi khắp mọi nơi đang nao-dộng về chiến-tranh, thì các sứ-thần Trung-hoa ở ngoại-quốc có điện về khuyên nhủ bọn quân-nhân nên bãi chiến-tranh, đặt cuộc giảng-hòa, để triệu-tập một cuộc hội-nghị quốc-dân và tuyên-cử một vị đại-tổng-thống.

Chẳng chắc bọn quân-nhân có nghe hay không, nhưng có một điều chắc là hiện nay khắp các hạt Trung-hoa đều bị lao-dộng về việc chiến-tranh, mà nơi trung-tâm chiến-sự là miền trung-lưu Dương-tử-giang. Từ bắc chí nam, từ đông chí tây, đâu đó đều bị khiên-dộng cả.

Ngô Bội-Phu đề binh chớng lại miền nam thì quân Hồ-bắc và Hồ-nam cũng đem quân đánh nhau với quân Quảng-đông và Quảng-tây.

Ngô bị thất-bại ở Hán - khẩu thì Tôn Truyền-Phương lại đem năm tỉnh Tây Nam là An-huy, Chiết-giang, Giang-tô, Giang-tây, và Phúc-kiến mà trực-tiếp can-thiệp vào chiến-sự.

Đặng Phụng-thiên cũng lấy quân lính ở Phụng-thiên, Cát-lâm và Hắc-long-giang cùng hai tỉnh Sơn - đông, và Trực-lệ mà giúp cho Ngô Bội-Phu.

Quan tỉnh-trưởng Từ - xuyên cũng đem quân ở các đèo về thượng-lưu Dương-tử-giang xuống, mà can - dự vào chiến-sự.

Ngoại-giá Đường Kế - Nghiêu và Trương Tác-Lâm, cùng Ngô Bội-Phu lại điều - đình với nhau, để Đường Kế-Nghiêu đem quân đánh Quảng-tây là tỉnh liên-minh với Quảng-đông.

Sau cùng còn có quốc - dân - quân bị thất-bại ở Nam-khẩu, nhưng chưa bị tan vỡ hẳn, lại đương chỉnh-dốn lại và tìm đường tiến về Thiêm-tây và Cam-túc, khiến cho các đốc-quân Sơn-tây và Hà-nam lại phải phòng mặt ấy.

Xem cái tình-thế như vậy, thì rõ vì Quảng-châu đề quân Bắc-phạt xuống lên việc *Đả đảo quân-phiệt, bài trừ đế-quốc-chủ-nghĩa*, mà làm cho khắp cả nước Trung-hoa bị dao-dộng về nạn chiến-tranh.

Trong các trận đánh nhau ở các nơi, nên chú-ý nhất là các trận của Tôn Truyền-Phương. Tôn vừa mới khởi chiến-sự, thì Nam-quân tràn sang Giang-tây, và chiếm được ngay một phần lớn. Thực may cho Tôn đã cử năm đạo binh tiến lên từ trước. Nam-quân muốn cướp lấy Nam-xương, nhưng Tôn đánh lại một trận dữ-dội, mà giữ vững được đất ấy, Tôn lại đem quân lên miền trên Dương-tử-giang, đánh nhau với Nam-quân thắng luôn mấy trận, rồi tiến lên đến Hàng-châu; trên Hán-khẩu 40 dặm Tôn hiệp-lực với Ngô-Bội-Phu ở Trịnh-châu là một thành ở Hà-nam trên đường Kinh-Hán để cướp lại miền Vũ-hán.

Nhưng khi Tôn Truyền-Phương định chen đường của Nam-quân từ Hán-khẩu đến Ngô-châu, thì Trương Giới-Thạch cũng muốn chen đường của Tôn từ Cửu-giang đến Nam-xương. Hai bên cố đánh nhau nhiều trận.

Vì Ngô Bội-Phu chậm - chậm, cho nên các trận ở miền Vũ-hán không được thắng-lợi.

Ngô thấy mấy viên tỳ-trưởng làm phản, nên Ngô phải đóng寨 ở Trịnh-châu rồi sau phải lui. Sau này có Tào-Côn điều-đình giùm, nên Ngô mới yên lòng được tướng-tá, và cử đến Hán-khẩu được ba đạo quân, mỗi đạo là 30.000 người.

Nhưng vì Ngô đến chậm quá, thì Ngô khởi-chiến lại có phần tổn thiệt cho Tôn Truyền-Phương, mà xem chừng như trận ấy không lợi cả cho Ngô nữa. Trương Giới-Thạch tự cầm

quân Giang-tây cũng không chẹn được đường của Bắc-quân từ Cửu-giang đến Nam-xương. Lúc đầu Tưởng đánh được đất Toan, ở giữa khoảng ấy. Nhưng Tôn tiếp được viện-quân, lại vây được địch-quân, sau địch-quân bị thất-bại và tước khí-giới.

Trong khi Tôn Truyền-Phương, và Tưởng Giới-Thạch giao-chiến với nhau, lại nhiều tướng khác nhẩy ra chiến-trường.

Đảng Phụng-thiên có hứa trợ-lực cho Ngô Bội-Phu, bấy giờ mới vận tiền bạc và đạn-dược đến cho Ngô, nhưng không có đem viện-binh đến, vì ý Ngô không muốn cho đảng Phụng giúp quân lính, sợ sau đắc-thắng lại phải chia phần chằng.

Tuy vậy, đảng Phụng-thiên giúp tiền bạc và khí-giới thì Ngô nhượng cho quân đảng ấy giữ Bảo-định, và Đại-danh, trong tỉnh Trực-lệ quân Ngô rút ở các nơi về, thì kéo đến cả mặt trận. Quân Ngô tiến không được nhanh, không phải vì địch-quân mạnh, nhưng vì việc vận-tải khó-khăn quá.

Về mặt tây-bắc, thì Phùng Ngọc-Tường đã theo về quốc-dân-đảng, và có chân trong hội-đồng trung-wong chấp-hành ở Quảng-châu, lại đứng đầu các đạo-quân gọi là cách-mệnh-quân ở Tây-bắc.

Có tin rằng Phùng tiến về đường Thiêm-tây, nhưng Phùng hiện nay không có đạn-dược.

Ở Tứ-xuyên thì tỉnh-trưởng là Đường Sâm là ti-tướng của Ngô Bội-Phu, cũng từ miền thượng-lưu Dương-tử lần xuống tràn vào Hồ-nam.

Về mặt Phúc-kiến, đốc-quân Chu-Ấu được Trần Quýnh-Minh cấp cho 100,000\$, để chi vào việc chiến-tranh. Trần vốn ghét chánh-phủ Quảng-

châu, và hiện cũng đang tìm cách quấy rối ở Quảng-dông.

Đường Kế-Nghiêu đã cho quân tiến đến Quảng-tây, chánh-phủ Quảng-châu đã cử tướng đem quân đến nghênh-chiến.

Nhưng chính Đường lại phải lo về việc một viên tướng hô-hào tướng-tá khởi nghịch. Trong một cuộc hội-nghị của quân-nhân, đã tôn một viên tướng làm tỉnh-trưởng, nếu hai tướng ấy nhận chức, thì thế của Đường nguy lắm. — (Trung-Bản-tân-văn)

Việc nước Pháp. — Nội-các POINCARÉ xem ra thế-lực cũng vững lắm, ở Nghị-viện tuy có đảng cộng-sản vẫn hết sức phản-đối, nhưng các thuế mới của Nội-các bàn đặt ra, nghị-viện cũng duyệt-ý hết cả. Ngày mồng 10 tháng tám lập quốc-hội ở Versailles để đặt ra một cái quỹ độc-lập để trang-trải các khoản công-thải đã đến kỳ; theo hiến-pháp thì đặt ra một cái quỹ như thế phải có quốc-hội, nghĩa là hai nghị-viên họp lại một kỳ đặc-biệt mới bàn-định được, quốc-hội họp xong thì hai viện giải; tán đề nghị hê, đến cuối tháng 10 sẽ lại họp. Thế là Nội-các được hai tháng yên-ôn, không phải lo về việc đối-phó với nghị-viện, được rộng thi-giờ trù-tính các sự cải-cách để chỉnh-đốn cho tài-chính trong nước. Nội-các có định giảm bỏ đi mấy trăm chức huyện-trưởng để bớt các khoản kinh-phí về hành-chính; lại đương điều-tra để định-tính giảm nhiều khoản khác nữa. Nhưng những việc cải-cách đó phải đợi cho nghị-viện duyệt-ý mới có thể thi-hành được. Song cứ xem một điều như sau này thì đủ biết Nội-các POINCARÉ thiên-hạ tín-dụng và có lẽ vững bền được: là trước khi Nội-các lên cầm quyền thì giá đồng phát-lang sút xuống quá, một đồng bạc ta đến 24,25 quan, mà nay thì đã lên

dần, một đồng bạc có 14 hay 15 quan mà thôi. Nhưng muốn đoán cho chắc được rằng Nội-các có thật được bền hay không thì phải đợi xem nghị-viện sau kỳ nghị về cái thái-dộ đối với Nội-

các thế nào. — Còn việc nợ nước Mĩ hiện vẫn chưa giải-quyết xong. Nội-các trước đã có ký ước điều-đinh với Mĩ, nhưng ước này nghe chừng nghị-viện không muốn duyệt-y.

Việc trong nước

Tình - hình chính - trị. Quan Toàn-quyền VARENNE đã về tới Pháp; quan quyền Toàn-quyền PASQUIER đã ra nhận-chức tại Hà-nội. Quan Thống-đốc Nam-kỳ COGNACQ và quan Khâm-sứ Cao-miên BAUDOIN thì mới có nghị về hưu. Ông BAUDOIN về hưu là tuổi đã già, năm nay ông 67 tuổi; kể niên-hạn thời tới đã lâu rồi, nhưng phạm chức thủ-hiến không tính niên-hạn, vả nghe đâu ông cũng có thần-thế to ở bên Tây, nên mới được ở lâu như thế. Còn ông COGNACQ thời tuổi mới có 55, chuyện này phải về hưu là bởi cái chính-sách của ông không đặc-dụng nữa, chứ thực không phải vì niên-hạn đã tới đâu; vì mấy năm ông làm thủ-hiến xứ Nam-kỳ, làm nhiều điều tệ-lạm, thất nhân-tâm lắm; bởi tính ông cương-cứng độc-đoán, nên nhiều người sợ, nhưng thực ít kẻ mến-phục. Có người nói chính ông gây ra trong Lục-tỉnh một cái không-khi hiềm-nghĩ cùng những tệ-tập những-lạm, khiến cho phạm người có lương-tâm, ái cũng lấy làm chán. Mấy tháng trước khi ông về Tây, ông lại vì lẽ tư-hiềm dùng-cách âm-mưu vận-động để phản-đối quan trên là quan Toàn-quyền VARENNE. Bởi thế nên ông VARENNE quyết chí không dung, mới về đến Pháp liền làm cho ông COGNACQ phải về hưu. — Ngay trong điện báo ông COGNACQ và ông BAUDOIN về hưu có nói rằng ông LE FOL hiện quyền Thống-đốc Nam-kỳ sẽ bỏ về Khâm-sứ Cao-miên, và ông BLANCHARD DE LA BROUSSE, nguyên Học-chính tổng-trưởng, hiện làm chức chánh cai-trị hạt Quảng-châu-loan, thời bỏ làm Thống-

đốc Nam-kỳ; còn chức chánh cai-trị hạt Quảng-châu-loan thời sẽ giao cho ông RIVET, năm trước đã quyền Thống-sứ Bắc-kỳ, hiện làm quan cai-trị ở Thuộc-địa Thái-bình-dương.

Đó là việc các đại-hiến thuyên-chuyên, đại-khái cũng quan-hệ như việc các « cụ lớn » ta ở tỉnh về Kinh, ở Kinh về hưu, v. v. chúng ta cũng phải biết cho ra bộ người thuộc việc chính-trị, chứ thực thời đối với chúng ta không có cái ý-nghĩa và cái hứng thú-đặc biệt gì.

Về phương-diện quốc-dân thời ở Nam-kỳ có việc Hội-đồng Quản-hạt. Kỳ trước đã nói kết-quả việc bầu-cử thế nào: Về phần An-Nam thời phái ông Bùi Quang-Chiêu được toàn-thắng, về phần Tây thời phái ông DE LACHEVROTIÈRE cũng toàn-thắng, ra Hội-đồng hai bên công-nhiên đối-trĩ với nhau. Kỳ hội-đồng thứ nhất bầu tòa trị-sự, ông DE LACHEVROTIÈRE lại được bầu làm nghị-trưởng, vì phần Tây ngoài 10 người nghị-viên chính-thức lại còn 4 người đại-biểu Tây của Hội Thương-mại và Hội Canh-nông nữa, thành ra 14 người Tây đối với 10 người ta, phần ta bao giờ cũng thua. Khi tuyên-bố ông DE LACHEVROTIÈRE được bầu làm nghị-trưởng thời 10 ông nghị-viên ta đều đứng dậy đi ra để tỏ ý bất-bình. Ông DE LACHEVROTIÈRE sau khi được bầu thời liền xin từ chức, nói rằng ông sắp phải về Tây, không muốn nhận chức nghị-trưởng nữa. Bầu lại thì ông nghị-viên Tây HÉRAUD, chủ Công-ti dầu hỏa được bầu làm nghị-trưởng. Theo lệ thì

chức phó-nghị-trưởng có hai người : một người Tây và một người An-Nam. Khi bỏ về thời bên Tây là ông ALINOT, bên ta thời không phải ông Chiêu, không phải ông Long, cũng không phải mấy tay có danh tiếng xưa nay được bầu, lại là ông Ngô Văn-Huân, mà được bầu là nhờ về người Tây bầu cho. Sau ông Huân xin từ chức, hai bên Tây-Nam điều-định với nhau, thì ông Bùi Quang-Chiêu lại được bầu làm Phó-nghị-trưởng. — Trong hội-đồng mà hai phe Tây-Nam có ý nghịch nhau như thế, tương cũng khó lòng làm được chuyện gì, mà phe Tây bao giờ họ vẫn được phần hơn.

Ở Trung-kỳ thì chỉ thấy bàn chuyện lập báo-quán và lập chính-đảng. Việc chính-đảng, chính bản-chỉ chủ-bút khởi-xướng lên hồi đầu năm nay, các bạn đọc-báo chắc còn nhớ; vì tình-thế Bắc-kỳ chưa tiện làm, nên phải tạm đình, cũng lấy làm tiếc. Nay các ngài trong Trung lại đề-khởi tới việc đó, có lẽ Trung-kỳ nhiều tay chí-sĩ có tài, có thể mau thành được chắng, bản-chỉ lấy làm mong-mỏi lắm.

Giới-thiệu sách mới. — 1. — *Pour nos jeunes écoliers*, Lecture courante et expliquée. Récitation, grammaire, vocabulaire, orthographe, connaissances usuelles, morale pratique. Cours Élémentaire et cours Moyen 1^{re} Année des Franco - Annamites. Của ông giáo

NGUYỄN ĐỨC-BẢO soạn ra; sách dày 195 trang, nội-dung 97 bài, in tại nhà in Nghiêm-Hàm, số 58 Hàng Bông Hà-nội, giá 0 \$ 50.

2. — *Nho-phong*, tiểu-thuyết lối mới, của ông NGUYỄN TƯỜNG-TAM soạn ra sách dày 122 trang, bán tại hiệu Ngọc-xuyên, 99 phố Hàng bông Hà - nội, giá 0 \$ 40.

3. — *Annamites au travail! conférence aux Annamites et commentaires par PAUL MONET*, Fondateur du Foyer des Etudiants Annamites de Hanoi. Auteur de *Français et Annamites*. Avec réponse de M. Dương Văn-Lợi. Sách dày 211 trang, in tại nhà in Imprimerie du Centre, Sài-gòn, giá 0 \$ 80.

4. — *Thức tỉnh đồng-bào và Dân-dạo dân quyền*. Hai quyển này của « Minh-đức thư-xã » TÂN-NAM-TỬ soạn ra, in tại nhà in Xưa nay, 62-64, Boulevard Bonnard, Sài-gòn, sách phát cho không.

5. — *Sóng hồ ba-bể*, của ông Thuấn-phong, PHẠM BÙI-CẨM soạn ra, in tại nhà in Nghiêm Hàm, sách dày 180 trang, giá 0 \$ 25.

6. — *Gương thiếu-niên*, Đông-Tây nghĩa-hiệp, ái-quốc tiểu-thuyết, của ông DẬT-CÔNG và MỘNG-TIÊN biên-dịch và phê-bình, in tại Imprimerie Vinh & Thành Hà-nội, sách dày 44 trang, giá 0 \$ 10.

